

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ THẠNH

**ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ THẠNH

**ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Mã số: 9229015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS, TS. Hoàng Phúc Lâm

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:



1. GS, TS. Mạch Quang Thắng



2. TS. Nguyễn Thị Hoa Phượng

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của nghiên cứu sinh và không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố. Các tài liệu, số liệu, trích dẫn trong luận án là trung thực, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Thạnh', is written over a horizontal line.

Trần Thị Thạnh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	9
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	9
1.2. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố và những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu	39
Chương 2: CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015	44
2.1. Những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng nông thôn mới.....	44
2.2. Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2015	64
Chương 3: ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC LÃNH ĐẠO PHÁT HUY MỌI NGUỒN LỰC, ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020	103
3.1. Những yếu tố mới tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Phước về đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới từ năm 2015 đến năm 2020	103
3.2. Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới từ năm 2015 đến năm 2020	113
Chương 4: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM	150
4.1. Một số nhận xét quá trình lãnh đạo xây dựng nông thôn mới của Đảng bộ tỉnh Bình Phước từ năm 2010 đến năm 2020	150
4.2. Một số kinh nghiệm.....	173
KẾT LUẬN	198
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	201
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	202
PHỤ LỤC	229

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CNH	Công nghiệp hóa
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
HĐH	Hiện đại hóa
HTX	Hợp tác xã
MTQG	Mục tiêu quốc gia
NTM	Nông thôn mới
Nxb	Nhà xuất bản
UBND	Ủy ban nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Xây dựng thành công CNXH là mục tiêu chiến lược của Đảng và Nhân dân ta. Trong đó, xây dựng NTM đóng vai trò rất quan trọng, nhất là đối với một nước nông nghiệp như Việt Nam, với 84,5% diện tích đất trong cả nước là đất nông nghiệp [150, tr.41], 63,2% dân số sống ở nông thôn [150, tr.91], 58,5% lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại nông thôn [150, tr.147]. Nhận thức rõ vị trí chiến lược của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, Đảng ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW (2008) “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”, khẳng định nông nghiệp, nông dân, nông thôn chính là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Cụ thể hóa Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quan trọng để thực hiện xây dựng NTM, đặc biệt là Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ “*về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*”. Chương trình này đã tạo nên một cuộc cách mạng toàn diện, mang lại những thay đổi căn bản cho khu vực nông thôn trên cả nước. Tuy nhiên, do đặc điểm đa dạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội giữa các vùng miền, quá trình triển khai xây dựng NTM cũng mang đến những thuận lợi và khó khăn riêng cho mỗi địa phương. Vì vậy, việc tổng kết, đánh giá quá trình xây dựng NTM nhằm đúc rút kinh nghiệm là điều cần thiết để xây dựng NTM phù hợp với yêu cầu thực tế và đạt kết quả mang tính bền vững.

Bình Phước là một tỉnh miền núi, biên giới thuộc vùng Đông Nam Bộ. Tỉnh có vị trí cửa ngõ quan trọng, là cầu nối của vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên và Campuchia. Đây là vùng đất có truyền thống cách mạng anh dũng, kiên cường. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), Bình

Phước là căn cứ địa của miền Nam và là điểm cuối của tuyến đường Trường Sơn lịch sử. Đồng bào các dân tộc nơi đây đã anh dũng chịu đựng muôn vàn hi sinh, mất mát để cùng cả nước làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Tuy nhiên, bước ra khỏi chiến tranh, di chứng để lại hết sức nặng nề, khiến Bình Phước tiến hành công cuộc đổi mới với xuất phát điểm kinh tế - xã hội rất thấp. Cơ sở hạ tầng hạn chế, đông đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống Nhân dân tại các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ địa gặp rất nhiều khó khăn. Điều đó đặt ra trách nhiệm lịch sử đối với các thế hệ lãnh đạo của địa phương. Việc lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM không đơn thuần là một chương trình kinh tế - xã hội, mà là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, là đạo lý “đền ơn đáp nghĩa”. Xây dựng NTM chính là phương thức căn bản để khơi thông nguồn lực, không ngừng nâng cao mức sống, thu nhập cho nhân dân.

Giai đoạn 2010 - 2020 ghi dấu ấn đậm nét về những nỗ lực vượt khó của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Bình Phước trong việc triển khai Chương trình xây dựng NTM. Trong giai đoạn này, với sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh, kết quả xây dựng NTM đã đạt nhiều thành tựu quan trọng: 60/90 xã đạt chuẩn NTM (66,67%), vượt mục tiêu nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ X đề ra (50%) và cao hơn bình quân chung của cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Chương trình xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước vẫn còn những hạn chế, như tiến độ chậm, hiệu quả lãnh đạo chưa cao, việc huy động nguồn lực và phối hợp giữa các cấp, ngành còn thiếu đồng bộ, chất lượng các tiêu chí NTM chưa bền vững,...

Trong những năm gần đây, đã có nhiều công trình nghiên cứu về vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng NTM, chủ yếu tập trung vào việc phân tích các chủ trương, chính sách ở cấp Trung ương hoặc nghiên cứu thực tiễn tại một số tỉnh, thành trọng điểm ở khu vực đồng bằng, như Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long. Cho đến nay, chưa có công trình nào

nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Phước trong lãnh đạo xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020.

Việc lựa chọn nghiên cứu về đề tài này góp phần bổ sung, hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng NTM ở cấp tỉnh, đồng thời làm rõ sự lãnh đạo, chỉ đạo, kinh nghiệm của Đảng bộ tỉnh Bình Phước - một địa phương miền núi, biên giới, có đông đồng bào dân tộc thiểu số, còn nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm phong phú thêm hệ thống tri thức lịch sử Đảng ở cấp địa phương, cung cấp các luận cứ khoa học góp phần khẳng định sự vận dụng sáng tạo, hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng trong điều kiện cụ thể của tỉnh Bình Phước.

Về mặt thực tiễn, đề tài góp phần đúc rút những kinh nghiệm từ thành công và hạn chế trong lãnh đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước từ năm 2010 đến năm 2020. Thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, từ ngày 01/7/2025, tỉnh Bình Phước sáp nhập với tỉnh Đồng Nai để thành lập tỉnh Đồng Nai mới. Những kinh nghiệm được rút ra có ý nghĩa làm cơ sở tham khảo, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng NTM, không chỉ đối với tỉnh Đồng Nai (sau sáp nhập) mà còn đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, như các tỉnh miền núi, biên giới và khu vực Tây Nguyên. Kết quả nghiên cứu còn cung cấp luận cứ thực tiễn quan trọng giúp Đảng bộ tỉnh Đồng Nai sau khi sáp nhập đánh giá toàn diện về đặc thù địa bàn Bình Phước cũ, từ đó kế thừa và phát huy những giá trị đã có để tiếp tục lãnh đạo thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM trên phạm vi toàn tỉnh trong giai đoạn mới.

Với ý nghĩa đó, nghiên cứu sinh chọn đề tài **“Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2020”** làm luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ quá trình lãnh đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước từ năm 2010 đến năm 2020; từ đó, đúc kết những kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (sau khi sáp nhập từ ngày 01/7/2025) trong việc tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả chương trình xây dựng NTM trên địa bàn trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, nghiên cứu sinh thực hiện những nhiệm vụ như sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.
- Phân tích những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020.
- Phân tích chủ trương, sự chỉ đạo, kết quả đạt được trong xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước từ năm 2010 đến năm 2020.
- Nhận xét về những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân; đúc rút một số kinh nghiệm qua quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Phước về xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- **Về nội dung:** Luận án nghiên cứu chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bình Phước về xây dựng NTM; quá trình chỉ đạo xây dựng NTM trên 5 vấn đề cơ bản: Quy hoạch, tuyên truyền, tổ chức các phong trào thi đua, huy động nguồn lực xây dựng NTM; hạ tầng kinh tế - xã hội; kinh tế và tổ chức sản xuất; văn hóa - xã hội - môi trường; hệ thống chính trị.

- **Về thời gian:** Từ năm 2010 đến năm 2020 (năm 2010 là thời điểm Chính phủ ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTG, ngày 04/6/2010 “*về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*”, thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”. Đồng thời, giai đoạn này bao gồm hai nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước (2010-2015 và 2015-2020), phản ánh tính liên tục trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Việc lựa chọn mốc thời gian này nhằm bảo đảm tính hệ thống, phù hợp với mục đích nghiên cứu của luận án).

- **Về không gian:** Trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận, thực tiễn của luận án

4.1.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

4.1.2. Cơ sở thực tiễn

Luận án dựa trên thực tiễn xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2010 đến năm 2020. Tuy nhiên, để bảo đảm tính lịch sử và logic của luận án khi đánh giá sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Phước trong xây dựng NTM, nghiên cứu sinh sử dụng thêm các tài liệu, số liệu, thông tin trước năm 2010 và sau năm 2020.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận án, tác giả sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp khoa học, trong đó, hai phương pháp chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Ngoài ra, các phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, thống kê, quan sát và khảo sát thực tế... được sử dụng nhằm làm rõ đối tượng nghiên cứu của luận án.

Trong Chương 1: Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích nhằm hệ thống hóa và khái quát tài liệu để nghiên cứu tổng quan

tình hình các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến đề tài. Các phương pháp này giúp tác giả lựa chọn, xử lý, phân loại, đánh giá nội dung, phạm vi, phương pháp tiếp cận và kết quả của các công trình đã công bố, từ đó chỉ ra những vấn đề đã được nghiên cứu, những “khoảng trống” cần tiếp tục làm rõ, xác định đóng góp mới của luận án.

Trong Chương 2, Chương 3 và Chương 4:

Tác giả sử dụng phương pháp lịch sử để phục dựng và trình bày, làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM; tổng hợp kết quả đạt được trong xây dựng NTM ở tỉnh Bình Phước từ năm 2010 đến năm 2020.

Phương pháp logic được sử dụng để đánh giá thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế, rút ra một số kinh nghiệm trong quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020.

Trong quá trình thực hiện luận án, tác giả sử dụng kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic nhằm tái hiện một cách khách quan, toàn diện quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM; đồng thời phân tích, đánh giá mối quan hệ nhân - quả giữa các sự kiện; giữa đường lối, chính sách với kết quả đạt được. Qua đó, luận án rút ra một số kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn trong công tác lãnh đạo xây dựng NTM ở tỉnh Bình Phước từ năm 2010 đến năm 2020.

Phương pháp phân tích được sử dụng nhằm làm rõ nội dung, mục tiêu, phương thức và kết quả lãnh đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước.

Phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu giữa hai giai đoạn 2010-2015 và 2015-2020 nhằm chỉ ra sự kế thừa, đổi mới trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Phước về xây dựng NTM, cũng như so sánh kết quả đạt được trong từng giai đoạn. Đồng thời, phương pháp này còn được vận

dụng khi so sánh kết quả xây dựng NTM của Bình Phước với một số địa phương khác và so với mặt bằng chung của cả nước, qua đó khẳng định những nét đặc thù, ưu điểm cũng như hạn chế cần khắc phục của Đảng bộ Tỉnh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện xây dựng NTM.

Phương pháp tổng hợp được sử dụng để hệ thống hóa, khái quát các kết quả nghiên cứu từ việc phân tích, so sánh các tài liệu và số liệu. Phương pháp này giúp luận án rút ra các nhận định, đánh giá và rút ra một số kinh nghiệm của Đảng bộ tỉnh Bình Phước trong lãnh đạo xây dựng NTM.

Phương pháp thống kê được sử dụng để thu thập, xử lý, phân tích các số liệu liên quan đến kết quả xây dựng NTM. Phương pháp này giúp tác giả có cơ sở định lượng để đánh giá khách quan, thuyết phục hơn về hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Tỉnh về xây dựng NTM trong giai đoạn 2010-2020.

Phương pháp quan sát và khảo sát thực tế được tác giả sử dụng để quan sát, ghi nhận thực tế tại một số xã (xã Bù Nho, huyện Phú Riềng - đã đạt chuẩn NTM (thời điểm năm 2020) và xã Long Tân, huyện Phú Riềng - đang trong quá trình phấn đấu đạt chuẩn NTM (thời điểm năm 2020)). Việc trực tiếp đi cơ sở, quan sát hạ tầng nông thôn, đời sống người dân, kết hợp trao đổi, trò chuyện, đặt câu hỏi với cán bộ phụ trách công tác xây dựng NTM và một số người dân địa phương giúp tác giả có cái nhìn cụ thể, sinh động hơn về tác động của chương trình NTM. Phương pháp này được sử dụng không theo hình thức điều tra bằng phiếu mà thông qua tiếp xúc, trao đổi, nhằm bổ sung thông tin thực tiễn, kiểm chứng kết quả nghiên cứu và tăng tính thuyết phục cho các nhận định, đánh giá trong luận án.

5. Những đóng góp mới của luận án

- Hệ thống hóa, làm rõ chủ trương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Phước về xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020;

- Đánh giá các thành tựu, hạn chế; phân tích một số nguyên nhân khách quan, chủ quan của những ưu điểm, hạn chế trong xây dựng NTM ở tỉnh Bình Phước từ năm 2010 đến năm 2020. Đồng thời, đúc rút kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM trong giai đoạn 2010-2020.

- Cung cấp hệ thống tư liệu phong phú, cập nhật, tin cậy về quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần tổng kết quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng NTM (qua thực tiễn địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010-2020).

Đóng góp thêm luận cứ khoa học cho việc bổ sung, hoàn thiện chủ trương, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (sau sáp nhập từ ngày 01/7/2025) trong thời gian tiếp theo.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, nhất là nội dung liên quan đến chủ đề xây dựng NTM; góp phần vào công tác tuyên truyền về xây dựng NTM ở địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện nay, cũng như trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng trên phạm vi cả nước.

7. Kết cấu của luận án

Kết cấu của luận án gồm: Mở đầu, 4 chương (trong đó có 8 tiết), kết luận, danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới ở một số nước trên thế giới

Nhóm này bao gồm các công trình nghiên cứu của tác giả trong và ngoài nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM ở một số nước trên thế giới.

Liên quan đến kinh nghiệm đầu tư xây dựng NTM ở một số nước trên thế giới, tác giả Nguyễn Trọng Thân (2012) có bài viết: *Kinh nghiệm về đầu tư xây dựng nông thôn mới ở một số nước trên thế giới* [113]. Tác giả đã giới thiệu sự thành công trong đầu tư phát triển nông nghiệp của một số nước, như: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan. Bài viết đúc kết các bài học thành công của các nước và rút ra bài học cho Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, đó là tăng cường sự trợ giúp hiệu quả của Nhà nước; phát huy tính chủ động, trách nhiệm của người dân; tăng cường đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tác giả Lê Phương Minh (2014) trong bài viết *Chính sách huy động nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới của một số nước trên thế giới* [96] khái quát các biện pháp huy động nguồn lực xây dựng NTM của các nước, như: Ấn Độ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Mỹ. Tác giả nhận định, việc huy động nguồn lực tài chính luôn được các quốc gia này đặc biệt chú trọng và gắn liền chặt chẽ với mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững. Mặc dù các quốc gia áp dụng nhiều phương thức huy động nguồn lực khác nhau, nhưng đều hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo tính bền vững của quá trình xây dựng NTM.

Tiếp cận trên khía cạnh kinh nghiệm xây dựng NTM từ các nước và các vùng trên thế giới, tác giả Đặng Văn Cường (2015) có bài viết: *Xây dựng nông thôn mới kinh nghiệm từ quốc tế* [37]. Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã tổng hợp và phân tích kinh nghiệm xây dựng NTM của một số quốc gia. Tác giả chỉ ra rằng Hàn Quốc đã đạt được những thành tựu đáng kể trong xây dựng NTM thông qua phong trào Seamaul Undong, tập trung vào việc huy động sức dân và phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn. Nhật Bản nổi tiếng với mô hình “một làng một sản phẩm” và việc sử dụng hiệu quả đất đai. Đài Loan đã thành công trong việc phát triển nông nghiệp gắn liền với CNH. Trong khi đó, Israel là một ví dụ điển hình về ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp và phát triển du lịch nông nghiệp.

Từ những kinh nghiệm quốc tế này, tác giả rút ra kết luận: Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho xây dựng NTM, tuy nhiên, người dân mới là chủ thể quyết định sự thành công của quá trình này. Đồng thời, việc kết nối nông thôn với đô thị và công nghiệp cũng là yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Cũng với nội dung này, tác giả Lê Văn Phục (2016) với bài viết *Xây dựng nông thôn mới - kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam* [104], đã nghiên cứu so sánh về kinh nghiệm xây dựng NTM của các quốc gia châu Á và châu Âu. Nghiên cứu cho thấy, xây dựng NTM luôn được các quốc gia này đặc biệt chú trọng trong quá trình CNH, HĐH. Qua đó, bộ mặt nông thôn đã có những thay đổi toàn diện, đời sống người dân được nâng cao và khoảng cách đô thị - nông thôn được thu hẹp.

Từ việc phân tích kinh nghiệm của các nước như Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Pháp và Hà Lan, tác giả đã rút ra một số bài học kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam. Đó là sự cần thiết phải chú trọng phát triển nông nghiệp, gắn liền với CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn. Đồng thời,

các chính sách hỗ trợ tín dụng, huy động sức mạnh cộng đồng và xóa đói giảm nghèo cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng NTM.

Trung Quốc là một nước lớn, dân số ở nông thôn đông, vì vậy, vấn đề “tam nông” (nông nghiệp, nông dân, nông thôn) đã trở thành vấn đề cơ bản của cách mạng và sự phát triển ở Trung Quốc. Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có nhiều điểm tương đồng. Công cuộc cải cách ở Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam đều bắt đầu từ nông thôn. Việc tìm hiểu, nghiên cứu về “tam nông” và xử lý vấn đề “tam nông” ở Trung Quốc vừa có ý nghĩa khoa học, vừa mang tính thực tiễn sâu sắc, góp phần gợi mở những kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo. Với ý nghĩa như trên, nghiên cứu sinh tổng quan một số công trình liên quan đến quá trình xây dựng NTM ở Trung Quốc như sau:

Cù Ngọc Hương (2006) dịch và giới thiệu công trình nghiên cứu có tựa đề *Lý luận, thực tiễn và các chính sách xây dựng nông thôn mới Trung Quốc* [68]. Công trình khái quát về quá trình xây dựng NTM XHCN tại Trung Quốc, bao gồm bối cảnh lịch sử, khái niệm, mục tiêu, và những kinh nghiệm rút ra được từ thực tiễn. Nghiên cứu khẳng định, xây dựng NTM XHCN là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường. Công trình cũng chỉ ra rằng, việc xây dựng và thực hiện các chính sách phù hợp, khả thi là yếu tố quyết định thành công của quá trình này. Tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lập kế hoạch chi tiết và xây dựng các cơ chế quản lý hiệu quả để đảm bảo quá trình xây dựng NTM được triển khai một cách đồng bộ và bền vững.

Cùng quan tâm đến vấn đề “tam nông”, tác giả Cát Chí Hoa (2009) có cuốn sách *Từ nông thôn mới đến đất nước mới (From a rural area to a new country)* [59]. Tác giả đã phác họa một bức tranh toàn cảnh về sự biến động của nông thôn Trung Quốc qua các thời kỳ lịch sử, đồng thời phân tích chi tiết về khái niệm, nguồn gốc và đặc trưng của vấn đề “tam nông”. Đồng thời, làm

rõ tầm quan trọng chiến lược của xây dựng NTM XHCN trong quá trình HĐH đất nước. Tác giả đã đi sâu phân tích bối cảnh, mục tiêu, con đường và phương thức giải quyết vấn đề “tam nông” tại Trung Quốc, đồng thời trình bày những thành tựu đáng kể mà quốc gia này đã đạt được. Bên cạnh đó, tác giả trình bày một số kinh nghiệm và bài học quốc tế để làm phong phú thêm nội dung nghiên cứu.

Tiếp cận dưới góc độ chính sách quốc gia, tác giả Minzi Su (2009) trong cuốn sách *China's Rural Development Policy: Exploring the “New Socialist Countryside”* (Tạm dịch *Chính sách phát triển nông thôn của Trung Quốc: Khám phá “Nông thôn mới xã hội chủ nghĩa”*) [97] chỉ ra một số hạn chế đáng kể của các chính sách phát triển nông thôn tại Trung Quốc, đó là chính sách chưa thực sự bao phủ và đáp ứng nhu cầu của hàng trăm triệu hộ gia đình nông dân. Nghiên cứu của tác giả tập trung phân tích các chính sách phát triển nông thôn trong bối cảnh chuyển đổi xã hội, chính trị và kinh tế ở Trung Quốc. Tác giả đã xác định những yếu tố kinh tế - chính trị ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi chính sách, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của các chính sách này.

Tác giả Lê Đình Sơn (2010) có bài viết *Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới tại Trung Quốc* [109]. Trong bài viết, tác giả chỉ ra rằng, Trung Quốc đã đặt ra 5 tiêu chí cụ thể cho xây dựng NTM, bao gồm: phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, cải thiện môi trường, xây dựng văn hóa và dân chủ hóa quản lý. Nghiên cứu cho thấy, một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến thành công của mô hình xây dựng NTM tại Trung Quốc là công tác quy hoạch được thực hiện đồng bộ. Bên cạnh đó, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, quan tâm đến việc làm và phúc lợi xã hội cho nông dân, cũng như xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực đã đóng góp đáng kể vào thành công của quá trình này. Tác giả nhấn mạnh rằng, xây dựng NTM là một nhiệm vụ lâu dài và đòi hỏi sự đầu tư nguồn lực lớn. Để đạt được hiệu quả

cao, cần có sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của các cấp chính quyền, sự tham gia tích cực của người dân và xây dựng cơ chế chính sách phù hợp.

Tác giả Wanshan Han (2021) trong bài viết *Obstacles and Countermeasures for the Development of Agricultural Electronic Commerce Under the Construction of New Countryside* (tạm dịch: *Những trở ngại và giải pháp phát triển nông nghiệp thương mại điện tử trong công cuộc xây dựng nông thôn mới* [230] khẳng định, phát triển nông nghiệp thương mại điện tử là nhiệm vụ cấp thiết trong xây dựng NTM. Nó không chỉ có lợi cho việc cải thiện mức độ CNH nông nghiệp và giảm chi phí giao dịch của các sản phẩm nông nghiệp mà còn giúp tăng thu nhập của nông dân và thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Trên cơ sở nghiên cứu nông nghiệp thương mại điện tử ở Trung Quốc, tác giả nêu một số khuyến nghị để thu hút các doanh nghiệp lớn tham gia chương trình này: Hình thành hệ thống nông nghiệp thương mại điện tử đa dạng; khuyến khích, phát triển mạng di động không dây để thúc đẩy phát triển nông nghiệp thương mại điện tử di động; cung cấp các dịch vụ thông tin đa dạng mà nông dân cần; phát huy vai trò của sinh viên đại học trở về quê hương, giúp đỡ nông dân địa phương trong việc xây dựng và duy trì trang web; đào tạo, nâng cao chất lượng nông dân, phục vụ xây dựng NTM.

Hàn Quốc là quốc gia đạt nhiều thành tựu trong xây dựng NTM, bắt đầu từ phong trào Làng Mới (Seamaul Undong) vào những năm 1970, chỉ sau 10 năm, diện mạo nông thôn Hàn Quốc đã có những thay đổi tích cực. Nghiên cứu về nội dung này, có thể kể đến một số công trình sau:

Nghiên cứu vai trò của nông dân - là chủ thể của quá trình xây dựng NTM trong sự liên hệ với Việt Nam, tác giả Nguyễn Hoài Sơn (2013) với bài viết *Nông dân trong phát triển nông thôn: Từ phong trào Seamaul Hàn quốc đến chương trình nông thôn mới của Việt Nam* [110]. Trong bài viết, tác giả trình bày bối cảnh lịch sử ra đời của phong trào Seamaul Undong ở Hàn Quốc

và phân tích làm rõ vai trò của nông dân trong sự nghiệp phát triển nông thôn. Hàn Quốc đã chuyển hóa nhận thức thành các chiến lược hành động cụ thể, trong đó, lấy người nông dân là trung tâm, động lực để thay đổi bộ mặt nông thôn. Tác giả làm rõ kết quả khi thực hiện phong trào Saemaul Undong. Đối với Việt Nam, tác giả trình bày lịch sử hình thành khái niệm NTM ở Việt Nam bắt đầu từ năm 1984; mối quan hệ giữa nông dân và Chương trình xây dựng NTM, những khó khăn đặt ra trong xây dựng NTM.

Tác giả Ngô Thị Phương Liên (2016) với bài viết *Xây dựng nông thôn mới kinh nghiệm từ phong trào Saemaul Undong của Hàn Quốc* [79] đề cập đến những thành công của phong trào Saemaul Undong, trong đó, những nội dung chính là: tổ chức bộ máy lãnh đạo phong trào từ cơ sở đến Trung ương, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở nông thôn làm nòng cốt cho chương trình phát triển; phát huy tính dân chủ, đưa Nhân dân tham gia vào quá trình ra quyết định; phát huy tinh thần thi đua... Những kinh nghiệm bổ ích về huy động nội lực của Nhân dân từ phong trào Saemaul Undong của Hàn Quốc là những gợi ý quý báu để tìm ra các giải pháp phù hợp cho Việt Nam trong quá trình xây dựng NTM, từ đó, tác giả đã gợi ý giải pháp để tiếp tục phát huy những thành công đã đạt được, đồng thời khắc phục những hạn chế của Việt Nam trong quá trình xây dựng NTM, trong đó, đặc biệt nhấn mạnh đến giải pháp về nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, “tăng cường đào tạo, bồi dưỡng dưới nhiều hình thức để đội ngũ này có đủ kiến thức lý thuyết và thực tiễn” [79, tr.49].

Nghiên cứu quá trình xây dựng NTM trong mối liên hệ giữa Hàn Quốc và Việt Nam, tác giả Hoàng Bá Thịnh (2016) có bài *Xây dựng nông thôn mới ở Hàn Quốc và Việt Nam* [115]. Tác giả tóm tắt một số thành tựu trong phong trào Làng Mới ở Hàn Quốc, đồng thời phân tích, so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa phong trào Làng Mới và Chương trình xây dựng NTM ở Việt Nam, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm có thể vận dụng vào thực

hiện Chương trình NTM trong những năm tiếp theo ở Việt Nam: phát huy tính chủ động của Nhân dân trong việc xây dựng NTM; huy động các nguồn lực của cộng đồng; phát huy tinh thần tự lực, tự cường, khuyến khích thi đua giữa các làng; đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho nông thôn.

Đối với Nhật Bản, quốc gia được coi là nghèo tài nguyên, chỉ dựa vào khả năng sáng tạo của con người đã thực hiện thành công CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Nguyễn Thành Lợi (2013) trong bài viết *Xây dựng nông thôn mới của Nhật Bản và một số gợi ý cho Việt Nam* [83] chỉ ra sự cần thiết phải nghiên cứu những kinh nghiệm của một số nước đã đạt được những thành tựu to lớn trong quá trình xây dựng NTM, đặc biệt như Nhật Bản. Trên cơ sở khái quát các giai đoạn cũng như việc lựa chọn mô hình xây dựng NTM ở Nhật Bản, tác giả rút ra một số kinh nghiệm của Nhật Bản trong xây dựng NTM. Trên cơ sở đó, Việt Nam cần kết hợp hài hòa giữa vai trò chủ đạo của Nhà nước và sự chủ động, sáng tạo của người dân. Nhà nước cần có những chính sách cụ thể để hỗ trợ, tạo điều kiện cho người dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đồng thời khơi dậy ý thức cộng đồng, tinh thần tự lực, tự cường.

Tác giả Bunthon Chid Mani (2011) với Luận án Tiến sĩ *Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay* [25] góp phần hoàn thiện lý luận và thực tiễn về xây dựng NTM ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đối với sự nghiệp xây dựng NTM.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Xây dựng NTM là sự nghiệp cách mạng lâu dài trong quá trình CNH, HĐH đất nước. Đây là vấn đề được Đảng Cộng sản Việt Nam rất quan tâm,

chú trọng. Trên cơ sở đó, nhiều tác giả nghiên cứu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM. Nghiên cứu sinh tổng quan một số công trình như sau:

Khẳng định vai trò quan trọng của sự nghiệp xây dựng NTM, tác giả Hồ Xuân Hùng (2011) trong bài viết *Xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và Nhân dân ta* [65] nêu rõ, xây dựng NTM là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Bởi lẽ: “Trong xu thế phát triển hiện nay, không thể có một nước công nghiệp nếu nông nghiệp, nông thôn còn lạc hậu và đời sống nông dân còn thấp” [65]. Trên cơ sở đó, bài viết khái quát một số nội dung cần quyết tâm, nguồn lực và thời gian để thực hiện, đó là: xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn; tăng thu nhập gấp 2-3 lần hiện nay và nâng cao đời sống tinh thần cho cư dân nông thôn; tổ chức lại sản xuất gắn với tổ chức lại và tạo lập mới những tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với với điều kiện thực tế, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, hướng tới xây dựng người nông dân chủ động, sáng tạo, trở thành lực lượng nòng cốt trong quá trình xây dựng NTM.

Tác giả Đỗ Thanh Phương (2015) trong bài viết *Vận dụng tư tưởng của V.I.Lênin và Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong xây dựng nông thôn mới* [106], khái quát những quan điểm của V.I.Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đồng thời chỉ ra một số nhiệm vụ cần tiếp tục thực hiện trong quá trình thực hiện xây dựng NTM, đó là: bổ sung, đổi mới tư duy quy hoạch; tăng cường công tác tuyên truyền, thống nhất nhận thức; đẩy mạnh công nghiệp chế biến và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất; cần có phương án, chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về xây dựng NTM cho cán bộ cơ sở và người lao động.

Các tác giả Bùi Quang Dũng, Nguyễn Trung Kiên, Bùi Hải Yến, Phùng Thị Hải Hậu (2015) trong bài viết *Chương trình xây dựng nông thôn mới: Một*

cái nhìn từ lịch sử chính sách [43] đã phân tích Chương trình xây dựng NTM ở Việt Nam đang được triển khai từ góc độ lịch sử chính sách. Bài viết hệ thống các quan điểm về NTM, xây dựng NTM của Đảng từ Đại hội IV (1976) đến Nghị quyết số 26-NQ/TW (2008), trên cơ sở đó, tìm ra quá trình manh nha, hình thành và triển khai Chương trình xây dựng NTM.

Cùng nghiên cứu quan điểm của Đảng về xây dựng NTM, các tác giả Vũ Trọng Hùng và Mạc Thúy Quỳnh (2015) có bài viết *Quan điểm của Đảng về xây dựng nông thôn mới qua các kỳ đại hội (1986-2011)* [66]. Trong bài viết, các tác giả đã hệ thống chủ trương của Đảng từ Đại hội VI đến Đại hội XI về phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM. Đặc biệt, bài viết làm rõ những điểm mới trong các nghị quyết của Đảng.

Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia *70 năm tác phẩm Đời sống mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh - giá trị lý luận và thực tiễn trong phong trào xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh* [61] tập trung làm sáng tỏ những vấn đề về hoàn cảnh ra đời, nội dung cơ bản của tác phẩm “Đời sống mới”; khẳng định giá trị lý luận, thực tiễn và sức lan tỏa của tác phẩm “Đời sống mới” đối với phong trào xây dựng NTM, đô thị văn minh ở nước ta hiện nay. Từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào xây dựng đời sống mới trong mỗi người, mỗi gia đình, mỗi làng, công sở, doanh nghiệp, địa phương... nhằm đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước nói chung và phong trào xây dựng NTM nói riêng.

Tác giả Đặng Kim Oanh (2022) trong bài viết *Quá trình phát triển tư duy của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn qua 35 năm thực hiện đổi mới (1986-2021)* [103] tiếp cận nội dung nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên cơ sở quá trình phát triển tư duy của Đảng. Bài viết nhấn mạnh vai trò quan trọng hàng đầu nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Xây dựng NTM là nhiệm vụ chiến lược đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển đất nước. Qua 35 năm đổi mới, tư duy về phát

triển “tam nông” của Đảng đã có sự phát triển: nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

Tác giả Đào Sơn Hải (2022) có bài viết *Xây dựng nông thôn mới (2008-2021), Chủ trương, sự chỉ đạo và một số kết quả* [54]. Bài viết khái quát chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng về xây dựng NTM từ Đại hội lần thứ X (2006) trở lại đây, đặc biệt là Nghị quyết số 26-NQ/TW và quá trình thực hiện Nghị quyết này. Trên cơ sở đó, bài viết chỉ ra một số kết quả thực hiện xây dựng NTM trên các lĩnh vực: công tác quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất, văn hóa - xã hội - môi trường, hệ thống chính trị.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam

Quá trình xây dựng NTM ở Việt Nam phụ thuộc bởi nhiều yếu tố, như: dân cư và lao động; quy hoạch; cơ sở vật chất - kỹ thuật và kết cấu hạ tầng; chính sách phát triển nông nghiệp; thị trường,... Nghiên cứu các yếu tố này, góp phần cung cấp thêm thông tin cho việc bổ sung, sửa đổi các chính sách và chương trình dành cho người dân ở khu vực nông thôn và quá trình xây dựng NTM. Nghiên cứu sinh tổng quan một số công trình nghiên cứu về nội dung này như sau:

Liên quan đến yếu tố chính sách phát triển nông nghiệp, tác giả Nguyễn Đình Long (2011) trong bài viết *Đánh giá các chính sách hiện hành có liên quan đến Chương trình xây dựng nông thôn mới và hướng hoàn thiện* [85] đánh giá tổng quan về một số chính sách đã thực hiện trong những năm 1986-2011. Tác giả chỉ ra rằng, mặc dù có một loạt các chính sách được ban hành, bao gồm thuế, khoa học công nghệ, đất đai, đầu tư, làng nghề, việc làm, bảo vệ rừng và tiêu thụ nông sản, tuy nhiên, sự thiếu đồng bộ là một vấn đề đáng chú ý. Hầu hết các chính sách đều tập trung vào phát triển sản xuất nông nghiệp, chưa quan tâm đến cơ sở hạ tầng nông thôn và đời sống của người

nông dân. Điều này dẫn đến nhiều chính sách không thực sự hiệu quả và thiếu tính khả thi. Từ đó, tác giả đã đưa ra những gợi ý nhằm hoàn thiện chính sách xây dựng NTM trong giai đoạn đổi mới.

Để xây dựng thành công NTM, đặc biệt ở khu vực vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các tác giả Trương Giang Long và Nguyễn Thành Phong (đồng chủ biên) (2011) trong cuốn sách *Liên kết “4 nhà” - Giải pháp cơ bản góp phần xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long* [86], cho rằng liên kết “4 nhà”, gồm: Nhà nước - nhà doanh nghiệp - nhà khoa học - nhà nông góp phần quan trọng nhằm khai thác tốt nhất mọi nguồn lực để phát triển nông nghiệp, nông thôn. Mô hình này được xem là một giải pháp hiệu quả không chỉ cho Đồng bằng sông Cửu Long mà còn có thể áp dụng rộng rãi trên cả nước. Trong đó, “Nhà nước đóng vai trò là nhạc trưởng, người điều tiết, quản lý và là nhân tố xúc tác bảo đảm sự liên kết giữa nhà khoa học, nhà nông và doanh nghiệp” [86, tr.14]. Cuốn sách tập hợp gần 40 báo cáo khoa học với nhiều cách tiếp cận đa chiều xung quanh việc thực hiện chính sách “tam nông” và vấn đề xây dựng NTM. Từ năm 2018 trở đi, liên kết “4 nhà” được mở rộng thành liên kết “6 nhà”. Hai thành tố mới được bổ sung là “nhà băng” (ngân hàng) và “nhà phân phối” (tuy nhiên, có địa phương bổ sung hai thành tố này là “nhà băng” và “nhà báo”). Theo đó, đẩy mạnh liên kết “6 nhà”, tháo gỡ về nguồn vốn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất... là những giải pháp căn cơ để nâng cao đời sống cho người làm nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp phát triển, hội nhập quốc tế.

Khoa học và công nghệ được xác định là động lực và là nhân tố quan trọng góp phần vào phát triển bền vững ở khu vực nông thôn trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Áp dụng khoa học và công nghệ vào xây dựng NTM giúp cải thiện năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, cải thiện hiệu quả kinh tế và thu nhập của người dân... Tác giả Hà Lương Thuận (2012) với bài viết *Khoa học công nghệ với xây dựng nông thôn mới ở Việt*

Nam và kinh nghiệm một số nước [129], nêu rõ tầm quan trọng của khoa học công nghệ đối với phát triển nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Quá trình xây dựng NTM đặt ra nhiều vấn đề cho tất cả mọi người và nhất là các nhà khoa học cần quan tâm nghiên cứu, cụ thể như: bổ sung, hoàn thiện cơ sở lý luận của mô hình NTM; nhận thức của người dân; chính sách, khoa học kỹ thuật và các giải pháp quản lý; đóng góp của khoa học kỹ thuật; đất đai; các biện pháp áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, bài viết còn phân tích kinh nghiệm xây dựng NTM ở các nước có nền nông nghiệp phát triển như như: Hàn Quốc, Israel, Thái Lan.

Trong xây dựng NTM, công tác quy hoạch là nội dung mang tính tiên đề, có tầm quan trọng trước mắt cũng như lâu dài, góp phần hoạch định phát triển không gian trên từng vùng, địa bàn nông thôn. Tác giả Đỗ Đức Viêm (2014) trong cuốn sách *Quy hoạch xây dựng nông thôn mới* [227] khái quát vai trò, vị trí, hiện trạng và xu thế phát triển của nông thôn Việt Nam. Bên cạnh đó, tác giả còn đề xuất những phương pháp cụ thể để quy hoạch xây dựng xã, cụm xã, thiết kế quy hoạch điểm dân cư nông thôn. Các nội dung này bao gồm phát triển kết cấu hạ tầng, cải thiện vệ sinh môi trường, và tổ chức thiết kế, quản lý quy hoạch xây dựng điểm dân cư. Để công tác quy hoạch đạt hiệu quả cao, theo tác giả, cần “tiến hành điều tra nghiên cứu về khả năng phát triển sản xuất nông nghiệp đối với vùng đất dự kiến khai thác, điều kiện địa lý và kinh tế - xã hội làm cơ sở cho việc hình thành một điểm dân cư nông thôn” [227, tr.173]. Cuốn sách đã cung cấp một cái nhìn toàn diện về quy hoạch xây dựng NTM.

Tác giả Nguyễn Danh Lợi (2015) trong bài viết *Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới* [82] cho rằng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh là yếu tố cốt lõi trong quá trình xây dựng NTM, đó “vừa là tiêu chí, vừa là yếu tố bảo đảm sự thành công của quá trình xây dựng NTM ở mỗi địa phương” [82, tr.33]. Tuy nhiên, tác giả cũng nhấn

manh rằng quá trình này đang đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là vấn đề nâng cao năng lực cán bộ cấp xã. Để giải quyết vấn đề này, tác giả đề xuất cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ một cách thường xuyên và bài bản, đồng thời xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, quy định rõ ràng đối với cán bộ cấp xã. Điều này nhằm tạo ra một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, tận tâm với công việc và có thể đáp ứng kịp thời các yêu cầu của Nhân dân.

Về nội dung vận động quần chúng trong xây dựng NTM, tác giả Nguyễn Thị Hồng Mai (2015) có bài viết với tựa đề *Công tác dân vận trong xây dựng nông thôn mới* [89]. Bài viết khẳng định xây dựng NTM là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, là một trong bước đi quan trọng trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Công tác dân vận có vai trò quan trọng trong xây dựng NTM, là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, giúp huy động sự tham gia tích cực của người dân vào quá trình xây dựng NTM. Từ đó, góp phần biến đổi toàn diện về xã hội, đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn.

Trong xây dựng NTM, vốn đóng vai trò quan trọng, là công cụ thúc đẩy tăng trưởng và phát triển của mỗi địa phương, vùng miền trên cả nước. Tác giả Phạm Hoài Bắc (2015) với bài viết *Hoạt động tín dụng ngân hàng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới* [1] đã nhấn mạnh, tín dụng ngân hàng là một trong những nguồn lực quan trọng để phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM, do đó cần nâng cao chất lượng tín dụng ngân hàng để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Tác giả trình bày các kết quả sau 1 năm thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 05/3/2014 của Chính phủ và Quyết định số 1050/QĐ-NHNN ngày 28/5/2014 của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay thí điểm đối với các mô hình liên kết trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong bài viết, tác giả làm rõ những thách thức và hạn chế trong việc tiếp cận tín dụng của các hộ nông dân và doanh nghiệp

nông nghiệp. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tiếp cận tín dụng, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn.

Cũng liên quan đến nội dung vốn, nhưng tiếp cận dưới góc độ vốn xã hội, tác giả Lê Thanh Tùng (2016) trong bài viết *Vốn xã hội trong sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới* [154] đưa ra những nội dung về nhận diện các hình thức tồn tại của vốn xã hội trong hoạt động tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng NTM. Tác giả chỉ ra rằng vốn xã hội chính là yếu tố đặc thù, góp phần thúc đẩy huy động nguồn lực và tăng cường tính tự nguyện của người dân trong việc tham gia xây dựng NTM.

Tác giả Phạm Thị Lan (2016) viết bài *Cơ chế tài chính đối với Chương trình xây dựng nông thôn mới và những vấn đề đặt ra* [76]. Trong bài viết, tác giả trình bày nghiên cứu về cơ cấu và hiệu quả huy động vốn cho chương xây dựng NTM trên phạm vi cả nước. Tác giả đã không chỉ phân tích cơ cấu nguồn vốn mà còn chỉ ra những thách thức và hạn chế trong quá trình huy động và sử dụng vốn, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế tài chính, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả và bền vững cho quá trình xây dựng NTM.

Nguyễn Thị Vân Giang (2016) với bài viết *Vấn đề thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường thị trấn phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới* [52] khẳng định việc thực hiện dân chủ cơ sở có “ý nghĩa đột phá để giải quyết nhiều vấn đề bức xúc liên quan đến quyền làm chủ của nhân dân, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở” [52, tr.25]. Cụ thể, tác giả cho rằng việc phát huy dân chủ giúp nâng cao nhận thức của người dân về quyền lợi của mình, khuyến khích họ chủ động tham gia vào quá trình xây dựng và phát triển địa phương. Đồng thời, dân chủ cơ sở còn góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở, tạo điều kiện để người dân giám sát và tham gia vào quá trình ra

quyết định. Từ thực tiễn tiến hành xây dựng NTM gắn với phát huy dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn nông thôn trong những năm qua đã chứng minh rằng, những địa phương thực hiện tốt dân chủ cấp cơ sở phục vụ xây dựng NTM thì ở đó tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được củng cố và giữ vững.

Trong quá trình xây dựng NTM, vấn đề nợ xây dựng cơ bản cần phải được quan tâm, bởi lẽ, nợ xây dựng cơ bản luôn đi kèm với tình trạng kéo dài thời gian hoàn thành dự án, chậm đưa công trình, dự án vào khai thác, sử dụng, dẫn đến giảm hiệu quả đầu tư. Liên quan đến vấn đề này, tác giả Nguyễn Thị Bích Diệp (2016) có bài viết *Nợ xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới và một số giải pháp tháo gỡ* [42]. Bằng cách khảo sát tình hình thực tế tại nhiều địa phương, tác giả đã chỉ ra rằng mặc dù chương trình NTM đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc thay đổi bộ mặt nông thôn, song tình trạng nợ đọng vẫn tồn tại dai dẳng và gây ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thực hiện Chương trình. Tác giả đánh giá đây là điều “đáng báo động đối với các địa phương chuẩn bị cán đích NTM... đằng sau những công trình “tiền tỷ” là tình trạng nợ đọng kéo dài, mà không biết báo giờ trả hết của các địa phương” [42, tr.29]. Tác giả đã đi sâu phân tích các nguyên nhân dẫn đến tình trạng nợ đọng, đồng thời đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm xử lý nợ đọng hiện tại và ngăn chặn tình trạng này tái diễn trong tương lai.

Tác giả Hoàng Văn Hải (2016) viết bài *Thúc đẩy tư duy doanh nghiệp cho nông dân: Giải pháp chiến lược để xây dựng nông thôn mới bền vững ở Việt Nam* [57]. Bài viết tập trung luận giải 3 vấn đề: Tư duy doanh nghiệp là gì? Vì sao phải thúc đẩy tư duy doanh nghiệp cho nông dân? Thúc đẩy tư duy doanh nghiệp cho nông dân như thế nào? Theo tác giả, để thành công trong việc chuyển đổi tư duy của nông dân, cần có sự kết hợp đồng bộ giữa các giải pháp như: thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, hỗ trợ tài chính cho nông dân, nâng cao năng lực cho cán bộ thôn xã, tạo môi trường văn hóa

khởi nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin. Tác giả cho rằng thúc đẩy tư duy doanh nghiệp cho nông dân chính là “một đột phá chiến lược trong tái cấu trúc ngành nông nghiệp cũng như xây dựng NTM trong giai đoạn hiện nay” [57, tr.66].

Hội Phụ nữ (các cấp) là thiết chế rất quan trọng để bảo vệ quyền lợi cho người phụ nữ. Hai tác giả Võ Thị Mai và Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2016) có công trình *Phát huy vai trò của tổ chức Hội Phụ nữ trong tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia xây dựng nông thôn mới* [90]. Với số liệu được minh chứng trong bài viết: “Trong gần 80% phụ nữ của khu vực nông thôn thì có đến 58% hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp” [90, tr.26], nhóm tác giả đã tập trung phân tích vai trò quan trọng của Hội Phụ nữ trong việc tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia xây dựng NTM. Nghiên cứu đã làm rõ những đóng góp tích cực của Hội Phụ nữ, đồng thời chỉ ra một số hạn chế trong quá trình tuyên truyền, vận động. Nhóm tác giả đã đưa ra 5 nhóm giải pháp để nâng cao vai trò của Hội, như: nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động tập hợp phụ nữ tích cực tham gia phát triển sản xuất, xây dựng NTM; đổi mới và hoàn thiện chính sách xây dựng NTM; tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc; đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng, nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến cho phụ nữ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chương trình, dự án, chính sách xây dựng.

Liên quan đến vấn đề đào tạo lực lượng lao động tại nông thôn, tác giả Đào Văn Tiến (2016) có bài viết *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn - nguồn lực quan trọng tiếp sức xây dựng nông thôn mới* [131]. Bài viết khái quát một số kết quả trong quá trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” (theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ) trong giai đoạn 2010-2015 và một số nhiệm vụ cần thực hiện trong giai đoạn 2016-2020

nhằm hướng tới việc hoàn thành mục tiêu Đề án, tác giả đặc biệt nhấn mạnh “cần tiếp tục có sự phối hợp hành động hiệu quả của các bộ, ngành và trách nhiệm địa phương trong việc thực hiện Đề án” [131, tr.12]

Sự thành công của Chương trình xây dựng NTM phụ thuộc lớn vào sự đồng thuận và chung tay của toàn xã hội. Để đạt được điều này, công tác tuyên truyền, tuyên giáo đóng vai trò vô cùng quan trọng, giúp người dân hiểu rõ và đồng lòng thực hiện các mục tiêu của chương trình.

Liên quan đến nội dung này, tác giả Lê Thị Cát Hoa (2017) viết bài *Công tác tuyên truyền - động lực thúc đẩy xây dựng nông thôn mới ở Đồng Nai* [60]. Trong bài viết, tác giả khái quát những kết quả trong phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM của Đồng Nai - là tỉnh đi đầu trong cả nước trong xây dựng NTM. Tác giả đã chỉ ra rằng, với đặc điểm dân cư đa dạng, đặc biệt đối với địa phương có 65% đồng bào có đạo như ở Đồng Nai, công tác tuyên truyền đã đóng góp tích cực vào việc nâng cao nhận thức của người dân, tạo sự đồng thuận và huy động sức dân tham gia vào quá trình xây dựng NTM. Bên cạnh việc đánh giá những kết quả đạt được, tác giả cũng đã chỉ ra những hạn chế còn tồn tại trong công tác tuyên truyền và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này trong thời gian tới.

Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2020) xuất bản cuốn sách *Công tác tuyên giáo với xây dựng nông thôn mới* [13]. Cuốn sách nhấn mạnh công tác tuyên giáo với xây dựng NTM là hoạt động trước tiên, không thể thiếu trong tổng thể chương trình, kế hoạch xây dựng NTM của Đảng và Nhà nước, nhấn mạnh “công tác tuyên giáo phải hướng về cơ sở từ nhu cầu thiết thực của người dân và từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội NTM đặt ra” [13, tr.168]. Cuốn sách khái quát những vấn đề cơ bản về nông thôn Việt Nam, những quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM; khái quát những kết quả nổi bật của công tác tuyên giáo với xây dựng NTM trong giai đoạn 2016-2020. Trên cơ sở đó, các

tác giả xác định những hạn chế và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền trong giai đoạn tiếp theo.

Các tác giả Lương Trọng Thành, Lê Văn Phong, Bùi Văn Dũng (đồng chủ biên) (2020) có công trình *Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền cấp xã trong xây dựng nông thôn mới hiện nay* [114]. Quyển sách khái quát những vấn đề lý luận chung, các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền cấp xã trong xây dựng NTM; thực trạng năng lực lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền cấp xã trong xây dựng NTM ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, các tác giả đã đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo, góp phần thúc đẩy thành công của Chương trình xây dựng NTM. Trong đó, tác giả đánh giá giải pháp về xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã được xem là khâu then chốt, quyết định hiệu quả lãnh đạo, quản lý trong toàn bộ quá trình xây dựng NTM: “Làm tốt công tác cán bộ, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ là nhiệm vụ trọng tâm của cấp ủy, là yêu cầu quan trọng nhất mà cấp ủy phải nắm chắc để thúc đẩy phong trào xây dựng NTM ở địa phương” [114, tr.165].

Vai trò của nông dân trong xây dựng NTM là yếu tố đặc biệt quan trọng. Vì nông dân chính là chủ thể của công cuộc xây dựng NTM. Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung này như sau: Bài viết *Phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới thời kỳ hội nhập* của tác giả Lại Xuân Môn [98]; *Phát huy vai trò của giai cấp nông dân Việt Nam - Chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới* của tác giả Trương Hòa Bình [16]; *Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới*, của tác giả Hà Thị Thùy Dương [44], *Phát huy vai trò của nông dân trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới* của tác giả Nguyễn Xuân Cường [39]; *Vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới* của Nguyễn Linh Khiếu [72]; *Đảm bảo vai trò chủ thể của giai cấp nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp và xây*

dựng nông thôn mới của tác giả Nguyễn Thiện Nhân [100]; *Để nông dân thực sự là chủ thể trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới* của tác giả Hồ Ngọc Hy [71]. Các nghiên cứu này đã chỉ ra rằng việc phát huy vai trò chủ động của nông dân là yếu tố quyết định thành công của Chương trình xây dựng NTM. Việc nhận thức đúng đắn vai trò của nông dân, góp phần quan trọng để tiếp tục động viên, khuyến khích nông dân tích cực tham gia các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đồng thời, là căn cứ để có những giải pháp tiếp tục phát huy vai trò đó, góp phần thực hiện thành công mục tiêu của Chương trình xây dựng NTM. Các bài viết đã trình bày khái quát kết quả thực hiện xây dựng NTM, đề xuất một số giải pháp tập trung vào việc củng cố vai trò của chính quyền địa phương trong việc thực hiện công tác dân vận, nâng cao năng lực của cán bộ và tạo cơ chế khuyến khích người dân tham gia xây dựng NTM. Ngoài ra, các tác giả cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi và đầu tư vào phát triển nông thôn.

1.1.4. Các công trình nghiên cứu về quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam và một số địa phương trong cả nước

Các tác giả Phan Xuân Sơn và Nguyễn Cảnh (2009) trong cuốn sách *Xây dựng mô hình nông thôn mới ở nước ta hiện nay* [111] khẳng định mô hình xây dựng NTM là tổng thể các đặc điểm, cấu trúc tạo thành một kiểu tổ chức nông thôn theo tiêu chí mới, đáp ứng yêu cầu mới đặt ra cho nông thôn trong điều kiện hiện nay, tiên tiến hơn so với mô hình nông thôn truyền thống. Cuốn sách phân tích chủ yếu ba vấn đề: nông thôn Việt Nam trước yêu cầu mới; hình dung ban đầu về những tiêu chí của mô hình NTM; những nhân tố chính của mô hình NTM. Trên cơ sở đó, các tác giả khẳng định ba vấn đề trên trong cấu trúc mô hình NTM có nhiều mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, Nhân dân tự nguyện tham gia, chủ động trong thực thi chính sách.

Để thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW một cách hiệu quả, ngày 04/6/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg về *phê*

duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Trên cơ sở đó, tất cả các địa phương trên cả nước triển khai chương trình này. Đã có nhiều công trình phản ánh kết quả thực hiện chương trình MTQG về xây dựng NTM, nghiên cứu sinh tổng quan một số công trình như sau:

Tác giả Nguyễn Sinh Cúc (2011) trong bài viết *Chương trình xây dựng nông thôn mới sau 2 năm thí điểm* [32] đã khái quát những kết quả bước đầu sau 2 năm thí điểm xây dựng NTM tại 11 xã điểm (Tại Thông báo số 238-TB/TW ngày 07/4/2009 của Ban Bí thư “về Đề án “*Chương trình xây dựng thí điểm mô hình NTM trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*””), đến cuối năm 2011, hầu hết các xã thí điểm đạt trên 50% số lượng tiêu chí đề ra. Đồng thời, tác giả phân tích một số hạn chế và bất cập, như: xuất phát điểm của các địa phương được chọn so với mục tiêu chương trình chưa tương đồng; sự phối hợp trong tổ chức chỉ đạo, đánh giá kết quả chưa chặt chẽ; đề án xây dựng NTM tập trung phát triển cơ sở hạ tầng mà chưa chú trọng phát triển sản xuất tăng thu nhập; nhận thức về chương trình của các ngành, các cấp chưa đầy đủ; bất cập của một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí (chia theo 7 vùng kinh tế, tiêu chí hộ nghèo, tiêu chí cơ cấu lao động, thủ tục và cấp độ công nhận). Từ những hạn chế trên, tác giả đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao tính khả thi của chương trình, gồm: nội dung chương trình (công tác chỉ đạo, công tác tổ chức thực hiện, sự phối hợp giữa các Bộ, ngành), nội dung Bộ tiêu chí (tiêu chí thu nhập bình quân, hộ nghèo, tỷ trọng lao động nông lâm nghiệp và thủy sản).

Tác giả Vũ Văn Phúc (chủ biên) (2012) với công trình *Xây dựng nông thôn mới - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* [105] tập hợp các bài viết của các nhà khoa học, lãnh đạo các cơ quan trung ương, các địa phương, các ngành, các cấp về vấn đề xây dựng NTM. Công trình đề cập những vấn đề lý luận chung và kinh nghiệm quốc tế về xây dựng NTM (Trung Quốc, Nhật

Bản, Mỹ, Hàn Quốc, Thái Lan), trên cơ sở đó, gợi ý cho Việt Nam để có cách nhìn nhận, nghiên cứu, áp dụng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đất nước. Công trình trình bày những kinh nghiệm thực tiễn của nhiều địa phương trong nước trong quá trình xây dựng NTM. Cuốn sách khẳng định với việc Đảng ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chính phủ ban hành Quyết định số 491/QĐ-TTg - đây là “lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, việc xây dựng NTM được đặt ra một cách toàn diện nhất”, “Chương trình này thỏa mãn các yêu cầu, mục tiêu chiến lược xây dựng nước ta cơ bản thành nước công nghiệp vào năm 2020” [105, tr.12].

Các tác giả Tô Xuân Dân, Lê Văn Viện, Đỗ Trọng Hùng (đồng chủ biên) (2013) có công trình sách *Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam: Tâm nhìn mới, tổ chức quản lý mới, bước đi mới* [40]. Công trình cung cấp cách nhìn toàn diện về việc đổi mới nhận thức của Đảng về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Các tác giả đã khẳng định nông dân luôn là chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp và nông thôn, do đó chính sách phù hợp với lòng dân là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các tác giả cũng đã phác thảo những yêu cầu, nhiệm vụ mới đặt ra trong triển khai xây dựng NTM, như: xây dựng quy hoạch phát triển nông thôn toàn diện, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hiện đại, đa dạng hóa mô hình sản xuất, đồng thời nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Nội dung của sách còn cung cấp một số kỹ năng thiết yếu đối với cán bộ quản lý NTM ở cơ sở, gồm: kỹ năng thực thi pháp luật; kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, điều hành cuộc họp, kỹ năng quản lý và lãnh đạo, phân cấp công việc và tạo động lực làm việc...

Hội đồng chỉ đạo xuất bản sách xã, phường, thị trấn (2014) đã ấn hành bộ sách *Điểm sáng xây dựng nông thôn mới* (2 tập) [62]. Bộ sách góp phần tuyên truyền và nhân rộng điển hình trong thực hiện xây dựng NTM, giới

thiệu một cách tổng thể về Chương trình xây dựng NTM, một số điểm sáng trong việc thực hiện 19 tiêu chí xây dựng NTM ở một số địa phương. Đồng thời, cung cấp cái nhìn khái quát về chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân; giới thiệu một số gương nông dân sản xuất giỏi và một số mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả ở một địa phương nhằm tuyên truyền, cổ vũ việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế để xây dựng NTM.

Tác giả Vũ Thị Nhung (2015) trong bài viết *Xây dựng nông thôn mới trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay* [102] nhấn mạnh xây dựng NTM là tiền đề của phát triển bền vững và cũng là vấn đề quan trọng mang tính chiến lược. Tác giả đã đề xuất 3 vấn đề cần tập trung thực hiện để xây dựng NTM thành công hướng tới phát triển bền vững trong quá trình hội nhập quốc tế, đó là: xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt thành nhóm nòng cốt; ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất và chất lượng nông sản; đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu sâu sắc về chương trình, từ đó tích cực tham gia và đóng góp cho quá trình xây dựng NTM đạt kết quả lâu dài.

Các tác giả Nguyễn Quốc Ngữ và Vũ Mạnh Hùng (2016) với bài viết *Xây dựng nông thôn mới - Năm năm nhìn lại* [99] và tác giả Dương Văn Lượng (2016) với bài viết *Chương trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam - kết quả đạt được và một số vấn đề đặt ra* [88] đã đánh giá quá trình xây dựng NTM qua 5 năm thực hiện đã đạt được thành tựu quan trọng: kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được nâng cấp, đời sống Nhân dân được cải thiện... Đồng thời, phân tích những vấn đề bất cập trong thực hiện Chương trình, như: có sự chênh lệch lớn kết quả đạt được giữa các vùng trong cả nước; hạn chế trong công tác quy hoạch; một số tiêu chí chưa phù hợp; cách tiếp cận và triển khai của một số địa phương chưa phù hợp với thực tiễn. Các bài viết chỉ ra một số nhiệm vụ cần tập trung thực hiện để sớm thực hiện thành công Chương trình MTQG xây dựng NTM.

Tác giả Nguyễn Xuân Cường (2016) trong bài viết *Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, và xây dựng nông thôn mới* [38] làm rõ những thành tựu trong nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM của cả nước từ năm 2010 đến năm 2015. Tác giả nêu một số vấn đề đặt ra và đề xuất các số giải pháp cần thực hiện nhằm thúc đẩy hiệu quả của Chương trình xây dựng NTM, như: cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, phát triển các hình thức sản xuất phù hợp và hiệu quả; phát triển công nghiệp chế biến; khai thác cơ hội từ hội nhập quốc tế; phát triển hạ tầng; hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao chất lượng phong trào xây dựng NTM.

Trong khi đó, tác giả Ngô Thị Phương Liên (2016) trong bài viết *Giải quyết những tồn tại và hạn chế trong xây dựng nông thôn mới* [78] khái quát thành tựu cơ bản quá trình xây dựng NTM và phân tích sâu những tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong quá trình xây dựng NTM. Tác giả chỉ ra rằng: trình độ năng lực của cán bộ quản lý Ban chỉ đạo cấp huyện, xã chưa được đào tạo bài bản, còn kiêm nhiệm; công tác quy hoạch lập kế hoạch tổ chức đấu giá đất, xử lý tranh chấp, chuyển đổi mục đích sử dụng đất còn nhiều vướng mắc, khó khăn; huy động các nguồn lực còn hạn chế; công tác điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng theo 19 tiêu chí NTM tại nhiều xã khi lập đề án chưa sát với thực tế... Để khắc phục những hạn chế trên, tác giả đã gợi mở cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa tổ chức cơ sở đảng, chính quyền cơ sở với người dân, bởi lẽ “nhiều địa phương có tình trạng còn “nhầm vai” khiến cho nông dân - những người cần phải trực tiếp tham gia và thụ hưởng từ NTM - còn “đứng ngoài cuộc”” [78, tr.87]. Bên cạnh đó, quản lý hành chính phải chuyển từ mệnh lệnh sang phục vụ, lấy lợi ích của người dân làm mục tiêu, nhằm nâng cao niềm tin và sự đồng thuận của người dân vào quá trình xây dựng NTM.

Trên cơ sở kết quả của quá trình xây dựng NTM, tác giả Đoàn Ngọc Xuân (2016) trong bài viết *Nâng cao hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới* [231] đề cập đến những kết quả đã đạt được trong quá trình xây dựng NTM trong cả nước. Có 98,7% số xã của cả nước đã hoàn

thành việc xây dựng và được phê duyệt quy hoạch đề án xây dựng NTM; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được cải thiện; nhiều mô hình sản xuất mới phù hợp với điều kiện phát triển nông thôn ra đời, đến cuối năm 2015 cả nước đã có 22.500 mô hình sản xuất có hiệu quả; hệ thống chính trị ổn định, năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở đã được nâng lên trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng NTM, có 75,2% số xã đạt chuẩn về hệ thống chính trị cơ sở; nhận thức và sự ủng hộ của chính quyền và người dân về Chương trình xây dựng NTM ngày càng cao. Tác giả đề xuất một số giải pháp để giải quyết những hạn chế trong quá trình triển khai xây dựng NTM.

Cùng quan tâm tới vấn đề này, tác giả Nguyễn Thị Nhung (2016) có bài viết *Để phát huy tối đa hiệu quả phong trào xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn tiếp theo* [101]. Bài viết làm rõ những kết quả đạt của cả nước sau 5 năm (2010-2015) thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Những thành tựu đạt được đã tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp của người dân. Trong đó, kết quả nổi bật là sự phát triển kết cấu hạ tầng ở nông thôn. Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn thách thức cần giải quyết, như: Xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức; sự chênh lệch lớn về kết quả thực hiện xây dựng NTM giữa các vùng, miền; một số địa phương chạy theo thành tích nên có biểu hiện huy động quá sức dân hoặc nợ đọng trong xây dựng NTM; cơ chế quản lý phối hợp giữa các bộ, ngành và các cấp vẫn còn vướng mắc, nhất là phân công trách nhiệm quản lý, giám sát... Trong bài viết, tác giả đã đề xuất các giải pháp cụ thể: cần chú trọng hơn đến các chỉ tiêu xã hội, môi trường; tạo động lực cho các xã đặc biệt khó khăn vươn lên, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền; có kế hoạch phối hợp, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; tăng cường hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp trong xây dựng NTM.

Tác giả Trần Nhật Lam (2016) trong cuốn sách *Một số mô hình, cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới* [75] tập hợp một số mô hình, cách làm

hay trong xây dựng NTM trên cả nước. Một số tư liệu được sử dụng trong quyển sách có nguồn từ báo chí, báo cáo của các địa phương và ghi chép của cán bộ Văn phòng Điều phối NTM Trung ương,... Trong quyển sách, tác giả giới thiệu 50 mô hình, cách làm hay trong xây dựng NTM từ các tỉnh, thành phố trong cả nước. Đối với tỉnh Bình Phước, tác giả giới thiệu mô hình xã hội hóa thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt. Với sự chỉ đạo từ UBND tỉnh, Sở Xây dựng được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã tham mưu UBND tỉnh về phương án tái cấu trúc, cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình quản lý đô thị thành các công ty dịch vụ đô thị để tiến đến xã hội hóa, đấu thầu các dịch vụ đô thị, trong đó có hoạt động thu gom, xử lý rác thải.

Tạp chí Cộng sản (2022) có Chuyên đề *Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh* [112]. Chuyên đề bao gồm nhiều bài viết của các nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tổ chức thực hiện xây dựng NTM, mang đến những phân tích sâu sắc về cả lý luận và thực tiễn. Các bài viết không những đề cập đến vấn đề lý luận: vị trí, vai trò của “tam nông” trong cấu trúc kinh tế - xã hội, trong thời kỳ phát triển mới của đất nước; phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với phát triển bền vững; xây dựng nông dân văn minh, nông thôn hiện đại... mà còn đề cập nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình xây dựng NTM: tổ chức sản xuất nông nghiệp; kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển nông nghiệp, HĐH nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; bảo đảm an ninh nông thôn,... Đồng thời, các bài viết còn bàn luận về những vấn đề còn vướng mắc trong quá trình xây dựng NTM hiện nay, như: làm thế nào để mở rộng phạm vi bao phủ bảo hiểm trong nông nghiệp; lương hưu cho nông dân; kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp; phát triển HTX kiểu mới,... Với việc đánh giá kết quả của Chương trình MTQG xây

dựng NTM đã giúp nhiều vùng nông thôn thay đổi rõ rệt, tuy nhiên, “những chuyển biến đó chưa đáp ứng được yêu cầu rút ngắn khoảng cách, trình độ phát triển giữa nông thôn và đô thị. Do đó, thời gian tới cần có cách tiếp cận mới, hiệu quả hơn trong xây dựng NTM hiện đại” [112, tr.40]. Các bài viết phân tích một số kinh nghiệm của thế giới trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, ví dụ như: mô hình Làng Mới của Hàn Quốc; vấn đề thích ứng với biến đổi khí hậu; việc vận hành các HTX, trên cơ sở đó, lên những gợi ý cho Việt Nam trong quá trình xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

Nội dung xây dựng NTM không chỉ được quan tâm ở tầm vĩ mô, mà các nghiên cứu liên quan đến nội dung này ở các địa phương trong cả nước rất phong phú và đa dạng:

Các tác giả Lê Thị Mỹ Huyền và Nguyễn Thị Hưng (2014) có bài viết *Đồng bằng sông Cửu Long chung sức xây dựng nông thôn mới* [70]. Bài viết giới thiệu một số thành tựu nổi bật sau khi thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long như: nhiều địa phương đã có những cách làm sáng tạo trong huy động nguồn lực; hạ tầng nông thôn đã có bước phát triển rõ rệt; đời sống người dân được cải thiện; thu nhập bình quân đầu người tăng. Bên cạnh đó, bài viết còn đưa ra một số thiếu sót như: việc chế biến bảo quản nông sản sau thu hoạch còn hạn chế; hệ thống giao thông, thủy lợi, nước sạch, cơ sở văn hóa vùng chưa đồng bộ; nguồn vốn để đầu tư kết cấu hạ tầng còn thiếu; nhận thức về xây dựng NTM của người dân còn chưa sâu. Cuối cùng, bài viết đưa ra một số kiến nghị như Nhà nước nên sớm ban hành chính sách đặc thù cho phát triển hạ tầng và phát triển nông nghiệp; tập trung phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh khu vực; đổi mới hoạt động khuyến nông và quan tâm giải quyết một số vấn đề xã hội.

Các tác giả Phạm Đức Kiên và Nguyễn Thị Nguyệt Ánh (2015) trong cuốn sách *Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hưng Yên - một số vấn đề lý luận*

và thực tiễn [74] làm rõ một số vấn đề chung về nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, như: đặc điểm của nông thôn truyền thống Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đồng thời, các tác giả đã trình bày các nội dung về lý luận và thực tiễn của xây dựng NTM ở Việt Nam, như: khái niệm, bộ tiêu chí, nguyên tắc, chủ thể xây dựng NTM; nội dung xây dựng NTM; cơ chế chính sách và vai trò lãnh đạo quản lý của Đảng bộ và chính quyền xã trong xây dựng NTM; đánh giá hiện trạng xây dựng NTM ở tỉnh Hưng Yên và phân tích làm rõ những vấn đề đặt ra. Trên cơ sở đó, các tác giả đã đưa các giải pháp nhằm đẩy mạnh xây dựng NTM ở tỉnh Hưng Yên.

Tác giả Nguyễn Văn Đồng (2016) có bài viết với tựa đề: *Hậu Giang dẫn đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long về xây dựng nông thôn mới* [51]. Tác giả trình bày những thành tựu nổi bật của tỉnh Hậu Giang qua 5 năm xây dựng NTM (2011-2015), thu nhập bình quân đầu người năm 2015 là 28,17 triệu đồng/ người/năm, tăng gấp 2,7 lần so với năm 2010; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 22,8% xuống còn 6,23%. Giai đoạn 2016-2020, tỉnh đề ra mục tiêu hoàn thành 16 xã NTM, thành phố Vị Thanh là đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM. Để đạt được mục tiêu đề ra, tác giả đề xuất 3 giải pháp: đẩy mạnh công tác tuyên truyền; nâng chất các tiêu chí; hoàn chỉnh công tác quy hoạch vùng sản xuất.

Phạm Đi (2016) với cuốn sách *Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay (nghiên cứu vùng Duyên hải Nam Trung bộ)* [50] đã tìm hiểu, nghiên cứu việc xây dựng NTM của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, phát hiện những khó khăn, vấn đề mới phát sinh, rút ra bài học kinh nghiệm, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm thực hiện tốt chủ trương xây dựng NTM.

Tác giả Hạ Long (2016) trong bài viết *Năm cách làm mới, hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới thực chất, vững chắc ở tỉnh Lâm Đồng* [84] phân tích 5 cách làm mới trong xây dựng NTM của tỉnh Lâm Đồng: bí thư cấp

ủy là trường ban chỉ đạo; tập trung cho sản xuất nông nghiệp; phát nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; liên minh trong tổ chức sản xuất nông nghiệp; phát huy vai trò chủ thể và chủ động của người dân. Dù không phải là tỉnh dẫn đầu trong cả nước về số xã, số huyện đạt chuẩn NTM, nhưng tỉnh Lâm Đồng ghi dấu ấn đặc biệt để các địa phương khác tham khảo, học tập bởi cách xây dựng NTM với nhiều cách làm mới hiệu quả.

Ngoài ra, có nhiều Luận án tiến sĩ nghiên cứu về quá trình xây dựng NTM ở các địa phương trên cả nước của các tác giả, như: Lê Quốc Khởi (2017) *Các tỉnh uỷ ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay* [73]; Đào Thanh Lương (2017) *Các tỉnh uỷ ở vùng Đồng bằng sông Hồng lãnh đạo xây dựng nông thôn mới giai đoạn hiện nay* [87]; Hồ Chí Diên (2020), *Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Nguyên* [41]; Tô Trọng Mạnh (2020) *Thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay* [91]; Hoàng Thị Hương (2021) *Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng nông thôn mới (2008 - 2016)* [69]; Hoàng Công Vũ (2021) *Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2020* [228]; Đào Sơn Hải (2023) *Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2020* [55]... Và còn có các đề tài ở địa phương, các bài đăng trên các tạp chí...liên quan đến vấn đề xây dựng NTM ở các địa phương trên cả nước.

Trong đó, luận án của hai tác giả Hoàng Công Vũ (2021) và Đào Sơn Hải (2023) là những công trình có hướng nghiên cứu gần với đề tài luận án. Hai luận án của các tác giả Hoàng Công Vũ và Đào Sơn Hải tập trung làm rõ quá trình lãnh đạo của các Đảng bộ địa phương về xây dựng NTM trong giai đoạn 2010-2020. Hai luận án đã phân tích khá toàn diện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ các tỉnh Bắc Giang và Thái Bình, làm rõ kết quả, hạn chế và rút ra một số kinh nghiệm trong xây dựng NTM tại địa phương. Tuy nhiên, cả hai công trình trên nghiên cứu ở các tỉnh đồng bằng và trung du miền núi phía

Bắc. Về cơ bản, đây là hai địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội thuận lợi hơn, kết cấu hạ tầng và trình độ sản xuất nông nghiệp phát triển sớm, khác biệt với tỉnh Bình Phước - một tỉnh miền núi, biên giới, có xuất phát điểm kinh tế thấp, hạ tầng còn hạn chế. Do đó, đề tài “Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020” kế thừa kết quả của các công trình trên, đồng thời tập trung làm rõ đặc thù lãnh đạo xây dựng NTM trong điều kiện địa phương còn nhiều khó khăn, qua đó góp phần bổ sung, hoàn thiện thêm những luận cứ khoa học về vai trò lãnh đạo của Đảng bộ các tỉnh trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM ở Việt Nam.

1.1.5. Các công trình nghiên cứu về nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bình Phước

Tác giả Nguyễn Tấn Hưng (2009) với bài viết *Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Bình Phước* [67], đã chỉ rõ thực trạng vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Bình Phước. Bài viết chỉ ra rằng, Bình Phước là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhưng xuất phát điểm của Bình Phước về phát triển kinh tế - xã hội lại thấp hơn so với các tỉnh, thành phố trong khu vực. Hơn nữa, trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, nông nghiệp vẫn chiếm số lượng lớn, trong khi công nghiệp và dịch vụ lại phát triển chưa cao; lao động có tay nghề ở khu vực nông thôn của tỉnh vừa thiếu, vừa yếu; sản phẩm nông nghiệp trong tỉnh chưa tạo lợi thế cạnh tranh, chưa xây dựng được thương hiệu trên thị trường; hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân còn mang tính tự phát cao; người dân và kể cả doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn nặng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong những năm tiếp theo, đó là: giải quyết vấn đề này ở Bình Phước phải phù hợp với điều kiện địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội của tỉnh; hoàn thành cơ bản việc rà soát, bổ sung quy hoạch đất đai, quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp hợp lý; quy hoạch xây dựng nông thôn gắn với quy hoạch

phát triển đô thị; tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; phát triển chăn nuôi đại gia súc, đa dạng ngành nghề nông, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến các loại nông sản có lợi thế của tỉnh để xuất khẩu; phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với phát triển văn hóa - xã hội, giải quyết đồng bộ các vấn đề của nông thôn; quán triệt vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn dân.

Tác giả Trần Văn Lộc (2016) với bài viết *Những kết quả khả quan trong phong trào xây dựng nông thôn mới* [81], làm rõ kết quả sau 5 năm triển khai xây dựng NTM ở tỉnh Bình Phước, đồng thời xác định các nhiệm vụ cần thực hiện trong thời gian tới, như: quán triệt phương châm “dễ, ít kinh phí tập trung làm trước”; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM; đẩy mạnh tuyên truyền; triển khai đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Tổng hợp thành tựu và một số bài học kinh nghiệm sau mười năm xây dựng NTM ở Bình Phước, tác giả Dung Hạnh (2019) có bài viết *Mười năm xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bình Phước: Thành tựu và bài học kinh nghiệm* [58]. Tác giả khái quát: “10 năm qua, Chương trình MTQG xây dựng NTM được triển khai sâu rộng khắp toàn tỉnh và thu được nhiều thành tựu quan trọng” [58], đó là: đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM ở các cấp thường xuyên được đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực tổ chức triển khai thực hiện; tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân về xây dựng NTM; phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng NTM” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” phát triển mạnh mẽ; việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình MTQG xây dựng NTM đạt kết quả khá toàn diện. Từ thành quả đó, tác giả đúc kết một số kinh nghiệm như sau: tiếp tục đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành trong xây dựng NTM; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về nội dung, phương pháp,

cách làm trong xây dựng NTM và cơ chế, chính sách của Nhà nước về xây dựng NTM; phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể Nhân dân từ tỉnh xuống cơ sở trong việc tổ chức chỉ đạo xây dựng NTM; huy động tối đa các nguồn vốn của Nhà nước theo cơ chế hỗ trợ xây dựng NTM; chọn điểm mang tính chất đột phá trong xây dựng NTM; chỉ đạo và thực hiện tốt công tác xây dựng, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch xây dựng NTM để bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và đặc thù của từng địa phương. Đồng thời, chú trọng công tác thi đua, khen thưởng, kịp thời động viên, khích lệ các tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực vào chương trình.

Ngoài ra, có một số bài viết nghiên cứu về các lĩnh vực nông nghiệp cụ thể ở Bình Phước của một số tác giả, như: Đức Minh (2018) *Bình Phước: Xây dựng nền nông nghiệp hiện đại* [92]; Nguyễn Trường Vỹ và Nguyễn Thị Minh Hiền (2018) *Phát triển sản xuất điều bền vững dưới góc nhìn người nông dân: Trường hợp tỉnh Bình Phước* [229], Hải Linh (2019) *Bình Phước trợ sức cho ngành điều* [80]; Đoàn Thanh Hải (2019) *Chiến lược phát triển kinh tế trang trại chăn nuôi gà trên địa bàn tỉnh Bình Phước* [56],...

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố có liên quan đến đề tài luận án

Có thể thấy rằng, các công trình nghiên cứu có liên quan đến hoặc thuộc về chủ đề nghiên cứu của đề tài luận án khá phong phú, đa dạng về chuyên ngành, phong phú về số lượng và có những đóng góp rất lớn về mặt khoa học. Cụ thể như sau:

Về nội dung:

- Các nghiên cứu đã tập trung vào phân tích chính sách và thực tiễn xây dựng NTM tại một số quốc gia có nền nông nghiệp phát triển như Trung Quốc,

Hàn Quốc, Thái Lan và Nhật Bản... Các tác giả đã chỉ ra những thành tựu, hạn chế và rút ra bài học kinh nghiệm quý báu từ quá trình này. Các công trình tiếp cận với nhiều nội dung, nhiều vấn đề đặt ra cho quá trình xây dựng NTM ở các nước, như: vai trò của nông dân trong xây dựng NTM; đầu tư xây dựng nông thôn; huy động nguồn lực tài chính; giải pháp phát triển nông nghiệp thương mại điện tử; phát triển bảo hiểm nông nghiệp;... Trên cơ sở đó, các công trình nghiên cứu đề ra những giải pháp nhằm giải quyết tốt hơn nữa vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM. Một số tác giả đúc kết kinh nghiệm của các nước trong xây dựng NTM có thể vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam, như: vai trò chủ đạo, dẫn dắt của Nhà nước là đặc biệt quan trọng, Nhà nước không những là chủ thể ban hành, đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách mà còn hỗ trợ tích cực cho nông dân trong việc tiếp cận các nguồn lực xây dựng NTM; nông dân là chủ thể của quá trình xây dựng NTM, do đó, việc phát huy tính chủ động, tích cực, trách nhiệm của nông dân đóng vai trò quan trọng trong kết quả thực hiện xây dựng NTM; tổ chức bộ máy thực hiện phong trào từ Trung ương đến cơ sở, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan phải thực sự đồng bộ, điều này có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện chủ trương, chính sách từ cấp trên, cũng như giải quyết những “điểm nghẽn” từ cơ sở.

- Dưới góc độ lý luận, các công trình nghiên cứu đã hệ thống hóa các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đặc biệt, khái quát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM. Khẳng định xây dựng NTM là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và Nhân dân ta, cũng như CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là yêu cầu tất yếu trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam. Đồng thời, các công trình nghiên cứu những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM ở Việt Nam dưới nhiều góc độ khác nhau như: cơ chế, chính sách, quản lý nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM; quy

hoạch; vốn; chất lượng nguồn nhân lực; khoa học công nghệ; tuyên giáo; vai trò của nông dân và các thiết chế ở nông thôn,...

- Dưới góc độ thực tiễn, nhiều công trình nghiên cứu quá trình thực hiện đường lối, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM của Đảng trên phạm vi cả nước nói chung cũng như ở một số địa phương nói riêng qua các giai đoạn lịch sử. Từ quá trình phản ánh thực trạng và đánh giá những thành tựu, hạn chế trong quá trình xây dựng NTM, các công trình đúc kết một số kinh nghiệm, gợi mở các phương hướng, giải pháp nhằm tiếp tục phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM trong giai đoạn tiếp theo. Đặc biệt, đối với nội dung mà luận án nghiên cứu: Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020, kết quả nghiên cứu của các công trình góp phần quan trọng, giúp cho nghiên cứu sinh xây dựng khung lý thuyết, cơ sở thực tiễn và có cái nhìn tổng thể về sự nghiệp xây dựng NTM ở Việt Nam và ở tỉnh Bình Phước.

Về tư liệu: Các nhà nghiên cứu ở các lĩnh vực và chuyên ngành khác nhau đã khai thác một khối lượng tư liệu lưu trữ khá lớn về nội dung nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM. Đây là cơ sở, tiền đề quan trọng để làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung và Đảng bộ tỉnh Bình Phước nói riêng trong quá trình xây dựng NTM. Khối lượng tư liệu ấy là những tài liệu quý giá cả về lý luận và thực tiễn để nghiên cứu sinh kế thừa trong quá trình thực hiện mục đích và triển khai nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

Về phương pháp tiếp cận: Các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án được tiếp cận dưới nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau - xuất phát từ mục đích nghiên cứu cũng như nền tảng chuyên ngành của các tác giả là khác nhau, như: Chính sách công, Kinh tế, Lịch sử, Lịch sử Đảng, Nông nghiệp, Xây dựng Đảng, ... Điều đó cho thấy, vấn đề xây dựng NTM nhận được nhiều sự quan tâm của các học giả, nhà nghiên cứu, nhà lãnh đạo. Với sự đa dạng trong cách tiếp cận như vậy, giúp nghiên cứu sinh có thể vận dụng phương

pháp tiếp cận liên ngành, bổ sung cho phương pháp tiếp cận lịch sử và logic để thực hiện đề tài luận án.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu trên nhiều khía cạnh khác nhau về nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng như sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng NTM trên nhiều nội dung khác nhau, cho phép hình dung rõ hơn sự thay đổi của nông nghiệp, nông dân, nông thôn và những kết quả từ quá trình xây dựng NTM, nhưng vẫn còn những “khoảng trống” nhất định cần tiếp tục làm rõ. Nhất là đối với nội dung đề tài luận án: Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020, có thể khẳng định, chưa có công trình nào phản ánh đầy đủ cũng như phân tích, khái quát vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Phước đối với quá trình xây dựng NTM tại địa phương. Các công trình đã công bố chỉ dừng lại ở việc đánh giá kết quả thực hiện, đúc rút một số kinh nghiệm trong xây dựng NTM ở Bình Phước. Trong khi đó, bối cảnh Bình Phước xây dựng NTM có rất nhiều khó khăn, còn nhiều hạn chế về nguồn lực thực hiện..., nhưng những kết quả đáng khích lệ của Bình Phước trong xây dựng NTM cho thấy vai trò quan trọng của Đảng bộ Tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

Ở luận án này, từ góc độ đối tượng và phạm vi nghiên cứu Lịch sử Đảng, nghiên cứu sinh tập trung làm rõ một số điểm sau:

- Những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM;
- Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bình Phước về xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020;
- Quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước chỉ đạo xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020;
- Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời đúc rút kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020.

Tiểu kết chương 1

Nghiên cứu tổng quan những công trình khoa học đã được công bố liên quan đến đề tài của luận án theo 5 nhóm: các công trình nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM ở nước ngoài; các công trình nghiên cứu về đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM; các công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM ở Việt Nam; các công trình nghiên cứu về quá trình thực hiện xây dựng NTM ở Việt Nam và một số địa phương trong cả nước; các công trình nghiên cứu về nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM ở tỉnh Bình Phước - giúp nghiên cứu sinh có cái nhìn khách quan, tương đối toàn diện, nhiều chiều về những vấn đề mà các công trình đã làm được, còn “khoảng trống” cần tiếp tục nghiên cứu. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đó, nghiên cứu sinh có thể kế thừa và phát triển trong quá trình viết luận án cũng như có thể gợi mở những vấn đề cần tiếp tục quan tâm nghiên cứu.

Chương 2
CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ
TỈNH BÌNH PHƯỚC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ
TỈNH BÌNH PHƯỚC LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Bình Phước là một tỉnh miền núi và biên giới nằm ở tọa độ địa lý 11,32 vĩ độ Bắc, 106,54 kinh độ Đông, thuộc khu vực miền Đông Nam Bộ, có tổng diện tích tự nhiên 6.874,4 km² (số liệu năm 2010) [146, tr.56]. Tỉnh là cửa ngõ, cầu nối của vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên và Vương quốc Campuchia. Cụ thể, phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Vương quốc Campuchia; phía Nam giáp tỉnh Bình Dương; phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk và Vương quốc Campuchia. Với vị trí như vậy, tỉnh có điều kiện giao lưu kinh tế, văn hóa với nhiều khu vực, tỉnh, thành trong và ngoài nước. Vì thế, trong suốt quá trình lịch sử, Bình Phước luôn có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh - quốc phòng.

Về đặc điểm địa hình của tỉnh Bình Phước, chủ yếu là cao nguyên ở phía Bắc và Đông Bắc, dạng địa hình đồi núi thấp ở phía Tây và Tây Nam, theo chiều thấp dần từ phía Bắc xuống phía Nam.

Bình Phước có 6 nhóm đất chính với 11 loại đất. Trong đó, chỉ riêng hai nhóm đất: đỏ vàng và xám đã chiếm đến 93,39% tổng diện tích tự nhiên; đặc biệt trong đó, hai loại đất nâu đỏ và nâu vàng trên bazan, là những đất có nhiều ưu điểm cho sử dụng nông nghiệp có quy mô lên đến 405.792,45ha (59,05% diện tích tự nhiên) [143, tr.122]. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi

cho việc phát triển sản xuất các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như cao su, điều, hồ tiêu, cà phê... Bên cạnh đó, đất bazan, đất phù sa còn thích hợp với việc trồng các loại cây hoa màu, lương thực và các loại cây họ đậu.

Khí hậu Bình Phước nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa, trong năm chia thành 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Vào mùa mưa, thời tiết thường mát mẻ, lượng mưa lớn, phù hợp cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên, quá trình xói mòn, rửa trôi diễn ra mạnh, dẫn đến những biến đổi trong phong hóa thổ nhưỡng. Ngược lại, vào mùa khô, lượng mưa ít, độ ẩm không khí giảm, thời tiết thường nóng, gây khó khăn trong sản xuất nông nghiệp. Nhiệt độ bình quân trong năm cao đều và ổn định khoảng trên 26°C.

Bình Phước có hệ thống sông suối tương đối dày đặc với mật độ 0,7-0,8km/km², bao gồm sông Sài Gòn, sông Bé, sông Đồng Nai, sông Măng,... và nhiều suối lớn. Trong đó, có hai con sông lớn chảy từ Bắc xuống Nam: sông Sài Gòn ở phía Tây là ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Bình Phước và tỉnh Tây Ninh kéo dài khoảng 50km; phía Đông là sông Bé, bắt nguồn từ phía Bắc của tỉnh thuộc vùng đất đỏ Nam Tây Nguyên và miền Đông Bắc Campuchia, chảy qua địa phận tỉnh kéo dài khoảng 280 km, đoạn dưới đi vào thành phố Biên Hòa (Đồng Nai), đổ vào sông Đồng Nai. Ngoài ra còn có một số hồ, đập như hồ Suối Lam, hồ Suối Cam, đập thủy điện Thác Mơ (dung tích 1,36 tỷ m³), đập thủy điện Cần Đơn,... Nguồn nước ngầm của tỉnh cũng khá phong phú, nhất là ở phía Tây Nam tỉnh, có giá trị kinh tế cao, có thể khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Bình Phước có nguồn tài nguyên thiên nhiên khá phong phú về chủng loại và đa dạng về loại hình. Trên địa bàn tỉnh, đã phát hiện được 91 mỏ, điểm quặng, điểm khoáng hóa với 20 loại khoáng sản thuộc 04 nhóm: Vật liệu xây dựng, kim loại, phi kim loại và nhóm nguyên liệu [143, tr.57]. Trong đó, nguyên vật liệu xây dựng (đá, cát, sét, laterit, đá vôi...) là loại khoáng sản có

triển vọng và quan trọng nhất của tỉnh, được phân bố rải rác chủ yếu ở vùng phía Tây và một ít ở trung tâm tỉnh.

Về tài nguyên rừng, tỉ lệ che phủ của rừng tự nhiên, rừng trồng và cây công nghiệp trên đất lâm nghiệp là 24,48% (năm 2010). Độ che phủ tính cả diện tích cây công nghiệp trên đất nông nghiệp đạt 69,7% so với diện tích đất tự nhiên [6, tr.485-486]. Vị trí rừng của tỉnh trải dài từ Bắc xuống Nam, có những khu rừng già, những khu rừng nguyên sinh với nhiều loại gỗ quý hiếm như giáng hương, cẩm lai, gỗ đỏ, giá tị; một số loài thú quý hiếm như voi, nai,... và nhiều loại cây có thể sử dụng làm dược liệu quý. Rừng Bình Phước có tác dụng tham gia điều hoà dòng chảy của các con sông lớn như sông Bé, sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, giảm lũ lụt đột ngột đối với các tỉnh vùng ven biển và đảm bảo nguồn sinh thủy trong mùa khô kiệt.

2.1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

- Đặc điểm kinh tế

Ngay từ rất xa xưa, Bình Phước đã là vùng đất cư trú lâu đời của các dân tộc Xtiêng, Khmer, Cơ Ho, Mạ, Mnông [143, tr.233]. Nền kinh tế cổ truyền của các dân tộc này chủ yếu dựa vào thiên nhiên và mang tính chất tự nhiên, tự cấp, tự túc. Phương thức canh tác phổ biến là phát, đốt, chọc, tria. Sau vài năm, đất cằn cỗi, họ bỏ hoang, đi phát nương nơi khác. Ngoài ra, các dân tộc thiểu số ở Bình Phước còn có nghề dệt vải, thổ cẩm, đan lát đồ mây, tre, rèn công cụ truyền thống.

Đến thế kỉ XVI, XVII, cư dân người Kinh đến vùng đất Bình Phước cùng cư dân tại chỗ lập làng, lập xã [143, tr.233]. Bảo tồn và phát huy truyền thống canh tác của cư dân nông nghiệp lâu đời, khi di cư đến Bình Phước, cộng đồng người Kinh cùng một số dân tộc khác tiếp tục trồng lúa nước, thâm canh hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả,... Đây là nguồn thu nhập chính của người dân. Cùng với trồng trọt, các nghề thủ công nghiệp nhỏ (mộc, rèn, thêu, đan,...), thương nghiệp, dịch vụ cũng phát triển.

Từ năm 1975 đến nay, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhiều thành phần dân tộc miền núi phía Bắc (Tày, Thái, Nùng, H'mông,...) đã hoà chung cùng dòng người cả nước đi xây dựng vùng kinh tế mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh, quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được những kết quả tích cực: cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, các tiềm năng, thế mạnh được khai thác; nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phát triển, xuất - nhập khẩu được khuyến khích, đẩy mạnh hợp tác đầu tư với nước ngoài.

Nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện trên cơ sở phát huy thế mạnh về cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả theo hướng đầu tư thâm canh; đất đai được sử dụng có hiệu quả. Bộ mặt nông thôn thay đổi, số hộ giàu và trung bình ngày càng cao. Lâm nghiệp được phát triển trên cơ sở bảo vệ tài nguyên và phát triển vốn rừng, công tác trồng và chăm sóc rừng được ưu tiên. Quản lý bảo vệ rừng, định canh, định cư cho đồng bào được thực hiện. Sản lượng công nghiệp tăng, đặc biệt ở các ngành công nghiệp chế biến nông sản như điều, cà phê, cao su.

Cơ sở hạ tầng được tập trung xây dựng, đáp ứng phần lớn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Mạng lưới điện đã đến được hầu hết các xã, phường, thị trấn; đường giao thông mở đến tất cả các khu dân cư; mạng lưới bưu chính viễn thông được phủ kín đến tất cả các xã, phường, thị trấn và được đầu tư cơ bản.

- Đặc điểm xã hội

Tính đến năm 2010, dân số tỉnh Bình Phước có 893.400 người [146, tr.56] (đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 20%) sinh sống trên địa bàn 111 xã, phường, thị trấn thuộc 7 huyện, 3 thị xã¹. Đến năm 2020 là 1.011.100 người [148, tr.94]. Đây là tỉnh có dân số trung bình của Việt Nam. Tỷ lệ tăng

¹ Trong giai đoạn 2010-2015, tỉnh Bình Phước có 10 huyện, thị xã trực thuộc tỉnh. Ngày 15/5/2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH “về điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập để thành lập mới huyện Phú Riềng”. Huyện Phú Riềng được thành lập trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số huyện Bù Gia Mập, nâng tổng số đơn vị hành chính của tỉnh Bình Phước lên 11, gồm 3 thị xã và 8 huyện.

dân số hằng năm của Bình Phước trong giai đoạn 2010-2020 là 1,24%-1,37% (cả nước là 1,07%-1,17%) [147, tr.117-118]; [150, tr.121-122]. Nếu so sánh với cả nước, Bình Phước là tỉnh có tốc độ tăng dân số tương đối cao. Nguyên nhân chính của sự gia tăng này chủ yếu là tăng cơ học, do sự thu hút dân cư từ các tỉnh khác đến làm việc sản xuất, kinh doanh và khai thác các tiềm năng đất đai của tỉnh sau khi tái lập. Dòng di cư mang theo nguồn nhân lực, tri thức mới, tạo động lực phát triển kinh tế, nhưng đồng thời cũng đặt ra yêu cầu về việc hòa nhập xã hội, quản lý dân cư và đảm bảo an ninh trật tự, đặc biệt ở các vùng nông thôn.

Mật độ dân số toàn tỉnh là 130 người/km² [146, tr.56], nhưng phân bố dân số không đều giữa các huyện thị, dân cư tập trung chủ yếu ở các đô thị thuộc thị xã Đồng Xoài (từ ngày 01/12/2018 là thành phố Đồng Xoài), thị xã Phước Long và thị xã Bình Long (mật độ dân số đều trên 400 người/km²). Ba huyện có mật độ dân số dưới 100 người/km² là Đồng Phú, Bù Đăng và Bù Gia Mập. Sự phân bố này ảnh hưởng trực tiếp đến việc phân bổ nguồn lực, xác định mục tiêu và ưu tiên trong xây dựng NTM. Các khu vực dân cư tập trung có thể thuận lợi hơn trong việc xây dựng hạ tầng, phát triển dịch vụ, nhưng cũng đối mặt với áp lực về môi trường, đất đai. Ngược lại, các vùng thưa dân, vùng sâu, vùng xa gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội, triển khai các mô hình kinh tế tập thể và cần những chính sách đặc thù, ưu tiên về đầu tư hạ tầng và hỗ trợ sinh kế.

Ở Bình Phước song song tồn tại hai thành phần dân cư - người Kinh và các dân tộc thiểu số. Đối với cộng đồng người Kinh, chỉ có một bộ phận nhỏ di cư đến trước năm 1975, còn lại chủ yếu là người dân thuộc diện đi phát triển kinh tế mới. Họ chủ yếu là những nhóm lao động thuộc các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, duyên hải miền Trung, sống phân bố trên tất cả các huyện, thị xã. Đối với cộng đồng người dân tộc thiểu số, tại Bình Phước hiện diện 41 thành phần. Sự đa dạng về dân tộc đòi hỏi công tác lãnh đạo, chỉ đạo NTM

phải rất nhạy bén và tôn trọng bản sắc của các dân tộc. Các chính sách, chương trình cần được xây dựng theo hướng linh hoạt, phù hợp với đặc điểm văn hóa, tín ngưỡng, sinh kế của từng nhóm dân tộc, tránh áp đặt các mô hình chung chung. Việc tuyên truyền, vận động cũng cần sử dụng ngôn ngữ và phương pháp truyền thông phù hợp để đảm bảo thông tin đến được với người dân.

Trên địa bàn tỉnh có 08 tôn giáo được tỉnh công nhận tư cách pháp nhân, số tín đồ các tôn giáo chiếm khoảng 23% dân số toàn tỉnh [6, tr.535]. Điều này đặt ra yêu cầu cho hệ thống chính trị trong việc đảm bảo tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong việc tham gia các hoạt động an sinh xã hội, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tích cực vận động tín đồ hưởng ứng Chương trình NTM. Đồng thời, công tác quản lý nhà nước về tôn giáo cần tạo điều kiện để các tôn giáo được phát triển lành mạnh, hướng tới mục tiêu chung của tỉnh.

Nhìn chung, những đặc điểm về xã hội, dân cư của tỉnh Bình Phước đã tạo nên một bức tranh xã hội đa dạng, “nhiều màu sắc”. Điều này đặt ra yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM của tỉnh phải linh hoạt, từ việc xây dựng các chính sách phù hợp với từng nhóm dân cư, đến việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ để có thể thấu hiểu, vận động và phát huy được sức mạnh của cộng đồng các dân tộc trong công cuộc xây dựng NTM.

- Đặc điểm văn hoá

Ở Bình Phước, do có sự di cư của người dân từ các vùng miền đến nên đã có sự giao lưu, hội nhập phong tục tập quán của các cư dân. Từ đó, tạo nên sự đa dạng của văn hoá các dân tộc ở Bình Phước. Các phong tục, tập quán, tín ngưỡng, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian... của các cộng đồng dân cư vừa bảo lưu nét riêng, vừa có sự giao lưu, ảnh hưởng lẫn nhau, tạo nên bản sắc đặc trưng của vùng đất Bình Phước - một vùng biên giàu bản sắc nhưng cũng rất năng động, cởi mở.

Đồng bào các dân tộc thiểu số ở Bình Phước còn lưu giữ được nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá, lễ hội truyền thống phản ánh quan niệm về thế giới tự nhiên và tín ngưỡng của họ. Đó là các lễ nghi nông nghiệp, lễ hội cồng chiêng,... Do vậy, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM ở các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số đòi hỏi sự thấu hiểu và tôn trọng văn hóa bản địa, tránh áp đặt máy móc, đồng thời khéo léo vận động để các thiết chế văn hóa truyền thống trở thành động lực thúc đẩy phát triển cộng đồng.

Một trong những yếu tố tác động đến Chương trình xây dựng NTM là mặt bằng trình độ văn hóa - giáo dục của cư dân nông thôn Bình Phước. Nhìn chung, trình độ văn hoá của cư dân Bình Phước sau giải phóng đến những năm 2005-2010 được nâng lên rõ rệt. Chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học được nâng lên; xóa “xã trắng” về mầm non và tiểu học; cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ nhà giáo ngày càng được kiện toàn, chuẩn hóa; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục từng bước được đầu tư. Tuy nhiên, công tác giáo dục của tỉnh cũng còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết, ví dụ như đối với cấp tiểu học, số học sinh hao hụt qua mỗi năm vẫn còn do tình trạng lưu ban và bỏ học, đặc biệt ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng nhiều đồng bào dân tộc thiểu số có tỷ lệ học sinh bỏ học cao, như: Bù Đăng (1,62%), Lộc Ninh (1,25%), Bình Long (1,2%)...; tỉ lệ này đối với cấp trung học cơ sở thậm chí còn cao hơn (4,25%), nhất là ở huyện Bù Đăng (4,9%) [144, tr.534-535]. Những khó khăn trong giáo dục không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực nông thôn mà còn ảnh hưởng đến nhận thức, sự tham gia chủ động và năng lực tiếp cận chính sách của người dân trong Chương trình xây dựng NTM. Đặc biệt, ở các vùng có dân trí thấp, việc triển khai các mô hình phát triển kinh tế, các tiêu chí về môi trường, văn hóa, giáo dục, tổ chức sản xuất... thường gặp nhiều trở ngại do người dân thiếu kỹ

năng, chưa có ý thức cộng đồng cao, hoặc còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước.

2.1.2. Tình hình nông thôn ở tỉnh Bình Phước trước năm 2010

Trước năm 2010, nông thôn Bình Phước có nhiều tiềm năng phát triển với diện tích đất nông nghiệp lớn, màu mỡ, khí hậu thuận lợi và hệ thống giao thông tương đối phát triển. Khi được tái lập năm 1997, diện tích đất nông nghiệp chiếm gần 26%, đất rừng chiếm gần 46% diện tích toàn tỉnh [45, tr.10], chủ yếu là đất đỏ bazan thích hợp với các loại cây trồng, đặc biệt là các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao. Thời tiết thuận lợi thích hợp với trồng trọt và chăn nuôi, cơ sở hạ tầng có các đường quốc lộ 13, 14, ĐT741, đường Xuyên Á có giá trị kinh tế lẫn quốc phòng, là điều kiện thuận lợi để Bình Phước phát triển. Tuy nhiên, tỉnh cũng đối mặt với nhiều thách thức như điểm xuất phát thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém, chưa đồng bộ và tỷ lệ hộ nghèo cao: GDP/người ở mức 422.300 đồng (GDP/người của cả nước vào năm 1996 là 401.500 đồng; của các tỉnh miền Đông Nam Bộ (trung bình) là 660.500 đồng) [145, tr.17-18]; cơ cấu kinh tế, nông - lâm nghiệp chiếm hơn 70%; công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển (dịch vụ: 25%; công nghiệp - xây dựng: 5%) [45, tr.12];...

Đại hội Đảng bộ khóa VI (nhiệm kỳ 1997-2000) - Đại hội đầu tiên sau khi tỉnh Bình Phước được tái lập, xác định:

Hiện tại và những năm tới, ngành nông - lâm nghiệp vẫn là mặt trận hàng đầu thúc đẩy tiến trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Ngoài việc phát triển cây lương thực và chăn nuôi là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, nhằm giải quyết một phần nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân; các loại cây công nghiệp dài ngày là thế mạnh của tỉnh, như: Cao su, điều, cà phê, tiêu,... tiếp tục được mở rộng, bước đầu đã hình thành các vùng sản xuất tập trung, có khả

năng cung cấp số lượng lớn sản phẩm cho công nghiệp chế biến tại chỗ và xuất khẩu [45, tr.12].

Trong giai đoạn 2005-2010, ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh tăng trưởng khá cao và ổn định, mặc dù có nhiều biến động bất lợi trong những năm 2008-2010, nhưng “nhờ đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, ứng dụng khoa học công nghệ vào lĩnh vực nông nghiệp nên tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm vẫn đạt 9,1%” [4, tr.26]. Cơ cấu nội bộ ngành nông, lâm thủy sản có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt và tăng dần tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ, trong đó, ngành chăn nuôi đã từng bước chuyển sang chăn nuôi tập trung quy mô lớn. Kinh tế trang trại tiếp tục phát triển, mở rộng. Đến cuối năm 2009, “toàn tỉnh có 5.600 trang trại với tổng vốn đầu tư khoảng 3.000 tỷ đồng, thu hút trên 46.000 lao động, tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 20.900 lao động” [4, tr.27]. Kinh tế tập thể tiếp tục phát triển, đến cuối năm 2010, toàn tỉnh “có 80 HTX với tổng vốn đăng ký là 58.785 triệu đồng” [4, tr.30], thu nhập bình quân hộ xã viên HTX tăng lên qua các năm (thu nhập của hội viên trong HTX nông nghiệp tăng từ 200.000-300.000 đồng/tháng lên 800.000-1.000.000 đồng/tháng; thu nhập của hội viên trong HTX phi nông nghiệp tăng từ 500.000-950.000 đồng/tháng lên 1.000.000-2.000.000 đồng/tháng) [4, tr.30].

Đời sống vật chất và tinh thần của nông dân ở hầu hết các vùng nông thôn trong tỉnh từng bước được cải thiện, “GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 18,512 triệu đồng, tương đương 1.028 USD, gấp 1,8 lần mục tiêu đề ra” [4, tr.25].

Kết cấu hạ tầng nông thôn, đặc biệt là giao thông nông thôn, điện, thủy lợi, nước sinh hoạt được tăng cường và phát triển. Đến năm 2010, 100% xã có đường ô tô tới trung tâm xã; đường liên huyện, liên xã được bê tông nhựa và láng nhựa đạt trên 30%. Lưới điện quốc gia đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn [6, tr.481].

Chương trình xóa đói giảm nghèo được các ngành, các cấp quan tâm triển khai thực hiện tốt, đạt nhiều kết quả tích cực. Từ năm 2005 đến năm 2010, toàn tỉnh giảm được hơn 17.300 hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 9,9% vào đầu năm 2006 xuống còn khoảng 4% vào cuối năm 2010 [6, tr.490-491].

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nông thôn tỉnh Bình Phước vẫn còn những hạn chế trong giai đoạn 2005-2010:

Quy hoạch nông nghiệp, nông thôn còn nhiều bất cập, tình trạng di dân tự do chưa được giải quyết triệt để.

Kết cấu hạ tầng tuy đã được quan tâm đầu tư bằng nhiều hình thức, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển để nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Đặc biệt là đầu tư điện ở khu vực nông thôn, đầu tư hệ thống cấp nước, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế [4, tr.32]. Hiệu quả sử dụng đất chưa cao. Kinh tế tập thể chưa được quan tâm, chỉ đạo đúng mức nên còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển.

“Công tác xóa đói giảm nghèo chưa bền vững, khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng gia tăng giữa khu vực thành thị và nông thôn, đặc biệt là khu vực các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc” [4, tr.45]. Tỷ lệ hộ nghèo và nguy cơ tái nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Chưa quan tâm sâu sát đến việc hướng dẫn sử dụng vốn có hiệu quả và định hướng sản xuất kinh doanh cho các hộ nghèo...

Nông nghiệp chưa thực sự phát triển bền vững, năng suất còn thấp. Sản phẩm nông nghiệp đa số còn ở dạng thô, chưa qua chế biến, chưa có thương hiệu; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội bộ ngành còn chậm; nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ và đào tạo nguồn lực trong nông nghiệp còn bất cập; sản xuất nhỏ, phân tán vẫn còn phổ biến; các hình thức tổ chức sản xuất chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa. Công nghiệp, dịch vụ chưa đáp ứng nhu cầu của sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

Môi trường nông thôn có xu hướng bị ô nhiễm do lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và thuốc diệt cỏ trong sản xuất nông nghiệp.

Nguyên nhân của những hạn chế trên chủ yếu là do nhận thức của một bộ phận cán bộ và Nhân dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn bất cập so với thực tiễn; đầu tư từ ngân sách Nhà nước và các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn thấp; công tác lãnh đạo tổ chức chỉ đạo thực hiện của các cấp ủy Đảng và công tác quản lý Nhà nước của các cấp, các ngành còn nhiều bất cập, yếu kém; vai trò của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhiều nơi còn hạn chế...

Từ thực trạng trên, Đảng bộ tỉnh Bình Phước cần quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW, phát huy vai trò lãnh đạo, đổi mới mạnh mẽ tư duy và phương thức làm việc nhằm tạo ra những đột phá trong quá trình xây dựng NTM, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, bức tranh nông thôn tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2005-2010 vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Quy hoạch nông nghiệp, nông thôn chưa đồng bộ; tình trạng di dân tự do chưa được giải quyết triệt để. Kết cấu hạ tầng tuy đã được quan tâm đầu tư bằng nhiều hình thức, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển để nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Đặc biệt là đầu tư điện ở khu vực nông thôn, đầu tư hệ thống cấp nước, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế [4, tr.32].

Nông nghiệp phát triển thiếu bền vững, năng suất thấp; sản phẩm chủ yếu ở dạng thô, manh mún, chưa có thương hiệu. Các hình thức tổ chức sản xuất (đặc biệt là kinh tế tập thể) chậm đổi mới; trong khi đó, môi trường nông thôn lại có xu hướng ô nhiễm do lạm dụng vật tư nông nghiệp.

Ngoài ra, “Công tác xóa đói giảm nghèo chưa bền vững, khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng gia tăng giữa khu vực thành thị và nông thôn, đặc biệt là khu vực các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc” [4, tr.45]. Điều này càng bộc lộ rõ nét và gay gắt hơn ở những địa bàn vốn là vùng căn cứ địa cách mạng, vùng sâu, vùng xa, biên giới (như Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Gia Mập...). Tại các khu vực này, hậu quả của chiến tranh để lại vẫn còn nặng nề, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội yếu kém, giao thông cách trở. Tỷ lệ hộ nghèo và nguy cơ tái nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số ở mức cao. Tư duy sản xuất của một bộ phận người dân nơi đây còn lạc hậu, chưa được hướng dẫn sử dụng vốn hiệu quả và mang nặng tâm lý trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Nguyên nhân của những hạn chế trên chủ yếu là do nhận thức của một bộ phận cán bộ và Nhân dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn bất cập so với thực tiễn; đầu tư từ ngân sách Nhà nước và các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn thấp; công tác lãnh đạo tổ chức chỉ đạo thực hiện của các cấp ủy Đảng và công tác quản lý Nhà nước của các cấp, các ngành còn nhiều bất cập, yếu kém; vai trò của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhiều nơi còn hạn chế...

Từ thực trạng trên, Đảng bộ tỉnh Bình Phước cần quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW, phát huy vai trò lãnh đạo, đổi mới mạnh mẽ tư duy và phương thức làm việc nhằm tạo ra những đột phá trong quá trình xây dựng NTM, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong đó, yêu cầu bức thiết là không thể áp dụng các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo mang tính cào bằng, đại trà, bởi điều này sẽ khiến các vùng căn cứ địa, vùng đặc biệt khó khăn không thể huy động được nguồn

lực và đối mặt với nguy cơ tụt hậu ngày càng xa. Thực tiễn đòi hỏi cấp ủy Đảng phải có những cơ chế, chính sách mang tính đặc thù; đồng thời khuyến khích sáng tạo những mô hình mới, cách làm hay để khơi thông nguồn lực, phù hợp với sức dân tại các địa bàn trọng yếu, qua đó tạo đòn bẩy bứt phá cho công cuộc xây dựng NTM của tỉnh.

2.1.3. Tình hình thế giới, trong nước

Trong giai đoạn 2010-2015, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động đã tác động sâu sắc đến quá trình xây dựng NTM ở tỉnh Bình Phước. Tại Đại hội lần thứ XI (01/2011), Đảng khẳng định: “Nước ta bước vào thời kỳ chiến lược mới trong bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường” [46, tr.27]. Vào năm 2016, tại Đại hội lần thứ XII, nhìn lại giai đoạn 2010-2015, Đảng đánh giá, “bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến rất phức tạp” [47, tr.13], cụ thể, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 để lại những hậu quả sâu rộng, làm giảm nhu cầu nhập khẩu nông sản, gây áp lực lên giá cả và thị trường tiêu thụ của nông sản Việt Nam, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của nông dân. Giá cả nông sản bất ổn khiến nông dân khó khăn trong việc lập kế hoạch sản xuất và đầu tư. Nhiều nước tăng cường bảo hộ thương mại và sản xuất, đòi hỏi nông sản Việt Nam phải đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng và an toàn thực phẩm.

Ở trong nước, tại Đại hội lần thứ XII, Đảng nhận định:

Tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu làm cho mặt trái của chính sách kích cầu và những yếu kém nội tại của nền kinh tế bộc lộ nặng nề hơn. Lạm phát tăng cao, kinh tế vĩ mô không ổn định, sản xuất kinh doanh và đời sống Nhân dân gặp nhiều khó khăn. Cùng với những ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, những hạn chế, khiếm khuyết vốn có của nền kinh tế chưa được giải quyết, những hạn chế, yếu kém trong lãnh

đạo, quản lý và những vấn đề mới phát sinh đã làm cho lạm phát tăng cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ổn định kinh tế vĩ mô, tốc độ tăng trưởng và đời sống Nhân dân. Trong khi đó, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gây thiệt hại lớn và yêu cầu bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh ngày càng cao. Đồng thời, đất nước phải dành nhiều nguồn lực để bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền đất nước trước những động thái mới của tình hình khu vực và quốc tế [47, tr.57-58].

Như vậy, Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn như lạm phát cao, tỷ giá hối đoái biến động, thiên tai, dịch bệnh. Chính sách thắt chặt tín dụng để kiềm chế lạm phát đã gây khó khăn cho việc huy động nguồn lực xây dựng NTM cũng như việc tiếp cận vốn của nông dân. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu với các hiện tượng cực đoan như hạn hán, lũ lụt đã gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp và quá trình xây dựng NTM.

Với bối cảnh quốc tế, trong nước như trên, đã tác động đến quá trình xây dựng NTM trên cả nước nói chung và tỉnh Bình Phước nói riêng. Khi xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng trở nên mạnh mẽ, sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ cũng như thành tựu của 25 năm đổi mới của đất nước đã mang lại thời cơ, đồng thời tạo ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM. Bên cạnh đó, với tác động bất lợi từ yếu tố khách quan, như thiên tai,... đặt ra nhiều vấn đề mà Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Bình Phước cần phải giải quyết trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

2.1.4. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2015

Lần đầu tiên, tại Đại hội lần thứ X (2006), Đảng nêu chủ trương về xây dựng NTM một cách có hệ thống trong cả nước. Tại Đại hội này, Đảng đề ra yêu cầu:

Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn. Thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Xây dựng các làng, xã, ấp, bản có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh. Hình thành các khu dân cư đô thị hoá với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ như: Thủy lợi, giao thông, điện, nước sạch, cụm công nghiệp, trường học, trạm y tế, bưu điện, chợ. Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, nâng cao trình độ dân trí, bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục, mê tín dị đoan; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội [48, tr.193].

Thực hiện chủ trương của Đảng tại Đại hội lần thứ X, ngày 05/8/2008, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”, xác định quan điểm: “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”; “Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”; “Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”; “Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, dân chủ, có đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM, nâng cao đời sống nông dân” [8]. Đây là bước phát triển mới trong tư duy của Đảng, khi đặt “tam nông” vào vị trí trung tâm, coi đây vừa là nền tảng, vừa là động lực cho quá trình phát triển đất nước. Đồng thời, Đảng tiếp cận “tam nông” một cách có hệ thống, khẳng định xây dựng NTM không chỉ là phát triển nông nghiệp mà còn là nâng cao đời sống cho nông dân, phát triển văn hóa ở nông thôn, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

Nghị quyết xác định mục tiêu xây dựng NTM:

có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển

nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường [8].

Mục tiêu xây dựng NTM trong Nghị quyết số 26-NQ/TW là toàn diện, phản ánh đúng yêu cầu khách quan của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Mục tiêu này không chỉ tập trung vào phát triển hạ tầng và kinh tế, mà còn hướng tới nâng cao dân trí, bảo vệ môi trường, giữ gìn văn hóa và củng cố hệ thống chính trị. Đây là cách tiếp cận phù hợp, toàn diện, hài hòa giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.

Bên cạnh đó, Nghị quyết đề ra mục tiêu cụ thể đến các năm 2010, 2020, theo đó, đến năm 2020, có 50% xã đạt tiêu chuẩn NTM. Để đạt được mục tiêu trên, một số giải pháp đã được Nghị quyết đề ra: xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển các đô thị; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là vùng khó khăn; đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn; phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn; đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, nhất là Hội Nông dân.

Thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 26-NQ/TW, nhằm đưa xây dựng NTM trở thành nội dung quan trọng, góp phần đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, *Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng*

nông thôn mới được xác định tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, để đạt xã NTM, một địa phương phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của 5 lĩnh vực, bao gồm 19 tiêu chí lớn và 39 tiêu chí nhỏ. Năm lĩnh vực của một xã NTM là: quy hoạch và thực hiện quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội, kinh tế và tổ chức sản xuất, văn hóa - xã hội - môi trường và hệ thống chính trị. Trong mỗi lĩnh vực lớn này, NTM được cụ thể hóa bằng các tiêu chí nhỏ hơn. Để một huyện đạt chuẩn huyện NTM, thì cần có 75% số xã trong huyện đạt NTM, và để một tỉnh đạt chuẩn tỉnh NTM thì cần có 80% số huyện trong tỉnh đạt NTM. Vào ngày 20/02/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 342/QĐ-TTg “*về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*”, cụ thể là các tiêu chí sau: tiêu chí số 7: chợ nông thôn; tiêu chí số 10: thu nhập; tiêu chí số 12: tỉ lệ lao động có việc làm thường xuyên; tiêu chí số 14: giáo dục; tiêu chí số 15: y tế cho phù hợp với tình hình thực tế.

Ngày 04/6/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg “*về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*”. Tại Quyết định số 800/QĐ-TTg, Thủ tướng nhấn mạnh 11 nội dung của Chương trình MTQG xây dựng NTM nhằm thực hiện 19 tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM. Để chương trình được thực hiện thành công, nguồn vốn là yếu tố đặc biệt quan trọng. Trong Quyết định số 800/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh có 04 nguồn vốn được huy động để thực hiện Chương trình, đó là vốn ngân sách trung ương, địa phương (40%), vốn tín dụng (30%), vốn từ các doanh nghiệp, HTX và các loại hình kinh tế khác (20%), vốn được huy động từ đóng góp của cộng đồng dân cư (10%). Bên cạnh xác định nội dung, nguồn vốn của chương trình, Quyết định đề cập đến 07 giải pháp trên các lĩnh vực: nhận thức; cơ chế huy động vốn; nguyên tắc cơ chế hỗ trợ; cơ chế đầu tư; đào tạo

cán bộ chuyên trách để triển khai Chương trình MTQG; hợp tác quốc tế trong xây dựng NTM; điều hành, quản lý chương trình.

Tại Đại hội lần thứ XI (2011), nội dung xây dựng NTM tiếp tục được Đảng quan tâm, chú trọng. Đảng khẳng định, cần:

Quy hoạch phát triển nông thôn và phát triển đô thị và bố trí các điểm dân cư. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Triển khai Chương trình xây dựng NTM phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn; giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của nông thôn Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tạo môi trường thuận lợi để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động. Triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho 1 triệu lao động nông thôn mỗi năm [46, tr.123].

Đại hội lần thứ XI của Đảng đã kế thừa những quan điểm lớn được xác định tại Nghị quyết số 26-NQ/TW (2008) “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”, đồng thời phát triển và cụ thể hóa thành những định hướng rõ ràng hơn cho Chương trình xây dựng NTM. Nếu như Nghị quyết số 26-NQ/TW đặt nền tảng chiến lược khi xác định vai trò, mục tiêu của xây dựng NTM thì Đại hội lần thứ XI đã nhấn mạnh đến các nội dung cụ thể xây dựng NTM. Điểm nhấn quan trọng là việc nhấn mạnh triển khai NTM theo từng vùng, từng giai đoạn với bước đi vững chắc, phản ánh tính thực tiễn cao hơn so với giai đoạn trước. Đại hội lần thứ XI cũng bổ sung yêu cầu đào tạo nghề cho 1 triệu lao động nông thôn mỗi năm, thể hiện bước phát triển mới về nhận thức trong giải quyết căn cơ vấn đề việc làm và chất lượng nguồn nhân lực nông thôn.

Ngày 15/05/2014, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 97-KL/TW “*về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7*

khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”. Kết luận đánh giá kết quả sau 05 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”:

xây dựng NTM đã trở thành phong trào quần chúng sôi nổi và tương đối đều khắp cả nước;... bộ mặt nông thôn ở nhiều nơi được khởi sắc, ngày một văn minh hơn; cơ sở hạ tầng thiết yếu từng bước được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, an ninh trật tự được giữ vững, vai trò lãnh đạo của Đảng ở các vùng nông thôn được tăng cường [18],

Những thành tựu này khẳng định tính đúng đắn và kịp thời của Nghị quyết số 26-NQ/TW, đồng thời cho thấy quyết tâm của Đảng trong lãnh đạo xây dựng NTM, hướng tới mục tiêu nông thôn giàu đẹp, văn minh, hiện đại, đời sống người dân nâng cao, môi trường bền vững và hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh là vấn đề chiến lược trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện Nghị quyết đã bộc lộ một số hạn chế, yếu kém: “xây dựng NTM ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, kém chất lượng; mục tiêu xây dựng NTM đến năm 2015 và 2020 khó đạt được nếu không có sự chỉ đạo quyết liệt, hỗ trợ mạnh hơn về cơ chế, chính sách và nguồn lực” [18]. Nhận định này thể hiện sự tự nhìn nhận, đánh giá của Đảng, không né tránh hạn chế, khuyết điểm, từ đó tạo tiền đề để định hướng đúng đắn cho giai đoạn tiếp theo.

Kết luận đi sâu phân tích nguyên nhân của những hạn chế. Đó là: nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền ở một số nơi về Nghị quyết số 26-NQ/TW chưa đầy đủ, thiếu vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương; còn xem nhẹ vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa được thường xuyên, thiếu quyết liệt; bộ máy, chất lượng quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn nhiều bất cập; sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành chức năng thiếu

chặt chẽ; đầu tư của nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn còn rất hạn chế; một số cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông thôn ban hành chưa hiệu quả, thiếu tính khả thi, chậm được sửa đổi; thiếu cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút mạnh mẽ các nguồn lực xã hội, nhất là doanh nghiệp đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; cơ cấu đầu tư có nơi chưa hợp lý, nhiều chương trình, dự án cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn chồng chéo, khó lồng ghép dẫn đến phân tán nguồn lực, kém hiệu quả; đóng góp của khoa học, công nghệ vào giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp còn thấp; sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể Nhân dân ở nhiều nơi còn hạn chế, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình. Việc chỉ rõ nguyên nhân chủ quan và khách quan của những hạn chế cho thấy sự khách quan, cầu thị và khoa học trong cách tiếp cận của Đảng.

Từ đánh giá thành tựu và hạn chế, Kết luận số 97-KL/TW đề ra hệ thống giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, đó là: đẩy mạnh, công tác tuyên truyền, tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; rà soát, điều chỉnh bổ sung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn gắn với tái cơ cấu nền nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đẩy mạnh xây dựng NTM, chú trọng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là các vùng còn nhiều khó khăn; tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, HTX; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đổi mới cơ chế, chính sách, huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp. Những giải pháp này không chỉ nhằm khắc phục hạn chế, mà còn đặt nền móng để xây dựng NTM theo hướng thực chất, bền

vững, chú trọng chất lượng thay vì chạy theo số lượng. Có thể khẳng định, Kết luận số 97-KL/TW là bước phát triển quan trọng trong tư duy lãnh đạo của Đảng về xây dựng NTM. Văn kiện này vừa tổng kết thực tiễn, vừa bổ sung các giải pháp cấp bách và lâu dài, tạo tiền đề để triển khai xây dựng NTM hiệu quả trong giai đoạn tiếp theo.

Những chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, là cơ sở quan trọng để Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM phù hợp với tình hình của địa phương trong giai đoạn 2010-2015.

2.2. ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015

2.2.1. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bình Phước về xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2015

Quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW, Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Kế hoạch số 53-KH/TU ngày 20/10/2008 “*về thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn*”. Kế hoạch xác định rõ, mục tiêu xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh là:

Có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường [132].

Để thực hiện mục tiêu trên, Kế hoạch đề ra 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chung nhằm thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TW, đó là: thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiến hành quy hoạch và rà soát quy hoạch làm cơ sở triển khai thực hiện các chương trình, dự án trong nông nghiệp, nông dân và nông thôn; phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tăng cường chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để CNH,

HDH nông nghiệp, nông thôn; cụ thể hóa các chính sách về nông nghiệp, nông dân và nông thôn để huy động các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân; đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tăng cường triển khai tuyên truyền, phổ biến kịp thời và hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Đặc biệt, về giải pháp xây dựng NTM, Kế hoạch nêu 6 nhiệm vụ trọng tâm: tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá các mô hình sản xuất có hiệu quả để nhân rộng; khuyến khích phát triển hình thành các mối liên kết giữa các nông hộ với trang trại, HTX, doanh nghiệp, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành hàng đáp ứng yêu cầu sản xuất của nền nông nghiệp hiện đại; tiếp tục tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, trang trại, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; tiếp tục triển khai phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc như; xây dựng hệ thống thư viện nông thôn để cung cấp cho người dân những tư liệu về sản xuất, về thị trường, về nếp sống văn minh... để người dân tham khảo và thực hiện; tiếp tục triển khai quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư tỉnh Bình Phước đến năm 2020 đã duyệt, triển khai Chương trình xây dựng NTM.

Có thể khẳng định, Kế hoạch số 53-KH/TU là văn kiện quan trọng, cụ thể hóa Nghị quyết số 26-NQ/TW vào điều kiện Bình Phước, vừa xác định rõ mục tiêu, lộ trình, vừa đề ra hệ thống giải pháp toàn diện và khả thi. Nhờ đó, Kế hoạch đã tạo nền tảng chính trị quan trọng để Đảng bộ tỉnh Bình Phước tổ chức triển khai xây dựng NTM từ năm 2010, góp phần đưa nhiệm vụ xây dựng NTM đi vào chiều sâu, phù hợp với đặc thù địa phương miền núi, biên giới, có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

Tại Đại hội đại biểu lần thứ IX (2010), Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã thể hiện rõ quyết tâm chính trị trong triển khai xây dựng NTM, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn của tỉnh. Để phù hợp với nguồn lực của địa phương, Đại hội xác định, “Mỗi huyện, thị xã chọn 2 xã để xây dựng NTM theo chỉ đạo của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ” [4, tr.79]. Chủ trương này không chỉ cho thấy sự chủ động, linh hoạt của Đảng bộ Tỉnh trong tiếp thu, cụ thể hóa chỉ đạo của Trung ương, mà còn là bước đi thận trọng, tạo mô hình thí điểm để rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng. Trên cơ sở đó, Đảng bộ Tỉnh nhấn mạnh giải pháp nhằm tiếp tục đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững là “Sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường. Thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng NTM trên cơ sở giải quyết đồng bộ vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn” [4, tr.87], đồng thời, Đại hội đặt trọng tâm vào đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, coi đó là điều kiện tiên quyết để các xã từng bước đạt chuẩn theo tiêu chí NTM: “Đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, điện, nước, cơ sở hạ tầng vùng nông thôn tạo điều kiện cho các xã phát triển theo tiêu chí NTM, nhất là các tiêu chí về giáo dục, y tế và giao thông nông thôn” [4, tr.156]. Việc xác định 03 chương trình đột phá trong giai đoạn 2010-2015, đó là: “Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy nhanh phát triển công nghiệp - dịch vụ; chương trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; chương trình đào tạo cán bộ và phát triển nguồn nhân lực” [4, tr.86] góp phần quan trọng trong việc tạo cơ sở cũng như huy động nguồn lực cho quá trình xây dựng NTM tại địa phương.

Ngày 06/12/2013, Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU “về *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020*”. Nghị quyết được ban hành trong bối cảnh sau hơn 3 năm Bình Phước triển khai xây dựng NTM theo Quyết định số

800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ, nông thôn Bình Phước đã có những chuyển biến tích cực, kết cấu hạ tầng về điện, đường, trường, trạm từng bước được hoàn thiện; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng nông thôn được giữ vững; các giá trị văn hóa truyền thống, nhất là của đồng bào các dân tộc thiểu số được giữ gìn và phát huy. Tuy nhiên, Nghị quyết cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, như tiến độ triển khai còn chậm, chất lượng quy hoạch chưa cao. Tính đến cuối năm 2013, cả tỉnh vẫn chưa có xã nào đạt 19/19 tiêu chí NTM (xã Tân Lập, huyện Đồng Phú² chỉ cơ bản hoàn thành 18/19 tiêu chí; đối với 20 xã chỉ đạo điểm của tỉnh giai đoạn 2011-2015 đã hoàn thành cả phê duyệt đồ án quy hoạch và đề án, trong đó: 08 xã đạt từ 10 đến 14 tiêu chí, 09 xã đạt từ 5 đến 9 tiêu chí, 03 xã đạt dưới 5 tiêu chí); việc huy động nguồn lực từ doanh nghiệp và huy động trực tiếp của Nhân dân còn hạn chế, đạt thấp so với nhu cầu; giải ngân nguồn vốn ngân sách cho thực hiện chương trình còn chậm.

Với kết quả như vậy, Nghị quyết quán triệt mục tiêu chung khi xây dựng NTM là:

Xây dựng NTM có kinh tế phát triển toàn diện, bền vững, cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ, hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, các giá trị truyền thống văn hóa nông thôn được giữ gìn và phát huy hiệu quả. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội nông thôn được bảo đảm, góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam [135].

² Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú là một trong 11 xã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng lựa chọn để chỉ đạo điểm trong xây dựng NTM theo Thông báo số 238-TB/TW ngày 07/4/2009 của Ban Chấp hành Trung ương “về Kết luận của Ban Bí thư về Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa””. Thời gian thực hiện Đề án là 03 năm (từ năm 2009 đến năm 2011). Đề án này là bước chuẩn bị về nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế, chính sách, xác định mối quan hệ và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền trong việc chỉ đạo, thực hiện... để hỗ trợ, đảm bảo việc triển khai toàn diện Chương trình MTQG xây dựng NTM đạt tốc độ nhanh và hiệu quả thiết thực.

Về mục tiêu cụ thể, trong những năm 2013-2015, Nghị quyết nhấn mạnh phần đầu 21/92 xã đạt chuẩn NTM (trong đó, có xã Tân Lập, huyện Đồng Phú (xã được Ban Bí thư Trung ương chọn chỉ đạo điểm) và 20 xã chỉ đạo điểm của tỉnh giai đoạn 2011-2015); trong giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh phấn đấu nâng số lượng các xã đạt chuẩn NTM đạt 50% trên tổng số xã [135].

Để đạt được các mục tiêu như trên, Nghị quyết quán triệt 05 nhóm nhiệm vụ và giải pháp như sau:

Trước hết, tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của xây dựng NTM trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, khơi dậy tinh thần chủ động, phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân, đồng thời củng cố hệ thống truyền thanh, thông tin phục vụ tuyên truyền ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Hai là, hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương gắn với thực tiễn phát triển, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến; chính sách an sinh xã hội, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp xã; cơ chế huy động, lồng ghép các nguồn lực trong xã hội, nhất là từ doanh nghiệp, để đầu tư kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất nông nghiệp.

Ba là, đổi mới cách thức tổ chức thực hiện, bảo đảm phương châm “dễ làm trước, khó làm sau”, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa và bảo vệ môi trường nông thôn, ưu tiên những tiêu chí thiết thực, có sự đồng thuận cao của Nhân dân.

Bốn là, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, củng cố Ban chỉ đạo các cấp về xây dựng NTM, tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cơ sở, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo cấp xã, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình.

Năm là, đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng và nhân rộng điển hình tiên tiến, kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư có cách làm hay, sáng tạo, góp phần tạo động lực thi đua sôi nổi trong toàn tỉnh; đồng thời tăng cường kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm giữa các địa phương, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị.

Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy Bình Phước đóng vai trò rất quan trọng trong việc thống nhất về nhận thức, hành động của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Bình Phước trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2013-2020. Xuất phát từ những kết quả còn hạn chế trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh trong những năm 2010-2013, Đảng bộ Tỉnh đã quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, đề ra các giải pháp mang tính cốt lõi nhằm đưa quá trình xây dựng NTM ở Bình Phước trong giai đoạn 2013-2020 đi vào chiều sâu, hiệu quả hơn.

Có thể thấy, Nghị quyết số 05-NQ/TU là sự kế thừa và phát triển những định hướng quan trọng đã được Đảng bộ tỉnh Bình Phước xác định từ trước đó. Kế hoạch số 53-KH/TU của Tỉnh ủy Bình Phước là văn kiện khởi đầu mang tính cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 7 khóa X vào điều kiện địa phương, xác lập mục tiêu, lộ trình và 7 nhóm giải pháp chung nhằm chuẩn bị cho việc triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM. Trên cơ sở đó, tại Đại hội đại biểu lần thứ IX, Đảng bộ Tỉnh tiếp tục cụ thể hóa bằng chủ trương thực tiễn: lựa chọn mô hình thí điểm (mỗi huyện, thị xã chọn 2 xã làm điểm) và xác định ba chương trình đột phá (chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đầu tư hạ tầng; đào tạo cán bộ và phát triển nguồn nhân lực) để làm “đòn bẩy” cho quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Thực tiễn triển khai bước đầu cho thấy hiệu ứng tích cực nhưng đồng thời bộc lộ hạn chế về tiến độ, chất lượng quy hoạch và huy động nguồn lực; chính vì vậy, Nghị quyết số 05-NQ/TU ra đời như một bước điều chỉnh, nhấn mạnh mục tiêu, lộ trình phấn đấu cụ thể

(giai đoạn 2013-2015 và 2016-2020), đồng thời đề ra các nhóm giải pháp quyết liệt hơn nhằm khắc phục những hạn chế của giai đoạn đầu.

Trên cơ sở chỉ đạo của Bộ Chính trị (khóa XI), Kết luận số 97-KL/TW được ban hành vào ngày 15/5/2014 “*về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”, Tỉnh ủy Bình Phước cụ thể hóa việc thực hiện Kết luận số 97-KL/TW thông qua ban hành Kế hoạch số 188-KH/TU vào ngày 26/9/2014 “*về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn*”. Đây là văn kiện quan trọng nhằm điều chỉnh, bổ sung những định hướng và giải pháp phù hợp với thực tiễn địa phương, sau khi quá trình triển khai xây dựng NTM giai đoạn đầu bộc lộ nhiều hạn chế về tiến độ, chất lượng và sự thiếu đồng bộ trong huy động nguồn lực.

Tỉnh ủy Bình Phước xác định trọng tâm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW là cụ thể hóa một số chủ trương, giải pháp gắn với việc thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Để quá trình xây dựng NTM ở Bình Phước đi vào chiều sâu, Đảng bộ Tỉnh xác định rõ cần phải đổi mới phương thức, nội dung tuyên truyền; rà soát, điều chỉnh bổ sung nâng cao chất lượng quy hoạch của tỉnh; đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn gắn với tái cơ cấu nền nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển các đô thị; tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế hợp tác; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đổi mới cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý của nhà nước về nông nghiệp, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là đối với Hội Nông dân các cấp trong tỉnh.

Kế hoạch số 188-KH/TU không chỉ là sự cụ thể hóa tinh thần Kết luận số 97-KL/TW vào điều kiện cụ thể ở Bình Phước, mà còn là bước chuyển quan trọng, đưa xây dựng NTM ở địa phương từ giai đoạn “khởi động” sang giai đoạn phát triển nhanh, mạnh mẽ, toàn diện, tạo nền tảng vững chắc để Bình Phước đạt được những thành tựu mang tính đột phá trong thời gian tiếp theo.

Để tạo cơ sở pháp lý cho các xã trên địa bàn tỉnh triển khai xây dựng NTM trong giai đoạn 2010-2015, trên cơ sở văn bản quy định và hướng dẫn từ Trung ương, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định về việc ban hành Bộ tiêu chí trên địa bàn tỉnh và nhiều lần điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp với tình hình mới, đó là các văn bản: Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 01/11/2010 “*về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2020*”; Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 “*về việc ban hành quy định chi tiết thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”; Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 “*về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”; Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 “*về ban hành quy định chi tiết thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước*” (thay thế Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 01/11/2010).

2.2.2. Đảng bộ tỉnh Bình Phước chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

2.2.2.1. Thành lập Ban Chỉ đạo, quy hoạch, tuyên truyền, tổ chức các phong trào thi đua, huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

- Thành lập Ban Chỉ đạo

Để giúp UBND tỉnh nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng NTM, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010-2020 được thành lập theo Quyết định số 2505/QĐ-UBND

ngày 28/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước (Ban Chỉ đạo cấp tỉnh). Quyết định này được thay thế bằng Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 26/7/2011 của UBND tỉnh Bình Phước³. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh được kiện toàn tại Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 22/01/2015. Ban Chỉ đạo gồm 43 thành viên, do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là Phó trưởng Ban Chỉ đạo.

Để tăng cường tính thống nhất và phối hợp trong triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM, lãnh đạo các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch UBND 10 huyện, thị xã đều là thành viên Ban Chỉ đạo, vì vậy công tác chỉ đạo được xuyên suốt, các huyện, thị xã kịp thời nắm bắt các nội dung chỉ đạo của Ban Chỉ đạo tỉnh. Đồng thời, các thành viên Ban Chỉ đạo được phân công nhiệm vụ cụ thể, phụ trách từng tiêu chí và trực tiếp kiểm tra, giám sát, hướng dẫn đối với từng huyện, thị xã. Trong các cuộc họp định kỳ của Ban Chỉ đạo, nội dung này được báo cáo, đánh giá, do đó, Ban Chỉ đạo kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn cho các địa phương, đơn vị trong quá trình thực hiện.

Để Ban Chỉ đạo hoạt động một cách hiệu quả, có tổ chức, ngày 03/8/2011, Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM được ban hành bởi Quyết định số 1805/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước. Ngày 22/8/2013, Quy chế hoạt động mới được ban hành tại Quyết định số 1558/QĐ-UBND. Theo đó, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM có nhiệm vụ:

Xây dựng Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010-2020; báo cáo UBND tỉnh trình thường trực Tỉnh ủy; quán triệt, phổ biến nội dung, kế hoạch, Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Bình Phước đến năm 2020; xây dựng kế hoạch hàng

³ Quyết định số 1726/QĐ-UBND bổ sung thành viên của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh: Ngoài Chủ tịch UBND tỉnh; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; lãnh đạo các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh; bổ sung thêm 10 Chủ tịch UBND của 10 huyện, thị xã là thành viên của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

năm, 05 năm về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Bình Phước; chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các nội dung, kế hoạch, Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Bình Phước đến năm 2020; xây dựng các giải pháp, cơ chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh; sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện các mô hình điểm về xây dựng NTM và chỉ đạo nhân rộng giai đoạn tiếp theo; thẩm định đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM của cấp huyện, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận; tham mưu UBND tỉnh trình Ban Chỉ đạo NTM Trung ương xét công nhận huyện, tỉnh đạt chuẩn NTM [184].

Giúp việc cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh là Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM (Văn phòng điều phối), được thành lập từ năm 2010 cùng với Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 tỉnh Bình Phước tại Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 28/10/2010. Tuy nhiên, để có cơ sở pháp lý chặt chẽ trong việc xác định chức năng, phân công nhiệm vụ, quyền hạn trong thực hiện Chương trình xây dựng NTM, ngày 07/7/2011, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1570/QĐ-UBND “*về thành lập Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Bình Phước*”, quy định rõ chức năng, phân công Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, mối quan hệ công tác cụ thể của Văn phòng điều phối theo thẩm quyền. Thành phần của Văn phòng điều phối gồm có Chánh văn phòng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn kiêm nhiệm; 01 Phó Chánh văn phòng thường trực hoạt động chuyên trách, 02 công chức thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh được chuyển sang làm việc chuyên trách. Ngoài ra, Văn phòng điều phối được hợp đồng lao động với các cá nhân có chuyên môn phù hợp theo qui định.

Bên cạnh Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM cấp huyện được thành lập ở 10/10 huyện, thị xã, theo đó, Chủ tịch UBND huyện, thị xã làm Trưởng Ban Chỉ đạo cấp huyện. Ở cấp xã, 92/92 xã đã thành lập Ban Quản lý đề án xây dựng NTM cấp xã (Ban Quản lý xã), do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban.

Việc thiết lập một hệ thống tổ chức chỉ đạo từ tỉnh đến cơ sở góp phần tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với Chương trình xây dựng NTM. Cơ chế này không chỉ đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa các cấp hành chính mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân quyền, phân cấp trách nhiệm, giúp cho quá trình ra quyết định và triển khai thực hiện được nhanh chóng và linh hoạt hơn.

- Công tác quy hoạch

Quy hoạch NTM chính là quá trình lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn, bao gồm phân tích tình hình hiện tại, xác định mục tiêu và định hướng phát triển trong tương lai, đề ra các giải pháp cụ thể, và quyết định việc sử dụng đất và các nguồn lực khác để đạt được mục tiêu đó. Đây được coi là một trong những nội dung quan trọng nhất để tạo ra sự phát triển bền vững cho nông thôn, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và đóng góp vào nền kinh tế của đất nước. Đồng thời, làm tốt công tác quy hoạch còn giúp tạo ra môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của nông thôn tỉnh Bình Phước nói riêng và cả nước nói chung. Yêu cầu khi quy hoạch NTM là cần được thực hiện đồng bộ với các quy hoạch khác như quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung của địa phương và quy hoạch phát triển vùng. Ngoài ra, quy hoạch cần phải đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và bền vững, phù hợp với địa phương và thực tế sản xuất kinh doanh của nông dân. Đối với tỉnh Bình Phước, quy hoạch NTM được thể hiện trên 03 nội dung:

(1) Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; (2) Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới; (3) Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp [167].

Xây dựng quy hoạch NTM là cơ sở để xây dựng hạ tầng, bố trí dân cư và phát triển sản xuất, do đó, công tác quy hoạch phải thực hiện sớm. Quán triệt tinh thần trên, UBND tỉnh Bình Phước xác định cơ sở, lộ trình, tiến độ quy hoạch NTM tại Kế hoạch số 99/KH-BCĐXDNTM ngày 03/8/2011 của Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Bình Phước “*về triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*”. Theo đó, quy hoạch NTM dựa trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Xây dựng; Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời, lấy ý kiến của Nhân dân. Theo Kế hoạch, tất cả các xã phải hoàn thành quy hoạch và lập đề án NTM chậm nhất trong năm 2012, riêng 20 xã điểm được chọn thực hiện Chương trình dựng NTM trong giai đoạn 2010-2015 phải hoàn thành quy hoạch và lập đề án trong năm 2011.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện tiêu chí quy hoạch, tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế. Tính đến giữa năm 2013, tỉnh Bình Phước mới chỉ có 3% số xã được phê duyệt quy hoạch [153], đồng thời, chất lượng quy hoạch, đề án chưa cao. Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ quy hoạch NTM. Thứ nhất là năng lực hạn chế của các đơn vị tham gia, từ cấp xã đến các công ty tư vấn, dẫn đến chất lượng quy hoạch chưa đồng đều. Thứ hai, chi phí thực hiện quy hoạch khá cao trong khi nguồn kinh phí lại hạn hẹp. Thứ ba, khung pháp lý chưa hoàn thiện, các văn bản quy phạm pháp luật còn nhiều điểm chồng chéo, gây khó khăn cho quá trình triển khai. Cuối cùng, địa hình phức tạp và đặc điểm dân cư phân tán cũng là một thách thức lớn.

- Công tác tuyên truyền, tổ chức các phong trào thi đua

Chương trình xây dựng NTM đã được Đảng bộ tỉnh Bình Phước quán triệt và triển khai sâu rộng, trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm của địa phương. Để huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, Đảng bộ Tỉnh đã không ngừng đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động. Công tác tuyên truyền được Đảng bộ Tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện một cách bài bản, đa dạng, hiệu quả và thường xuyên, liên tục qua hệ thống thông tin đại chúng (Báo Bình Phước, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh các huyện, thị xã...). Các cơ quan thông tin đại chúng dành nhiều thời lượng, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục bám sát định hướng của Tỉnh ủy, UBND tỉnh để xây dựng nội dung tuyên truyền, chú trọng về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tầm quan trọng xây dựng NTM. Trên cơ sở đó, có nhiều mô hình hay, sáng tạo, hiệu quả đã được nhân rộng.

Trong giai đoạn 2010-2015, Báo Bình Phước đăng tải khoảng 94 tin, bài tuyên truyền về việc thực hiện Chương trình xây dựng NTM; tổ chức 09 cuộc thi Nhà nông bàn cách làm giàu; 05 chương trình khuyến nông; xuất bản 10.098 bản tin khuyến nông; 22.150 đầu sách kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; tổ chức 60 hội thi, diễn đàn, hội nghị, hội diễn văn nghệ; cấp 19.000 tờ rơi, áp phích, sổ tay, bản tin tuyên truyền về NTM; thực hiện 100 tin, phóng sự về kinh tế tập thể [209, tr.5]; [211, tr.5-6]. Cũng trong giai đoạn này, toàn tỉnh đã cấp 150 cuốn sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn biên soạn cho Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã; cấp 92 cuốn sách Dân vận khéo trong xây dựng NTM cho Ban Quản lý dự án 92 xã; 2.510 cuốn tài liệu cho cán bộ làm công tác NTM thông qua các lớp tập huấn [213, tr.3].

Đặc biệt, trên cơ sở hưởng ứng, quán triệt và thực hiện phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động vào ngày 08/6/2011 với chủ đề “Cả

nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, ngày 18/4/2012, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Chỉ thị số 06/2012/CT-UBND “về việc tổ chức phát động phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2020”, trong đó, UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể, tổ chức trên địa bàn tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm và tình hình cụ thể của đơn vị, địa phương mình xây dựng nội dung tiêu chí, tổ chức phát động phong trào thi đua sâu rộng đến từng cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về nội dung xây dựng NTM.

Trên cơ sở đó, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể đã phát động, hưởng ứng các phong trào thi đua, đăng ký chương trình phối hợp, giúp đỡ các địa phương xây dựng NTM theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực. Các cụm, khối thi đua trong tỉnh tổ chức ký kết giao ước thi đua với nhiều nội dung cụ thể, thiết thực như: xây dựng NTM giàu, đẹp, văn minh; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển theo hướng hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức hợp lý, chuyển mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, nâng cao chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của nông sản; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; giữ vững trật tự, an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra trong phong trào thi đua.

Các cuộc vận động, các phong trào, như: “Tuổi trẻ Bình Phước chung tay xây dựng NTM”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”;... đã được các ngành, các cấp thực hiện, đạt được những kết quả tích cực, được các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng và thực hiện.

Trong quá trình xây dựng NTM tại địa phương, lực lượng thanh niên Bình Phước có nhiều đóng góp với nhiều hoạt động cụ thể: nhân lực, vật lực, tài lực làm đường giao thông nông thôn; tham gia giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn. Có 111 tổ, đội, nhóm lực lượng dân quân tự vệ và các tổ xung kích thanh niên trên địa bàn dân cư, nông trường, nhà

máy, cơ quan được duy trì hoạt động thường xuyên với 1.230 đoàn viên thanh niên tham gia tình nguyện giữ gìn an ninh trật tự [26, tr.17]. Các tổ, đội, nhóm tập trung đẩy mạnh tuyên truyền về pháp luật trong các khu dân cư, phối hợp với lực lượng vũ trang trong công tác phòng chống tội phạm, phòng chống cháy nổ, giữ gìn trật tự an toàn giao thông; tham gia cùng các đoàn thể nhằm giáo dục, cảm hóa thanh niên chậm tiến, thanh niên lầm lỗi để giúp họ tái hòa nhập cộng đồng. Với 2 nội dung thuộc 02 tiêu chí: số 02 (giao thông) và số 19 (an ninh, trật tự xã hội) như trên, lực lượng thanh niên Bình Phước chú trọng trong việc phối hợp cùng với thanh niên quân đội và thanh niên công an nhằm phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện của đoàn viên thanh niên, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trong việc tuyên truyền và tham gia thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM tại cơ sở. Điển hình là phong trào “Đoàn kết 3 lực lượng thanh niên”, trong đó, các chi đoàn thôn, ấp kết nghĩa với các chi đoàn trong khối lực lượng vũ trang (quân đội, công an) nhằm phát huy hiệu quả phong trào “Tìm địa chỉ đen”, “Đường dây nóng”, “Hòm thư tố giác tội phạm”... Đến năm 2015, đã có 87 cơ sở đoàn ký kết nghĩa với các chi đoàn đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn [26, tr.17]. Ngoài ra, Công trình thanh niên “Liên quân ba màu áo”, phát huy vai trò và nâng cao tinh thần trách nhiệm của thanh niên tỉnh Bình Phước trong việc xây dựng nên những tuyến đường khang trang, sạch đẹp, góp phần thực hiện tốt chủ trương xây dựng NTM của Đảng và Nhà nước, thay đổi diện mạo nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Qua đó, có thể khẳng định rằng, công tác tuyên truyền đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức của Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội, từ đó thúc đẩy mạnh mẽ quá trình xây dựng NTM ở tỉnh Bình Phước. Đồng thời, chính những kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo từ mô hình thí điểm xã Tân Lập (huyện Đồng Phú) giúp cho công tác chỉ đạo chương trình tốt hơn.

- Huy động nguồn lực xây dựng NTM

Việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn là một trong những yếu tố quyết định thành công của Chương trình xây dựng NTM. Bằng việc đa dạng hóa các nguồn vốn, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn, các địa phương có thể đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng của chương trình, góp phần xây dựng NTM giàu đẹp, văn minh. Đối với tỉnh Bình Phước, Đảng bộ Tỉnh đã không áp dụng máy móc mà đã chủ động, sáng tạo trong việc lãnh đạo huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Nhất là tại những vùng căn cứ địa cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn trong huy động nguồn lực, tỉnh đã linh hoạt ban hành cơ chế đầu tư mang tính đặc thù để khơi dậy sức dân. Điển hình là việc ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 “*về áp dụng cơ chế đặc thù đầu tư các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020*”, theo đó, Nhà nước hỗ trợ xi măng, cấp huyện đối ứng cát đá, người dân góp ngày công. Cách làm hay này đã góp phần quan trọng giải quyết điểm nghẽn về vốn đối ứng ở các xã nghèo. Nhờ đó, hàng ngàn hộ dân tại đã tự nguyện hiến đất, đóng góp ngày công, tạo nên phong trào làm đường giao thông nông thôn sôi nổi, đến năm 2020, toàn tỉnh hoàn thành hơn 3.100 km đường bê tông xi măng.

Trong giai đoạn khởi đầu Chương trình xây dựng NTM, nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc khởi động và duy trì Chương trình xây dựng NTM, như một “chìa khóa” mở ra cánh cửa mới cho việc cải thiện cơ sở hạ tầng và nâng cao chất lượng cuộc sống ở nông thôn. Chính nguồn vốn này đã tạo ra hiệu ứng lan tỏa, kích thích sự tham gia tích cực của người dân, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp một cách nhanh chóng và đồng bộ, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn. Ngày 06/5/2013, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND “*về quy định mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình*

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020” với mục tiêu hỗ trợ các địa phương trong việc thực hiện các nội dung xây dựng NTM nhằm đạt tiêu chí NTM. Bên cạnh nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, tỉnh đã tích cực lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình MTQG, các dự án đầu tư, huy động vốn từ cộng đồng và doanh nghiệp. Hàng năm, ngoài nguồn vốn Trung ương hỗ trợ trực tiếp cho chương trình, ngân sách tỉnh, huyện, thị xã sẽ dành một phần vốn từ các nguồn thu khác để hỗ trợ chương trình, như: dành 100% nguồn thu từ việc đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất hoặc thuê đất trên địa bàn xã đang xây dựng NTM cho việc thực hiện các nội dung xây dựng NTM tại xã; bố trí một phần kinh phí vượt thu hàng năm mà ngân sách tỉnh, huyện, thị xã, xã được phép sử dụng cho hỗ trợ xây dựng NTM [14];... Việc đa dạng hóa các nguồn vốn đã tạo điều kiện thuận lợi để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ của Chương trình xây dựng NTM. Trong giai đoạn 2011-2015, tổng vốn huy động thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh là 5.849.866 triệu đồng. Trong đó, nguồn vốn từ ngân sách Trung ương là 247.246 triệu đồng; ngân sách địa phương: 272.936 triệu đồng; vốn lồng ghép từ các chương trình khác: 333.931 triệu đồng; dư nợ tín dụng cho vay xây dựng NTM: 4.542.951 triệu đồng; Nhân dân đóng góp: 220.998 triệu đồng; doanh nghiệp: 231.804 triệu đồng [213, tr.4].

2.2.2.2. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội

Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội là nội dung mang tính chất đột phá, quan trọng trong xây dựng NTM. Bởi lẽ, đây là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sản xuất, cải thiện điều kiện sống của Nhân dân. Đó cũng là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh, mạnh và bền vững. Trước yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, đòi hỏi phải không ngừng phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là kết cấu hạ tầng ở nông thôn.

Ngày 29/6/2009, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND “*về ban hành quy định về quản lý đầu tư xây dựng công*

trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước”, tạo khung pháp lý quan trọng để thống nhất quản lý, đảm bảo chất lượng và hiệu quả các công trình xây dựng cơ bản trong toàn tỉnh. Từ đó, việc sử dụng nguồn vốn nhà nước cho đầu tư phát triển được chỉ đạo theo hướng bảo đảm đồng bộ, có phân kỳ đầu tư hợp lý cho từng giai đoạn; sắp xếp thứ tự ưu tiên, trong đó chú trọng các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa lớn; đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Trong giai đoạn 2011-2015, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh có sự tăng trưởng liên tục, bình quân tăng 10,7%/năm. Toàn tỉnh đã đầu tư tổng cộng 148 dự án thuộc các lĩnh vực giao thông, y tế, khoa học - công nghệ, giáo dục..., với tổng vốn đầu tư năm 2015 đạt 15.705,77 tỷ đồng [6, tr.521]. Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, song nguồn vốn đầu tư vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển. Trong những năm 2011-2015, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế trong và ngoài nước, dẫn đến nguồn thu ngân sách của tỉnh thấp nên vốn hỗ trợ chưa đáp ứng nhu cầu trong xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn. Bên cạnh đó, do diện tích rộng, mật độ dân cư phân tán, giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh như điều, cao su đều xuống thấp, đời sống người dân gặp khó khăn, việc huy động đóng góp của Nhân dân còn hạn chế, dẫn đến nhóm tiêu chí về hạ tầng đạt tỷ lệ thấp hơn các nhóm khác.

Trong 8 tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội (từ tiêu chí số 2 đến số 9), chỉ có 3 tiêu chí có trên 50% số xã đạt, gồm: tiêu chí số 3 về thủy lợi (71/92 xã đạt, tương đương 77,2%); tiêu chí số 4 về điện (47/92 xã đạt, tương đương 51,1%) và tiêu chí số 8 về bưu điện (92/92 xã đạt, tương đương 100%) [213, tr.7-8].

Đối với tiêu chí Thủy lợi: Tỉnh đã chỉ đạo đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các công trình thủy lợi nhằm nâng cao năng lực tưới tiêu, đáp ứng yêu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Tính đến năm 2015, toàn tỉnh có 66 công trình thủy lợi đảm bảo cấp nước ổn định cho hàng nghìn héc-ta đất nông

nghiệp, góp phần tăng năng suất cây trồng. Tỉnh đã hoàn thành các dự án thủy lợi ở 59 hồ chứa và một số công trình thoát nước, cấp nước cho khu công nghiệp và đô thị [6, tr.523]. Song song đó, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được thực hiện có hiệu quả. Từ con số khiêm tốn 73,29% hộ dân nông thôn được tiếp cận nước sạch vào cuối năm 2010 [170], đến năm 2015, tỷ lệ này đã tăng lên hơn 90% [6, tr.520], góp phần cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống, nâng cao sức khỏe cho người dân, đặc biệt là ở các vùng nông thôn.

Đối với tiêu chí Điện: Ngày 04/6/2014, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1153/QĐ-UBND “về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020”. Trên cơ sở đó, nhiều dự án được triển khai đồng bộ. Đến năm 2015, có 97,32% số hộ dân trên địa bàn tỉnh được sử dụng điện lưới quốc gia, nhờ vào việc hoàn thiện 708 km đường dây trung thế và 540 km đường dây hạ thế [6, tr.523]. Thành quả này đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất.

Đối với tiêu chí Bưu điện: Hệ thống bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư xây dựng và phát triển mạnh mẽ. Toàn bộ các xã trên địa bàn tỉnh đều được phủ sóng dịch vụ bưu chính viễn thông, đảm bảo 100% số xã có điểm phục vụ và truy cập internet. Điều này đã đáp ứng nhu cầu giao tiếp, trao đổi thông tin của người dân, nhất là ở các vùng nông thôn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, 05 tiêu chí còn lại trong nội dung về hạ tầng kinh tế - xã hội có dưới 50% xã đạt, gồm: Tiêu chí số 2: Giao thông và Tiêu chí số 5: Trường học có số xã đạt thấp nhất (3/92 xã đạt, tương đương 3,2%); Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa (20/92 xã đạt, tương đương 21,7%); Tiêu chí số 7: Chợ nông thôn (35/92 xã đạt, tương đương 38%); Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư (24/92 xã đạt, tương đương 26,1%) [213, tr.7-8]. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn lực đầu tư còn hạn chế, nhu cầu lớn, trong

khi các công trình này đòi hỏi kinh phí cao, thời gian thi công kéo dài và phụ thuộc nhiều vào sự phối hợp giữa các ngành. Trước thực tế đó, tỉnh đã có những chỉ đạo kịp thời nhằm tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Đối với tiêu chí Giao thông: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 “*về áp dụng cơ chế đặc thù đầu tư các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020*”, góp phần tháo gỡ các khó khăn trong việc xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đồng thời, huy động nguồn lực tổng hợp trong tỉnh. Quyết định nhấn mạnh, các địa phương có nhu cầu làm đường giao thông nông thôn đăng ký, UBND tỉnh sẽ hỗ trợ xi măng; huyện, thị xã đối ứng cát, đá và người dân góp ngày công, đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ Nhân dân, góp phần quan trọng tạo nên những thành công bước đầu trong giai đoạn đầu địa phương xây dựng NTM. Bên cạnh Quyết định số 679/QĐ-UBND, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 “*về việc ban hành hướng dẫn thực hiện các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và hướng dẫn kỹ thuật thi công mặt đường bê tông xi măng theo cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*”.

Thực hiện chính sách trên, UBND tỉnh bảo lãnh cho các địa phương - cho người dân mua xi măng trả chậm từ Nhà máy xi măng Hà Tiên; hỗ trợ về giá vật tư xây dựng từ các doanh nghiệp khai thác đá trên địa bàn tỉnh cho các xã xây dựng đường giao thông nông thôn bằng bê tông xi măng, giao cho các địa phương ký hợp đồng với nhà máy xi măng để triển khai thực hiện. Các huyện, thị xã trích ngân sách hỗ trợ các xã tiền mua vật tư làm đường bê tông xi măng. Ngoài xi măng của UBND tỉnh ứng trước cho các xã (theo cơ chế đầu tư đặc thù) và ngân sách huyện, thị xã hỗ trợ, các xã vận động Nhân dân tham gia xây dựng. Năm 2014, Nhân dân đóng góp bằng tiền được 7,715 tỷ đồng, 12.767 ngày công lao động (điển hình như huyện Lộc Ninh, huyện

Chơn Thành, huyện Bù Đăng là các địa phương có đóng góp nhiều nhất), đã triển khai xây dựng được 34km đường giao thông nông thôn bằng bê tông xi măng. Năm 2015, tỉnh hỗ trợ trên 20.000 tấn xi măng, hoàn thành khoảng 150km đường [213, tr.3]. Đến năm 2015, hệ thống giao thông của tỉnh tương đối phát triển, đã mở rộng từ các huyện, thị đến trung tâm các xã vùng sâu, vùng xa; hệ thống đường tỉnh, đường đến trung tâm xã được nhựa hóa 100%; quốc lộ 13, 14 được nâng cấp mở rộng đạt quy mô đường cấp 2, cấp 3; nhiều tuyến đường giao thông nông thôn được nâng cấp, xây dựng mới phục vụ nhu cầu đi lại thuận tiện hơn cho người dân. Giai đoạn 2010-2015, tỉnh đã xây dựng và đưa vào sử dụng 235km đường giao thông nông thôn, 02 công trình cầu [6, tr.534].

Đối với tiêu chí Trường học, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 “*về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Phước đến năm 2015 và tầm nhìn đến 2020*”, tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp trường lớp, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, qua đó từng bước nâng cao tỷ lệ kiên cố hóa phòng học, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh nông thôn.

Đối với tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 “*về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn*”. Văn bản này đã giúp định hướng rõ mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động, tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở trên toàn tỉnh.

Đối với tiêu chí Chợ nông thôn, mặc dù tỷ lệ xã đạt còn thấp (38%), nhưng tỉnh đã quan tâm quy hoạch lại mạng lưới chợ, khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng, sửa chữa chợ dân sinh, từng bước đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của người dân nông thôn.

Đối với tiêu chí Nhà ở dân cư, việc triển khai Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 30/6/2011 “*về chính sách miễn tiền sử dụng đất, thuế trước bạ*

và lệ phí đối với đất xây dựng nhà ở của đồng bào dân tộc thiểu số thuộc Chương trình 134” đã hỗ trợ hàng trăm hộ dân có điều kiện xây dựng, cải tạo nhà ở kiên cố, ổn định cuộc sống, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống khu vực nông thôn.

Nhờ những nỗ lực đó, đến năm 2015, hệ thống hạ tầng của tỉnh đã có nhiều chuyển biến, tạo tiền đề quan trọng để bước sang giai đoạn 2016-2020 với mục tiêu phát triển đồng bộ, hiện đại và bền vững hơn, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2.2.2.3. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế

Giai đoạn 2010-2015 là giai đoạn tỉnh Bình Phước tích cực triển khai chủ trương phát triển kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ IX, trong bối cảnh cả nước đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020. Trên cơ sở đó, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng nhằm tổ chức lại sản xuất, phát huy tiềm năng, lợi thế địa phương, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, góp phần hình thành nền tảng cho quá trình xây dựng NTM trong những năm tiếp theo.

Nhìn chung, với nội dung phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất, trên cơ sở sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh, sự tổ chức, thực hiện của chính quyền các cấp, các xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước nỗ lực đẩy mạnh phát triển sản xuất, phấn đấu đạt các tiêu chí về thu nhập, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên, hộ nghèo và hình thức tổ chức sản xuất, qua đó góp phần nâng cao mức sống cho người dân. Đối với nội dung này, tính đến hết năm 2015, toàn tỉnh có 02/04 tiêu chí có trên 50% số xã đạt, đó là tiêu chí số 11: Hộ nghèo và tiêu chí số 12: Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đều có 60/92 xã (65,2%) đạt; đối với hai tiêu chí còn lại, tiêu chí số 10: Thu nhập có 42/92 xã (45,7%) đạt và tiêu chí số 13: Hình thức tổ chức sản xuất có 35/92 xã (38%) đạt [213, tr.7].

Đối với tiêu chí Hộ nghèo:

Trong giai đoạn 2010-2015, công tác giảm nghèo được Đảng bộ tỉnh Bình Phước đặc biệt quan tâm, xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội và là một tiêu chí quan trọng trong xây dựng NTM.

Thực hiện chủ trương của Đảng về giảm nghèo bền vững, ngày 03/7/2013, Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Chỉ thị số 28-CT/TU “*về việc tăng cường thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*”. Trong đó, chỉ tiêu đề ra phấn đấu đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng lên 3,5 lần so với năm 2010, trong giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1,5 - 2%/năm [134].

Để làm được điều này, cần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở trong công tác giảm nghèo; vận động người nghèo có ý thức tự giác phấn đấu, vươn lên thoát nghèo; tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh tốc độ giảm nghèo, đặc biệt là ở các xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 15%; ưu tiên nhóm hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách, diện bảo trợ xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số. Với tinh thần quyết tâm chính trị cao, các cấp, các ngành đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, tập trung vào việc nâng cao nhận thức của người dân, hỗ trợ về đất đai, vốn, kỹ thuật sản xuất. Nhờ đó, công tác giảm nghèo đã đạt được những kết quả tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm đáng kể so với giai đoạn trước. Trong giai đoạn 2010-2015, “toàn tỉnh giảm được 12.014 hộ nghèo, tương đương bình quân 1,3%/năm, tính đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh là 6%” [6, tr.531]. Cùng với đó, việc cấp đất sản xuất cho các hộ dân theo chính sách an sinh xã hội của tỉnh được thực hiện với “3.758 hộ, tổng diện tích là 3.783,813ha, trong đó có 3.260 hộ đang sử dụng” [6, tr.531], góp phần quan trọng để các hộ dân vươn lên thoát nghèo, trên cơ sở đã có tư liệu sản xuất trong tay.

Thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ Tỉnh về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất, Bình Phước đã gắn mục tiêu giảm nghèo với Chương trình xây dựng NTM, đồng thời lồng ghép, phối hợp thực hiện các Chương trình 134

[117], Chương trình 135 [116]. Mô hình này không chỉ giúp tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân mà còn góp phần ổn định đời sống, xây dựng quỹ an sinh xã hội. Theo đó, Đảng bộ Tỉnh chủ trương thực hiện việc trồng cây cao su tạo quỹ an sinh xã hội và cấp đất sản xuất theo chương trình an sinh xã hội cho các hộ nghèo. 06 công ty cao su sản xuất trên địa bàn tỉnh trồng 4.000ha cao su từ nguồn quỹ đất của tỉnh, đến thời điểm khai thác sẽ thu lợi nhuận đưa vào quỹ an sinh xã hội của tỉnh để thực hiện các mục tiêu về an sinh xã hội. Đối với việc liên kết trồng cao su thuộc Chương trình 134, được phía công ty cao su đầu tư chi phí, các hộ dân đóng góp thông qua việc chia sẻ một phần đất của mình để cùng công ty thực hiện dự án này, đến khi có thu hoạch thì chia lợi nhuận, hết thời gian liên doanh thì trả đất lại cho các hộ thụ hưởng Chương trình 134. Đồng thời, các hộ dân được công ty ưu tiên thuê mướn để trồng, chăm sóc vườn cây ngay trên mảnh đất của chính mình, qua đó góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho đồng bào. Việc liên kết trồng cao su trên đất thuộc Chương trình 134 do Công ty cao su Phú Riêng và các hộ dân được thụ hưởng Chương trình tại huyện Bù Gia Mập và huyện Bù Đăng đã thực hiện thí điểm nội dung liên kết này, thời gian liên doanh là 26 năm bao gồm 06 năm kiến thiết cơ bản và 20 năm khai thác. Công ty cao su Phú Riêng đầu tư 100% chi phí, huyện Bù Gia Mập và Bù Đăng là tư cách pháp nhân đại diện các hộ thụ hưởng Chương trình 134 góp vốn thông qua việc chia sẻ một phần đất của mình thực hiện theo phương án chia lợi nhuận là 50% - 50% [6, tr.531-532]. Việc triển khai mô hình liên kết trồng cao su bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực đã chứng minh sự sáng tạo trong việc huy động các nguồn lực, kết hợp lợi ích của doanh nghiệp và người dân, góp phần giải quyết những vấn đề bức xúc về giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Đối với tiêu chí Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên:

Tạo việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nội dung trọng tâm trong tổ chức sản xuất nông thôn. Trong giai đoạn 2011-2015, Đảng bộ

tỉnh Bình Phước chỉ đạo các ngành tập trung đào tạo nghề, chuyển giao khoa học - kỹ thuật, gắn với cơ cấu lại lao động theo hướng công nghiệp - dịch vụ.

Cụ thể, tỉnh đã “tổ chức được 95 lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật cho 3.500 lượt người tham dự và 160 lớp tập huấn kỹ thuật chăm sóc cây trồng, vật nuôi cho 6.200 lượt người tham dự” [26, tr.3] góp phần nâng cao tay nghề cho nông dân. Đồng thời, Đảng bộ Tỉnh chỉ đạo tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX đang hoạt động, hỗ trợ thực hiện 120 mô hình phát triển sản xuất; giải quyết việc làm cho gần 90.000 lao động, đào tạo nghề cho 25.000 lao động. Đối với 20 xã chỉ đạo điểm giai đoạn 2011-2015, đã có 140 lớp đào tạo nghề được tổ chức với sự tham dự của gần 4.200 học viên. Theo báo cáo từ các cơ sở dạy nghề có từ 75-85% học viên có việc làm sau khóa học [26, tr.3].

Song song đó, tỉnh triển khai thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư “*về Đề án Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020*” và Quyết định số 673/QĐ-TTg, ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ “*về Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020*”. Đảng bộ và UBND tỉnh Bình Phước giao Hội Nông dân các cấp làm nòng cốt trong việc hỗ trợ, đào tạo nghề và nâng cao năng lực sản xuất cho hội viên nông dân. Cụ thể, tỉnh đã giao 10 biên chế sự nghiệp cho Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân, qua đó tổ chức hàng loạt lớp dạy nghề ngắn hạn, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, tạo điều kiện cho hàng nghìn hội viên nông dân tiếp cận kiến thức mới, nâng cao tay nghề. Hằng năm, “có trên 3.500 hội viên nông dân được học nghề ngắn hạn; trên 70 ngàn lượt hội viên tham gia các buổi tập huấn, chuyển giao khoa học - kỹ thuật” [26, tr.13]. Ngoài ra, tỉnh đã

phối hợp với các ngân hàng để cung cấp vốn vay ưu đãi cho nông dân, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất. Trong giai đoạn 2010-2015, có trên 24.000 hộ hội viên nông dân được vay vốn ngân hàng chính sách xã hội với tổng dư nợ trên 400 tỷ đồng [26, tr.13]. Ngoài ra, Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh đã giải ngân 14.633 tỷ đồng cho 60 dự án với 559 hộ vay để phát triển kinh tế hộ, góp phần thiết thực vào việc nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững ở khu vực nông thôn [26, tr.13].

Đối với tiêu chí Thu nhập:

Cùng với việc đẩy mạnh giảm nghèo, tỉnh Bình Phước tập trung phát triển kinh tế theo hướng chuyên dịch cơ cấu ngành nghề, tạo động lực nâng cao thu nhập cho người dân. Cơ cấu kinh tế của tỉnh đã chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng nông, lâm nghiệp giảm dần, trong khi công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ tăng lên rõ rệt. Năm 2010, tỉ trọng nông, lâm nghiệp chiếm 47,2%; công nghiệp, xây dựng chiếm 26,3%; thương mại, dịch vụ chiếm 26,5%, đến năm 2015, tỉ trọng nông, lâm nghiệp chiếm 38,5%; công nghiệp, xây dựng chiếm 32,2%; thương mại, dịch vụ chiếm 29,3% [6, tr.518]. Sự thay đổi này đã mở rộng cơ hội việc làm, đa dạng hóa nguồn thu nhập và thúc đẩy quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Nhờ định hướng phát triển đúng đắn và việc tổ chức sản xuất hiệu quả, thu nhập bình quân đầu người ở Bình Phước tăng nhanh và ổn định, từ 24 triệu đồng/người năm 2010 lên 39,8 triệu đồng/người năm 2015, gấp 1,66 lần so với năm 2010. Tổng GRDP của tỉnh năm 2015 đạt 10.159 tỷ đồng, tăng 1,67 lần so với năm 2010, với tốc độ tăng trưởng bình quân 11%/năm [6, tr.518].

Những kết quả trên cho thấy hiệu quả rõ nét trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế của Đảng bộ tỉnh Bình Phước. Nhờ định hướng đúng đắn, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện. Đây là cơ sở quan trọng để giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

Đối với tiêu chí Hình thức tổ chức sản xuất:

Trong giai đoạn 2010-2015, nông nghiệp tỉnh Bình Phước phải đối mặt với nhiều khó khăn. Diễn biến bất thường của thời tiết, sự biến động mạnh của thị trường với giá cả các sản phẩm chủ lực như hạt điều, mủ cao su giảm sâu, cùng với đó là giá vật tư nông nghiệp tăng cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của nông dân. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh, sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, cùng với sự hỗ trợ tích cực của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, nông nghiệp Bình Phước đã vượt qua khó khăn, đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của ngành nông nghiệp trong giai đoạn này đạt 6,4% [6, tr.518]. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch tích cực theo hướng nâng cao giá trị và hiệu quả, thể hiện ở sự giảm dần tỷ trọng trồng trọt và tăng tỷ trọng chăn nuôi. Loại cây lâu năm và mô hình chăn nuôi tập trung tiếp tục là thế mạnh đối với ngành nông nghiệp của tỉnh. Tính đến cuối năm 2015, “tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm đạt 54.498ha, cây hằng năm đạt 706ha” [6, tr.519]. Ngành chăn nuôi phát triển vượt bậc về số lượng và chất lượng, chuyển đổi mạnh từ chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô lớn, theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, đặc biệt là đàn heo, gà phát triển mạnh. Tính đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh “có 234 cơ sở chăn nuôi theo quy mô trang trại, với 13.098 con trâu, 27.980 con bò, 284.581 con heo, 4.380.000 con gia cầm. Trong tỷ trọng cơ cấu ngành nông nghiệp, trồng trọt chiếm 87,34%, chăn nuôi chiếm 11,68%, dịch vụ chiếm 0,97%” [6, tr.518-519].

Năm 2011, toàn tỉnh có 73 HTX, trong đó có 45 HTX nông nghiệp [212]. Trong giai đoạn 2011-2015, các HTX tiếp tục được củng cố, nhiều đơn vị chuyển đổi sản xuất theo Luật Hợp tác xã năm 2012, từng bước hoạt động ổn định, chú trọng mua chung, bán chung, liên kết tiêu thụ nông sản và ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong sản xuất. Việc hình thành Liên hiệp HTX trong lĩnh vực nông nghiệp, cùng hàng trăm tổ hợp tác quy mô nhỏ ở

các địa phương đã góp phần làm phong phú hơn hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn.

Nhằm hỗ trợ phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, UBND tỉnh ban hành nhiều chính sách và chương trình quan trọng như: Quyết định số 57/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 “*về ban hành Quy định khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”; Quyết định Số 2178/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 “*về thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước*”; Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 “*về phê duyệt Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh giai đoạn 2013-2020*”. Các chính sách này đã tạo khung pháp lý và nguồn lực cần thiết để củng cố, nhân rộng mô hình HTX hoạt động hiệu quả.

Song song đó, nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị được hình thành giữa HTX và doanh nghiệp, đặc biệt trong trồng cây công nghiệp chủ lực như cao su, điều, tiêu và một số loại cây ăn trái. Một số HTX tiên phong đã bước đầu tiếp cận nông nghiệp sạch, hữu cơ, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Những mô hình này không chỉ giúp tăng hiệu quả kinh tế, ổn định đầu ra mà còn góp phần thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ sang liên kết quy mô, hiện đại và bền vững.

Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới như công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới vào sản xuất đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng các loại cây trồng chủ lực của tỉnh như: cao su, hồ tiêu, điều, rau và phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp. Đặc biệt, sự phát triển của nông nghiệp đô thị và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã mở ra những hướng đi mới cho sản xuất nông nghiệp. Việc áp dụng các mô hình sản xuất tiên tiến như canh tác trong nhà lưới, trồng rau thủy canh, sử dụng hệ thống chuồng lạnh đã giúp nông dân giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh

tế, đồng thời đáp ứng ngày càng cao nhu cầu về sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn của thị trường.

Nhìn chung, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp, tỉnh Bình Phước đã khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương, thúc đẩy phát triển sản xuất, hoàn thành các tiêu chí về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống người dân nông thôn. Tuy nhiên, quá trình thực hiện chủ trương của Đảng bộ Tỉnh về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất cũng còn gặp phải những khó khăn nhất định, như nguồn vốn hạn chế, giá cả thị trường biến động, việc thực hiện chính sách còn chưa đồng đều. Điều này đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền, các cơ quan ban, ngành cần sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm giải pháp để khắc phục, nhằm đạt được mục tiêu xây dựng NTM một cách bền vững.

2.2.2.4. Phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường

Đảng bộ tỉnh Bình Phước xác định phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường là nhiệm vụ trọng tâm, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình xây dựng NTM. Trong giai đoạn 2010-2015, tỉnh tập trung lãnh đạo thực hiện các chương trình về giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, gắn với việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Các cấp ủy, chính quyền đã cụ thể hóa bằng nhiều nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động, huy động sự tham gia của toàn xã hội, đặc biệt là sự vào cuộc của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, giữ gìn cảnh quan môi trường sạch đẹp.

Về kết quả thực hiện các tiêu chí trong nội dung phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường, đến năm 2015, có 02/04 tiêu chí có trên 50% số xã đạt, đó là tiêu chí số 14: Giáo dục với 74/92 xã (80,4%) đạt; tiêu chí số 15: Y tế với 70/92 xã (76,1%) đạt; 02 tiêu chí còn lại, tiêu chí số 16: Văn hóa có

44/92 xã (47,8%) đạt; tiêu chí số 17: Môi trường có 42/92 xã (45,7%) đạt [213, tr.9].

Đối với tiêu chí Giáo dục:

Quán triệt quan điểm “giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu”, Đảng bộ Tỉnh chú trọng chỉ đạo ngành giáo dục tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, qua đó nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài; xem trọng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trên cơ sở Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 15/01/2010 của UBND tỉnh “*về phê duyệt quy hoạch phát triển ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Phước đến năm 2020*”, cùng “*Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015*” (Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 08/11/2010 của UBND tỉnh) và “*Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2015*” (Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 04/4/2012 của UBND tỉnh), UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành giáo dục triển khai đồng bộ nhiều chương trình nâng cao dân trí, mở rộng mạng lưới trường lớp, tăng tỷ lệ huy động học sinh ra lớp và giảm học sinh bỏ học, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhờ đó, sự nghiệp giáo dục đào tạo của tỉnh trong những năm 2010-2015 từng bước được đổi mới và phát triển. Năm 2011, tỉnh đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở [213, tr.9].

Đối với tiêu chí Y tế:

Đảng bộ Tỉnh quan tâm chỉ đạo ngành y tế tập trung mở rộng phát triển mạng lưới y tế, nhất là y tế tuyến cơ sở, chú trọng tăng cường đội ngũ y, bác sĩ đến các trạm y tế xã, phường, thị trấn; cải tạo, nâng cấp, đổi mới trang thiết bị y tế; kiện toàn, tăng tỷ lệ chi ngân sách cho y tế, xây dựng quỹ đất dành cho xây bệnh viện, trạm y tế; thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, quân dân y kết hợp. Ngày 09/7/2010, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1610/QĐ-UBND “*về phê duyệt tổng thể phát triển sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm*

2020”, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được triển khai theo tinh thần đổi mới hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả, phát triển và xã hội hóa. Tính đến năm 2015, toàn tỉnh có 128 cơ sở y tế, với 2.525 giường bệnh, toàn ngành có 2.826 cán bộ, nhân viên, y bác sĩ, với tỷ lệ 6,2 bác sĩ/vạn dân. Công tác tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh được thực hiện hiệu quả, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Hằng năm, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt tỷ lệ trên 95%. Đến năm 2015, 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế, với 67,57% trạm y tế có bác sĩ; mạng lưới y tế xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 97,3% [6, tr.528].

Bên cạnh đó, công tác bảo vệ trẻ em cũng được chú trọng thông qua “Chương trình bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015” (Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của UBND tỉnh), góp phần xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, phòng ngừa và giảm thiểu tình trạng trẻ em bị bạo lực, xâm hại, tạo cơ hội để trẻ em được phát triển toàn diện.

Đối với tiêu chí Văn hóa:

Thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị “về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII ngày 16/7/1998 “về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Để cụ thể hóa, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 38/2009/QĐ-UBND ngày 13/9/2009 “về phê duyệt đề án quy hoạch phát triển xã hội hóa trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020”, trên cơ sở đó, ban hành Đề án “Phát triển văn hóa nông thôn tỉnh Bình Phước đến năm 2015, định hướng đến năm 2020” ngày 28/01/2010 nhằm củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở, phát huy vai trò chủ động của cộng đồng dân cư trong việc tham gia các phong trào văn hóa, thể thao ở địa phương. Trên nền tảng đó, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được triển khai sâu rộng và đồng bộ,

gắn với các tiêu chí của Chương trình xây dựng NTM, tạo nên những chuyển biến tích cực trong nếp sống văn minh, trong việc cưới, việc tang, lễ hội và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đặc biệt là ở khu vực nông thôn.

Số lượng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa tăng nhanh qua các năm, tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh ngày càng cao. “Năm 2010, toàn tỉnh có 183.477 gia đình được công nhận gia đình văn hóa, đến năm 2015, là 197.396 gia đình”, “bình quân hằng năm toàn tỉnh có trên 92% gia đình được công nhận gia đình văn hóa” [6, tr.526]. “Năm 2011, toàn tỉnh có 179/864 khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa, khu dân cư tiên tiến, đạt tỷ lệ 21,15%” [6, tr.526] là tương đối thấp, tuy nhiên, đến 2015 “có 556/866 khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa, khu dân cư tiên tiến, đạt tỷ lệ 64,2%” [6, tr.526], vươn lên gấp 3 lần.

Công tác hòa giải cơ sở, khai thác tử sách pháp luật, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước được thực hiện tốt. Đến năm 2015 toàn tỉnh đã “xây dựng được 887 tổ hòa giải và có 3.776 hòa giải viên; có 98% số xã, phường, thị trấn xây dựng được tử sách pháp luật, có 842/861 thôn, ấp, khu dân cư xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước” [6, tr.526].

Bên cạnh đó, phát triển thể dục - thể thao cơ sở cũng được Đảng bộ Tỉnh quan tâm, chú trọng. Quán triệt ý nghĩa của hoạt động này đối với việc đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí; góp phần nâng cao đời sống tinh thần, xây dựng lối sống lành mạnh trong Nhân dân, tỉnh Bình Phước xây dựng đề án tổng thể quy hoạch phát triển thể dục - thể thao đến năm 2020. Trong đó, chú trọng xây dựng và phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học; duy trì nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân rèn luyện sức khỏe theo gương Bác Hồ vĩ đại”; quan tâm công tác quy hoạch, bố trí quỹ đất cho thể dục - thể thao quần chúng; xây dựng quy hoạch phát triển thể thao thành tích cao theo hướng chuyên nghiệp.

Đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 10/10 huyện, thị xã đã thành lập Trung tâm Văn hóa Thể thao cấp huyện, 111/111 xã, phường, thị

trần có trung tâm văn hóa, thể thao, hội trường cấp xã; có 851/861 thôn, ấp, khu phố có nhà văn hóa. Trong giai đoạn 2010-2015, có 60% huyện, thị có sân vận động, 100% xã, phường, thị trấn, trường học có mặt bằng tập luyện thể dục, thể thao, trong đó có khoảng 60% xã, phường, thị trấn có các đội, nhóm tập luyện thể dục - thể thao, 80 câu lạc bộ thể dục - thể thao hoạt động thường xuyên. Hằng năm, tỉnh tổ chức được hơn 30 giải thể thao cho các nhóm đối tượng khác nhau [6, tr. 527].

“Số người tham gia tập luyện thể dục - thể thao thường xuyên trong giai đoạn 2010-2015 tăng 5%, từ 20% lên 25%” [6, tr. 527] (kết quả này vượt chỉ tiêu tối thiểu đề ra là có ít nhất 20% tổng số người dân tham gia tập luyện thể dục - thể thao thường xuyên)⁴; “tỷ lệ gia đình tập luyện thể dục - thể thao tăng từ 11% lên 14,3%” [6, tr. 527].

Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao sôi nổi đã góp phần tạo ra một môi trường lành mạnh, giúp người dân rèn luyện sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần, nhất là ở khu vực nông thôn.

Đối với tiêu chí Môi trường:

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 04/01/2011 “*về phê duyệt quy hoạch hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn đến năm 2020*”, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường theo hướng bền vững. Tuy nhiên, kinh phí dành cho hoạt động môi trường vẫn còn thấp, “khoảng hơn 1% trong tổng số chi ngân sách hằng năm của tỉnh” [6, tr.529]. Do đó, công tác xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được chú trọng. Tiêu biểu là mô hình xã hội hóa thu gom rác thải tại xã Tiến Hưng (Đồng Xoài) - được Sở Xây dựng phối hợp với UBND thị xã Đồng Xoài lựa chọn để nhân rộng trên địa bàn tỉnh đối với các xã, thị trấn có các khu dân cư

⁴ Tại Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh Bình Phước “*về ban hành Quy định chi tiết thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”, quy định đối với hoạt động thể dục thể thao, mỗi xã tổ chức 4 cuộc thi đấu thể thao/năm, đồng thời, thu hút tối thiểu 20% tổng số Nhân dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.

tập trung. Mô hình này được triển khai từ năm 2011, theo đó, rác thải sinh hoạt được các hộ dân, cơ quan, doanh nghiệp cho vào bịch và để trước cổng theo giờ quy định, để người thu gom đến lấy và chở về nơi tập kết rác. Sau khi triển khai thực hiện mô hình, vệ sinh môi trường trên địa bàn được cải thiện; đường làng, ngõ xóm sạch sẽ hơn; rác thải sinh hoạt được thu gom kịp thời, hằng ngày. Tiền lương cho người thu gom rác do chính các hộ dân, cơ quan, doanh nghiệp trả bằng việc đóng lệ phí thu rác thải hằng tháng, điều này vừa bảo đảm vệ sinh môi trường, vừa tạo việc làm cho người lao động tại địa phương.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2010-2015, nội dung văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường của tỉnh Bình Phước đạt được một số kết quả quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn, tạo nền tảng vững chắc cho tiến trình xây dựng NTM ở địa phương. Các tiêu chí giáo dục, y tế đạt tỷ lệ tương đối cao, phản ánh sự quan tâm của Đảng bộ và chính quyền các cấp trong việc phát triển nguồn nhân lực, chăm lo sức khỏe Nhân dân. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa, thể dục - thể thao được mở rộng, từng bước hình thành nếp sống văn minh, lành mạnh ở cộng đồng dân cư; công tác bảo vệ môi trường có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần cải thiện cảnh quan nông thôn.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nổi bật, việc thực hiện một số tiêu chí vẫn còn hạn chế, nhất là tiêu chí văn hóa và môi trường. Điều đó cho thấy công tác tổ chức thực hiện ở một số địa phương chưa đồng đều; nhận thức về vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững còn chưa được chú trọng đúng mức; cơ sở vật chất văn hóa xuống cấp, thiếu trang thiết bị; kinh phí dành cho hoạt động môi trường còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

2.2.2.5. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và giữ gìn an ninh, trật tự xã hội

Xuất phát từ vị trí địa lý, cũng như điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương, Bình Phước là tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào theo tôn giáo và tỉnh có đường biên giới tương đối dài với Campuchia, là địa bàn giáp ranh với khu vực Tây Nguyên, do đó, xây dựng hệ thống chính

trị vững mạnh từ cơ sở, tăng cường giữ gìn an ninh, trật tự xã hội là nhiệm vụ rất quan trọng của Đảng bộ tỉnh Bình Phước trong lãnh đạo xây dựng NTM.

Với nội dung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội, về cơ bản, các xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước đạt được tương đối tốt. Có 68/92 xã (73,9%) đạt tiêu chí số 18: Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh; 76/92 xã (82,6%) đạt tiêu chí số 19: An ninh, trật tự xã hội [213, tr.9-10].

Đối với tiêu chí Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh:

Quán triệt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò rất quan trọng của hệ thống chính trị cấp cơ sở: “Cấp xã là cấp gần gũi dân nhất, là nền tảng của hành chính. Cấp xã làm được việc thì mọi công việc đều xong xuôi” [93, tr.460], Đảng bộ Tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời, các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục được kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động. Tỉnh đoàn, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi đều xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cụ thể nhằm phát động hội viên các cấp tích cực tham gia thực hiện các tiêu chí của chương trình.

Trong những năm 2011-2015, hơn 356 lớp tập huấn, đào tạo cho khoảng 13.640 lượt cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp được tổ chức [213, tr.3-4]. Các Ban, ngành đoàn thể trong tỉnh như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ đã tổ chức nhiều buổi tập huấn, nói chuyện chuyên đề về xây dựng NTM cho các cán bộ, đoàn viên, hội viên trong hệ thống nắm rõ và tuyên truyền xuống hệ thống cấp huyện, cấp xã. Ngoài ra, một số huyện, thị xã bố trí kinh phí cho các xã thực hiện công tác tập huấn và tuyên truyền trên địa bàn xã, điển hình như thị xã Đồng Xoài bố trí 100 triệu đồng/xã để các xã tổ chức tuyên truyền, vận động sự ủng hộ của Nhân dân thông qua các cuộc họp của các tổ chức đoàn thể, khu dân cư.

Báo cáo viên, tuyên truyền viên là một lực lượng quan trọng trong công tác tuyên truyền. Lực lượng này chính là người đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào cuộc sống, vì vậy, việc củng cố, phát triển đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên là yêu cầu cấp thiết, là công cụ sắc bén để tổ chức, tập hợp quần chúng, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh. Với mục tiêu xây dựng một đội ngũ báo cáo viên “vừa hồng, vừa chuyên”, tỉnh đã không ngừng nâng cao chất lượng, số lượng báo cáo viên ở các cấp. Tính đến năm 2015, “toàn tỉnh có 5 báo cáo viên cấp trung ương, 37 báo cáo viên cấp tỉnh, 237 báo cáo viên cấp huyện và tương đương, 1.300 báo cáo viên cấp cơ sở” [6, tr.545-546]. Bên cạnh đó, tỉnh còn phát huy vai trò của Hội đồng Già làng và những người có uy tín trong cộng đồng, tạo thành một mạng lưới tuyên truyền rộng khắp. Để ghi nhận vai trò của Hội đồng Già làng và những người có uy tín trong cộng đồng dân cư, trong giai đoạn 2010-2015, qua bình xét, “UBND tỉnh đã công nhận 1.023 già làng tiêu biểu” [6, tr.549].

Để quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đạt hiệu quả cao, Đảng bộ Tỉnh quán triệt, cần triển khai học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh (Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị (khóa XI) “*về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*”), gắn việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “*về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*”, đồng thời, tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, gắn với công tác xây dựng hệ thống chính trị. Trên cơ sở đó, công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử được tăng cường, nên đã kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân. Kết quả, trong nhiệm kỳ 2010-2015, cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã “kiểm tra, phát hiện, xử lý 34 đảng viên vi phạm liên quan đến tham nhũng, lãng phí, chiếm tỷ lệ 4,98% so với tổng số đảng viên được kiểm tra” [6, tr.541]. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát và tiếp nhận từ các kênh khác, Đảng bộ Tỉnh đã thi hành kỷ luật đối với 81 đảng viên có vi phạm liên quan

đến tham nhũng (chiếm 5,57% số đảng viên bị kỷ luật) [6, tr.541]. Ngành thanh tra Bình Phước đã triển khai 231 cuộc thanh tra trên các lĩnh vực, trong đó, có 39 cuộc tập trung vào nội dung phòng, chống tham nhũng. Kết quả thanh tra phát hiện 19 trường hợp có hành vi tham nhũng, thu hồi trên 26 tỷ đồng và 21.173,746m² đất [6, tr.541].

Cùng với đó, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã chủ động đổi mới phương thức hoạt động, bám sát cơ sở, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của Nhân dân, kịp thời phản ánh và kiến nghị với cấp ủy, chính quyền các cấp. Công tác dân vận của lực lượng vũ trang cũng được đổi mới, chú trọng đến các địa bàn khó khăn, biên giới, vùng sâu, vùng xa như: tham gia giúp Nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, xóa mù chữ, khám chữa bệnh, bảo vệ môi trường, đồng thời luôn làm tốt vai trò nòng cốt, đi đầu trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn,... góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Qua các phong trào ở địa phương đã xuất hiện nhiều mô hình tiêu biểu trong các hoạt động đoàn thể như: “Đội tình nguyện trong chiến dịch Mùa hè xanh”, “Câu lạc bộ nông dân”, “Chi hội tương trợ giúp nhau phát triển sản xuất”, “Hũ gạo tình thương”, “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Vận động xây cầu, làm đường giao thông nông thôn”, “Hộ gia đình giúp nhau phát triển kinh tế”, “Hướng về phụ nữ và trẻ em nghèo”, “Mái ấm tình thương”, “5 không, 3 sạch”, “Thu gom rác thải, bảo đảm vệ sinh môi trường”, “Hiến đất xây dựng cơ sở hạ tầng”,... theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đối với tiêu chí An ninh, trật tự xã hội:

Bên cạnh xây dựng hệ thống chính trị, công tác bảo đảm an ninh, trật tự xã hội luôn được Đảng bộ tỉnh Bình Phước xác định là nhiệm vụ trọng tâm, đặc biệt ở các địa bàn biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đồng bào theo tôn giáo.

Nhằm tăng cường quản lý, giữ vững an ninh, trật tự xã hội, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ngày 15/9/2010, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 14/2010/CT-UBND “*về việc tăng cường biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng bán điều non, cầm cố đất, bán đất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”, góp phần giữ ổn định an ninh nông thôn và ngăn chặn các hoạt động tín dụng đen, lừa đảo. Cùng với đó, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc. Để đảm bảo tốt công tác an ninh ở khu vực nông thôn, ngày 20/6/2011, Công an tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch số 101/KH-CAT-PV28 “*về công tác Công an thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*”. Trên cơ sở đó, lực lượng Công an tỉnh tập trung vào việc thực hiện tiêu chí số 19 về an ninh, trật tự xã hội. Nhiều mô hình sáng tạo được triển khai như: mô hình phòng chống tội phạm; tổ an ninh công nhân; đội thanh niên xung kích; tổ công nhân tự quản; tổ an ninh nhân dân; đội dân phòng; tổ hòa giải đặc biệt; mô hình camera an ninh... Đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nhằm xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho Nhân dân, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng NTM.

Để chuẩn hóa và cụ thể hóa tiêu chí số 19 về an ninh, trật tự xã hội trong xây dựng NTM, ngày 08/10/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND “*về ban hành quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục xét và công nhận khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự” trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”. Văn bản này đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để lực lượng công an các cấp triển khai hiệu quả tiêu chí 19, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn.

Tiểu kết chương 2

Tính đến hết năm 2015, trên địa bàn tỉnh Bình Phước có 03/92 xã đạt chuẩn NTM⁵ (đạt 3,2%), trong khi đó, số xã đạt NTM của cả nước ở thời gian này là 1.566 xã, chiếm 17,5% tổng số xã [47, tr.235]. Bình quân số tiêu chí đạt được ở các xã trên toàn tỉnh là 10,78 tiêu chí [5, tr.37]. Từ xuất phát điểm của một tỉnh còn rất nhiều khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh đã được triển khai mạnh mẽ với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, trước hết là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các cấp uỷ đảng trong tỉnh, sự điều hành của các cấp chính quyền, sự đóng góp hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Nhân dân và sự tham gia, hưởng ứng tích cực, đồng thuận của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và Nhân dân trong tỉnh, khu vực nông thôn của tỉnh đã có nhiều khởi sắc, cơ sở hạ tầng nông thôn được cải thiện, đời sống người dân được từng bước nâng cao, an ninh trật tự được đảm bảo.

Mặc dù vậy, kết quả đạt được trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010-2015 còn rất khiêm tốn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai chương trình vẫn còn một số hạn chế: chưa thật sự đồng đều, chặt chẽ trong sự phối hợp giữa các ngành, địa phương; năng lực của đội ngũ cán bộ thực hiện Chương trình còn nhiều bất cập, dẫn đến việc triển khai chậm và thiếu hiệu quả; nguồn lực đầu tư cho Chương trình cũng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu.

Với kết quả như trên, đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân tỉnh Bình Phước cần nỗ lực rất lớn nhằm phát huy thành tựu, khắc phục hạn chế, trên cơ sở đó, đảm bảo cho việc thực hiện Chương trình có hiệu quả trong giai đoạn 2015-2020.

⁵ Xã Tân Lập (Đồng Phú), xã Tiến Hưng (Đồng Xoài), xã Minh Thành (Chơn Thành).

Chương 3
ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC LÃNH ĐẠO
PHÁT HUY MỌI NGUỒN LỰC, ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.1. NHỮNG YẾU TỐ MỚI TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA
ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC VỀ ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN
MỚI TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.1.1. Tình hình thế giới, trong nước

Việt Nam bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2015-2020 với bối cảnh thế giới và khu vực có những yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen, tác động đến tình hình trong nước như: kinh tế thế giới phục hồi và phát triển; xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn; liên kết và tự do hoá thương mại vẫn là xu thế chủ đạo nhưng đan xen yếu tố bảo hộ; tác động mạnh mẽ của phát triển khoa học và công nghệ đến các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội; cạnh tranh địa chính trị, địa kinh tế đi đôi với căng thẳng thương mại giữa một số nền kinh tế lớn; chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa bảo hộ trở lại; biến động chính trị và xung đột xảy ra nhiều nơi; diễn biến căng thẳng ở Biển Đông đe dọa hoà bình, ổn định và tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đặc biệt, vào cuối năm 2019, đại dịch Covid-19 chưa từng có trong lịch sử xảy ra trên qui mô toàn cầu, gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng và để lại hậu quả nặng nề đến tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của thế giới.

“Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp” [47, tr.72]. Đây đều là những yếu tố tác động rất lớn đến sản xuất nông nghiệp nói riêng và quá trình xây dựng NTM nói chung. Xét về cơ cấu kinh tế, hoạt động sản xuất nông nghiệp chiếm tỉ trọng lớn ở khu vực

nông thôn, trong khi đó, sản xuất nông nghiệp ở nước ta vẫn còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Tình hình biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, Việt Nam được xác định là 1 trong 10 quốc gia đang phát triển chịu sự tác động lớn nhất từ biến đổi khí hậu [27]. Việc trái đất ngày càng nóng lên, nước biển dâng, xâm nhập mặn diễn ra ngày càng khốc liệt,... tác động lớn đến các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, đa dạng sinh học,... đòi hỏi phải có nhận thức mới về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đồng thời, hành động quyết liệt hơn đối với việc thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xu thế toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức cho quá trình xây dựng NTM. Các chủ thể của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam có thể tận dụng, ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, trên cơ sở đó, nâng cao năng suất lao động, thu nhập, đồng thời, thay đổi diện mạo nông thôn, môi trường sống của người dân theo hướng tích cực hơn, cũng như giúp chính quyền các cấp quản lý tốt hơn các nội dung của Chương trình xây dựng NTM. Mặc dù vậy, việc cạnh tranh chất lượng sản phẩm với hàng hóa các nước là một vấn đề đặt ra cho ngành nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Ngoài ra, để nông dân có thể hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả, Nhà nước cần có các chính sách hỗ trợ phù hợp với quy định của các tổ chức quốc tế, theo đó, cần tập trung vào xây dựng hạ tầng, đa dạng hóa ngành nghề nông thôn, đào tạo nghề và tạo việc làm phi nông nghiệp, cũng như phát huy vai trò của các tổ chức nghề nghiệp trong việc bảo vệ quyền lợi của nông dân.

Ở trong nước, trong giai đoạn 2015-2020, trên cơ sở nắm bắt thuận lợi, thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, nhất là tác động của dịch bệnh và thiên tai liên tiếp xảy ra, Đảng, Chính phủ, Mặt trận và Nhân dân đã phát huy

tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quyết tâm, bản lĩnh, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật, ngày càng củng cố, nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN.

Kinh tế cả nước duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân khá cao (khoảng 6%/năm) [49, tr.20]. Nhiều khó khăn, vướng mắc, hạn chế, yếu kém từ các năm trước đã được tập trung giải quyết và đạt những kết quả bước đầu. Trong giai đoạn này, mặc dù sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, song, với sự nỗ lực vượt bậc của Đảng, Chính phủ, Nhân dân, ngành nông nghiệp đã đạt được nhiều thành công đáng ghi nhận. Đây được coi là bộ đỡ của nền kinh tế, đặc biệt vào năm 2020, khi dịch bệnh Covid-19 bắt đầu diễn ra mạnh, ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Bình quân giai đoạn 2016-2020, giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 2,54%/năm, trong đó ngành nông nghiệp tăng 1,8%/năm; ngành lâm nghiệp tăng 5%/năm; ngành thủy sản tăng 4,8%/năm [149, tr.74]. Nhờ vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư sản xuất nông nghiệp, xây dựng NTM, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã tạo bước đột phá mạnh mẽ với sự chuyển dịch tích cực trong cơ cấu và năng suất lao động.

Đối với tỉnh Bình Phước, tính đến cuối năm 2015, toàn tỉnh Bình Phước mới có 3/92 xã được công nhận đạt chuẩn NTM, chiếm tỷ lệ 3,2%, với mức bình quân đạt 10,78 tiêu chí/xã. Mặc dù điểm xuất phát còn nhiều khó khăn, song nhờ sự lãnh đạo quyết liệt của Đảng bộ, sự điều hành linh hoạt của chính quyền các cấp và sự hưởng ứng tích cực của người dân, Chương trình xây dựng NTM đã được triển khai đồng bộ. Hạ tầng nông thôn từng bước được đầu tư nâng cấp, chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn ngày càng được cải thiện, tình hình an ninh trật tự cơ bản được giữ vững. Tuy nhiên, kết quả xây dựng NTM giai đoạn 2010-2015 vẫn còn hạn chế do công

tác chỉ đạo chưa đồng đều, năng lực cán bộ còn bất cập, và nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu. Thực tế này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới phương thức lãnh đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp để thực hiện hiệu quả chương trình trong giai đoạn 2015-2020.

Như vậy, tình hình thế giới và trong nước có những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen đã đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trên cơ sở đó, Chương trình xây dựng NTM trên cả nước trong giai đoạn này đòi hỏi sự quyết tâm, nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn của cả hệ thống chính trị cũng như Nhân dân cả nước.

3.1.2. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (01/2016) đánh giá quá trình 05 năm (2010-2015) thực hiện xây dựng NTM trên cả nước: “Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng NTM bước đầu đạt kết quả tích cực” [47, tr.234], “CNH nông nghiệp, nông thôn có chuyển biến; nông nghiệp phát triển toàn diện hơn theo hướng khai thác những lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; ứng dụng khoa học - công nghệ và mức độ cơ giới hóa được nâng lên; xây dựng NTM có nhiều tiến bộ” [47, tr.83]. Với những kết quả tích cực mang lại, “Chương trình xây dựng NTM được cả nước đồng tình, ủng hộ. Đã rà soát, điều chỉnh các chính sách, tiêu chí phù hợp hơn với đặc thù từng vùng, thu hút được nhiều nguồn lực và sự tham gia đông đảo của người dân” [47, tr.235]. Bên cạnh những kết quả chủ yếu như vậy, Đại hội chỉ ra một số tồn tại, hạn chế trong quá trình xây dựng NTM, đó là: “kết quả đạt được chưa đồng đều, chưa đạt mục tiêu đề ra” [47, tr.253], “thiếu gắn kết chặt chẽ, đồng bộ... giữa phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn với xây dựng NTM” [47, tr.86]. Trên cơ sở kết quả của quá trình xây dựng NTM trong giai đoạn 2010-2015, Đảng nhấn mạnh trong giai đoạn 2016-2020, cần “Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, xây

dựng NTM và cải thiện đời sống của nông dân” [47, tr.281], đặc biệt, “đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, chú trọng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng NTM” [47, tr.52],

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng NTM và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách về phát triển giữa đô thị và nông thôn, tăng cường kết nối nông thôn - đô thị, phối hợp các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị” [47, tr.93].

“Tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng NTM. Phần đầu đến năm 2020 khoảng 40 - 50% số xã đạt chuẩn NTM. rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tiêu chí xây dựng NTM phù hợp với đặc thù từng vùng” [47, tr.283].

Như vậy, Đại hội XII tiếp tục xác định xây dựng NTM là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của đất nước. Để đạt được mục tiêu này, Đại hội đã đề ra những giải pháp đồng bộ, toàn diện, từ việc phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống nông dân đến việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng không chỉ góp phần nâng cao đời sống của người dân nông thôn, mà còn là yếu tố quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng một đất nước giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng về đẩy mạnh xây dựng NTM, đồng thời, để phù hợp với thực tiễn của đất nước trong giai đoạn mới, với những chuyển biến mới về tình hình và thế giới, ngày 16/8/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1600/QĐ-TTg “*về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*”. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1980-TTg ngày 17/10/2016, xác định Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-

2020. Hai Quyết định này nhằm thay thế cho các Quyết định đã được ban hành trong giai đoạn 2010-2015, đó là: Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 “*về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*”; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 “*về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới*”; Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 “*về việc sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới*”. So với Bộ tiêu chí được ban hành trong giai đoạn trước, Bộ tiêu chí trong giai đoạn này vẫn bao gồm 19 tiêu chí, nhưng tăng thêm 10 chỉ tiêu (49 so với 39) và có nhiều tiêu chí, chỉ tiêu có thay đổi về tên gọi và quy định về mức đạt được. Điểm mới nổi bật của Bộ tiêu chí trong giai đoạn 2016-2020 là sự tăng cường tính linh hoạt, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi vùng, mỗi miền. Nhất là, có một số tiêu chí được để “*mở*” và giao cho UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa của địa phương, như: tiêu chí giao thông; thủy lợi (chỉ tiêu về: tỉ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên); cơ sở vật chất văn hóa (các chỉ tiêu về: xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã; xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định); cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; thông tin và truyền thông; môi trường và an toàn thực phẩm (chỉ tiêu về: mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch).

Với yêu cầu xây dựng NTM ngày càng cao, ngày 15/01/2018, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 521/VPCP-NN “*về việc ban hành nội dung trọng tâm xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, điều kiện, tiêu chí xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020, định hướng chỉ đạo xây dựng tiêu chí huyện nông thôn mới kiểu mẫu*”. Thực hiện Công văn trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2018-2020 đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM thông qua ban hành Công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018. Theo đó, để một xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao thì xã đó phải được công nhận đạt chuẩn NTM theo quy định, đồng thời, bảo đảm đạt chuẩn một số nội dung về hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân, giáo dục - y tế - văn hóa, cảnh quan - môi trường, an ninh trật tự và hành chính được quy định trong Công văn này.

Một số chỉ tiêu, như: đảm bảo thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao phải cao gấp 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm được công nhận đạt chuẩn NTM; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 0,5 lần trở xuống so với mức quy định đối với vùng; tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt từ 65% trở lên; có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã; 70% trở lên lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định,...

Ngày 05/6/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 691/QĐ-TTg *“về ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020”*, theo đó, xã NTM kiểu mẫu trong giai đoạn 2018-2020 là xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao theo quy định và đáp ứng thêm các tiêu chí về: sản xuất - thu nhập - hộ nghèo; giáo dục - y tế - văn hóa; môi trường; an ninh trật tự - hành chính công được quy định trong Quyết định số 691/QĐ-TTg, như: thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã NTM kiểu mẫu phải cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn NTM; không có hộ nghèo; tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 95% trở lên, số

trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học; trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững;...

Những chỉ tiêu, tiêu chí trong xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đòi hỏi Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải thật sự quyết tâm, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng NTM, trên cơ sở đó, diện mạo nông thôn Việt Nam được khởi sắc, để nông thôn thật sự trở thành vùng quê đáng sống của đông đảo quần chúng Nhân dân.

Nhằm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động trong việc huy động quần chúng Nhân dân tham gia các phong trào trong thực hiện Chương trình xây dựng NTM, ngày 15/11/2015, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã triển khai cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” trên cơ sở kế thừa kết quả sau 20 năm thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” (1995-2015), với mục tiêu tăng cường, củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng NTM, đô thị văn minh. Ngày 15/12/2016, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 10-CT/TW “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*” khẳng định tầm quan trọng của cuộc vận động này và chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tích cực triển khai. Cuộc vận động không chỉ hướng đến mục tiêu xây dựng NTM mà còn góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 07/8/2019, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 54-KL/TW “*về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân,*

nông thôn”. Bộ Chính trị đánh giá quá trình 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X đạt nhiều kết quả quan trọng, trong đó, quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn được thúc đẩy mạnh mẽ, góp phần quan trọng cải thiện toàn diện đời sống của nông dân, phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Kết luận số 54-KL/TW khái quát những thành tựu chủ yếu trong thực hiện xây dựng NTM:

Chương trình MTQG xây dựng NTM được triển khai quyết liệt, đồng bộ, rộng khắp trong cả nước với sự hưởng ứng tham gia tích cực, nhiệt tình của Nhân dân, có nhiều mô hình mới, cách làm hay. Nhiều nơi kết cấu hạ tầng về thủy lợi, điện, đường, trường, trạm y tế, chợ, nhà văn hóa ở nông thôn được nâng cấp hoặc xây dựng mới khá đồng bộ. Hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được đổi mới...; công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng hơn. Hình thành nhiều trang trại, HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả. Doanh nghiệp nông nghiệp phát triển nhanh, quy mô ngày càng lớn hơn. Nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn kết doanh nghiệp - HTX - hộ nông dân đã hình thành và được nhân rộng. Nợ xây dựng cơ bản ở các xã NTM giảm rất nhiều... Thu nhập bình quân đầu người/năm ở nông thôn năm 2018 tăng 3,8 lần so với năm 2008. Khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn được thu hẹp dần, giảm nghèo nhanh, nhất là các huyện miền núi [19].

Với kết quả như vậy, “Mục tiêu tới năm 2020 có khoảng 50% xã đạt tiêu chí về xây dựng NTM là khả thi; nhiều tỉnh, nhiều xã phấn đấu đạt tiêu chí cao hơn, xây dựng thôn, làng mẫu, khu dân cư kiểu mẫu” [19]. Bên cạnh những thành tựu như trên, Bộ Chính trị chỉ ra một số hạn chế, yếu kém trong quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, đó là:

Nông thôn phát triển chưa đồng đều, kết nối kinh tế nông thôn - đô thị yếu; cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Một số địa phương còn chạy theo phong trào, thành tích, chủ yếu tập trung phát triển cơ sở hạ tầng, chưa quan tâm đúng mức tới phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập của người dân, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch chậm so với yêu cầu đặt ra. Trình độ khoa học và công nghệ của nông nghiệp nước ta còn thấp, nhất là so với các nước tiên tiến trong khu vực. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn hiệu quả chưa cao [19].

Bộ Chính trị xác định có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng hạn chế, yếu kém nêu trên, trong đó, nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Bộ Chính trị tiếp tục nhấn mạnh quan điểm, xác định “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta” [19]. Để thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, Bộ Chính trị quán triệt một số nhiệm vụ và giải pháp liên quan đến việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013 và các quy định pháp luật khác có liên quan; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách; thu hút đầu tư, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân; đa dạng nguồn lực của Nhà nước và các thành phần kinh tế để xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu; đánh giá hiệu quả các chương trình hỗ trợ người dân nông thôn, người nghèo, các đối tượng chính sách; cụ thể hóa kịch bản tác động của biến đổi khí hậu tới các vùng, địa phương; triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, sinh thái nông thôn. Liên quan trực tiếp đến Chương trình MTQG xây dựng NTM, Bộ Chính trị yêu cầu phải thường xuyên cập nhật, đánh giá kết quả xây dựng NTM, kịp thời nhân rộng các cách làm hay, hiệu quả và chấn chỉnh, rút kinh nghiệm những biểu hiện lệch lạc; thực hiện xây dựng NTM toàn diện, đi vào chiều

sâu, cải thiện trực tiếp điều kiện sống, thay đổi tư duy, nếp sống của người dân nông thôn; hoàn thành và nâng cao chất lượng các mục tiêu xây dựng NTM đã đề ra tới năm 2020; nghiên cứu, xây dựng chương trình NTM gắn với đô thị hóa nông thôn, phù hợp với yêu cầu và điều kiện của giai đoạn mới.

Trong giai đoạn 2016-2020, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách mới về lãnh đạo xây dựng NTM trên địa bàn cả nước, trong đó, đặc biệt chú trọng đối với nội dung hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ những khó khăn, điểm nghẽn trong thực hiện xây dựng NTM; chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng NTM; chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn. Những chủ trương, chính sách được đề ra trong giai đoạn 2016-2020, cũng như những kết quả đạt được trong xây dựng NTM tại tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010-2015 là cơ sở để Đảng bộ tỉnh Bình Phước tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng NTM tại địa phương trong giai đoạn tiếp theo.

3.2. ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.2.1. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bình Phước về đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới từ năm 2015 đến năm 2020

Ngày 16/10/2015, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X diễn ra, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu tổng quát giai đoạn 2015-2020 là: “Phát huy truyền thống cách mạng và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; giữ vững ổn định chính trị - xã hội và chủ quyền biên giới; khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, xây dựng tỉnh Bình Phước phát triển nhanh và bền vững” [5, tr.28]. Nhiều nội dung của Chương trình xây dựng NTM đã được Đảng bộ Tỉnh đề cập đến trong mục tiêu tổng quát nêu trên. Để thực hiện tốt mục tiêu đó, bảo đảm cho tỉnh Bình Phước phát triển nhanh và bền vững, Đại hội xác định một số nhiệm vụ trọng tâm, trong đó, liên quan trực tiếp đến Chương trình xây dựng NTM. Có thể đề cập đến một số nhiệm vụ như sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng CNH, HĐH. Tập trung vào các lĩnh vực:

1.1. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân. Ưu tiên đầu tư vào 6 lĩnh vực: Điện; đường giao thông; trường học; cơ sở y tế; trạm, trại; thủy lợi.

1.2. Tái cơ cấu nền kinh tế trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Triển khai thực hiện 6 chương trình kinh tế sau:

(1) Chương trình phát triển công nghiệp - xây dựng; (2) Chương trình phát triển nông, lâm nghiệp; (3) Chương trình phát triển du lịch; (4) Chương trình phát triển thương mại - dịch vụ; (5) Chương trình đô thị hoá; (6) Chương trình xây dựng NTM.

Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện các dự án trọng điểm gồm:

(1) Dự án khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Đồng Phú; (2) Dự án Becamex Bình Phước; (3) Dự án đường Đồng Phú - Bình Dương; (4) Dự án đường Minh Hưng - Đồng Nơ; (5) Dự án Tà Thiết - Hoa Lư; (6) Dự án nâng cấp đường ĐT759; (7) Dự án nâng cấp đường tuần tra biên giới; (8) Dự án Khu du lịch sinh thái Bù Gia Mập; (9) Dự án Khu du lịch tâm linh Bà Rá; (10) Dự án Khu di tích lịch sử và du lịch sinh thái căn cứ Bộ Chỉ huy Miền - Tà Thiết; (11) Dự án Khu bảo tồn văn hóa dân tộc Xtiêng, sóc Bom Bo.

1.3. Tiếp tục nâng cao hiệu quả đầu tư công, hoạt động của các tổ chức tín dụng, bảo hiểm; đẩy mạnh huy động vốn.

2. Nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả khoa học - công nghệ vào sản xuất, từng bước nâng cao năng suất lao động, tạo sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

4. Đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực văn hóa xã hội, nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân... Tập trung nâng cao chất lượng,

đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu, theo hướng thiết thực. Phát động phong trào “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt”...

Tiếp tục ưu tiên phát triển giáo dục - đào tạo, tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện sự nghiệp giáo dục...

Coi trọng công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, nâng cao chất lượng dân số. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã gắn liền với Chương trình MTQG xây dựng NTM...

Tạo chuyên biến căn bản Chương trình MTQG xóa đói, giảm nghèo; quan tâm tốt hơn đối với bộ phận người yếu thế trong xã hội. Tập trung giảm nghèo ở các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

5. Đảm bảo quốc phòng - an ninh và đối ngoại; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị để bảo vệ vững chắc tuyến biên giới của Tổ quốc...

6. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Tập trung xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, tạo niềm tin và sự đồng thuận trong Đảng và trong toàn xã hội...

7. Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, trọng tâm là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội; đổi mới phương thức tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp Nhân dân; đẩy mạnh dân chủ, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân [5, tr.133-138].

Đại hội lần thứ X của Đảng bộ Tỉnh khái quát kết quả thực hiện xây dựng NTM trong 5 năm (2010-2015). Trong giai đoạn này, cả tỉnh chỉ có “3 xã đạt 19/19 tiêu chí, 8 xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí, 35 xã đạt từ 10 đến 14 tiêu chí; bình quân số tiêu chí đạt được trong toàn tỉnh là 10,78 tiêu chí” [5, tr.37]. Trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM tiến độ chậm, gặp nhiều khó khăn về kinh phí, chưa huy động tốt sức dân, còn chủ yếu dựa vào sự đầu tư của nhà nước, Đảng bộ Tỉnh nhấn mạnh trong giai đoạn tiếp theo, cần “Tập trung các nguồn lực cho chương trình mục tiêu xây dựng NTM với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, lồng ghép các chương trình mục tiêu để tập trung nguồn lực, tránh phân tán, dàn trải” [5, tr.76-77], “Huy động mọi nguồn lực và phấn đấu quyết liệt để 50% xã đạt chuẩn NTM vào năm 2020” [5, tr.22].

Với kết quả xây dựng NTM trong giai đoạn 2015-2020 mà Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Bình Phước đạt được, Đại hội lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 của Đảng bộ Tỉnh đánh giá kết quả tích cực trong vòng 10 năm xây dựng NTM tại địa phương: “Chương trình xây dựng NTM đã huy động được sự tham gia tích cực của người dân; sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị, chung tay xây dựng NTM và đạt được kết quả thiết thực, có ý nghĩa chính trị, xã hội, nhân văn sâu sắc” [5, tr.34]. Tính đến cuối năm 2020, tổng số xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh là 60/90 xã⁶. Đồng thời, theo điều tra, khảo sát tại các xã đạt chuẩn NTM, tỷ lệ hài lòng của người dân ở những xã này là 95,99% [211, tr.24]. Tại thời điểm này, mặc dù toàn tỉnh chưa có xã đạt chuẩn NTM nâng cao, nhưng có 8 xã đã được thẩm định và trình hồ sơ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao [225, tr.18].

Với kết quả như vậy, Đảng bộ đề ra mục tiêu: “Phấn đấu đến năm 2025, tỉnh Bình Phước có 70% số huyện được công nhận huyện NTM, trong

⁶ Trong giai đoạn 2010-2015, tỉnh Bình Phước có 92 xã; từ ngày 16/10/2018, số xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giảm 02, do 01 xã lên phường và 01 xã lên thị trấn (phường Tiến Thành (thị xã Đồng Xoài) và thị trấn Tân Khai (huyện Hớn Quản)).

đó có 01 huyện được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; tỷ lệ đường giao thông nông thôn được bê tông hóa đạt 100%” [7, tr.90].

Chủ trương về xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2015-2020 là yếu tố đặc biệt quan trọng, giúp tháo gỡ những khó khăn trong xây dựng NTM ở giai đoạn trước, huy động sức dân, khơi dậy động lực, phát huy nguồn lực của toàn xã hội để kết quả xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2015-2020 có những bước chuyển vượt bậc so với giai đoạn trước.

Để thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM trong giai đoạn 2015-2020; sâu sát, phù hợp với tình hình địa phương, UBND tỉnh ban hành một số Quyết định, xác định Bộ tiêu chí xã NTM trên địa bàn tỉnh, như: Quyết định số 753/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017 “*về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020*”; Quyết định số 1821/QĐ-UBND, ngày 08/8/2018 “*về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”; Quyết định số 2595/QĐ-UBND, ngày 13/11/2018 “*về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn kiểu mẫu thuộc phạm vi địa giới của 1 thôn, ấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2018-2020*”; Quyết định số 1081/QĐ-UBND, ngày 24/5/2019 “*về việc ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020*”. Những văn bản trên chính là cơ sở quan trọng để Đảng bộ, chính quyền cơ sở và quần chúng Nhân dân ở nông thôn tỉnh Bình Phước phấn đấu, quyết tâm xây dựng NTM để cải thiện mức sống, môi trường sống của Nhân dân, nhằm thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

3.2.2. Đảng bộ tỉnh Bình Phước chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

3.2.2.1. Kiện toàn Ban Chỉ đạo, hoàn thiện quy hoạch, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức các phong trào thi đua, huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo

Phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2010-2015, trong giai đoạn 2015-2020, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở được thể hiện mạnh mẽ, quyết liệt, bảo đảm tập trung thống nhất, phát huy trách nhiệm người đứng đầu, đồng thời, có sự phân công, phân cấp trách nhiệm đến từng cấp, từng ngành, từng thành viên Ban Chỉ đạo, từng cơ quan, đơn vị, từng cán bộ, đảng viên để không có tình trạng né tránh trách nhiệm. Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM tập trung lãnh đạo với phương châm “dễ làm trước, khó làm sau”, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở thường xuyên, liên tục việc triển khai tổ chức xây dựng NTM đến cơ sở với các đoàn công tác của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời trong xây dựng NTM. Bộ máy quản lý chương trình các cấp đã được thành lập và kiện toàn. Công tác phân cấp quản lý điều hành Chương trình xây dựng NTM bảo đảm thống nhất từ tỉnh đến xã và tuân thủ theo quy định, nhất là Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ “*về Ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*”.

Ngày 20/12/2016, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3261/QĐ-UBND “*về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước*”. Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo được ban hành tại Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh Bình Phước. Số lượng Ban Chỉ đạo trên địa bàn tỉnh là: 12

Ban Chỉ đạo, trong đó, có 01 Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và 11 Ban Chỉ đạo cấp huyện, thị xã⁷. Ở cấp tỉnh, thành lập “một ban hai chương trình” gồm: Chương trình xây dựng NTM và chương trình giảm nghèo bền vững, gọi chung là Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Phước. Đến tháng 02/2020, tỉnh đã tích hợp Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG với Ban Chỉ đạo chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới thành 1 Ban Chỉ đạo (tại Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 12/02/2020).

Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch UBND 11 huyện, thị xã trực thuộc tỉnh. Các thành viên Ban Chỉ đạo được phân công nhiệm vụ cụ thể, phụ trách từng tiêu chí và trực tiếp kiểm tra, giám sát, hướng dẫn từng huyện, thị xã. Nội dung này được đánh giá trong các cuộc họp định kỳ của Ban Chỉ đạo, do đó, các thành viên Ban Chỉ đạo kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn cho các địa phương trong quá trình thực hiện. Vì vậy, công tác chỉ đạo được xuyên suốt. Cụ thể: Trưởng Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh là Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Trưởng Ban Chỉ đạo thường trực là Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực kinh tế; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là ủy viên thường trực Chương trình MTQG xây dựng NTM kiêm Chánh Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh; cơ quan thường trực Chương trình MTQG xây dựng NTM là Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; cơ quan thường trực Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là Sở Lao động Thương binh và Xã hội; cơ quan thường trực chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới là Ban Dân tộc tỉnh; cơ quan tổng hợp chung 3 chương trình MTQG là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

⁷ Ngày 15/5/2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH “về điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập để thành lập mới huyện Phú Riềng”. Theo đó, tỉnh Bình Phước bao gồm 11 huyện, thị xã trực thuộc tỉnh.

Ở cấp huyện, 11/11 huyện, thị xã đã thành lập Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM. Ở cấp xã, có 100% xã (90/90 xã) đã thành lập Ban Quản lý đề án xây dựng NTM cấp xã, do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban; thành phần, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo tỉnh, Trung ương.

Cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh gồm Văn phòng điều phối NTM tỉnh và 11 Văn phòng điều phối NTM cấp huyện, được kiện toàn theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng điều phối nông thôn mới các cấp. Chánh Văn phòng điều phối NTM tỉnh do “Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn kiêm nhiệm, 01 Phó Chánh Văn phòng chuyên trách và 6 chuyên viên” [209, tr.4]. Văn phòng điều phối NTM các cấp có vai trò là đầu mối giúp Ban Chỉ đạo tỉnh quản lý và thực hiện chương trình thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến huyện, xã. Bên cạnh đó, Văn phòng điều phối còn chủ trì, xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình; phối hợp kiểm tra, giám sát và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện chương trình, bao gồm các công việc: xây dựng kế hoạch phân bổ vốn, theo dõi, giám sát và đánh giá tiến độ, tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, nghiên cứu đề xuất chính sách và phối hợp hoạt động liên ngành.

Mặc dù Ban Chỉ đạo các cấp đã được kiện toàn, đồng thời được xác định rõ nhiệm vụ trong thực hiện Chương trình, tuy nhiên, hoạt động của Ban Chỉ đạo vẫn còn một số hạn chế. Có nơi, hoạt động của các thành viên Ban Chỉ đạo còn chưa thường xuyên. Một số thành viên Ban Chỉ đạo là Chủ tịch UBND các huyện, thị xã còn chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo tại địa phương nên các nhiệm vụ trọng tâm như xây dựng quy hoạch, đề án còn chậm so với kế hoạch Ban Chỉ đạo tỉnh, Ban Chỉ đạo Trung ương đề ra. Vai trò của một số thành viên còn mờ nhạt. Ở một số địa phương, cán bộ phụ trách NTM

vẫn còn kiêm nhiệm hoặc là người hoạt động không chuyên trách nên thường xuyên có sự thay đổi về nhân sự, dẫn đến việc triển khai Chương trình đôi lúc còn thiếu nhịp nhàng.

- Công tác quy hoạch

Ngay trong giai đoạn 2010-2015, 100% xã đã ban hành quy hoạch xây dựng NTM và ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, do địa bàn các xã rộng nên việc khảo sát thực địa tốn nhiều thời gian và có độ chính xác chưa cao, dẫn tới việc định hướng phát triển hạ tầng còn nhiều sai lệch, hồ sơ quy hoạch phải chỉnh sửa nhiều lần. Để Nhân dân trong xã biết, nắm rõ và thực hiện, UBND các xã niêm yết công khai bản vẽ quy hoạch tại trụ sở xã, ấp, đồng thời công bố trên hệ thống loa truyền thanh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức phong trào thi đua, huy động nguồn lực trong xây dựng NTM

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác tuyên truyền trong việc xây dựng NTM, Đảng bộ Tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các đoàn thể triển khai đồng bộ, đa dạng các hình thức tuyên truyền. Qua đó, không chỉ nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên mà còn tạo sự đồng thuận cao trong quần chúng Nhân dân. Thực hiện Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ “*về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020*”, đồng thời hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” do Thủ tướng Chính phủ phát động vào ngày 30/9/2016, ngày 30/12/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 3413/QĐ-UBND “*về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020* và chính thức phát động phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng NTM” trên địa bàn tỉnh nhằm huy động mọi nguồn lực, vận động

các tầng lớp Nhân dân tham gia xây dựng phong trào với mục tiêu phấn đấu có 50% số xã hoàn thành xây dựng NTM trong giai đoạn 2016-2020.

Các cấp ủy, chính quyền đã tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động, như: “Toàn tỉnh chung sức xây dựng NTM”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”. Các cơ quan thông tin đại chúng đã vào cuộc một cách sâu rộng, thông qua báo chí, đài phát thanh, truyền hình, các ấn phẩm tuyên truyền để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng NTM. Trong giai đoạn 2016-2020, “có 2.150 quyển sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Văn phòng điều phối NTM tỉnh biên soạn được phát hành đến Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã; 8.800 tờ rơi tuyên truyền về Chương trình MTQG xây dựng NTM” [211, tr.4] được gửi đến 90 xã; tổ chức 20 cuộc thi “Nhà nông bàn cách làm giàu”, 18 chương trình khuyến nông, 30.102 bản tin khuyến nông; 44.250 đầu sách kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật được xuất bản; tổ chức 165 hội thi, diễn đàn, hội nghị, hội diễn văn nghệ; cấp 41.850 tờ rơi, áp phích, sổ tay, bản tin tuyên truyền về NTM; thực hiện 200 tin, phóng sự về kinh tế tập thể [211, tr.6].

Báo Bình Phước đăng tải được 275 tin, bài tuyên truyền về việc thực hiện Chương trình xây dựng NTM [211, tr.5]. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh ngoài việc phát sóng hàng ngày các tin, bài về xây dựng NTM trong chương trình thời sự và các chuyên mục khác, “Nông thôn mới” trở thành một chuyên mục độc lập, được đều đặn phát sóng định kỳ 2 số/tháng. Mỗi số có thời lượng 15 phút (phát sóng lúc 20h50 phút của ngày thứ Sáu tuần thứ nhất và tuần thứ ba trong tháng). Chuyên mục này phản ánh những kết quả cụ thể, đặc biệt là công tác xã hội hóa, huy động sức dân, tạo sự đồng thuận của Nhân dân trong việc tham gia xây dựng NTM, sự vào cuộc quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, mặt trận, các tổ chức đoàn thể tại địa phương trong triển khai

thực hiện Chương trình. Ngoài ra, hệ thống loa truyền thanh cụm xã, cụm loa ấp, sóc cũng được huy động trong công tác tuyên truyền xây dựng NTM khi hoạt động trung bình 10 giờ/tháng/xã [211, tr.5-6].

Các cấp Hội Nông dân trong tỉnh đã tổ chức được 2.367 buổi tuyên truyền cho 102.236 lượt người dự về các nội dung Chương trình MTQG xây dựng NTM [211, tr.5].

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Tỉnh, mỗi chi bộ, đoàn thể đăng ký 01 chỉ tiêu thi đua trong xây dựng NTM. Trên cơ sở đó, các địa phương trong tỉnh phát động phong trào “toàn dân hiến đất, mở đường, xây dựng đường đẹp, ngõ đẹp” và phong trào “góp đất làm đường giao thông đồng ruộng”. Với tinh thần “mỗi người dân góp một ý tưởng xây dựng NTM”, đã có rất nhiều cách làm hay, sáng tạo được triển khai thực hiện, tiêu biểu là phong trào “hiến đất mở đường, xây dựng đường đẹp, ngõ đẹp”. Kết quả, ở nhiều xã, Nhân dân đã góp hàng ngàn ngày công, hàng tỷ đồng; tự nguyện hiến hàng chục ha đất nông nghiệp, hàng nghìn m² đất ở; tự phá dỡ hàng nghìn mét tường công, hàng trăm m² công trình phụ và nhà ở để mở rộng đường trục thôn, đường trong khu dân cư và xây dựng kênh mương, đường giao thông nội đồng. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhân dân “đóng góp hơn 16.260 ngày công, nâng cấp và sửa chữa hơn 905 tuyến đường, 680 kênh nội đồng, 202 cầu cống các loại; bên cạnh đó, các cấp hội đã vận động các hộ gia đình tự nguyện hiến được 50.670m đất” [211, tr.8] làm mới đường liên thôn, đóng góp tiền để tu sửa và làm đường giao thông liên thôn, công trình điện thấp sáng, phát quang bụi rậm cùng với các công trình khác,... Qua đó, diện mạo nông thôn ngày càng đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn ngày càng phát triển. Tiêu biểu như: xã Đức Liễu (huyện Bù Đăng), xã Long Giang (huyện Phước Long), xã Thanh Lương, Thanh Phú (huyện Bình Long), xã Tân Thành, Tân Hưng (thành phố Đồng Xoài); thôn 9, xã Bom Bo (huyện Bù Đăng), huy động Nhân dân làm

1.450m đường giao thông nông thôn trị giá trên 01 tỉ đồng, vận động Nhân dân tự giải tỏa, hiến đất và tài sản trên đất không cần bồi thường thiệt hại để làm 02 tuyến đường điện khoảng 2,3km, vận động Nhân dân góp tiền làm đèn đường trên 3,4km; xã Lộc Thuận (huyện Lộc Ninh) vận động Nhân dân đóng góp xây dựng 9.920m đường bê tông và 2.400m đường sỏi đỏ, vận động Nhân dân thấp sáng 4km đường giao thông [211, tr.8].

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng bộ Tỉnh, cùng với sự đồng lòng, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, Chương trình xây dựng NTM đã đạt được những thành tựu vượt bậc. Phong trào này đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế - xã hội ở nông thôn. Kết cấu hạ tầng được đầu tư nâng cấp, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt. Những kết quả đạt được đã vượt xa so với mục tiêu đề ra tại Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ X⁸, khẳng định sự đúng đắn của đường lối, chính sách của Đảng.

- Huy động nguồn lực xây dựng NTM

Những kết quả đạt được trong quá trình huy động vốn xây dựng NTM ở giai đoạn 2010-2015 đã để lại những bài học kinh nghiệm rất quý báu cho giai đoạn 2016-2020, nhất là việc giải quyết tình trạng nợ đọng xây dựng NTM, điều này không những ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng NTM mà còn gây dư luận xấu trong Nhân dân. Đảng bộ Tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung mọi nguồn lực để khắc phục tình trạng này. Với tinh thần trách nhiệm cao, các cấp chính quyền đã chủ động rà soát, phân loại các khoản nợ, xây dựng kế hoạch thanh toán cụ thể và triển khai thực hiện một cách hiệu quả. Đầu năm 2016, toàn tỉnh còn nợ đọng 89.427 triệu đồng [211, tr.10], “đến cuối năm 2018, toàn tỉnh không còn tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản Chương trình xây dựng NTM” [211, tr.10].

⁸ Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 có 50% xã đạt chuẩn NTM, trên thực tế, cuối năm 2020 có 60 xã đạt, chiếm 66,67%.

Để đảm bảo nguồn vốn cho chương trình, Đảng bộ Tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành đa dạng hóa các nguồn vốn, huy động các nguồn lực xã hội. Tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình xây dựng NTM trong giai đoạn 2016-2020 là 62.670.196 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách Trung ương là 557.500 triệu đồng (chiếm 0,9%), vốn đối ứng ngân sách địa phương là 3.178.047 triệu đồng (chiếm 5,1%), vốn lồng ghép là 1.950.196 triệu đồng (chiếm 3,2%), vốn tín dụng là 56.371.700 triệu đồng (chiếm 91,8%), vốn doanh nghiệp là 156.316 triệu đồng (chiếm 0,3%), vốn huy động từ cộng đồng dân cư là 459.437 triệu đồng (chiếm 0,7%) [211, tr.9-10].

3.2.2.2. Lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội lần thứ X, Tỉnh ủy Bình Phước xác định: tập trung đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân. “Ưu tiên đầu tư vào 6 lĩnh vực: Điện; đường giao thông; trường học; cơ sở y tế; trạm, trại; thủy lợi” [5, tr.133]. Ban Chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh nhấn mạnh cần đặc biệt chú trọng phát triển xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản, cấp thiết của người dân. Trong giai đoạn 2010-2015, cả tỉnh Bình Phước chỉ có 03/08 tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội có trên 50% số xã đạt (tiêu chí số 3: Thủy lợi; tiêu chí số 4: Điện; tiêu chí số 8: Bưu điện), thì đến giai đoạn 2016-2020, tất cả các tiêu chí đều có ít nhất 61 xã (67,7% số xã) đạt chuẩn trở lên. Trong đó, 02 tiêu chí có 90/90 xã (100%) đạt chuẩn, là tiêu chí số 3: Thủy lợi và tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông; 04 tiêu chí có từ 70 xã đến 86 xã đạt, đó là: Tiêu chí số 4: Điện (82/90 xã), tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa (71/90 xã - 78,9%), tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (86/90 xã - 95,6%), tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư (70/90 xã - 77,8%); 02 tiêu chí có ít số xã đạt nhất là tiêu chí số 2: Giao thông và tiêu chí số 5: Trường học với số xã đạt lần lượt là 62/90 xã (68,9%) và 61/90 xã (67,8%) [225, tr.7-10].

Về tiêu chí Thủy lợi:

Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã tập trung chỉ đạo đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống thủy lợi, nhằm đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân và phòng chống thiên tai. Đến năm 2020, “tỉnh có 67 công trình thủy lợi, bao gồm 61 hồ chứa vừa và nhỏ; 04 đập dâng; 01 trạm bơm và 01 hệ thống kênh sử dụng nước sau hồ thủy điện Cánh Đơn” [211, tr.12]. Đặc biệt, việc đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đã góp phần cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống của người dân, nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch lên 98% [225, tr.14].

Về tiêu chí Thông tin và Truyền thông:

Đảng bộ Tỉnh đã tập trung chỉ đạo, đầu tư nâng cấp hạ tầng thông tin và truyền thông, nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân, phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở. Đến năm 2020, hạ tầng thông tin và truyền thông ở nông thôn đã có những bước phát triển vượt bậc với 98% số xã trên địa bàn tỉnh có điểm phục vụ bưu chính viễn thông; 100% xã có internet đến thôn ấp; 100% xã có đài truyền thanh; 100% xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ [211, tr.6]. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ với các phần mềm quản lý văn bản như One-Win SYS, Next Office tại các xã đã trở nên phổ biến, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hành chính.

Về tiêu chí Điện:

Đảng bộ Tỉnh đã tập trung chỉ đạo, đầu tư nâng cấp hệ thống điện lưới, nhằm đảm bảo cung cấp điện năng ổn định, phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân. Để các địa phương có cơ sở thực hiện tiêu chí này, ngày 25/7/2017, Sở Công thương tỉnh Bình Phước ban hành *Công văn số 1118/SCT-KH* “về việc hướng dẫn đánh giá, thẩm định, công nhận xã hoàn thành xây dựng nông

thôn mới đối với tiêu chí số 4 về điện và tiêu chí số 7 về hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh”. Theo đó, xã đạt tiêu chí về điện phải đáp ứng đủ ba tiêu chí: hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn; hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo theo yêu cầu tiêu chuẩn. Sở Công thương yêu cầu UBND cùng cơ quan điện lực các huyện, thị xã tổ chức thực hiện và đánh giá, thẩm định xã hoàn thành tiêu chí số 4. Đến cuối năm 2020, 100% số xã có lưới điện quốc gia, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 99% [211, tr.6]. Hệ thống lưới điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng điện năng. Cùng với đường bê tông xi măng, việc triển khai điện thấp sáng đường quê đã tạo nên diện mạo nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp. Mặc dù vậy, ở tiêu chí này, vẫn còn khó khăn lớn trong việc đầu tư lưới điện, vì một số hộ dân sống không tập trung, phân tán nên vấn đề kinh phí đầu tư còn hạn chế.

Về tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa:

Với vai trò là cơ quan phụ trách việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, ngày 25/4/2017, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước ban hành hướng dẫn số 874/HD-SVHTTDL “*về thực hiện Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa và Tiêu chí số 16 về văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới*”. Trong Hướng dẫn này, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh hướng dẫn việc xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất văn hóa, đặc biệt đối với những địa phương gặp khó khăn trong việc bố trí quỹ đất và huy động các nguồn lực để xây dựng mới Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn, có thể tận dụng hội trường, trụ sở làm việc, nhà văn hóa đã xây dựng từ trước, nhằm tạo không gian, môi trường vui chơi, giải trí an toàn, lành mạnh cho người dân. Trong giai đoạn 2016-2020, Đảng bộ và chính quyền các cấp tỉnh Bình Phước đã phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ

sở vật chất văn hóa, nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần của Nhân dân, góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn. Nhờ vậy, đến năm 2020, 100% số xã, phường, thị trấn đều có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 100% thôn, ấp có Nhà văn hóa [225, tr.9]. Các Nhà văn hóa được xây dựng ở vị trí trung tâm, tập trung đông dân cư và được trang bị cơ bản các thiết bị đảm bảo hoạt động. Trong mỗi Nhà văn hoá thôn, ấp được trang bị phong trang trí, tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh, hệ thống âm thanh, bàn ghế ngồi, mặc dù vậy, chỉ có 384/851 (45,1%) Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định [225, tr.9].

Việc tổ chức các hoạt động văn hóa tại các thiết chế văn hóa đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, tạo điều kiện để Nhân dân phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, tiếp cận thông tin của người dân.

Về tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn được Đảng bộ Tỉnh và chính quyền đặc biệt quan tâm đầu tư, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của Nhân dân, thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa, góp phần xây dựng NTM. Việc xét, công nhận xã đạt tiêu chí về hạ tầng thương mại nông thôn được thực hiện theo Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công thương “*về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020*”. Sở Công thương tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã chỉ đạo Phòng Kinh tế các thị xã, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện tổ chức thực hiện đánh giá, thẩm định xã hoàn thành tiêu chí số 7 về hạ tầng thương mại nông thôn.

Tại Bình Phước, công tác xây dựng và phát triển hệ thống chợ, trung tâm thương mại nông thôn đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Cho đến năm 2020, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn của tỉnh được phát triển và dần hoàn thiện với “68 chợ được quy hoạch đang hoạt động, gồm: 04 chợ hạng 1; 09 chợ hạng 2; 45 chợ hạng 3; 10 chợ hoạt động tạm chưa được phân

hạng. Bên cạnh đó, có 08 siêu thị; 03 trung tâm thương mại; khoảng 30 nhà phân phối và 6.500 cửa hàng kinh doanh tạp hóa tiện lợi” [211, tr.14]. Điều này tạo môi trường thuận lợi cho việc mua bán, trao đổi hàng hóa, nhất là sản phẩm nông nghiệp do người dân làm ra, sản phẩm đặc trưng của các địa phương, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Tuy nhiên, quá trình triển khai còn bộc lộ một số hạn chế. Một số chợ chưa thực sự phát huy hết vai trò của mình, cơ sở hạ tầng còn nhiều bất cập, đặc biệt là về vệ sinh môi trường và phòng cháy chữa cháy. Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư vào hạ tầng chợ còn gặp nhiều khó khăn, do yêu cầu về vốn lớn và thời gian thu hồi vốn kéo dài.

Về tiêu chí Nhà ở dân cư:

Đảng bộ Tỉnh cùng với chính quyền và đoàn thể đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chương trình, nội dung nhằm hoàn thành tiêu chí nhà ở dân cư, góp phần quan trọng để nâng cao chất lượng đời sống của từng hộ dân, tạo nên diện mạo nông thôn khang trang, sạch đẹp.

Để tạo thuận lợi cho các địa phương trong việc kiểm tra, đánh giá tiêu chí số 9 “Nhà ở dân cư” bảo đảm thống nhất, khách quan và đúng quy định, ngày 25/7/2017, Sở Xây dựng ban hành Hướng dẫn số 1640/SXD-QLN “*về đánh giá tiêu chí nhà ở dân cư (Tiêu chí số 9) theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”. Trên cơ sở hướng dẫn này, các địa phương đã rà soát, thống kê, phân loại chất lượng nhà ở dân cư nông thôn, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch cải thiện điều kiện sống cho người dân, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Trong giai đoạn 2016-2020, công tác xây dựng, sửa chữa nhà ở nông thôn nói chung và nhà ở cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhờ sự phối hợp của cả hệ thống chính trị, sự chung tay của các doanh nghiệp và Nhân dân, 7.350 căn nhà Đại đoàn kết, Nhà tình thương cho hộ nghèo, khó khăn về nhà ở đã được xây dựng; tiếp tục hỗ trợ cho

Chương trình 167⁹ với 789 căn nhà; sửa chữa và nâng cấp 373 căn nhà tình thương và xây dựng 29 công trình dân sinh [211, tr.15-16]. Các hoạt động này đã góp phần xóa nhà tạm, nhà dột nát, cải thiện điều kiện sống và bộ mặt nông thôn. Tuy nhiên, do tập quán sinh sống của người dân tộc thiểu số¹⁰ và điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế, nên số lượng nhà tạm luôn tăng lên hằng năm.

Về tiêu chí Giao thông:

Từ giai đoạn 2010-2015, nội dung xây dựng đường giao thông nông thôn đã được Đảng bộ Tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh xác định là khâu đột phá, không những đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân mà còn góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai, ngày 07/4/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND “*về áp dụng cơ chế đặc thù đầu tư các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020*”. Trong giai đoạn 2016-2020, nhằm giúp các xã tiến hành rà soát, đánh giá điều chỉnh quy hoạch và có kế hoạch phân kỳ đầu tư theo khả năng nguồn vốn của địa phương, cũng như căn cứ vào tình hình thể tế nguồn nguyên liệu tại địa phương, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Phước ban hành Công văn số 1012/SGTVT-KCHT ngày 24/8/2017 “*về hướng dẫn chi tiết về lựa chọn kết cấu mặt đường cứng hóa trong đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*”. Đây được xem là hướng dẫn chuyên ngành trong quá trình thực hiện tiêu chí về giao

⁹ Chương trình 167 là chương trình chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở của Chính phủ, được thực hiện theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ “*về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở*”. Mục đích của Chương trình này là bên cạnh việc thực hiện các chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010, Nhà nước trực tiếp hỗ trợ các hộ nghèo để có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao mức sống; góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững. Đối tượng của Chương trình 167 là: Hộ nghèo ở khu vực nông thôn; hộ chưa có nhà hoặc nhà tạm bợ, nhà đã hỏng; và không thuộc diện đối tượng được hỗ trợ của Chương trình 134. Các đối tượng trên sẽ nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ theo một trật tự ưu tiên quy định trong Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg. Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp để xây dựng được một căn nhà có diện tích sử dụng tối thiểu 24m²; tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên.

¹⁰ Khi lập gia đình, đồng bào làm nhà tạm để tách khâu, điều đó làm cho số lượng nhà tạm luôn tăng lên hằng năm.

thông trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh. Để phù hợp với yêu cầu, tình hình mới, ngày 09/11/2017, UBND ban hành quyết định số 2936/QĐ-UBND “về việc ban hành hướng dẫn thực hiện các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và hướng dẫn kỹ thuật thi công mặt đường bê tông xi măng theo cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020” (thay thế cho Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 21/5/2014). Tiếp tục phát huy kết quả đạt được, trong giai đoạn 2015-2020, tỉnh đã tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, triển khai làm đường giao thông theo cơ chế đặc thù với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và sự tham gia đóng góp của người dân. Nhờ đó, mạng lưới đường giao thông nông thôn đã được mở rộng và nâng cấp đáng kể. Đến cuối năm 2020, cả tỉnh làm được 3.103,78km đường bê tông xi măng. Trong đó, năm 2015 làm được 111,23km; năm 2016 làm được 392,89km; năm 2017 làm được 493,39km; năm 2018 làm được 420km và 42.488,4 m² sân; năm 2019 làm được 932,4km và 19.600 m² sân; năm 2020 làm được 720km [142, tr.6]. Từ năm 2017, cơ chế đặc thù đã mở rộng ra các hạng mục phòng học, nhà văn hóa, cầu cống, vỉa hè, sân công cộng như sân trường, sân trụ sở, sân trạm y tế, sân nhà văn hóa, cổng tường rào,...

Đa số các tuyến đường tỉnh đã được cứng hóa; đối với các tuyến đường huyện, tỉ lệ cứng hóa là 43%; các tuyến đường xã là 23,3% [211, tr.11]. Có thể nói, đối với tiêu chí này, việc UBND tỉnh kịp thời ban hành cơ chế đặc thù trong xây dựng cơ bản, nhất là đường bê tông xi măng nên đã phát huy được vai trò làm chủ của người dân. Nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, đóng góp sức người, sức của để thực hiện. Mặc dù vậy, do địa bàn rộng, nhiều tuyến đường xuống cấp, nên quá trình đầu tư để làm mới và cải tạo, nâng cấp cần khối lượng kinh phí lớn, trong khi đó, nguồn ngân sách còn hạn hẹp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thực hiện. Công tác huy động nguồn vốn đối ứng ở nhiều xã để triển khai đường bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù còn hạn

ché, một bộ phận người dân vẫn còn trông chờ đợi lại vào chính sách Nhà nước, chưa nhận thức được vai trò chủ thể của mình trong xây dựng NTM. Ở một số xã, vai trò giám sát cộng đồng của Mặt trận Tổ quốc đối với các công trình xây dựng cơ bản có vốn đóng góp của Nhân dân chưa được phát huy một cách hiệu quả.

Về tiêu chí Trường học:

Trong bối cảnh giáo dục ngày càng đổi mới và phát triển, Đảng bộ Tỉnh đã chú trọng đầu tư xây dựng và nâng cấp các trường học trên địa bàn, nhằm bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ có hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh ban hành Công văn số 3440/SGDDĐT-VP ngày 30/8/2017 “*về việc hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 5 và Tiêu chí số 14 về thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới*”. Theo đó, Sở hướng dẫn việc thực hiện tiêu chí về trường học đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia theo các thông tư hướng dẫn từ Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến cuối năm 2020, “toàn tỉnh có 144/429 trường đạt chuẩn” [225, tr.12], phản ánh nỗ lực không ngừng của Đảng bộ và chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo cải thiện chất lượng dạy và học. Công tác xã hội hóa giáo dục cũng đã được mở rộng, nhiều địa phương trong tỉnh đã vận động phụ huynh và doanh nghiệp tham gia ủng hộ, chung sức đầu tư xây dựng mới hoặc sửa chữa các hạng mục còn thiếu hoặc xuống cấp, đáp ứng kịp thời nhu cầu dạy và học. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tế, công tác này vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, cơ sở vật chất trường học còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân là do xuất phát điểm thấp, cùng với đó là khó khăn về quỹ đất, khi các trường học nằm trong khu dân cư, không thể mở rộng diện tích.

3.2.2.3. Tiếp tục tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế

Bước sang giai đoạn 2015-2020, trên cơ sở những kết quả và kinh nghiệm đạt được trong giai đoạn trước, Đảng bộ tỉnh Bình Phước tiếp tục tập

trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Các cấp, các ngành đã chủ động rà soát, điều chỉnh quy hoạch, tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, khuyến khích liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng thương hiệu nông sản chủ lực. Nhờ đó, các tiêu chí thuộc nhóm phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất đều có bước tiến vượt bậc so với giai đoạn 2010-2015.

Ở giai đoạn trước (2010-2015), trong số các tiêu chí phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất (từ tiêu chí số 10 đến tiêu chí số 13) chỉ có 02 tiêu chí có trên 50% số xã đạt, đó là tiêu chí số 11: Hộ nghèo và tiêu chí số 12: Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên (02 tiêu chí đều có 60 xã đạt, chiếm tỉ lệ 65,2%), đến giai đoạn này, 4/4 tiêu chí đều có ít nhất từ 70/90 xã đạt trở lên. Cụ thể: Tiêu chí số 10: Thu nhập có 70/90 xã đạt (77,8%); tiêu chí số 11: Hộ nghèo: 78/90 xã đạt (86,7%); tiêu chí số 12: Lao động có việc làm: 89/90 xã đạt (98,9%); tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất: 82/90 xã đạt (91,1%) [225, tr.11-12].

Đối với tiêu chí Thu nhập:

Là tỉnh có trên 76% dân số phụ thuộc vào nông - lâm nghiệp, trong giai đoạn 2015-2020, Đảng bộ tỉnh Bình Phước tiếp tục xác định nông - lâm nghiệp, nông thôn và nông dân có vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với nâng cao thu nhập của người dân. Trên cơ sở tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, ngày 25/4/2017, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU “*về chuyển đổi, phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017-2020*”. Chính quyền các cấp đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách đầu tư để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đưa tiên bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nhằm hỗ trợ xây dựng nông thôn, cải thiện và nâng cao đời sống cho người nông dân, điển hình là Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh “*về ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020*”. Trong giai đoạn 2015-2020, sản xuất nông - lâm nghiệp tiếp tục phát

triển, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội; chuyển dịch cơ cấu nông - lâm nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái. Tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn được đẩy nhanh. Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt 7,25%, tăng 0,15% so với giai đoạn 2010-2015 [6, tr.565]. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng: “Tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 20,5%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 43%; ngành dịch vụ chiếm 36,5%” [6, tr.565]. Quy mô nền kinh tế ngày càng mở rộng, đến cuối năm 2020 đạt 68.000 tỷ đồng, tăng 1,64 lần so với năm 2015 [6, tr.565]. Đến năm 2020, tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân đầu người đạt 69,28 triệu đồng (trong khi đó, bình quân đầu người của cả nước năm 2020 là 2.779 USD/người, tương đương khoảng 64,3 triệu đồng).

Đối với tiêu chí Hộ nghèo:

Trong giai đoạn 2015-2020, công tác giảm nghèo tiếp tục được Đảng bộ tỉnh Bình Phước chú trọng, gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Để giảm tỉ lệ hộ nghèo, các chính sách hỗ trợ vốn, dạy nghề và giới thiệu việc làm cho hộ nghèo, nhiều mô hình nông nghiệp đã được nhân rộng, tạo điều kiện phát triển kinh tế. Đảng bộ Tỉnh nhấn mạnh: “Chú trọng dạy nghề và có chính sách ưu đãi trong đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn, nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nữ, các đối tượng chính sách” [136]. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo từ Đảng bộ Tỉnh, sự nỗ lực thực hiện của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, tỷ lệ hộ nghèo trong giai đoạn 2016-2020 đều giảm qua hằng năm. Năm 2016 tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh là 6,15%, đến cuối năm 2020 chỉ còn 1,34% (theo chuẩn mới, tiếp cận đa chiều) [142, tr.7]. Tỉnh đã xây dựng quỹ an sinh xã hội trên cơ sở khai thác 3.500ha diện tích trồng cây cao su để tạo nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn. Những nỗ lực đó giúp đời sống người dân cải thiện rõ rệt, góp phần

giữ vững ổn định xã hội, nhất là ở vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đối với tiêu chí Lao động có việc làm:

Cùng với công tác giảm nghèo, Bình Phước chú trọng đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Trong giai đoạn 2015-2020, toàn tỉnh có 20.371 lượt người được đào tạo nghề với các ngành nghề phù hợp như kỹ thuật khai thác mủ cao su, chăn nuôi, đan mây tre, may công nghiệp..., với tỷ lệ có việc làm sau đào tạo đạt 94,68% [211, tr.17], từ đó giúp người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số từng bước thoát nghèo bền vững. Bên cạnh đó, nhiều cụm, khu công nghiệp được hình thành và phát triển trên địa bàn tỉnh giúp giải quyết việc làm cho người dân trong và ngoài tỉnh. Điều này thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm tăng tỉ lệ người có việc làm ở những xã có cụm, khu công nghiệp. Năm 2020, “tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn đạt trên 90%” [142, tr.7]. Đây là kết quả của quá trình kết hợp nhiều Chương trình MTQG (Chương trình xây dựng NTM, Chương trình giảm nghèo bền vững) trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Đối với tiêu chí Tổ chức sản xuất:

Trong giai đoạn 2015-2020, UBND tỉnh ban hành nhiều chính sách khuyến khích phát triển trang trại, tổ hợp tác, HTX và doanh nghiệp trong nông nghiệp; giữa nông dân với các đối tác kinh tế khác trong phát triển sản xuất; xây dựng NTM;... Điển hình như Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 14/6/2015 “về phát triển kinh tế tập thể 5 năm giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 11/8/2015 “về phê duyệt Đề án đổi mới, phát triển hình thức tổ chức kinh tế hợp tác, liên kết trong nông nghiệp giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh”, Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 “về phê duyệt Chương trình Hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020”, Quyết định số 2440/QĐ-UBND

ngày 22/9/2016 “*về phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020*”. Tỉnh tiến hành triển khai nhiều giải pháp để hỗ trợ cho các doanh nghiệp, HTX, các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, liên kết, kết nối cung - cầu, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và kịp thời tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Các mô hình thực hiện có hiệu quả đã tháo gỡ những khó khăn nhất định cho sự phát triển của kinh tế tập thể. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 139 HTX và 01 liên hiệp HTX nông, lâm nghiệp đang hoạt động; có 89 tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; 487 trang trại [33, tr.8].

Ngành chăn nuôi đã có sự chuyển biến rõ nét cả về quy mô và tổ chức sản xuất, từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi công nghiệp, quy mô lớn. Việc thu hút đầu tư của các tập đoàn lớn như DABACO, CP, DE HEUS,... đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường. Đồng thời, các mô hình chăn nuôi liên kết đã được nhân rộng, tạo ra chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ.

Bên cạnh những chuyển biến đáng kể trong ngành chăn nuôi, ngành trồng trọt cũng phát triển theo hướng thâm canh, chuyên canh, chuyển dịch từ sản xuất nhỏ lẻ sang liên kết sản xuất quy mô lớn. Đến “đầu năm 2020, tổng diện tích cây trồng đạt 466.300ha” [6, tr.571]. Nhiều vùng sản xuất hàng hoá tập trung quy mô khá lớn được hình thành, phát huy lợi thế cạnh tranh như cây cao su, cây điều, cà phê, hồ tiêu...

Việc hình thành và phát triển các chuỗi giá trị, từ sản xuất đến tiêu thụ, đã tạo điều kiện để các sản phẩm nông nghiệp địa phương như hồ tiêu Lộc Ninh, hạt điều Bình Phước khẳng định vị thế trên thị trường. Đồng thời, việc phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các mô hình trồng trọt tiên tiến đã góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, như: ứng dụng công nghệ thông minh chăm sóc tự động để trồng các giống hoa lan nhiệt đới, dưa lưới, rau thủy canh trong nhà màng;

thực hiện chuyển giao các mô hình lồng ghép, ghép cải tạo vườn điều già cỗi, xây dựng vườn rau an toàn, ứng dụng tưới nước thông minh, đến năm 2020, diện tích cây trồng lâu năm được áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 6.088,9 ha [142, tr.10]. Các mô hình HTX kiểu mới, tổ hợp tác gắn với chuỗi sản xuất, chế biến ngày càng được đổi mới, hiệu quả được nâng lên. Đến năm 2020, cả tỉnh có hơn 80 HTX đã áp dụng, ứng dụng công nghệ cao vào trong sản xuất và có khoảng 3.000ha đạt chứng nhận tiêu chuẩn như: VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ Mỹ/EU, Rainforest, tập trung tại các cây trồng chủ lực của tỉnh như: hồ tiêu, điều, cây ăn trái [142, tr.10].

Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP bước đầu được triển khai, nhưng đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Ngày 07/5/2018, trên cơ sở đúc kết từ các bài học kinh nghiệm và yêu cầu của thực tiễn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 490/QĐ-TTg “*về việc phê duyệt Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018-2020*” nhằm phát triển ngành nghề, kinh tế nông thôn, góp phần xây dựng NTM bền vững trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, ngày 26/12/2019, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UBND “*về việc Phê duyệt đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2019-2020 và định hướng đến năm 2030*”. Trong năm 2020, tỉnh tổ chức tập huấn chương trình OCOP cho 720 người; hướng dẫn 9 tổ chức, cá nhân, 02 HTX và 02 cơ sở, hộ kinh doanh xây dựng phương án, đăng ký đánh giá, xếp hạng sản phẩm. Ngay trong năm 2020, có 20 sản phẩm được hội đồng đánh giá xếp hạng sản phẩm cấp huyện đề xuất đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 đến 5 sao [225, tr.12].

Nhìn chung, với nội dung phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất, trong giai đoạn 2015-2020, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã tập trung triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn trái, phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp gắn với chuỗi giá trị tạo nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp

ché biến. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch được chú trọng đầu tư. Nhờ đó, “giá trị sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn 2015-2020 tăng bình quân hằng năm 5,95%” [6, tr.571]. Mức sống, thu nhập của người dân được nâng lên.

Mặc dù đạt được kết quả như vậy, nhưng quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất trên địa bàn tỉnh cũng gặp phải một số khó khăn, hạn chế. Giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh như cao su, điều, tiêu giảm, khả năng phục hồi chậm gây ảnh hưởng nhất định đến sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, diễn biến của dịch Covid-19 gây ảnh hưởng không nhỏ đến thu nhập và đời sống của người dân. Việc duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX mới được thành lập gặp nhiều khó khăn. Còn có một số HTX hoạt động cầm chừng, không hiệu quả. Hoạt động của các loại hình liên kết hiệu quả chưa cao, chưa có sức lan tỏa. Công tác xúc tiến thương mại, tạo thương hiệu cho sản phẩm còn hạn chế, công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và nhân rộng các loại hình liên kết hoạt động hiệu quả chưa được phổ biến rộng khắp.

Để hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM, Đảng bộ Tỉnh cần tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động mọi nguồn lực, đổi mới phương thức quản lý, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp, góp phần xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, văn minh.

3.2.2.4. Tiếp tục phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về phát triển toàn diện con người, nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm phát triển bền vững, tỉnh đã chỉ đạo triển khai các chương trình, kế hoạch trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Nhờ đó, kết quả thực hiện các tiêu chí trong nhóm văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường giai đoạn 2015-2020 đạt mức cao hơn hẳn so với giai đoạn trước. Tính đến

cuối năm 2020, tiêu chí số 14: Giáo dục và đào tạo có 87/90 xã đạt (96,7%); tiêu chí 15: Y tế: 86/90 xã đạt (95,6%); tiêu chí số 16: văn hóa: 87/90 xã đạt (96,7%); tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm là tiêu chí đạt được thấp nhất trong nhóm này với 79/90 xã đạt (87,8%) [225, tr.12-14]. Trong khi đó, ở giai đoạn trước (2010-2015), chỉ có 2 tiêu chí giáo dục và y tế có trên 50% số xã đạt, 2 tiêu chí còn lại là văn hóa và môi trường có ít hơn 50% số xã đạt.

Về tiêu chí Giáo dục và đào tạo:

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương “*về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong giai đoạn 2015-2020*”, Đảng bộ Tỉnh nhấn mạnh, cần:

Tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả về đổi mới căn bản, toàn diện sự nghiệp giáo dục; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, tạo bước chuyển biến từ giáo dục trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học; học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn [6, tr.83].

Trên cơ sở đó, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 3440/SGDDĐT-VP ngày 30/8/2017 “*về việc hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 5 và Tiêu chí số 14 về thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới*” nhằm thống nhất cách đánh giá, xây dựng cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn theo quy định.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự vào cuộc tích cực của ngành giáo dục, sự nghiệp giáo dục - đào tạo của Bình Phước trong giai đoạn 2015-2020 đã đạt nhiều kết quả nổi bật: quy mô trường lớp được mở rộng, cơ sở vật chất ngày càng khang trang, đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa, chất lượng giáo dục không ngừng nâng cao. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 11/11 thành phố, huyện, thị xã và 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5

tuổi; 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; duy trì 111/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 14/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập trung học phổ thông [225, tr.12]. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi ngày càng có hiệu quả, đạt nhiều kết quả tốt trong các cuộc thi ở trong nước, khu vực và quốc tế. Công tác xã hội hóa giáo dục đạt nhiều kết quả tích cực. Một số huyện, thị xã đã thực hiện rất tốt công tác xã hội hóa giáo dục, điển hình như “huyện Đông Phú đã vận động được hơn 31 tỷ đồng phục vụ công tác giáo dục trong giai đoạn 2015-2020” [6, tr.574].

Về tiêu chí Y tế:

Bên cạnh công tác giáo dục, công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ X xác định phương hướng:

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã gắn liền với Chương trình MTQG về NTM... Chú trọng phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, tăng cường công tác đào tạo bác sĩ và cán bộ chuyên khoa. Thực hiện chuẩn quốc gia y tế dự phòng. Từng bước bảo đảm cân đối nhân lực giữa các tuyến và các chuyên ngành [6, tr.85].

Ngày 27/7/2017, Sở Y tế tỉnh ban hành Công văn số 1609/SYT-KHTC “*về việc hướng dẫn cụ thể thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh*”, chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản phối hợp với các trung tâm y tế huyện, thị xã và các trạm y tế xã triển khai, đôn đốc hoàn thành các chỉ tiêu chuyên môn theo quy định. Các trung tâm y tế cấp huyện chủ động phối hợp với phòng y tế tham mưu, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các tiêu chí y tế trong Bộ tiêu chí xã NTM trên địa bàn.

Trên cơ sở đó, hệ thống y tế cơ sở trên địa bàn tỉnh được củng cố và nâng cấp đáng kể. Năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 128 cơ sở khám chữa

bệnh với 2.635 giường bệnh [142, tr.7], trong đó, bệnh viện đa khoa tỉnh được đầu tư, nâng cấp từ 300 giường lên 600 giường [6, tr.577]. “Số giường bệnh/vạn dân là 28,5 giường; tỷ lệ bác sĩ/vạn dân là 8,5; tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ đạt 95%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%” [142, tr.7]. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu được đẩy mạnh, thể hiện qua việc đạt được chuẩn quốc gia về y tế ở hầu hết các xã. Đồng thời, công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được triển khai hiệu quả, đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng. Việc triển khai các dịch vụ y tế kỹ thuật cao và bảo hiểm y tế đã góp phần đảm bảo quyền được hưởng dịch vụ y tế của Nhân dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách... Trong năm 2020, tỉnh đã chủ động, tích cực triển khai các giải pháp đồng bộ để hạn chế lây lan dịch bệnh Covid-19, qua đó khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành.

Về tiêu chí Văn hóa:

Trên lĩnh vực văn hóa, thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa được Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ X đề ra là: “Tập trung triển khai Chương trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” [6, tr.82], nhiều cuộc vận động, phong trào được phát động và được đông đảo Nhân dân hưởng ứng, như: phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”,...

Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước tại Hướng dẫn số 874/HD-SVHTTDL ngày 25/4/2017, “*về thực hiện Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa và Tiêu chí số 16 về văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới*”, các địa phương trong tỉnh đã tích cực triển khai các phong trào xây dựng đời sống văn hóa gắn với Chương trình

xây dựng NTM. Những hướng dẫn cụ thể này đã tạo nền tảng quan trọng để các địa phương triển khai đồng bộ, hiệu quả các phong trào, qua đó đạt được nhiều kết quả nổi bật. Năm 2020, có 232.526/237.149 hộ gia đình đăng ký tham gia phong trào gia đình văn hóa và cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt” (đạt 98,05%), trong đó, có 223.529 hộ được công nhận (đạt 96,1% tổng số hộ gia đình đăng ký tham gia); có 849/851 khu dân cư đăng ký Khu dân cư văn hóa và cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt” đạt (99,76%), trong đó, có 811/851 khu dân cư được công nhận (đạt 95,5% tổng số khu dân cư đăng ký tham gia) [225, tr.13]. Để các phong trào, cuộc vận động này hoạt động một cách hiệu quả, ngày 05/7/2019, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND “*về quy định mức chi hỗ trợ thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”. Đây được coi là cơ chế quan trọng để đảm bảo sự thành công của cuộc vận động. Quy định này không chỉ là cơ sở đảm bảo nguồn lực tài chính cần thiết mà còn tạo điều kiện huy động sự tham gia của cộng đồng, đảm bảo tính công bằng, minh bạch và nâng cao hiệu quả của các hoạt động.

Công tác xây dựng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa nông thôn luôn được Đảng bộ Tỉnh quan tâm chỉ đạo, trong đó chú trọng đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Nhờ các thiết chế này được đầu tư đồng bộ, phong trào văn hóa, thể thao quần chúng trên địa bàn phát triển mạnh mẽ, đa dạng về hình thức, thu hút ngày càng đông đảo Nhân dân tham gia. Đồng thời, thể thao chuyên nghiệp được chú trọng đầu tư và đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Một số xã đã chủ động xây dựng và phát triển phong trào văn nghệ quần chúng, các câu lạc bộ, đội, nhóm được thành lập, tăng cường tính giao lưu, kết nối trong Nhân dân, từ đó, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho Nhân dân.

Về tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm:

Môi trường là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng và căn bản nhằm đảm bảo cuộc sống của con người. Vì vậy, giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp chính là biện pháp quan trọng nhằm tạo nên không gian để con người sống, phát triển một cách bền vững, toàn diện. Ở tỉnh Bình Phước, trong giai đoạn 2015-2020, với sự lãnh đạo, chỉ đạo từ Đảng bộ và Ban Chỉ đạo, tỉnh triển khai đồng bộ các giải pháp về bảo vệ môi trường cùng với sự tham gia của cả hệ thống chính trị và Nhân dân.

Để thống nhất việc hướng dẫn, đánh giá và công nhận xã đạt chuẩn tiêu chí môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Hướng dẫn số 1564/HD-STNMT ngày 18/7/2017 “*về đánh giá, thẩm định và công nhận xã hoàn thành tiêu chí 17 - Môi trường và An toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”. Trên cơ sở đó, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Văn phòng Điều phối NTM các cấp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Xây dựng cùng UBND các huyện, thị xã, xã tổ chức hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện tiêu chí. Các sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp triển khai đồng bộ các nội dung về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, vệ sinh hộ gia đình, thu gom và xử lý rác thải, xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp, qua đó góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện tiêu chí môi trường trong Chương trình xây dựng NTM.

Nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ và phối hợp đồng bộ đó, việc thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng NTM ở tỉnh Bình Phước đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường được tăng cường, đặc biệt tại các khu, cụm công nghiệp, cơ sở chế biến mủ cao su, tinh bột mì, các trang trại chăn nuôi tập trung. Hoạt động xã hội hóa bảo vệ môi trường được đẩy mạnh với nhiều mô hình tự quản thu gom, phân loại rác thải tại nguồn được nhân

rộng, góp phần giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ cảnh quan nông thôn. Một số xã đã đầu tư xây dựng lò đốt rác mini hoạt động hiệu quả. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý đạt 95%, tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo tiêu chuẩn đạt 90,9%, tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 85%, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98% [225, tr.14].

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, các tiêu chí thuộc nội dung văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường trong Chương trình xây dựng NTM của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020 vẫn còn một số hạn chế, như: mạng lưới các trường học ngoài công lập phát triển chậm. Chất lượng giáo dục toàn diện còn thấp so với yêu cầu, việc huy động học sinh ra lớp và duy trì tỷ lệ đi học chuyên cần vẫn còn khó khăn; có sự chênh lệch giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, với khu vực đô thị. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho Nhân dân còn nhiều bất cập, nguồn nhân lực y tế còn thiếu và yếu, đặc biệt là thiếu bác sĩ cho tuyến xã, thiếu cán bộ chuyên khoa đầu ngành cho tuyến tỉnh, một bộ phận cán bộ y tế sa sút về đạo đức nghề nghiệp; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tuyến xã còn nghèo nàn, lạc hậu; chất lượng các dịch vụ y tế còn thấp, công tác quản lý nhà nước về hoạt động y tế còn yếu. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt” phát triển chưa đồng đều giữa các vùng; hoạt động nhà văn hóa, câu lạc bộ, phong trào văn hóa, văn nghệ ở một số địa phương chưa được duy trì thường xuyên, nội dung chưa phong phú đa dạng, một số giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ bị mai một, tình làng nghĩa xóm đôi khi vẫn còn thiếu sự gắn kết, tệ nạn xã hội vẫn còn diễn ra, gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến cộng đồng. Việc xây dựng cảnh quan môi trường sạch xanh, sạch đẹp, an toàn ở một số nơi chưa được chú trọng thực hiện; hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn ở một số địa phương còn thiếu, chưa đạt tiêu chuẩn, đặc biệt là nước thải chưa được thu gom và xử lý triệt để.

3.2.2.5. Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị và giữ gìn an ninh, trật tự xã hội

Trong xây dựng NTM, hệ thống chính trị cơ sở đóng vai trò then chốt, quyết định trực tiếp đến hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình. Việc xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh không chỉ là điều kiện bảo đảm cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá mức độ thành công của Chương trình xây dựng NTM ở các địa phương.

Trong giai đoạn 2015-2020, phát huy kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2010-2015, với sự chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, kết quả thực hiện các tiêu chí thuộc nội dung này đạt rất cao: Có 89/90 xã (98,9%) đạt tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; 90/90 xã (100%) đạt tiêu chí số 19: Quốc phòng và an ninh [225, tr.15].

Đối với tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

Thực hiện tiêu chí này, tỉnh Bình Phước đã quán triệt và triển khai đồng bộ các chủ trương, quy định của Trung ương về xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Các nội dung này được cụ thể hóa thông qua các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Nội vụ như: Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 “*về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn*”; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 “*về công chức xã, phường, thị trấn*”; Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 “*về ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn*”; Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 “*hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức cấp xã*”; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 25/9/2014 của Ban Tổ chức Trung ương “*về kiểm điểm, đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hằng năm*”.

Song song đó, để bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin và pháp luật của người dân nông thôn, Sở Tư pháp tỉnh đã ban hành Công văn số 244/STP-

PBGDPL ngày 20/4/2017 “*về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*”. Trên cơ sở các hướng dẫn này, các địa phương trong tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, tập trung củng cố đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Tiếp nối các nội dung chỉ đạo đó, trong công tác tiếp cận pháp luật, Sở Tư pháp đã hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 8/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ “*về ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*” và Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp “*về quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*”. Trên cơ sở đó, các huyện, thị xã đã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cho cán bộ cấp xã nhằm nâng cao năng lực đánh giá, chấm điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Các xã, phường, thị trấn đã phân công công chức phụ trách theo dõi, đánh giá, chấm điểm từng chỉ tiêu, tiêu chí thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm mọi nội dung đều có đầu mối chịu trách nhiệm cụ thể theo hướng dẫn của UBND tỉnh và Sở Tư pháp. Đồng thời, Ban quản lý Chương trình xây dựng NTM ở các xã phối hợp với Ban phát triển các ấp, khu dân cư đẩy mạnh tuyên truyền tại các hội nghị khu dân cư về nội dung, ý nghĩa của việc thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật, gắn với tuyên truyền các luật liên quan như Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình...

Ngày 25/10/2017, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW “*về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”. Quán triệt Nghị quyết trên, bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn được củng cố xuyên suốt từ tỉnh đến huyện, xã, cơ bản đáp

ứng nhiệm vụ trong tình hình mới. Ngày 10/4/2018, Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Quyết định số 999/QĐ-TU “*về ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”. Sau 2 năm thực hiện 02 Nghị quyết trên, toàn tỉnh đã giảm được 138 đầu mối cấp phòng, giảm 210 lãnh đạo các cấp và 1.845 biên chế [211, tr.22]. Trong đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn từ 18 đầu mối, sau khi sắp xếp còn 08 đầu mối¹¹; đồng thời, tiến hành nhập 03 trạm ở cấp huyện: Trạm Chăn nuôi - Thú y, Trạm Trồng trọt - Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư thành Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện và bàn giao về các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh quản lý [142, tr.12-13]. Điều này góp phần tăng cường hiệu lực quản lý, rút ngắn khoảng cách giữa cơ quan quản lý nhà nước và người dân. Song song với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tỉnh cũng chú trọng công tác đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM các cấp, nhất là cán bộ cấp xã. Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh phối hợp với nhiều đơn vị “tổ chức 182 lớp tập huấn đào tạo cho khoảng 7.256 lượt cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp tham dự” [211, tr.5]. Nhờ đó, năng lực của cán bộ thực hiện Chương trình không ngừng được hoàn thiện và nâng cao, góp phần thực hiện Chương trình một cách hiệu quả.

¹¹ Các Phòng thuộc Sở từ 06 Phòng còn 02 Phòng (nhập 03 Phòng là Văn phòng, Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ thành Văn phòng; giải thể phòng Quản lý xây dựng công trình; Phòng Thủy sản hợp nhất vào Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; giữ nguyên và kiện toàn Phòng Thanh tra Sở). Các Chi cục và các đơn vị trực thuộc Sở từ 12 đầu mối còn 06 đầu mối (hợp nhất Phòng Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi - Thú y, Chi cục Trồng trọt - Bảo vệ thực vật, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư, Trung tâm Thủy sản thành Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; giữ nguyên và kiện toàn 05 đơn vị là Ban Quản lý khu nông nghiệp công nghệ cao, Chi cục Thủy Lợi, Chi cục Kiểm lâm, Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp và Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai. Chuyển chức năng, nhiệm vụ của Chi cục Phát triển nông thôn về Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Giải thể Trung tâm Điều tra Quy hoạch Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Đối với tiêu chí Quốc phòng và an ninh:

Phát huy những thành tựu trong giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh đã đạt được trong giai đoạn 2010-2015, trong giai đoạn 2015-2020, công tác quốc phòng và an ninh trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, đạt nhiều kết quả toàn diện. Thực hiện tiêu chí số 19 về “Quốc phòng và an ninh” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước đã ban hành Hướng dẫn số 651/HD-BCH ngày 25/5/2017 “*về tiêu chí quốc phòng theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020*”, đồng thời, Công an tỉnh ban hành Hướng dẫn số 11/HS-CAT-PV28 ngày 22/8/2017 “*về xác định xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên*”. Trên cơ sở các văn bản này, các địa phương đã chủ động triển khai đồng bộ các nội dung, biện pháp nhằm xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, bảo đảm ổn định chính trị và an ninh trật tự ngay từ cơ sở. Nhờ đó, quốc phòng, an ninh tiếp tục được giữ vững, an ninh biên giới được tăng cường, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được bảo đảm, không xảy ra điểm nóng, biểu tình, bạo loạn. Trong giai đoạn này, tỉnh rất chú trọng xây dựng lực lượng công an cấp cơ sở. Ngày 11/11/2015, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND “*về ban hành đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh trật tự của lực lượng công an xã giai đoạn 2015-2020*”. Tính đến năm 2020, 100% xã (90/90 xã) đã được bố trí đủ 05 cán bộ công an chính qui/xã. Tổng cộng có 454 đồng chí, trong đó 90 đồng chí cấp trưởng, 91 đồng chí cấp phó và 273 cán bộ công an chính qui [225, tr.4]. Thành lập 90 Chi bộ công an xã, 90 đồng chí Trưởng Công an xã đã tham gia vào Đảng ủy xã. 100% số thôn trong tỉnh có Tổ tự quản về an ninh trật tự hoạt động hiệu quả, đồng thời, duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực tác chiến, trực sẵn sàng chiến đấu. Bên cạnh đó, công tác đối ngoại với chính quyền và lực lượng vũ trang các huyện giáp ranh với Vương quốc Campuchia được thực hiện thường xuyên, duy trì mối quan hệ tốt.

Tiểu kết chương 3

Trong giai đoạn 2015-2020, nhận thức của Đảng bộ, hệ thống chính trị và Nhân dân tỉnh Bình Phước về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của Chương trình xây dựng NTM có chuyển biến tích cực. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ X (2015-2020), Chương trình xây dựng NTM của tỉnh đạt nhiều thành tựu, có bước tiến vượt bậc so với giai đoạn trước (2010-2015). Để phát huy tối đa nguồn lực, tỉnh Bình Phước đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, tập trung huy động cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và sự tham gia của người dân. Tính đến cuối năm 2020, toàn tỉnh Bình Phước có 60/90 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 66,67%, vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ X đề ra (50%). Kết quả này thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm cao của toàn hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong Nhân dân, đồng thời khẳng định hiệu quả của các giải pháp huy động và phát huy mọi nguồn lực trong xây dựng NTM.

Mặc dù vậy, quá trình xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2015-2020 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Sản xuất nông nghiệp vẫn còn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, ứng dụng công nghệ thấp. Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa còn hạn chế, chưa khai thác hết tiềm năng của địa phương. Tình trạng ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm nguồn nước và không khí, ngày càng trở nên nghiêm trọng. Để khắc phục, tỉnh cần tiếp tục đổi mới phương thức vận động, tăng cường tuyên truyền, đồng thời phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về xây dựng NTM để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.1. MỘT SỐ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Một là, Đảng bộ tỉnh Bình Phước chủ động trong nắm bắt, vận dụng các chủ trương, chính sách của Trung ương về xây dựng NTM phù hợp với điều kiện là tỉnh miền núi, biên giới, có xuất phát điểm thấp. Nhờ đó, các nghị quyết, chương trình, kế hoạch được Đảng bộ Tỉnh ban hành sát thực tế, vừa bảo đảm tính toàn diện, vừa phù hợp đặc thù của địa phương.

Bình Phước là một trong những địa phương có nhiều yếu tố thuận lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên - xã hội để xây dựng NTM. Đặc biệt là những lợi thế về địa hình, khí hậu, đất đai, nguồn nước; sự đa dạng về tộc người, cùng với đó là sự phong phú về văn hóa, xã hội cũng như nền tảng kinh tế của Nhân dân tỉnh Bình Phước là cơ sở thực tiễn rất quan trọng để Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM đạt nhiều thành tựu trong giai đoạn 2010-2020.

Với lợi thế về tự nhiên, văn hóa và kinh tế, Đảng bộ Tỉnh đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội để phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở chỉ đạo từ Trung ương với việc ban hành Nghị quyết Trung ương 7 khóa X “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”, Đảng bộ tỉnh Bình Phước khẩn trương đề ra chủ trương xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh thông qua việc ban hành Kế hoạch số 53-KH/TU ngày 20/10/2008 “*về thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn*”; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 06/12/2013 “*về Chương trình mục tiêu quốc gia xây*

dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2020”; Kế hoạch số 188-KH/TU ngày 26/9/2014 “*về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X*”; quan điểm chỉ đạo tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ IX (năm 2010) và lần thứ X (năm 2015).

Bên cạnh việc thực hiện các cơ chế, chính sách chung của Trung ương, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã linh hoạt đề ra các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo mang tính đặc thù đối với những vùng căn cứ địa cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng khó khăn trong huy động nguồn lực. Cùng với việc quán triệt sâu sắc phương châm “*dễ làm trước, khó làm sau*”, tỉnh đã ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nói chung và xây dựng NTM nói riêng, như: Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 11/8/2008 “*về hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007-2010 trên địa bàn tỉnh*”; Quyết định số 46/2009/QĐ-UBND ngày 22/10/2009 “*về ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích phát triển ngành điều trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”; Quyết định 1452/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 “*phê duyệt Đề án quy hoạch cấp điện cho các khu vực dân cư thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Bù Đăng, thị xã Phước Long theo cơ chế Tây Nguyên*”; Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 30/6/2011 “*về chính sách miễn tiền sử dụng đất, thuế trước bạ và lệ phí đối với đất xây dựng nhà ở của đồng bào dân tộc thiểu số thuộc Chương trình 134 trên địa bàn tỉnh*”; Quyết định số 679/QĐ-UBND 07/4/2014 “*về áp dụng cơ chế đặc thù đầu tư các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020*”; Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 “*về ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020*”; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số

210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 và Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ,... Đây là cơ sở rất quan trọng để Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh được triển khai hiệu quả, đồng thời, huy động sự tham gia, ủng hộ mạnh mẽ từ Nhân dân.

Ngoài ra, UBND tỉnh Bình Phước thể hiện sự chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong việc cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương trong giai đoạn 2010-2020. Việc xây dựng và điều chỉnh Bộ tiêu chí NTM của tỉnh được thực hiện trên cơ sở các quy định pháp lý chung của Trung ương như: Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ “*về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới*”; Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “*về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới*”; Quyết định số 800/QĐ/TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ “*về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*”; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ “*về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*”, Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ “*về ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020*”. Điều đáng chú ý là, Bình Phước không đơn thuần sao chép máy móc các tiêu chí NTM, mà đã vận dụng linh hoạt trong quá trình ban hành các bộ tiêu chí cấp tỉnh, trong giai đoạn 2010-2020: Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 01/11/2010 của UBND tỉnh Bình Phước “*về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2020*”; Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh Bình Phước “*về việc ban hành quy định chi tiết thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”; Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 của UBND tỉnh Bình Phước “*về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn*

mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước”; Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 của UBND tỉnh Bình Phước “về ban hành quy định chi tiết thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước” (thay thế Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 01/11/2010); Quyết định số 753/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017 “về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 1821/QĐ-UBND, ngày 08/8/2018 “về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”; Quyết định số 2595/QĐ-UBND, ngày 13/11/2018 “về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn kiểu mẫu thuộc phạm vi địa giới của 1 thôn, ấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2018-2020”; Quyết định số 1081/QĐ-UBND, ngày 24/5/2019 “về việc ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020”.

Bộ tiêu chí của tỉnh Bình Phước có một số điều chỉnh đáng chú ý, thể hiện rõ tính phân hóa vùng miền và phù hợp với thực tiễn của địa phương. Nếu như trong Bộ tiêu chí quốc gia, có chỉ tiêu chung cho cả nước và chỉ tiêu phân theo 07 vùng kinh tế - xã hội, thì Bộ tiêu chí của tỉnh Bình Phước quy định hai nhóm khác nhau: thứ nhất, nhóm xã thuộc các huyện được hưởng cơ chế như các tỉnh Tây Nguyên (gồm Bù Đăng, Phước Long, Bù Đốp, Lộc Ninh, Bù Gia Mập); thứ hai, nhóm các xã còn lại. Sự phân loại này dựa trên tinh thần của Công văn số 588/TTg-ĐP ngày 20/4/2009 và Công văn số 2089/TTg-ĐP ngày 03/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, xác định 05 huyện của tỉnh Bình Phước hưởng cơ chế, chính sách đối với các tỉnh Tây Nguyên, nhằm tạo điều kiện cho các xã đặc biệt khó khăn vươn lên theo lộ trình hợp lý. Theo đó, với đa số các tiêu chí được định lượng cụ thể, mức đạt được của các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên thấp hơn so với mức đạt

được chung của cả nước; đối với các xã còn lại trên địa bàn tỉnh, mức đạt được cao hơn so với mức đạt được chung của cả nước (*xem phụ lục 5*). Ví dụ, tiêu chí về thu nhập hoặc tỷ lệ hộ nghèo ở nhóm xã được hưởng cơ chế như Tây Nguyên sẽ có mức đạt thấp hơn so với nhóm xã còn lại. Đây là một cách tiếp cận phù hợp với nguyên tắc công bằng, góp phần rút ngắn khoảng cách vùng miền.

So với các địa phương khác trong vùng Đông Nam Bộ, như Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu - là những tỉnh có điều kiện kinh tế thuận lợi hơn, thì bộ tiêu chí NTM của Bình Phước mềm dẻo hơn, đặc biệt đối với các chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng, giáo dục, y tế và thu nhập. Trong khi đó, ví dụ như tỉnh Đồng Nai sớm áp dụng và hoàn thiện các bộ tiêu chí nâng cao và kiểu mẫu (từ năm 2015), thì Bình Phước mới bắt đầu áp dụng các bộ tiêu chí này từ giai đoạn 2018-2020 (theo Quyết định 1821/QĐ-UBND và 2595/QĐ-UBND). Sự chênh lệch này phản ánh sự khác biệt về xuất phát điểm phát triển nông thôn, cho thấy Bộ tiêu chí của Bình Phước có tính khả thi và thích ứng cao với thực tế địa phương, nhất là trong bối cảnh có nhiều huyện miền núi, dân tộc thiểu số, hạ tầng yếu và tỷ lệ hộ nghèo cao hơn mặt bằng chung của vùng. Qua quá trình xây dựng bộ tiêu chí NTM, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã thể hiện sự sáng tạo trong việc điều chỉnh các tiêu chí phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, đặc biệt là các xã được hưởng chính sách như Tây Nguyên. Việc đặt ra các mức đạt được khác nhau không những khuyến khích các địa phương nỗ lực vượt khó mà còn tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương này phát triển theo đúng tiềm năng và khắc phục những khó khăn, góp phần xây dựng NTM một cách bền vững.

Hai là, Đảng bộ tỉnh Bình Phước chủ động, tích cực chỉ đạo các cấp, các ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan cụ thể hóa chủ trương, mục tiêu, phương hướng xây dựng NTM thành các chương trình, kế hoạch hành động

cụ thể, bảo đảm việc triển khai được tiến hành một cách đồng bộ, quyết liệt, sáng tạo và phù hợp với đặc điểm của địa phương.

Cùng với việc ban hành Kế hoạch số 53-KH/TU ngày 20/10/2008 “*về thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn*”, Tỉnh ủy Bình Phước chỉ đạo 22 đảng bộ trực thuộc tổ chức Hội nghị quán triệt và xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. Đảng bộ các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành; cơ quan, đơn vị tập trung triển khai thực hiện chủ trương xây dựng NTM theo mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra một cách đồng bộ, toàn diện, có hệ thống, lộ trình cụ thể.

Xây dựng NTM là cuộc cách mạng và là cuộc vận động lớn trong cộng đồng dân cư ở nông thôn. Đó là sự nghiệp của toàn đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị. Xây dựng NTM không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội tổng hợp. Vì vậy, cần có sự chỉ đạo, điều hành sát sao từ các cấp, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân thông qua hoạt động vận động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bình Phước về xây dựng NTM, trong giai đoạn 2010-2020, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện, như:

Về phong trào “*Toàn tỉnh chung sức xây dựng NTM*”: Chỉ thị số 06/2012/CT-UBND ngày 18/4/2012 “*về việc tổ chức phát động phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2020*”; Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/5/2012 “*về ban hành Quy định về tiêu chuẩn và hình thức khen thưởng phong trào thi đua Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015*”; Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 “*về việc ban*

hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020”.

Về nguồn vốn trong xây dựng NTM: Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 24/12/2012 của HĐND tỉnh “*về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2020*”; Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 “*về việc ban hành quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020*”; Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 “*về Quy định về cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020*”.

Về tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Quyết định số 2313/QĐ-UBND, ngày 28/10/2014 “*về phê duyệt Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh giai đoạn 2013-2020*”; Quyết định số 2537/QĐ-UBND, ngày 12/11/2015 “*về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Tái cơ cấu Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020*”.

Ngoài ra, trên cơ sở hướng dẫn từ Trung ương, nhiều cơ quan liên quan trên địa bàn tỉnh, đã tích cực ban hành các văn bản hướng dẫn phù hợp với điều kiện của địa phương, nhằm triển khai hiệu quả các tiêu chí xây dựng NTM, đặc biệt trong giai đoạn 2015-2020. Nhờ đó, quá trình xây dựng NTM đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 1: Quy hoạch và tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư; Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 2: Giao thông; Sở Công thương hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 4: Điện và tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 5: Trường học và tiêu chí số 14: Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa và tiêu chí số 16: Văn hóa; Sở

Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 10: Thu nhập, tiêu chí số 11: Hộ nghèo và tiêu chí số 12: Lao động có việc làm; Liên minh HTX hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất; Sở Y tế hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 15: Y tế; Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước và Công an tỉnh Bình Phước hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 19: An ninh và Quốc phòng. Đối với tiêu chí số 3: Thủy lợi và tiêu chí số 8: Truyền thông, tỉnh thực hiện theo văn bản hướng dẫn từ trung ương. Với tiêu chí số 18, ngoài việc thực hiện theo văn bản hướng dẫn từ trung ương, Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 18.5: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh Bình Phước ban hành nhiều văn bản xác định vai trò của các cơ quan phụ trách các nội dung của Chương trình xây dựng NTM, điển hình là Chương trình số 200/CTr-UBND ngày 11/8/2016 “*về phát triển nông nghiệp - nông dân - nông thôn giai đoạn 2016-2020*” và Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 21/02/2017 “*về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020*”.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành trong việc ban hành và triển khai các văn bản hướng dẫn chi tiết, tạo cơ sở pháp lý vững chắc, góp phần quan trọng vào việc thực hiện đồng bộ các tiêu chí xây dựng NTM, từ đó mang lại những kết quả tích cực của Chương trình xây dựng NTM.

Để Chương trình được lan tỏa mạnh mẽ, Đảng bộ Tỉnh nhấn mạnh, công tác tuyên truyền là giải pháp rất quan trọng, góp phần “*tạo sự chuyển biến sâu sắc và tích cực trong nhận thức về tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng NTM*” [135]. Với quan điểm chỉ đạo trên, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ,

đảng viên và Nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của Chương trình xây dựng NTM trong quá trình thực hiện CNH, HĐH đất nước và xây dựng tỉnh Bình Phước phát triển vững mạnh, toàn diện. Trải qua 10 năm xây dựng NTM (2010-2020), Báo Bình Phước đăng tải 369 tin, bài tuyên truyền về việc thực hiện Chương trình xây dựng NTM; tổ chức 29 cuộc thi Nhà nông bàn cách làm giàu; 23 chương trình khuyến nông; xuất bản 40.200 bản tin khuyến nông; 66.400 đầu sách kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; tổ chức 225 hội thi, diễn đàn, hội nghị, hội diễn văn nghệ; cấp 60.850 tờ rơi, áp phích, sổ tay, bản tin tuyên truyền về NTM; thực hiện 300 tin, phóng sự về kinh tế tập thể [213, tr.3]; [211, tr.5-6]. Trong đó, giai đoạn sau (2016-2020), công tác tuyên truyền được đẩy mạnh hơn rất nhiều so với giai đoạn trước (2010-2015). Có những nội dung ở giai đoạn sau, Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện với số lượng gấp khoảng 3 lần so với giai đoạn trước, như: Tin, bài về xây dựng NTM (275 so với 94); Chương trình khuyến nông (18 so với 5); Hội thi, diễn đàn, hội nghị, hội diễn văn nghệ (165 so với 60),...

Trong 10 năm (2010-2020), Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã thể hiện sự chủ động và quyết liệt trong việc chỉ đạo, triển khai Chương trình xây dựng NTM. Nếu như giai đoạn đầu (2010-2015), các hoạt động chủ yếu tập trung vào việc xây dựng kế hoạch, quán triệt nghị quyết và triển khai các nhiệm vụ cơ bản thì đến giai đoạn sau (2015-2020), công tác chỉ đạo đã được nâng lên một tầm cao mới với nhiều hoạt động cụ thể và hiệu quả. Cụ thể, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật chi tiết, hướng dẫn cụ thể cho từng tiêu chí, từng lĩnh vực, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho quá trình triển khai. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các sở, ngành được tăng cường, tạo thành một mạng lưới hỗ trợ chặt chẽ. Đặc biệt, công tác tuyên truyền đã được đẩy mạnh hơn rất nhiều, góp phần nâng cao nhận thức của người dân và tạo được sự đồng thuận cao trong cộng đồng. Nhờ những nỗ lực đó, quá trình xây dựng

NTM ở Bình Phước đã đạt được những kết quả đáng kể, nhiều tiêu chí đã được hoàn thành, đời sống của người dân được cải thiện rõ rệt.

Ba là, kết quả quá trình Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM đã tạo nên những chuyển biến toàn diện, sâu sắc trên nhiều lĩnh vực; diện mạo nông thôn đổi thay rõ nét, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao, niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục được củng cố và tăng cường.

Với những tác động hiệu quả, tích cực từ công tác tuyên truyền, vận động, nhận thức của Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình xây dựng NTM được nâng lên một cách mạnh mẽ. Trên cơ sở đó, Nhân dân tỉnh Bình Phước quyết tâm, nỗ lực phấn đấu xây dựng NTM đạt nhiều thành tựu. Sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt từ Đảng bộ Tỉnh, sự tham gia, phối hợp nhịp nhàng, quyết tâm thực hiện từ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn trong việc ban hành nhiều cơ chế, chính sách phù hợp với chỉ đạo của Trung ương và thực tiễn của địa phương, trong vòng 10 năm (2010-2020), nông thôn Bình Phước thay đổi rất tích cực.

Tinh huy động số vốn đầu tư, phục vụ Chương trình trong vòng 10 năm là 68.520.062 triệu đồng (trong đó, tổng số vốn đầu tư của giai đoạn 2016-2020 gấp khoảng 11 lần so với giai đoạn 2011-2015; trong các nguồn vốn, vốn địa phương và vốn tín dụng có sự tăng lên mạnh mẽ nhất (khoảng 11 lần), và đây đồng thời cũng là 2 nguồn vốn chiếm tỉ lệ cao nhất trong tổng số vốn đầu tư cho Chương trình xây dựng NTM (94%)) [213, tr.4]; [211, tr.9-10].

Trải qua 10 năm xây dựng NTM, diện mạo nông thôn của tỉnh Bình Phước có nhiều khởi sắc. Tính đến cuối năm 2020, tỉnh bình Phước có 60/90 xã đạt chuẩn NTM (66,67%), vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020) đề ra (50%); 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM¹². Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (điện, đường trường, trạm, nhà văn hóa, kênh

¹² Thị xã Phước Long, thành phố Đồng Xoài.

muong,...) ngày càng đồng bộ, hoàn thiện theo hướng hiện đại. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch tích cực. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao với thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 (GRDP) đạt 69,28 triệu đồng/người/năm [35], tăng gấp 4,75 lần so với năm 2008 [142, tr.7], tăng 31,5 lần so với năm 1997 khi mới tái lập tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2020 chỉ còn 1,34% [142, tr.7], chênh lệch mức sống giữa thành thị và nông thôn ngày càng thu hẹp, an ninh trật tự ở nông thôn được đảm bảo và giữ vững. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định, nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được các tổ chức, cá nhân áp dụng hiệu quả về kinh tế, môi trường và tạo việc làm, tăng thu nhập cho một bộ phận lao động tại địa phương.

Kết quả xây dựng NTM ở Bình Phước trong giai đoạn 2015-2020 so với giai đoạn 2010-2015 cho thấy những bước tiến vượt bậc. Đáng chú ý, giai đoạn 2015-2020 chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ về vốn đầu tư, đặc biệt là vốn địa phương và tín dụng, gấp khoảng 11 lần so với giai đoạn trước. Điều này đã tạo điều kiện để đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Số lượng xã đạt chuẩn NTM tăng đáng kể, vượt mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, nâng cao giá trị sản phẩm và tạo ra nhiều mô hình sản xuất bền vững. Có thể khẳng định rằng, giai đoạn 2015-2020, Bình Phước đã đạt được những thành tựu vượt trội trong xây dựng NTM, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn và nâng cao đời sống của người dân.

So với mặt bằng chung của các tỉnh vùng Đông Nam Bộ, kết quả xây dựng NTM của tỉnh Bình Phước đến năm 2020 tuy chưa thuộc nhóm dẫn đầu, nhưng đã đạt được những bước tiến quan trọng, nhất là trong bối cảnh xuất phát điểm khi xây dựng NTM của tỉnh Bình Phước là thấp hơn về hạ tầng, thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo,... Cụ thể, đến cuối năm 2020, khi nhìn vào bức tranh

chung của khu vực, tỉnh có 60/90 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 66,67%. Kết quả này tuy thấp hơn so với các tỉnh có nền tảng phát triển mạnh, có lợi thế vượt trội về kinh tế và mức độ đô thị hóa cao như Đồng Nai (131/131 xã, đạt 100%, trong đó có 51 xã NTM nâng cao và 4 xã NTM kiểu mẫu) [130], Bình Dương (46/46 xã, đạt 100%) [17], Bà Rịa - Vũng Tàu (36/45 xã, đạt 80%) [108], nhưng lại cao hơn tỉnh Tây Ninh - tỉnh có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên và kinh tế (45/71 xã, đạt 63,3%) [53] và vượt trội so với tỉnh Đắk Nông - tỉnh láng giềng có điều kiện địa lý, dân cư và sản xuất tương đồng, với chỉ 29/60 xã đạt chuẩn NTM (chiếm khoảng 48,3%) [77].

Những kết quả so sánh trên đã khẳng định nỗ lực không ngừng và những thành tựu đáng ghi nhận của Bình Phước trong quá trình xây dựng NTM, đặc biệt là khả năng vươn lên từ xuất phát điểm thấp và đạt được những bước tiến vượt bậc so với các tỉnh có điều kiện tương đồng. Kết quả đó phản ánh quyết tâm mạnh mẽ của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Bình Phước trong thực hiện Chương trình. Chủ trương đúng đắn được Đảng bộ Tỉnh đề ra cùng với việc chính quyền ban hành nhiều cơ chế, chính sách đồng bộ về xây dựng NTM đã góp phần quan trọng trong việc thay đổi nhận thức, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực của đông đảo quần chúng Nhân dân, mang lại nhiều kết quả tích cực trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh những kết quả chung, tỉnh Bình Phước đã hình thành nhiều mô hình mang đậm dấu ấn Bình Phước, đạt hiệu quả kinh tế rõ rệt.

Tiêu biểu như mô hình của gia đình chị Đỗ Thị Đạt (xã Long Hà, huyện Phú Riềng) với cách sản xuất rau không sử dụng phân bón hóa học hay thuốc trừ sâu, thay vào đó dùng chế phẩm sinh học tự nhiên, giúp bảo vệ môi trường và sức khỏe người tiêu dùng; hay mô hình trồng rau thủy canh hồi lưu của anh Hoàng Phú Hội (xã Bình Sơn, huyện Bù Gia Mập) cho năng suất cao, tiết kiệm công lao động, sản phẩm sạch, dễ bảo quản, được phân phối vào hệ thống siêu thị tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, mô hình trồng dưa lưới

trong nhà màng của anh Lê Anh Đức (xã Thanh An, huyện Hớn Quản) cũng cho thấy hiệu quả kinh tế vượt trội nhờ hệ thống tưới nhỏ giọt kết hợp phân bón vi lượng và kỹ thuật chăm sóc khoa học, sản phẩm không chỉ tiêu thụ tốt trong nước mà còn được xuất khẩu sang một số nước châu Á.

Đối với công tác huy động sức dân, tỉnh đã triển khai thành công mô hình khơi dậy nguồn lực xã hội hóa nhằm tháo gỡ điểm nghẽn về vốn đầu tư kết cấu hạ tầng. Nổi bật là chủ trương đầu tư xây dựng đường bê tông nông thôn bằng cơ chế đặc thù: Nhà nước hỗ trợ xi măng, huyện, thị xã đối ứng cát, đá và người dân góp ngày công. Sự đồng thuận và hiệu quả từ cơ chế này đã tạo tiền đề để địa phương tiếp tục mở rộng áp dụng sang việc xây dựng các thiết chế khác như nhà văn hóa, sân trường học, công hàng rào,... Cùng với đó, công tác bảo vệ môi trường cũng được xã hội hóa mạnh mẽ thông qua mô hình người dân tự đóng góp kinh phí để chi trả thù lao cho lực lượng thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, tiêu biểu như thực tiễn triển khai tại xã Tiến Hưng (Đồng Xoài).

Trong công tác xóa đói giảm nghèo, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo xây dựng các mô hình sinh kế mang tính đặc thù, hướng trực tiếp đến đối tượng yếu thế. Điển hình là việc thực hiện mô hình liên kết trồng cao su, trong đó áp dụng cơ chế chia sẻ lợi nhuận theo tỷ lệ 50-50 giữa doanh nghiệp và các hộ nghèo. Phương thức này không chỉ trực tiếp tạo ra nguồn thu nhập ổn định mà còn từng bước thay đổi tư duy sản xuất hàng hóa của người dân.

Nhằm bảo đảm an ninh, chính trị tại cơ sở, tỉnh đã triển khai các mô hình giữ vững an ninh trật tự và củng cố khối đại đoàn kết vùng biên. Nổi bật là các phong trào “Liên quân ba màu áo”, “Đoàn kết 3 lực lượng thanh niên”, tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng đoàn viên, thanh niên địa phương với các đơn vị vũ trang trong việc tham gia xây dựng hạ tầng cơ sở và tuần tra bảo vệ an ninh thôn, ấp. Đặc biệt, để phù hợp với đặc thù là địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số cùng sinh sống, tỉnh đã phát huy cao độ vai

trò của mô hình Hội đồng Già làng. Với hệ thống mạng lưới gồm hơn 1.023 già làng tiêu biểu được chính thức công nhận, đây chính là lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động, trực tiếp tham gia hóa giải những điểm nghẽn về tư tưởng và củng cố vững chắc thể trận lòng dân tại các khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, nông dân tỉnh Bình Phước thể hiện sự sáng tạo trong lao động sản xuất, khi trực tiếp nghiên cứu, cải tiến công cụ sản xuất, phục vụ sản xuất nông nghiệp, điển hình là sáng chế máy trồng mì (sắn) của anh Phạm Sáng (thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú) sáng chế vào năm 2013. Chiếc máy trồng mì liên hoàn do anh thiết kế có thể thay thế 8 - 9 lao động thủ công, giúp rút ngắn thời gian trồng, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất. Đây là minh chứng sinh động cho khả năng tiếp cận và làm chủ công nghệ của nông dân địa phương trong điều kiện còn nhiều khó khăn.

So với mặt bằng chung của vùng Đông Nam Bộ, kết quả xây dựng NTM của Bình Phước tuy chưa thuộc nhóm dẫn đầu do xuất phát điểm thấp, nhưng là một bước tiến vượt bậc. Tỷ lệ 66,67% xã đạt chuẩn tuy thấp hơn Đồng Nai (100%), Bình Dương (100%), Bà Rịa - Vũng Tàu (80%), nhưng lại cao hơn Tây Ninh (63,3%) và Đắk Nông (48,3%). Kết quả đó phản ánh quyết tâm mạnh mẽ của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Bình Phước trong việc thay đổi nhận thức, phát huy tính chủ động, sáng tạo, mang lại sự đổi thay toàn diện cho nông thôn tỉnh nhà.

4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Những ưu điểm trong hoạt động lãnh đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước từ năm 2010 đến năm 2020 xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng, Nhà nước và hướng dẫn từ các bộ, ngành Trung ương là yếu tố quan trọng bảo đảm cho Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM có hiệu quả. Những chỉ đạo, hướng

dẫn, cùng sự hỗ trợ kịp thời từ Trung ương đã giúp địa phương tháo gỡ nhiều vướng mắc, tạo động lực thúc đẩy chương trình phát triển đúng hướng, đạt kết quả rõ nét.

Hai là, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã phát huy tinh thần đoàn kết, quyết tâm chính trị và năng lực sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM. Bằng việc đề ra các chủ trương đúng đắn, giải pháp phù hợp với điều kiện của địa phương, Đảng bộ Tỉnh đã huy động hiệu quả sức mạnh của cả hệ thống chính trị, góp phần thúc đẩy Chương trình xây dựng NTM đạt nhiều kết quả nổi bật. Triển khai xây dựng đường bê tông nông thôn theo cơ chế đặc thù là một trong những chính sách rất nổi bật của UBND tỉnh Bình Phước khi thực hiện xây dựng NTM. Đầu tư hạ tầng giao thông nông thôn là nhiệm vụ rất quan trọng trong xây dựng NTM. Bởi lẽ, phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn góp phần mang lại cho nông thôn một diện mạo mới, tiềm năng để phát triển, xóa bỏ rào cản giữa thành thị và nông thôn. Tại Đại hội đại biểu lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng bộ tỉnh Bình Phước xác định: “Đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, điện, nước, cơ sở hạ tầng vùng nông thôn tạo điều kiện cho các xã phát triển theo tiêu chí NTM, nhất là các tiêu chí về giáo dục, y tế và giao thông nông thôn” [4, tr.156]. Ngày 07/4/2014, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND “*về áp dụng cơ chế đặc thù đầu tư các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020*”. Quyết định nhấn mạnh, các địa phương có nhu cầu làm đường giao thông nông thôn đăng ký, UBND tỉnh sẽ hỗ trợ xi măng; huyện, thị xã đối ứng cát, đá và người dân góp ngày công. Trên cơ sở đó, ngày 21/5/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1040/QĐ-UBND “*về việc hướng dẫn thực hiện các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và hướng dẫn kỹ thuật thi công mặt đường bê tông xi măng theo cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*”. Cơ chế này được Nhân dân hưởng ứng tích cực, nhiều

xã đã hoàn thành tiêu chí giao thông trong xây dựng NTM theo cơ chế đặc thù. Từ năm 2017, cơ chế đặc thù đã mở rộng ra các hạng mục phòng học, nhà văn hóa, cầu - cống, vỉa hè, cống, tường rào, sân công cộng (sân trường, sân trụ sở, sân trạm y tế),... Trải qua 10 năm xây dựng NTM (2010-2020), với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và sự tham gia đóng góp của Nhân dân, toàn tỉnh đã làm được 3.103,78 km đường bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù [142, tr.6].

Ba là, Nhân dân tỉnh Bình Phước đoàn kết, đồng thuận và có trách nhiệm cao trong tham gia xây dựng NTM. Chủ trương của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn được cụ thể hóa trong Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) và Chương trình MTQG xây dựng NTM là hoàn toàn đúng đắn, hợp lòng dân, được cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh tích cực hưởng ứng. Nhờ đó, ngay từ khi Chương trình được triển khai, xây dựng NTM trở thành một phong trào thi đua sôi nổi, lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội. Sau hơn 10 năm kiên trì thực hiện, nông thôn Bình Phước đã có bước chuyển biến rõ rệt. Đặc biệt, phong trào “Toàn tỉnh chung sức xây dựng NTM” được phát động từ năm 2011 đã lan tỏa mạnh mẽ, trở thành động lực quan trọng khơi dậy tinh thần đoàn kết, sáng tạo và trách nhiệm cộng đồng của Nhân dân.

Những khẩu hiệu có sức lan tỏa mạnh mẽ như “Nông thôn mới, diện mạo mới, sức sống mới”, phong trào “đường đẹp, ngõ đẹp, môi trường xanh - sạch - đẹp” được phát động. Bên cạnh những phong trào phát triển từ Nhân dân, trong Nhân dân, các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, cán bộ, công chức, viên chức đều hưởng ứng và tham gia phong trào. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Phước tổ chức đàm thoại trực tiếp trên truyền hình để tuyên truyền, phổ biến các chính sách của tỉnh trong xây dựng NTM, đồng thời, các đồng chí lãnh đạo trong Ban Chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh giải đáp thắc mắc về các khó khăn, vướng mắc của quần chúng khi xây dựng NTM. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Hội Nhà báo tỉnh, Báo Bình Phước, Tỉnh Đoàn Bình Phước, Sở

Thông tin và Truyền thông, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh tổ chức cuộc thi viết về đề tài NTM, nhất là những nhân tố mới, điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh. Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải hàng vạn tin bài trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, đồng thời thông tin kịp thời qua hệ thống mạng văn phòng của tỉnh. Hội Nông dân tỉnh tổ chức thi tìm hiểu về xây dựng NTM dưới hình thức sân khấu hóa. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thi sáng tác ca khúc về đề tài xây dựng NTM. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ký kết chương trình phối hợp với các đơn vị như Hội Chữ thập đỏ, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh và Công an tỉnh.

Các cơ quan truyền thông tăng cường thời lượng phát sóng, đăng tải tin bài thông qua các chuyên trang chuyên đề, các phóng sự về NTM. Quán triệt nội dung chỉ đạo tại Nghị quyết số 05-NQ/TU (2013) của Tỉnh ủy Bình Phước, cần “Củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống cụm loa truyền thanh, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số” [135], hệ thống đài phát thanh, truyền thanh địa phương đã tích cực tổ chức tuyên truyền sâu rộng về Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh như các chuyên mục “Nông thôn mới”, “Nét đẹp đời thường”, “Gương người tốt, việc tốt”,... Các xã duy trì phát thanh trên hệ thống loa truyền thanh của xã, đưa các tin, bài, phóng sự về xây dựng NTM vào chiều thứ Ba và sáng thứ Sáu hàng tuần, với thời lượng 15 phút/01 lần; đối với cụm loa của ấp, sóc, thời lượng trung bình là 10 giờ/tháng. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền còn được lồng ghép trong các buổi họp dân tại sóc, ấp.

Kết quả của phong trào thi đua không những góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về xây dựng NTM, mà còn phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của mỗi địa phương, mỗi người dân, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và Nhân dân. Bên cạnh đó, Đảng bộ Tỉnh chú trọng đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm, động viên, khen thưởng thường xuyên trong quá trình thực hiện

xây dựng NTM để phát hiện, nhân rộng những mô hình, cách làm hay, khắc phục các hạn chế tồn tại, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong các địa phương.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Một là, Đảng bộ tỉnh Bình Phước có lúc chưa kịp thời trong việc chỉ đạo ban hành các văn bản nhằm triển khai Chương trình xây dựng NTM.

Mặc dù sau khi Trung ương ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”, Đảng bộ tỉnh Bình Phước nhanh chóng đề ra chủ trương xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh thông qua việc ban hành Kế hoạch số 53-KH/TU ngày 20/10/2008 “*về thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn*”. Nhưng cũng phải 05 năm sau, Đảng bộ Tỉnh mới xây dựng được Nghị quyết chuyên đề về xây dựng NTM (Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 06/12/2013 “*về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2020*”). Đồng thời, các văn bản nhằm triển khai thực hiện chương trình về cơ bản chậm so với yêu cầu thực tiễn đặt ra, nhất là trong giai đoạn 2010-2015. Ví dụ, ngày 01/11/2010, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2535/QĐ-UBND “*về ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2020*” (trong khi đó, trước đó hơn 01 năm, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định về Bộ tiêu chí quốc gia NTM vào ngày 16/4/2009 tại Quyết định số 491/QĐ-TTg); ngày 03/8/2011 Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch số 99/KH-BCĐXDNTM “*về triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*” (trong khi đó, trước đó hơn 01 năm, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định về Phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 vào ngày 04/6/2010 tại Quyết định số 800/QĐ-TTg); đến cuối năm 2012, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước mới ban hành Nghị quyết “*về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc*

gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2020” (Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 17/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước), mặc dù trước đó, trong năm 2011 và đầu năm 2012, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2011 và 2012. Tình hình đời sống xã hội thay đổi không ngừng, việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện chưa kịp thời đã tác động tới tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng NTM, khi đó, việc hiện thực hóa chủ trương mất đi tính thời sự; tính chất và tình hình phát triển ở nông thôn Bình Phước cũng đã có những biến chuyển so với thời gian trước.

Hai là, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM chưa cao, chưa khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương trong xây dựng NTM.

Tiến độ xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Bình Phước còn chậm, đặc biệt trong giai đoạn 2010-2015 (mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 06/12/2013 của Tỉnh ủy Bình Phước là phấn đấu đến hết năm 2015, toàn tỉnh có 21/92 xã đạt chuẩn NTM (22,8%) (trong đó, có xã Tân Lập, huyện Đồng Phú (xã được Ban Bí thư Trung ương chọn chỉ đạo điểm) và 20 xã chỉ đạo điểm của tỉnh trong giai đoạn 2011-2015). Nhưng trên thực tế, đến hết năm 2015, toàn tỉnh Bình Phước chỉ có 03/92 xã đạt chuẩn NTM¹³ (đạt 3,2%).

Ngoài ra, hoạt động khai thác, huy động, sử dụng các nguồn vốn cho Chương trình xây dựng NTM chưa kịp thời, chưa hiệu quả. Đảng bộ tỉnh Bình Phước xác định nguồn vốn cho xây dựng NTM đóng vai trò vô cùng quan trọng, vì vậy, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình này. Giai đoạn đầu, nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đóng vai trò rất quan trọng, là nguồn “vốn mồi” nhằm kích thích, tạo động lực cho người dân và cộng đồng chung tay xây dựng NTM, nhưng ngân sách Nhà nước hỗ trợ chưa đáp ứng nhu cầu theo mục tiêu,

¹³ Xã Tân Lập (Đồng Phú), Xã Tiến Hưng (Đồng Xoài), Xã Minh Thành (Chơn Thành).

nhiệm vụ đề ra. Trong giai đoạn 2011-2015, nguồn vốn ngân sách hỗ trợ mới đạt 13,7% tổng nguồn vốn thực hiện [213, tr.12]. Trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ cho Chương trình chưa đạt yêu cầu theo Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND. Cụ thể, qua 5 năm (2011-2015) tỉnh mới phân bổ được 160 tỷ đồng, chiếm 2,7% tổng nguồn vốn huy động cho Chương trình trong giai đoạn này (160 tỷ đồng/5.849,866 tỷ đồng), nguồn vốn này giải ngân chậm vì được bố trí từ nguồn thu quyền sử dụng đất nên không kịp thời [213, tr.5].

Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng NTM còn hạn chế. Mặc dù được xác định đây là nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để thực hiện Chương trình xây dựng NTM, do đó, Đảng bộ Tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân bằng nhiều hình thức, tự nhiên, công tác này ở một số nơi chưa sâu rộng, thường xuyên và kịp thời; hình thức còn đơn điệu... Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng và phát sóng chuyên mục “Nông thôn mới” nhằm phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền, mặt trận, các tổ chức đoàn thể tại địa phương trong triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM; những kết quả cụ thể, đặc biệt là công tác xã hội hóa, huy động sức dân, tạo sự đồng thuận của Nhân dân trong việc tham gia xây dựng NTM với thời lượng định kỳ 2 số/tháng (15 phút/số) [211, tr.5-6] cho thấy thời lượng dành cho Chương trình xây dựng NTM được phát sóng trên Đài là quá ít, chưa phù hợp với tính chất, qui mô của Chương trình MTQG xây dựng NTM.

Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện xây dựng NTM còn thiếu kịp thời, chặt chẽ, nhất là thời kỳ đầu triển khai chương trình. Một số ngành chưa nhận thức rõ nhiệm vụ thực hiện tiêu chí NTM của ngành là nhiệm vụ chính trị thường xuyên. Trong khi đó, các xã lúng túng trong thực hiện chính sách nên chậm triển khai, có xã vận dụng sai chính sách, hỗ trợ vượt quy định. Một số xã lựa chọn các nội dung chưa sát thực, chưa chú trọng các công trình người dân được hưởng lợi trực tiếp mà tập trung thực hiện cải

tạo, nâng cấp các công trình phụ trợ: cổng, hàng rào, sân trường học,... vì vậy, huy động Nhân dân tham gia còn hạn chế.

Chất lượng của lực lượng lao động ở nông thôn còn nhiều hạn chế. Lao động khu vực nông thôn qua đào tạo còn rất khiêm tốn: năm 2010 là 12,24%, năm 2016 là 10,37% [34, tr.60], năm 2020 là 15,14% [36]. Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa thật bền vững; cơ cấu kinh tế nông thôn các xã vùng sâu, vùng xa chuyển dịch chậm, công nghiệp, thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng còn thấp; việc xây dựng và phát triển thương hiệu, giải quyết đầu ra cho nông sản hàng hóa có thể mạnh của tỉnh còn hạn chế. Mức độ đầu tư thâm canh còn thấp, chất lượng sản phẩm chưa thật sự đáp ứng yêu cầu cao của thị trường, chưa đảm bảo các điều kiện để phát triển bền vững. Năng suất nhiều loại cây trồng tuy có tăng, nhưng còn thấp so với tiềm năng; các vùng chuyên canh cây trồng, vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung bước đầu đã hình thành, nhưng giải pháp để tổ chức thực hiện các vùng này theo quy hoạch còn gặp khó khăn, nhất là việc đầu tư hạ tầng. Việc chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn chậm; công tác quản lý giống cây trồng vật nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu chưa chặt chẽ; các thông tin về giá cả thị trường đầu vào, đầu ra chưa kịp thời đến người nông dân, vẫn còn tình trạng sản xuất có lúc được mùa thì mất giá, được giá lại mất mùa.

Một số tiêu chí đạt được ở các xã có chất lượng chưa cao, thiếu tính bền vững, ví dụ như: Tiêu chí quy hoạch được hoàn thành chậm so với tiến độ (mặc dù đến hết năm 2013, có 92/92 xã (100% xã) hoàn thành [135] nhưng đến giữa năm 2013, tỉnh Bình Phước mới chỉ có 3% số xã được phê duyệt qui hoạch [153], tỉnh Bình Phước là 01 trong 03 địa phương có tỷ lệ phê duyệt quy hoạch thấp nhất cả nước (cùng với tỉnh Điện Biên và Thành phố Hồ Chí Minh), đồng thời, chất lượng quy hoạch, đề án chưa cao, do đó phải thường xuyên điều chỉnh, bổ sung, thay đổi quy hoạch, đề án. Thu nhập của người dân tuy được cải thiện nhưng nhìn chung vẫn còn thấp so với tiềm năng. Năm 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người (GRDP) của các tỉnh

vùng Đông Nam Bộ là 140,4 triệu đồng. Trong đó, Bình Phước là địa phương có GRDP thấp nhất vùng với 69,28 triệu đồng. Các tỉnh lân cận như Tây Ninh đạt 74 triệu đồng, Đồng Nai đạt 115,1 triệu đồng, Bình Dương đạt 150,5 triệu đồng [152]. Đối với những hộ dân có thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp thuần túy thì chỉ số này còn thấp hơn nữa. Công tác giảm nghèo tuy có chuyển biến, nhưng có địa phương còn tiềm ẩn khả năng tái nghèo, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Môi trường vẫn còn tiềm ẩn diễn biến phức tạp, một số nơi có nguy cơ ô nhiễm do chất thải công nghiệp, chất thải đô thị, chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi không được thu gom và xử lý triệt để, hệ thống hạ tầng cấp thoát nước chưa đồng bộ và đầu tư đúng mức, vấn đề về an toàn vệ sinh thực phẩm vẫn còn nguy cơ tiềm ẩn mất an toàn thực phẩm. Hiệu quả hoạt động của hệ thống cơ sở văn hóa, nhất là nhà văn hóa ấp còn thấp, công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư còn chưa được thường xuyên, kịp thời. An ninh trật tự, an toàn xã hội khu vực nông thôn còn tiềm ẩn những vấn đề phức tạp, nhất là các xã vùng biên giới hoặc những khu vực có khu công nghiệp tập trung.

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Những hạn chế nảy sinh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2010-2020 xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, tỉnh Bình Phước bắt đầu triển khai xây dựng NTM từ nền tảng kinh tế còn yếu, cơ sở hạ tầng nông thôn chưa phát triển, nguồn thu ngân sách hạn hẹp, sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, nên việc hoàn thành các tiêu chí NTM gặp không ít trở ngại. Số tiêu chí của các xã khi triển khai xây dựng NTM vào năm 2010 là rất thấp, toàn tỉnh chỉ có 02/92 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 90/92 xã đạt dưới 9 tiêu chí (trong đó có đến 63 xã đạt dưới 5 tiêu chí) [213, tr.5-6]. Hoạt động kinh tế của tỉnh ở thời điểm bắt đầu triển khai xây dựng NTM chủ yếu là sản xuất nông nghiệp; nguồn thu ngân sách hạn hẹp; hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ; phải đối

mặt với thiên tai, diễn biến bất thường của dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi khá phức tạp; giá cả vật tư không ổn định; hoạt động sản xuất của một số doanh nghiệp, tổ chức còn gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và huy động nguồn vốn xây dựng NTM.

Hai là, sự chậm trễ và thiếu đồng bộ trong việc ban hành cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí NTM của Trung ương, đặc biệt giai đoạn 2010-2015, đã gây khó khăn cho công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở cơ sở. Hướng dẫn tính thu nhập (tiêu chí số 10) của Tổng cục Thống kê còn một số bất cập nên độ chính xác, khách quan chưa được đảm bảo; tiêu chí số 6 (Cơ sở vật chất văn hóa) vẫn còn một số quy định chưa phù hợp với thực tiễn địa phương, như: quy mô nhà văn hóa thôn, khả năng quỹ đất; tiêu chí số 7 (Chợ) chưa có quy định cụ thể đối với chợ đã có ở mỗi thôn, xã nhưng không theo quy hoạch, tiêu chuẩn chợ chưa phù hợp với vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; tiêu chí số 17 (17.4 về nghĩa trang) chưa có hướng dẫn cụ thể phù hợp về quy hoạch, quản lý, sử dụng nghĩa trang với các vùng đặc thù; tiêu chí số 4 (Điện) chưa có văn bản hướng dẫn; tiêu chí số 9 (Nhà ở) quy định còn cứng nhắc, chưa phù hợp với các vùng đặc thù.

Ba là, xây dựng NTM là nhiệm vụ mới, chưa có tiền lệ, với phạm vi và khối lượng công việc rất lớn, trải dài trên nhiều lĩnh vực khác nhau: xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng hệ thống chính trị,... Do đó, quá trình triển khai ở tỉnh Bình Phước không tránh khỏi những bỡ ngỡ, lúng túng ban đầu. Nhiều địa phương phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, từng bước hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các ngành, các cấp. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phong trào xây dựng NTM trong giai đoạn đầu chưa thật sự hiệu quả, dẫn đến sức lan tỏa trong xã hội còn hạn chế.

Bốn là, một bộ phận cán bộ và Nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình xây dựng NTM; chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm, còn hạn chế về trình độ, kỹ năng nên thiếu chủ động, sáng tạo

trong quá trình tổ chức thực hiện, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại sự đầu tư của Nhà nước, chưa quyết tâm thực hiện Chương trình. Trong khi đó, hoạt động của một số thành viên Ban Chỉ đạo các cấp còn chưa thường xuyên, vai trò còn mờ nhạt, chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo tại địa phương, vì vậy, các nhiệm vụ trọng tâm như xây dựng quy hoạch, đề án chậm so với kế hoạch Ban Chỉ đạo tỉnh, Ban Chỉ đạo Trung ương đề ra.

4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

Từ những kết quả đạt được trong quá trình lãnh đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2010-2020, bước đầu có thể đúc rút một số kinh nghiệm sau:

4.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý của chính quyền và sự phối hợp của các đoàn thể trong triển khai xây dựng nông thôn mới

Một trong những cơ sở quan trọng làm nền tảng cho kinh nghiệm lãnh đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước chính là quan điểm xuyên suốt của Đảng: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Đây không chỉ là nguyên tắc nền tảng trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam, mà còn là định hướng có tính chất phương pháp luận cho việc tổ chức và triển khai các chương trình lớn mang tính tổng hợp, toàn diện, trong đó có Chương trình MTQG xây dựng NTM. Sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của các cấp ủy Đảng bảo đảm định hướng chính trị đúng đắn; vai trò quản lý, điều hành của chính quyền các cấp giữ vị trí then chốt trong thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết thành cơ chế, chính sách và kế hoạch hành động; trong khi Nhân dân là chủ thể trực tiếp, vừa là đối tượng thụ hưởng, vừa là lực lượng tham gia, quyết định tính bền vững của kết quả. Các đoàn thể chính trị - xã hội đóng vai trò cầu nối quan trọng, đại diện cho Nhân dân, tổ chức và vận động quần chúng thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách có hiệu quả. Sự gắn kết chặt chẽ giữa ba yếu tố: sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, cùng với vai trò trung tâm của Nhân dân được các đoàn thể phát

huy, tạo thành một chỉnh thể thống nhất, bảo đảm khai thác tối đa nguồn lực và sức mạnh xã hội.

Xây dựng NTM là một nhiệm vụ chính trị tổng hợp, có phạm vi tác động rộng lớn, liên quan đồng thời đến phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở. Đặc điểm này đòi hỏi quá trình lãnh đạo và tổ chức thực hiện phải bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, tránh tình trạng rời rạc, chông chéo hay cục bộ ngành, địa phương. Chính từ yêu cầu khách quan đó, việc củng cố vai trò lãnh đạo của cấp ủy, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền và phát huy vai trò phối hợp của các đoàn thể trở thành nhân tố quyết định, bảo đảm cho việc triển khai xây dựng NTM phù hợp với điều kiện thực tế. Đây là cơ sở quan trọng để khẳng định tính tất yếu của kinh nghiệm “Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý của chính quyền và sự phối hợp của các đoàn thể trong triển khai xây dựng NTM”.

Trong giai đoạn 2010-2020, cấp ủy các cấp của tỉnh Bình Phước, với hạt nhân là Đảng bộ Tỉnh, đã thể hiện vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện. Sự lãnh đạo này được cụ thể hóa bằng hệ thống các văn bản quan trọng, mang tính định hướng. Ngay sau khi Trung ương ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW, Đảng bộ Tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 53-KH/TU ngày 20/10/2008 “*về thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn*”, thể hiện sự nhạy bén chính trị và quyết tâm cao trong việc sớm cụ thể hóa chủ trương của Trung ương vào điều kiện thực tiễn của địa phương. Tiếp đó, các nghị quyết, kế hoạch như Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 06/12/2013 “*về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020*”; Kế hoạch số 188-KH/TU vào ngày 26/9/2014 “*về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn*” tiếp tục khẳng định sự nhất quán và kiên định của Đảng bộ Tỉnh trong việc xác định xây dựng NTM là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Các Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ IX (2010), X

(2015), XI (2020) đều nhấn mạnh tầm quan trọng của chương trình xây dựng NTM và đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn.

Sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh còn thể hiện ở tính quyết liệt, bám sát thực tiễn. Đảng bộ Tỉnh chủ trương không áp dụng một cách máy móc các mô hình chung mà đặc biệt chú trọng đến đặc thù của địa bàn, ưu tiên các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Với tinh thần đó, chính quyền các cấp, từ UBND cấp tỉnh đến cấp xã, đóng vai trò là cơ quan quản lý, điều hành, có chức năng cụ thể hóa các nghị quyết, kế hoạch của Đảng bộ Tỉnh thành chương trình, đề án, cơ chế và chính sách cụ thể. Tại Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 23/4/2009 “*về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 53-KH/TU ngày 20/10/2008 của Tỉnh ủy đề nghị thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”, UBND tỉnh Bình Phước xác định, cần: “Tập trung nguồn lực và tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo. Đặc biệt quan tâm tới các xã có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao” [156], đồng thời,

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo, các chính sách bảo hiểm y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình; chế độ cứu trợ đối với hộ bị đói giáp hạt; cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số [156].

UBND tỉnh Bình Phước chủ động xây dựng bộ tiêu chí NTM mang tính phân hóa rõ rệt giữa các vùng, nhằm tạo cơ sở triển khai hiệu quả và công bằng hơn. Trên cơ sở các quy định chung của Trung ương, tại Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 của UBND tỉnh Bình Phước “*về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước*” đã linh hoạt phân loại thành hai nhóm xã (nhóm xã thuộc các huyện được áp dụng cơ chế như Tây Nguyên và nhóm xã còn lại). Đối với nhóm xã được

hưởng cơ chế như Tây Nguyên, mức tiêu chí được áp dụng so với mặt bằng chung thấp hơn, trong khi các xã còn lại đặt ra mức phấn đấu cao hơn. Cách tiếp cận này vừa phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Trung ương, vừa khuyến khích các địa phương nỗ lực vượt khó, đồng thời thu hẹp dần khoảng cách phát triển vùng miền. Đây chính là kinh nghiệm quý, cho thấy khi Đảng bộ, chính quyền quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo và có sự đồng thuận, hưởng ứng từ Nhân dân thì chương trình xây dựng NTM sẽ đạt được kết quả bền vững, thích ứng cao với đặc thù địa phương.

Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM (các cấp) được thành lập, trong đó, các thành viên Ban Chỉ đạo được phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, phụ trách trực tiếp từng nhóm tiêu chí hoặc từng địa bàn; thường xuyên bám sát cơ sở để kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn cho các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình triển khai. Cách làm này đã khắc phục tình trạng chông chéo, né tránh trách nhiệm, đồng thời phát huy được vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị, đảm bảo mọi cấp, mọi ngành đều phải vào cuộc một cách thực chất. Nhờ đó, hoạt động phối hợp, chỉ đạo và điều hành Chương trình xây dựng NTM ở tỉnh Bình Phước được triển khai đồng bộ, hiệu quả, kịp thời và quyết liệt, góp phần tạo chuyển biến rõ nét trong tiến trình hoàn thành các mục tiêu của Chương trình, nhất là trong giai đoạn sau (2015-2020).

Đặc biệt, với chủ trương của Đảng bộ Tỉnh: “Trong tổ chức thực hiện, quán triệt phương châm nội dung “dễ làm trước, khó làm sau”” [135]. Chính quyền đã áp dụng phương châm này - đây là cách tiếp cận mang tính thực tiễn cao. Phương châm không chỉ thể hiện tư duy lãnh đạo linh hoạt, sáng tạo của Đảng bộ Tỉnh, mà việc ưu tiên thực hiện các tiêu chí “dễ”, có tính khả thi cao, huy động được sự tham gia của người dân, giúp địa phương tạo ra những kết quả ban đầu thiết thực, tạo niềm tin và khí thế trong toàn dân. Qua việc triển khai trước các tiêu chí có tính khả thi cao, địa phương đã tích lũy được kinh

nghiệm, hoàn thiện cơ chế điều hành và phương thức phối hợp giữa các cấp, các ngành, từ đó có cơ sở thực tiễn để triển khai các tiêu chí khó hơn trong thời gian tiếp theo. Đồng thời, cách làm này giúp phân bổ nguồn lực đầu tư hợp lý, tránh dàn trải, tạo điều kiện huy động, kết hợp các nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, hướng đến mục tiêu phát triển nông thôn toàn diện, bền vững. Có thể nói, phương châm “dễ làm trước, khó làm sau” đã giúp Bình Phước chủ động, vững chắc trong từng bước đi, quá trình xây dựng NTM có tính lan tỏa cao.

Đảng bộ Tỉnh chú trọng đến công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm kết quả triển khai thực hiện và kịp thời đề ra các giải pháp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc ngay từ cơ sở và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách phù hợp, tạo tiền đề mang tính đột phá, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội ở khu vực nông thôn. Hằng năm, tại tỉnh và các địa phương tổ chức sơ kết xây dựng NTM để đánh giá kết quả thực hiện và đề ra những giải pháp cụ thể để khắc phục khó khăn, hạn chế, nhằm sớm hoàn thành mục tiêu Chương trình đề ra.

Các đoàn thể chính trị - xã hội như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Mặt trận Tổ quốc... giữ vai trò là cầu nối quan trọng giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân. Sự phối hợp này đã tạo nên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành phong trào quần chúng tự giác, rộng khắp. Thông qua các phong trào thi đua và mô hình cụ thể, các đoàn thể đã vận động quần chúng tham gia đóng góp ngày công, vật chất, đất đai để xây dựng cơ sở hạ tầng. Những mô hình tiêu biểu như “Nuôi heo tiết kiệm”, “Giúp đỡ hộ nghèo”, “Quỹ đồng đội”, “Mái ấm biên cương”, “Quỹ vì phụ nữ nghèo”, “Mái ấm cho người nghèo nơi biên giới”, “Ngân hàng bò giống”, “Vi sức khỏe cộng đồng”, “Hũ gạo tình thương”, “Nâng bước em đến trường”... được nhân rộng đã không chỉ góp phần nâng cao đời sống vật chất mà còn thể hiện tinh thần tương thân tương ái, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Điều này đã khẳng định rằng, xây dựng NTM chỉ thực sự

bền vững khi người dân được tham gia, được làm chủ và được hưởng lợi trực tiếp từ thành quả.

Kinh nghiệm về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý của chính quyền và sự phối hợp của các đoàn thể trong triển khai xây dựng NTM có ý nghĩa sâu sắc:

Thứ nhất, bảo đảm sự thống nhất “trên - dưới, trong - ngoài”, tạo sức mạnh tổng hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Sự phân định rõ vai trò lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền và phối hợp của các đoàn thể đã hình thành một cơ chế vận hành thống nhất, thông suốt từ tỉnh đến cơ sở. Cấp ủy Đảng định hướng, chính quyền tổ chức thực hiện, các đoàn thể tuyên truyền, vận động, giám sát - tất cả tạo nên một chỉnh thể đồng bộ, thống nhất về mục tiêu, hành động và phương thức triển khai. Sự phối hợp chặt chẽ ấy giúp chương trình tránh được tình trạng chồng chéo, cục bộ hoặc thiếu đồng bộ giữa các ngành, các cấp.

Thứ hai, khẳng định hiệu quả của việc phát huy đúng vai trò, chức năng của từng chủ thể trong hệ thống chính trị

Thực tiễn xây dựng NTM ở Bình Phước chứng minh rằng, khi cấp ủy thực hiện tốt vai trò định hướng chính trị, chính quyền năng động, sáng tạo trong quản lý, điều hành, các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thì sức mạnh nội sinh của toàn xã hội được khơi dậy mạnh mẽ. Chính sự phối hợp hài hòa giữa các chủ thể đã làm cho Chương trình xây dựng NTM từ một nhiệm vụ hành chính thành chương trình phát triển toàn diện và bền vững ở nông thôn, trong đó, phát huy vai trò chủ thể, tinh thần tự giác và trách nhiệm xã hội của người dân nông thôn.

Thứ ba, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và lan tỏa lâu dài

Cách làm quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, đặc biệt chú trọng các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, không những giúp Bình Phước đạt mục tiêu trước mắt mà còn tạo tiền đề cho phát triển bền vững. Những kết quả đạt được ở các địa phương khó khăn nhất trở thành điểm tựa

để nhân rộng, tạo hiệu ứng lan tỏa trong toàn tỉnh. Qua đó, niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước được củng cố, khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường - yếu tố then chốt bảo đảm thành công lâu dài của Chương trình xây dựng NTM.

4.2.2. Làm tốt công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng bộ và đồng thuận xã hội về xây dựng nông thôn mới

Công tác tư tưởng là một bộ phận trọng yếu trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng, giữ vai trò “đi trước mở đường”, định hướng nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, Nhân dân. Từ khi bắt đầu triển khai Chương trình MTQG về xây dựng NTM, Đảng luôn xác định công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo sự thống nhất cao trong hệ thống chính trị và khơi dậy sức mạnh đồng thuận của Nhân dân. Bởi lẽ, xây dựng NTM không đơn thuần chỉ là quá trình phát triển kinh tế, mà còn là một cuộc vận động chính trị - kinh tế - xã hội sâu rộng, đòi hỏi sự vào cuộc của toàn dân. Do đó, việc nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và khơi dậy ý thức tự giác của người dân là điều kiện tiên quyết để bảo đảm thành công của Chương trình.

Quan điểm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” mà Đảng đã quán triệt và lãnh đạo tổ chức thực hiện trên nhiều phương diện, đã thể hiện rõ vai trò chủ thể của Nhân dân trong quá trình xây dựng NTM. Để phương châm đó đi vào cuộc sống một cách thực chất, công tác tư tưởng có vai trò rất quan trọng trong việc truyền tải chủ trương, chính sách đến từng người dân, giúp họ hiểu đúng, tin tưởng, đồng thuận và tự giác tham gia thực hiện. Bên cạnh đó, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, công tác tư tưởng có ý nghĩa then chốt trong việc đấu tranh với các biểu hiện thờ ơ, trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của người dân nông thôn. Như vậy, xét trên phương diện lý luận, làm tốt công tác tư tưởng chính là tạo nền tảng tinh

thần, chính trị vững chắc cho việc thực hiện thắng lợi Chương trình xây dựng NTM.

Bình Phước là một tỉnh miền núi, biên giới, có diện tích tương đối rộng, dân cư phân bố không đồng đều, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 20% dân số, tỉnh phải đối mặt với không ít khó khăn về điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng, trình độ dân trí và tập quán sản xuất. Trong bối cảnh đó, nếu không làm tốt công tác tư tưởng, không tạo được sự thống nhất trong nhận thức và đồng thuận xã hội, thì mọi chủ trương, chính sách, kế hoạch của tỉnh đều khó có thể đi vào cuộc sống. Chính thực tiễn đó đặt ra yêu cầu Đảng bộ Tỉnh phải quan tâm đặc biệt đến công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, coi đây là “chìa khóa mở đường” để triển khai thành công các nhiệm vụ khác. Bởi lẽ, nhận thức đúng thì mới có hành động đúng. Nếu như nhận thức sai thì chắc chắn sẽ dẫn đến hành động sai, còn nhận thức tuy đúng nhưng chưa đủ, chưa thấy hết các mặt của vấn đề, chưa toàn diện thì hành động còn phiến diện, hời hợt. Nhận thức không đúng hay không đầy đủ là sự cản trở lớn trong thực hiện xây dựng NTM. Nếu cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị không nhìn nhận, đánh giá đúng về tầm quan trọng của xây dựng NTM sẽ không quyết tâm thực hiện thắng lợi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM. Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy có được khẳng định hay không được phản ánh một phần thông qua sự nhận thức đầy đủ hay chưa đầy đủ về xây dựng NTM. Thống nhất trong nhận thức là cơ sở quan trọng cho sự thống nhất trong hành động, từ đó, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn cho Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Bình Phước trong sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM ở tỉnh Bình Phước, góp phần vào sự thành công của Chương trình trong cả nước.

Đảng bộ Tỉnh xác định rõ: “Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan, ban ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ,

đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc xây dựng NTM” [135]. Đặc biệt,

Củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống cụm loa truyền thanh, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phát huy hiệu quả chức năng của các nhà văn hóa, trung tâm sinh hoạt cộng đồng của các thôn, ấp trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây NTM [135].

Chủ trương này không chỉ góp phần mở rộng kênh thông tin, tăng cường khả năng tiếp cận chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, mà còn giúp khơi dậy tinh thần tự giác, chủ động, trách nhiệm xã hội của người dân. Thông qua đó, công tác tuyên truyền thực sự trở thành cầu nối giữa Đảng với Nhân dân, củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong toàn xã hội, làm nền tảng vững chắc cho việc triển khai thành công Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

Công tác nắm bắt và định hướng tư tưởng được triển khai thường xuyên, khoa học, có trọng tâm. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức ít nhất 4 đợt khảo sát dư luận xã hội/năm; đa số các huyện, thị xã tổ chức 2 đợt/năm [137] nhằm kịp thời phát hiện, nắm bắt và xử lý những vấn đề tư tưởng nảy sinh trong Nhân dân. Các kết quả khảo sát được báo cáo trực tiếp với cấp ủy để chủ động định hướng dư luận, củng cố niềm tin, giải tỏa những tâm tư, bức xúc trong Nhân dân, qua đó tạo môi trường chính trị - xã hội ổn định, thuận lợi cho việc triển khai chương trình.

Bên cạnh đó, Đảng bộ Tỉnh chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin và tận dụng các phương tiện truyền thông mới trong công tác tuyên truyền. Trước thực trạng internet và mạng xã hội phát triển rất nhanh, người dân nhanh chóng tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân tham gia xây dựng NTM, Đảng bộ Tỉnh đã chú trọng đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin; sử dụng hiệu quả báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, mạng xã hội; đa

dạng hóa các hình thức tuyên truyền vận động, như: tổ chức thông tin tuyên truyền; tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; tổ chức cho cán bộ, đảng viên, hội viên, người nông dân tham quan, học tập các mô hình mới, nhân tố mới... Cách làm này không chỉ giúp thông tin lan tỏa nhanh, rộng mà còn tăng tính thuyết phục, giúp người dân nhận thấy lợi ích thiết thực, cụ thể của chương trình đối với đời sống của họ.

Trước những tác động tiêu cực của các thông tin sai trái, thù địch trên không gian mạng, Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 17/4/2017 *“về việc định hướng tiếp cận, xử lý và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh”*. Trong đó, xác định các cấp ủy đảng, chính quyền, bí thư các chi, đảng bộ cơ sở, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, chủ động cung cấp thông tin có định hướng, nâng cao bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên trực tiếp quản lý trước những thông tin xấu độc, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phản động. Đồng thời, Chỉ thị khẳng định mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên cần có nhận thức đúng đắn và nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình trong việc chia sẻ thông tin trên mạng xã hội. Đối với những thông tin chính thống về những điển hình người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, mô hình mới, cách làm hay,... cần tích cực chia sẻ, bình luận, định hướng dư luận nhằm cổ vũ, động viên đông đảo Nhân dân tham gia, tạo hiệu ứng tốt trong xã hội. Ngoài ra, không tham gia chia sẻ, bình luận trên mạng xã hội những thông tin có nội dung xấu độc, phản động, thông tin không chính thống có nội dung gây phương hại đến uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; không được lợi dụng các trang mạng, facebook cá nhân để bày tỏ quan điểm trái với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước. Qua đó, công tác tuyên truyền được mở rộng từ “thế giới thực” sang “thế giới

ảo”, thích ứng với yêu cầu của thời kỳ chuyển đổi số, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

Việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, giám sát, phản biện xã hội được Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm. Thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW và 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị “*về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*”; “*về việc ban hành Quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*”, tỉnh Bình Phước thường xuyên tổ chức gặp gỡ định kỳ các đồng chí nguyên lãnh đạo các cấp để nghe ý kiến đóng góp đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và công tác quản lý, điều hành của UBND các cấp; tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của Nhân dân đối với những chủ trương lớn về phát triển kinh tế, xã hội của địa phương (đối với cấp tỉnh: 6 tháng/lần, đối với cấp huyện và tương đương: 2 tháng/lần) [137] để lắng nghe ý kiến phản hồi từ Nhân dân, cũng như thông qua đó, tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Nhờ thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, trong vòng 10 năm (2010-2020), nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân tỉnh Bình Phước về xây dựng NTM có bước chuyển biến rõ rệt. Người dân hiểu rõ quyền lợi, trách nhiệm và vai trò chủ thể của mình; từ chỗ còn tâm lý trông chờ, ỷ lại, họ dần trở thành lực lượng tiên phong trong quá trình xây dựng NTM. Hàng ngàn hộ dân tự nguyện hiến đất, đóng góp ngày công, tiền của, cùng Nhà nước xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Các phong trào “Nuôi heo tiết kiệm”, “Mái ấm biên cương”, “Ngân hàng bò giống”, “Hũ gạo tình thương”, “Nâng bước em đến trường”... trở thành minh chứng sinh động cho sức mạnh của công tác tư tưởng, cho thấy hiệu quả to lớn khi niềm tin, nhận thức và hành động của Nhân dân cùng hướng về một mục tiêu chung.

Làm tốt công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong nhận thức và đồng thuận xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Phước về xây dựng NTM. Bởi lẽ:

Thứ nhất, kinh nghiệm này phản ánh yếu tố nền tảng bảo đảm sự thống nhất giữa “Ý Đảng - lòng dân” chính là điều kiện tiên quyết để mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được thực hiện hiệu quả trong thực tiễn. Khi người dân hiểu rõ, tin tưởng và tự giác tham gia, sức mạnh vật chất và tinh thần được nhân lên gấp bội, tạo nên nguồn lực xã hội to lớn mà không một chính sách tài chính đơn thuần nào có thể thay thế.

Thứ hai, kinh nghiệm này khẳng định vai trò của công tác tư tưởng như “mạch máu” của mọi phong trào cách mạng, đặc biệt là trong các chương trình mang tính xã hội sâu rộng như xây dựng NTM. Công tác tư tưởng tốt giúp Đảng nắm chắc tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, kịp thời định hướng dư luận, ngăn chặn các biểu hiện lệch lạc, mơ hồ, cũng như chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin sai trái, thù địch.

Thứ ba, việc chú trọng công tác tuyên truyền, vận động, đối thoại, lắng nghe Nhân dân đã góp phần củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân đúng với tinh thần “phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân”, phải “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm, chứ không phải nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh” [94, tr.233-234] như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn; đồng thời khơi dậy, phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, ý chí tự lực, tự cường và niềm tự hào về quê hương, đất nước.

Thứ tư, kinh nghiệm này để lại bài học có giá trị bền vững cho công tác lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới: muốn huy động được sức dân, phải bắt đầu từ việc thấu hiểu dân - tin dân - gần dân - vì dân. Khi tư tưởng được khơi thông, niềm tin được củng cố, nhận thức được nâng cao, thì mọi khó khăn đều có thể vượt qua, mọi mục tiêu đều có thể đạt được.

4.2.3. Phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng nông thôn mới, chú trọng xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng NTM, trong đó chú trọng xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xuất phát từ yêu cầu khách quan của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Qua thực tiễn lãnh đạo, Đảng bộ tỉnh Bình Phước nhận thức sâu sắc rằng đây là nhân tố có ý nghĩa bảo đảm cho sự thành công của Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

Phát huy sức mạnh tổng hợp là quan điểm mang tính phổ quát, được hình thành trên cơ sở nguyên tắc toàn diện của triết học duy vật biện chứng. Trong thực tiễn xây dựng NTM ở Bình Phước, việc vận dụng quan điểm này đã được Đảng bộ Tỉnh thể hiện sinh động thông qua cách tiếp cận toàn diện, kết hợp hài hòa giữa phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực, giữa yếu tố vật chất và tinh thần. Chính nhờ đó, Chương trình xây dựng NTM của tỉnh không chỉ đạt được kết quả cụ thể về kinh tế - xã hội mà còn góp phần củng cố niềm tin, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của địa phương.

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, Nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển luận điểm này khi khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân”. Người coi đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, là “điểm mẹ” của mọi thắng lợi, đồng thời luôn nhấn mạnh muốn phát huy sức mạnh ấy thì Đảng phải “lấy dân làm gốc”, dựa vào dân, gắn bó với dân, tin dân và vì dân.

Trong quá trình xây dựng NTM, tinh thần đại đoàn kết càng có ý nghĩa sống còn. Đây là chương trình tác động trực tiếp đến đời sống của đại đa số Nhân dân, người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể trung tâm của quá trình thực hiện. Do đó, củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc chính là bảo đảm cho sự đồng thuận xã hội, tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn để thực hiện thành công chương trình.

Từ góc độ thực tiễn, Bình Phước là một tỉnh miền núi, biên giới, có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, trình độ phát triển kinh tế - xã hội chưa đồng đều, nguồn lực đầu tư của Nhà nước còn hạn chế, trong khi yêu cầu xây dựng NTM đặt ra nhiều tiêu chí cao, đòi hỏi nguồn lực rất lớn. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đặc biệt coi trọng việc phát huy sức mạnh tổng hợp, trong đó chú trọng khai thác và phát huy nội lực của địa phương, lấy khối đại đoàn kết toàn dân tộc làm nền tảng, đồng thời tranh thủ, huy động ngoại lực từ các nguồn vốn, khoa học - công nghệ, kinh nghiệm và hợp tác phát triển. Việc kết hợp hài hòa giữa sức mạnh nội lực của Nhân dân - với tinh thần đoàn kết, cần cù, sáng tạo, khát vọng vươn lên - cùng với việc tận dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài đã tạo nên động lực mạnh mẽ, góp phần quan trọng bảo đảm cho Chương trình xây dựng NTM của tỉnh đạt được nhiều kết quả thiết thực, toàn diện và bền vững.

Trước hết, Đảng bộ Tỉnh tập trung phát huy sức mạnh nội lực, coi đây là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với thành công của Chương trình xây dựng NTM. Nội lực ấy bắt nguồn từ con người, từ tiềm năng tự nhiên, vị trí địa lý, truyền thống văn hóa - lịch sử, đến cơ chế, chính sách và sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh. Bình Phước là tỉnh nằm ở vị trí chiến lược quan trọng, là cửa ngõ nối vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên và Vương quốc Campuchia; có quỹ đất nông nghiệp phong phú, khí hậu ôn hòa, thích hợp với nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cao su, hồ tiêu, điều, cà phê. Đảng bộ Tỉnh đã chỉ đạo phát huy tối đa lợi thế đó, khuyến khích người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tại Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 “*về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020*”, UBND tỉnh Bình Phước đã nhấn mạnh yêu cầu tái cơ cấu

ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn chặt với việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM. Văn bản này xác định rõ, Bình Phước cần phát huy tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, đất đai, khí hậu, nguồn nhân lực, đẩy mạnh chuyên đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi hợp lý, tập trung phát triển các cây trồng chủ lực như cao su, điều, hồ tiêu, cà phê, cây ăn quả, hướng tới xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Cùng với đó, tinh chú trọng ứng dụng khoa học - công nghệ, cơ giới hóa và áp dụng quy trình canh tác tiên tiến, khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, gắn sản xuất với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Quyết định cũng đề ra nhiều giải pháp cụ thể nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của các nguồn lực xã hội, đặc biệt là thúc đẩy liên kết “bốn nhà”, phát triển HTX kiểu mới, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và xây dựng thương hiệu nông sản Bình Phước. Có thể nói, đây là bước cụ thể hóa chủ trương của Đảng bộ Tỉnh trong việc phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, tạo đột phá trong sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, góp phần vào thành công của Chương trình xây dựng NTM.

Yếu tố nội lực quan trọng nhất mà Đảng bộ tỉnh Bình Phước chủ trương phát huy chính là sức mạnh con người và tinh thần đoàn kết, sáng tạo của Nhân dân. Người dân là chủ thể trung tâm của Chương trình xây dựng NTM - vừa là người trực tiếp thực hiện, vừa là người thụ hưởng thành quả. Trong suốt quá trình triển khai, Nhân dân các địa phương trong tỉnh đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, lòng tin vào Đảng, vào chính quyền, sẵn sàng hiến đất, góp công, đóng góp vật chất để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Trải qua 10 năm xây dựng NTM (2010-2020), toàn tỉnh có 1.974 tập thể, cá nhân đóng góp từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng [209, tr.10], điển hình có một số cá nhân tiêu biểu như: Ông Phùng Tiến Quang (phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài) hiến 4.000m² đất và 240 cây cao su đang khai thác với tổng trị giá 4,14 tỉ đồng làm kè suối; ông Nguyễn Viết Tuyên (xã Minh Thành, huyện

Chơn Thành) hiến đất và đóng góp 1 tỉ đồng để làm đường giao thông nông thôn; ông Trương Đường (xã Nghĩa Trung, Bù Đăng) đóng góp 700 triệu đồng [209, tr.10],... Các cấp hội, đoàn thể vận động Nhân dân đóng góp gần 30.000 ngày công [213, tr.8]; [211, tr.8], nâng cấp và sửa chữa hơn 1.230 tuyến đường, 980 kênh nội đồng, 410 cầu cống các loại; vận động các hộ gia đình tự nguyện hiến 65.670 m đất, gần 2.000 ha để xây dựng kết cấu hạ tầng NTM, làm đường liên thôn, công trình điện thắp sáng, phát quang bụi rậm cùng với các công trình khác [209, tr.8, 10]. Xây dựng NTM trở thành phong trào có sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội, khơi dậy niềm hứng khởi, phát huy tinh thần tự giác, tình nguyện, tạo nên những hiệu ứng lan tỏa về những điều tích cực, tiến bộ, tốt đẹp, nhân văn trong cộng đồng để những tấm gương sáng, những cách làm hay ngày càng trở nên phổ biến, từ đó làm cho đời sống của nông dân từng bước được nâng cao cả về vật chất lẫn tinh thần.

Chính từ thực tiễn sôi động và tinh thần chung sức, đồng lòng ấy của Nhân dân, Đảng bộ tỉnh Bình Phước nhận thức sâu sắc rằng, sức mạnh của phong trào xây dựng NTM bắt nguồn từ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Khi mỗi người dân đều thấy rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của mình trong công cuộc đổi mới, thì họ không chỉ đóng góp vật chất, công sức mà còn dốc lòng, dốc sức vì sự phát triển chung của quê hương.

Bình Phước là địa phương có 41 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 20% dân số toàn tỉnh, phân bố chủ yếu ở các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Bù Đốp, Lộc Ninh. Tỉnh cũng là nơi có đông đồng bào theo đạo Công giáo, Tin lành, Phật giáo, Cao Đài,... Do đó, việc xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo là nhiệm vụ chiến lược, gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Đoàn kết là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam và cũng đồng thời là quy luật sinh tồn của dân tộc Việt Nam. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công. Đảng bộ Tỉnh chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền quan tâm, chăm lo đời

sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc và tôn giáo, thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, bảo đảm công bằng, bình đẳng, tôn trọng và đoàn kết. Ở tỉnh Bình Phước, vẫn còn một bộ phận người dân có trình độ dân trí còn thấp, họ có thể chưa tiếp cận được những vấn đề lý luận, mang tính chất vĩ mô của Đảng, cho nên, để họ thấy được Đảng thật sự vì dân và dân cần có Đảng thì đường lối phát triển kinh tế - xã hội do Đảng đề ra, đặc biệt trong đó là Chương trình MTQG xây dựng NTM phải hiệu quả, thiết thực, gắn với đời sống của Nhân dân. Người dân có nhà kiên cố để ở, bữa ăn được cải thiện, mức sống được nâng lên; học sinh có trường lớp khang trang để học; người dân có bệnh viện tốt để chữa bệnh, được tiếp cận những dịch vụ công do Nhà nước cung cấp thuận tiện,... Chính những thay đổi theo hướng này sẽ tác động đến nhận thức người dân, làm cho dân tin và đi theo Đảng, từ đó, củng cố thêm khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Để huy động tối đa nội lực, Đảng bộ Tỉnh coi trọng phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, từ tỉnh đến cơ sở. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... đã phát huy vai trò nòng cốt trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, tổ chức các phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ xây dựng NTM. Nhiều phong trào đã tạo hiệu ứng sâu rộng như “Toàn tỉnh chung sức xây dựng NTM”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”,... Qua đó, huy động được đông đảo đoàn viên, hội viên tham gia, khơi dậy tinh thần trách nhiệm, sự đồng thuận và sức mạnh tinh thần của toàn xã hội.

Cùng với nguồn lực bên trong, tỉnh Bình Phước đã tranh thủ nguồn lực bên ngoài để huy động sức mạnh tổng hợp nhằm thực hiện các mục tiêu xây dựng NTM. Có thể khái quát nguồn lực bên ngoài bao gồm các yếu tố sau: tinh hoa văn hóa nhân loại; khoa học công nghệ hiện đại, trình độ quản lý tiên bộ của thế giới; nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài, kinh nghiệm từ các địa phương trên cả nước... đây là những yếu tố vô cùng cần thiết cho quá trình

xây dựng NTM cũng như phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững nói chung của địa phương. Trong bối cảnh toàn cầu hoá mà trước hết là toàn cầu hoá về kinh tế đang tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội, đến mọi quốc gia, dân tộc, thì không một quốc gia, dân tộc nào có thể phát triển được mà lại tách biệt, cô lập với thế giới. Mở cửa, hội nhập, chủ động gia nhập vào quá trình toàn cầu hoá là đòi hỏi tất yếu, cũng chính là điều kiện thuận lợi để kết hợp và phát huy sức mạnh bên trong với sức mạnh bên ngoài trong quá trình phát triển. Như vậy, vừa ra sức phát huy, sử dụng có hiệu quả các yếu tố nội lực, đồng thời chủ động và tích cực tiếp thu, vận dụng sáng tạo các yếu tố ngoại lực đang là kinh nghiệm quý báu để tỉnh Bình Phước đạt được những kết quả tích cực trong thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

Nhờ cách tiếp cận toàn diện, kết hợp hài hòa giữa phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực, Bình Phước đã đạt được những kết quả nổi bật trong xây dựng NTM. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 60/90 xã đạt NTM, 2 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Cơ sở hạ tầng nông thôn được cải thiện rõ rệt; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên; bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc; an ninh chính trị, trật tự xã hội được giữ vững; niềm tin của Nhân dân vào Đảng và chính quyền ngày càng được củng cố.

Kinh nghiệm phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng NTM, chú trọng xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc mang lại nhiều ý nghĩa sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn đối với tỉnh Bình Phước:

Thứ nhất, phát huy sức mạnh tổng hợp là nhân tố đảm bảo cho việc khai thác hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy quá trình phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

Trong điều kiện nguồn lực của Bình Phước còn hạn chế, việc phát huy sức mạnh tổng hợp giúp tỉnh chủ động huy động và sử dụng hiệu quả cả nội lực và ngoại lực. Sức mạnh nội lực - được khơi dậy từ tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết và khát vọng vươn lên của Nhân dân - là yếu tố quyết định,

còn sức mạnh ngoại lực - đến từ vốn đầu tư, khoa học - công nghệ, hợp tác phát triển và kinh nghiệm quản lý tiên tiến - là nhân tố hỗ trợ quan trọng. Sự kết hợp hài hòa, linh hoạt hai yếu tố này giúp Bình Phước tận dụng tốt các cơ hội, biến tiềm năng thành động lực phát triển, nâng cao hiệu quả thực hiện các mục tiêu xây dựng NTM trong từng giai đoạn.

Thứ hai, kinh nghiệm này khẳng định tầm quan trọng của việc lấy Nhân dân làm trung tâm, phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng NTM.

Bài học kinh nghiệm từ thực tiễn Bình Phước cho thấy, khi người dân được thụ hưởng trực tiếp thành quả của Chương trình xây dựng NTM, đồng thời được tham gia bàn bạc, quyết định và giám sát các hoạt động của Chương trình, họ sẽ hình thành ý thức làm chủ, chủ động đóng góp công sức, trí tuệ và nguồn lực cho sự phát triển của quê hương. Đây chính là nhân tố bảo đảm cho Chương trình xây dựng NTM thực sự “của dân, do dân, vì dân”. Từ chỗ thụ động trông chờ vào Nhà nước, người dân đã chuyển sang thế chủ động, sáng tạo, tự nguyện đóng góp công sức, tiền của, đất đai và trí tuệ để cùng chính quyền thực hiện các tiêu chí NTM. Nhờ đó, Chương trình xây dựng NTM ở Bình Phước không chỉ đạt kết quả về kinh tế - hạ tầng mà còn lan tỏa mạnh mẽ về mặt xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Thứ ba, kinh nghiệm này góp phần củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - yếu tố then chốt quyết định thành công của mọi phong trào cách mạng.

Thực tiễn cho thấy, việc phát huy tinh thần đoàn kết trong toàn xã hội, huy động sự tham gia của mọi tầng lớp Nhân dân - từ cán bộ, công chức, viên chức đến đồng bào các dân tộc thiểu số, người có đạo - đã tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn, lan tỏa khắp các địa phương trong tỉnh. Những đóng góp về vật chất, ngày công, đất đai của người dân, sự chung tay của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang, các hội, đoàn thể... không chỉ tạo

ra những công trình, con đường, trường học,..., mà còn xây dựng được “công trình lòng dân” - nền tảng bền vững nhất của mọi thắng lợi.

Từ thực tiễn Bình Phước, có thể khẳng định rằng: phát huy sức mạnh tổng hợp, trong đó chú trọng xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là bài học xuyên suốt, mang giá trị lâu dài. Đây không chỉ là nhân tố đảm bảo cho sự thành công của Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 mà còn là nền tảng để tỉnh tiếp tục thực hiện trong giai đoạn phát triển mới - giai đoạn xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững toàn diện.

4.2.4. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới

Xây dựng NTM là chương trình mang tính tổng hợp, tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, năng lực lãnh đạo của cấp ủy, hiệu lực quản lý của chính quyền và chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ có ý nghĩa rất quan trọng. Thực tiễn cho thấy, ở đâu tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ có tâm, có tầm, gần dân và vì dân, ở đó Chương trình xây dựng NTM phát triển mạnh mẽ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [93, tr.309], “Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”, “Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy toàn bộ máy cũng tê liệt” [93, tr.68]. Đảng ta kế thừa và phát triển quan điểm này, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, công tác cán bộ là “khâu then chốt của then chốt”. Trong lĩnh vực xây dựng NTM, điều đó càng được thể hiện rõ nét, bởi đây là chương trình cần sự lãnh đạo tập thể nhưng lại đòi hỏi tính chủ động, sáng tạo của từng cán bộ trực tiếp ở cơ sở.

Đối với tỉnh Bình Phước, nơi có đặc điểm dân cư phân tán, trình độ dân trí không đồng đều, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, thì công tác

xây dựng Đảng, bồi dưỡng và phát huy vai trò đội ngũ cán bộ càng có ý nghĩa đặc biệt. Đội ngũ cán bộ chính là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân, là người tổ chức, hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện các tiêu chí NTM. Do đó, việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đồng thời nâng cao năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là nhân tố quyết định bảo đảm tính bền vững của Chương trình.

Đảng bộ tỉnh Bình Phước tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, nhất là chi bộ nông thôn - nơi trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các tiêu chí NTM. Các chi bộ được củng cố về tổ chức, đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt, tăng cường tính chiến đấu, đồng thời quan tâm phát triển đảng viên mới để bảo đảm sức sống và tính kế thừa trong tổ chức đảng.

Công tác xây dựng hệ thống chính trị được gắn liền với chủ trương cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW của Trung ương (khóa XII), ngày 10/4/2018, Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Nghị quyết số 999-QĐ/TU “*về việc ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”. Trên cơ sở đó, tỉnh lựa chọn 6 đơn vị thực hiện thí điểm gồm: huyện Lộc Ninh, huyện Phú Riềng, thị xã Phước Long, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn phòng Tỉnh ủy. Kết quả thí điểm đạt hiệu quả rõ rệt: bộ máy được tinh gọn, số lượng đơn vị hành chính, biên chế giảm đáng kể, ngân sách được tiết kiệm, đồng thời nguồn lực được tái cấu trúc hợp lý phục vụ trực tiếp cho xây dựng NTM [141]. Đây là bước đi cụ thể thể hiện quyết tâm đổi mới toàn diện hệ thống chính trị, đưa chủ trương của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

Cùng với đó, Đảng bộ Tỉnh đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng và thực hiện nghiêm Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 “*về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương*” của Ban Chấp hành Trung ương. Việc đề cao vai trò nêu gương, nhất là người đứng đầu, đã góp phần tạo chuyển biến tích cực về kỷ luật, đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, nâng cao uy tín của tổ chức đảng trong lòng Nhân dân. Trong bối cảnh xây dựng NTM liên quan đến nhiều nguồn vốn và sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, thì việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phòng chống tham nhũng, tiêu cực được xem là điều kiện tiên quyết bảo vệ niềm tin của Nhân dân và bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong thực hiện Chương trình.

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM, Đảng bộ tỉnh Bình Phước xác định rõ: yếu tố con người và tổ chức là nhân tố then chốt quyết định sự thành công của Chương trình. Nhận thức rõ vai trò quyết định của đội ngũ cán bộ đối với sự thành công của Chương trình xây dựng NTM, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ; đồng thời ban hành, thực hiện nhiều cơ chế, chính sách nhằm khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân, nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong giai đoạn 2010-2020, tỉnh đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tham gia Chương trình xây dựng NTM. Trong 10 năm này, hơn 538 lớp tập huấn, đào tạo cho khoảng 20.896 lượt cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp được tổ chức [213, tr.3-4]; [211, tr.5]. Toàn tỉnh đã cấp 2.300 cuốn sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn phòng điều phối biên soạn cho Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã; phát hành 10.800 tờ rơi tuyên truyền về xây dựng NTM; 3.410 cuốn tài liệu cho cán bộ làm công tác NTM thông qua các lớp tập huấn [213, tr.3]; [211, tr.4]. Nhờ đó, năng lực của cán bộ thực hiện Chương

trình không ngừng được hoàn thiện và nâng cao, góp phần thực hiện Chương trình một cách hiệu quả.

Ngày 15/10/2011, Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Quyết định số 360-QĐ/TU “*về phân cấp quản lý cán bộ*”, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhấn mạnh đổi mới cơ chế tuyển dụng, đánh giá, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ [133]. Quyết định này không chỉ tạo cơ sở chính trị vững chắc cho công tác cán bộ, mà còn góp phần phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp ủy trong việc phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ phù hợp với năng lực và yêu cầu thực tiễn. Cùng với đó, Đảng bộ Tỉnh đặc biệt quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyên truyền, như nâng cấp Trường Chính trị tỉnh, các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, Báo Bình Phước, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Phước, hệ thống thông tin và mạng nội bộ, bảo đảm thông tin thông suốt, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ được gắn với việc thực hiện chính sách cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, cán bộ tăng cường, luân chuyển về vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có đông đồng bào theo đạo. Đảng bộ Tỉnh quan tâm đến công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ nữ, cán bộ trẻ và cán bộ là người dân tộc thiểu số, coi đây là yếu tố bảo đảm tính kế thừa, phát triển bền vững của đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời, tỉnh chú trọng thực hiện các chính sách đủ mạnh và phù hợp để thu hút, trọng dụng người tài, thay thế dần những cán bộ yếu kém, thiếu năng lực, tạo chuyển biến rõ nét trong bộ máy công quyền các cấp.

Kinh nghiệm “Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ trong tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng NTM” ở tỉnh Bình Phước có nhiều ý nghĩa:

Trước hết, kinh nghiệm này khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện và trực tiếp của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng NTM - một chương trình mang

tính tổng hợp, lâu dài, liên quan đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong quá trình triển khai, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã chứng minh rằng mọi chủ trương, chính sách, dù đúng đắn đến đâu, cũng không thể đi vào cuộc sống nếu thiếu một hệ thống chính trị vững mạnh và một đội ngũ cán bộ tận tụy, có năng lực, có uy tín với Nhân dân. Sự lãnh đạo đúng đắn, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở đã tạo nên “trục xương sống” bảo đảm cho Chương trình MTQG xây dựng NTM của tỉnh được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Thứ hai, việc xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đã giúp củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền. Đội ngũ cán bộ cơ sở - những người trực tiếp “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, vận động Nhân dân hiến đất, góp công, đóng góp nguồn lực - thực sự trở thành cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Chính họ là lực lượng quyết định sự thành công trong việc chuyển tải các chủ trương, nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Điều này càng có ý nghĩa lớn trong bối cảnh Bình Phước là tỉnh biên giới, có địa bàn rộng, dân cư phân tán, trình độ dân trí không đồng đều, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào có đạo sinh sống.

Thứ ba, kinh nghiệm này có giá trị tham khảo đối với các địa phương khác trong cả nước, nhất là những tỉnh miền núi, biên giới có điều kiện tương đồng. Bình Phước đã chứng minh rằng, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, yếu tố quyết định mọi thắng lợi vẫn là con người - là hệ thống chính trị được tổ chức khoa học, hoạt động đồng bộ và đội ngũ cán bộ có tâm, có tầm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích của Nhân dân.

Tiểu kết chương 4

Trong 10 năm xây dựng NTM (2010-2020), vận dụng đường lối, quan điểm của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM, đồng thời, dựa trên điều kiện, thế mạnh của địa phương, căn cứ vào yêu cầu của thực tiễn, Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo xây dựng NTM đạt được nhiều kết quả đáng kể. Từ nhận thức đúng về ý nghĩa, mục tiêu của xây dựng NTM, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã từng bước hình thành hệ thống quan điểm, chủ trương về xây dựng NTM, từ đó, có những chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh. Quá trình lãnh đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2010-2020 có nhiều ưu điểm, đồng thời cũng còn một số hạn chế, yếu kém. Từ những ưu điểm, hạn chế trong quá trình lãnh đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2010-2020, nghiên cứu sinh đúc rút một số kinh nghiệm chủ yếu, góp phần tổng hợp, khái quát những kết quả, kinh nghiệm mà Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và Nhân dân tỉnh Bình Phước đạt được trong vòng 10 năm xây dựng NTM. Trong bối cảnh thực hiện sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai thành tỉnh Đồng Nai mới (từ ngày 01/7/2025), những kinh nghiệm này góp phần tạo cơ sở để Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tham khảo, kế thừa nhằm tiếp tục đề ra các chủ trương và biện pháp phù hợp để đẩy mạnh công cuộc xây dựng NTM trên địa bàn, hướng tới mục tiêu xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

KẾT LUẬN

1. Xây dựng NTM là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với chiến lược phát triển quốc gia, đảm bảo cho đất nước phát triển nhanh và bền vững. Nông thôn, với vai trò là nơi cư trú của phần lớn dân số và là nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, đóng vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và cân bằng phát triển kinh tế - xã hội, do đó, xây dựng NTM luôn được đặt trong tổng thể sự phát triển chung của đất nước và đây được coi là biện pháp hữu hiệu nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26/NQ-TW (2008) “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”. Thực hiện Chương trình xây dựng NTM trên cả nước, trong 10 năm (2010-2020), diện mạo nông thôn đã thay đổi tích cực. Hệ thống hạ tầng như đường giao thông, thủy lợi, điện, trường học và trạm y tế được cải thiện, nâng cao chất lượng sống cho người dân.

2. Nhận thức rõ tầm quan trọng việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TW cũng như Chương trình xây dựng NTM, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã chủ động, sáng tạo trong việc quán triệt và triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng NTM. Với những lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, tỉnh đã tập trung đầu tư vào phát triển hạ tầng nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, đổi mới mô hình sản xuất nông nghiệp nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

Quá trình lãnh đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2010-2020 có nhiều kết quả đáng ghi nhận. Đặc biệt, trong giai đoạn 2015-2020, tỉnh có bước phá vỡ ấn tượng trong xây dựng NTM. Từ 3 xã đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2010-2015, sang giai đoạn 2015-2020, toàn tỉnh đã có 60 xã đạt chuẩn, với tỉ lệ 66,67%, vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020) đề ra (50%) và cao hơn so với mức trung

binh của cả nước. Hạ tầng nông thôn được cải thiện rõ rệt và ngày càng đồng bộ, đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao với thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 69,28 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, chỉ còn 1,34% (theo chuẩn tiếp cận đa chiều); sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng bền vững; an ninh trật tự xã hội ở nông thôn được đảm bảo và giữ vững. Những thành tựu này đã tạo nên một nền tảng vững chắc và diện mạo mới cho khu vực Bình Phước, đóng góp quan trọng vào tiềm lực tổng thể của tỉnh Đồng Nai sau khi thực hiện sáp nhập từ ngày 01/7/2025.

Một trong những yếu tố then chốt cho sự thành công của Chương trình là sự tham gia tích cực của người dân. Bằng việc đóng góp ngày công, vật chất, đất đai,... người dân đã trực tiếp tham gia vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo nên những thôn xóm, làng xã khang trang, sạch đẹp. Bên cạnh đó, sự đổi mới tư duy, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã giúp nông dân nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Sự hình thành và phát triển của các HTX, tổ hợp tác đã tạo điều kiện để nông dân liên kết sản xuất, tiêu thụ, góp phần nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống. Đồng thời, tinh thần đoàn kết, tương trợ của đông đảo quần chúng Nhân dân đã tạo nên sức mạnh, thúc đẩy quá trình xây dựng NTM ngày càng hiệu quả.

3. Bên cạnh những thành công, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước cũng còn tồn tại một số hạn chế. Nhất là trong giai đoạn đầu (2010-2015), đôi lúc còn chậm trễ trong việc ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai Chương trình nên hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo chưa cao. Nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng đầy đủ, công tác tuyên truyền còn hạn chế, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa chặt chẽ. Chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp còn thấp, năng suất lao động thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất. Chất lượng các tiêu chí đạt được ở một số xã còn chưa cao, thiếu tính bền vững. Để nâng cao hiệu quả và tính bền vững của Chương

trình xây dựng NTM, đòi hỏi cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp của tỉnh cần không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành, tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, sáng tạo trong việc vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn địa phương. Bên cạnh đó, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM ở tỉnh Bình Phước, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của cả nước.

4. Từ những ưu điểm, hạn chế trong quá trình lãnh đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2010-2020, luận án đúc rút một số kinh nghiệm chủ yếu, đó là: *Thứ nhất*, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý của chính quyền và sự phối hợp của các đoàn thể trong triển khai xây dựng NTM; *Thứ hai*, làm tốt công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng bộ và đồng thuận xã hội về xây dựng NTM; *Thứ ba*, phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng NTM, chú trọng xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; *Thứ tư*, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ trong tổ chức thực hiện xây dựng NTM. Đặc biệt đối với các xã vùng biên giới, với mục tiêu xây dựng khu vực biên giới vững mạnh, Đảng bộ Tỉnh chú trọng tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của lực lượng vũ trang; phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo nghề; đảm bảo an ninh trật tự và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân...

Các kinh nghiệm trên được đúc rút từ thực tiễn quá trình xây dựng NTM qua 10 năm triển khai thực hiện Chương trình (2010-2020), không chỉ có giá trị đúc kết một giai đoạn lịch sử mà còn có giá trị tham khảo đối với Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (mới) trong việc lãnh đạo, chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM những năm tiếp theo. Việc thấu hiểu và vận dụng các kinh nghiệm này sẽ đảm bảo tính liên tục, kế thừa trong dòng chảy lịch sử của địa phương, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai (mới) phát triển giàu mạnh, văn minh và bền vững.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trần Thị Thanh (2023), “Một số kết quả nổi bật của thanh niên tỉnh Bình Phước tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học*, số 42, tr.27-29.
2. Trần Thị Thanh (2024), “Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bình Phước (2010-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 403 (6-2024), tr.102-106
3. Trần Thị Thanh (2024), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nông thôn mới và chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng nông thôn mới từ năm 1986 đến nay”, *Hội thảo khoa học: Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay)*, tr.138-151.
4. Trần Thị Thanh (2024), “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ở tỉnh Bình Phước - Từ thực tiễn 10 năm xây dựng nông thôn mới (2010-2020)”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học*, số 61, tr.52-54.
5. Trần Thị Thanh (2025), “Một số kinh nghiệm từ quá trình lãnh đạo xây dựng nông thôn mới của Đảng bộ tỉnh Bình Phước (2010-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, ngày 31/3, tại trang <https://tapchilichsudang.vn/mot-so-kinh-nghiem-tu-qua-trinh-lanh-dao-xay-dung-nong-thon-moi-cua-dang-bo-tinh-binh-phuoc-2010-2020.html>.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hoài Bắc (2015), “Hoạt động tín dụng ngân hàng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Ngân hàng*, (2) tr.40-45.
2. Ban Bí thư (2009), *Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 “về đề án Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020”*.
3. Ban Bí thư (2016), *Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 15/12/2016 “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010-2015*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X nhiệm kỳ 2015-2020*.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước (2020), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-2020)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, tr.90
8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”*.
9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2009), *Thông báo số 238-TB/TW ngày 07/4/2009 “về Kết luận của Ban Bí thư về Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”*.

10. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017), *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 “về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*.
11. Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Bình Phước (2011), *Kế hoạch số 99/KH-BCĐXDNTM ngày 03/8/2011 “về triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”*.
12. Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Bình Phước, Văn phòng điều phối xây dựng NTM (2017), *Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020*, Bình Phước.
13. Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2020), *Công tác tuyên giáo với xây dựng nông thôn mới*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
14. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Bình Phước đa dạng các nguồn vốn huy động xây dựng nông thôn mới*, đường link: <https://dangcongsan.vn/chung-suc-xay-dung-nong-thon-moi/tin-tuc-su-kien/binh-phuoc-da-dang-cac-nguon-von-huy-dong-xay-dung-nong-thon-moi-285821.html>, truy cập ngày 21/12/2023.
15. Báo điện tử Thông tấn xã Việt Nam, *GRDP bình quân đầu người của các tỉnh đứng đầu 6 vùng trên cả nước*, đường link: <https://www.vietnamplus.vn/grdp-binh-quan-dau-nguoi-cua-cac-tinh-dung-dau-6-vung-tren-ca-nuoc-post783594.vnp>, truy cập ngày 17/12/2023.
16. Trương Hòa Bình (2016), “Phát huy vai trò của giai cấp nông dân Việt Nam - Chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (890), tr.3-9.

17. Trịnh Bình (2020), “Nông thôn mới nâng cao ở Bình Dương bắt đầu trên nền tảng mới”, *Cổng Thông tin điện tử Bộ Nội vụ*, đường link: <https://moha.gov.vn/ky-niem-75-nam-thanh-lap-bo-noi-vu/nong-thon-moi-nang-cao-o-binh-duong-bat-dau-tren-n-d819-t45775.html>, truy cập ngày 06/6/2025.
18. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 “về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”*.
19. Bộ Chính trị (2019), *Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 “về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”*.
20. Bộ Công an, Công an tỉnh Bình Phước (2017), *Hướng dẫn số 11/HS-CAT-PV28 ngày 22/8/2017 “về xác định “Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên””*.
21. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2009), *Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 “về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới”*.
22. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2020), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tháng 11, 11 tháng và nhiệm vụ công tác tháng 12*, đường link: [https://www.mard.gov.vn/ThongKe/Lists/BaoCao ThongKe/Attachments/165/Baocao_T11_2020.pdf](https://www.mard.gov.vn/ThongKe/Lists/BaoCao%20ThongKe/Attachments/165/Baocao_T11_2020.pdf), truy cập ngày 29/3/2024.
23. Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước (2017), *Hướng dẫn số 651/HD-BCH ngày 25/5/2017 “về tiêu chí quốc phòng theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2016-2020”*.
24. Bộ Tư pháp (2017), *Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 “về Quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”*.

25. Bunthon Chid Mani (2011), *Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
26. Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước (2015), *Kỷ yếu Mô hình hay, điển hình tốt trong xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2011-2015*.
27. Nguyễn Thế Chinh (2020), Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với nước ta: Thực trạng, những vấn đề mới đặt ra và giải pháp, *Trang thông tin điện tử của Hội đồng Lý luận Trung ương*, đường link: <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/anh-huong-cua-bien-doi-khi-hau-doi-voi-nuoc-ta-thuc-trang-nhung-van-de-moi-dat-ra-va-giai-phap.html>, truy cập 27/3/2024.
28. Chính phủ (2008), *Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP “về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”*, Hà Nội.
29. Chính phủ (2010), *Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 “về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn”*, Hà Nội.
30. Chính phủ (2018), *Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 “về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn”*, Hà Nội.
31. Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Bình Phước (2020), *Kỷ yếu xây dựng nông thôn mới 2010-2020*, Bình Phước.
32. Nguyễn Sinh Cúc (2011), “Chương trình xây dựng nông thôn mới sau 2 năm thí điểm”, *Tạp chí Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam*, (4), tr.118-123.

33. Cục thống kê tỉnh Bình Phước (2020), *Báo cáo số 882/BC-CTK ngày 24/12/2020 “về tình hình kinh tế - xã hội năm 2020”*.
34. Cục thống kê tỉnh Bình Phước (2020), *Niên giám thống kê Bình Phước 2019*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.60
35. Cục Thống kê tỉnh Bình Phước (2021), *Niên giám thống kê năm 2020*, đường link: <https://binhphuoc.gov.vn/vi/ctk/an-pham-thong-ke/nien-giam-thong-ke-nam-2020-360.html>, truy cập ngày 22/3/2024.
36. Cục thống kê tỉnh Bình Phước (2022), *Niên giám thống kê Bình Phước 2021*, đường link: https://binhphuoc.gov.vn/uploads/binhphuoc/ctk/2022_09/niengiamthongke2021/dan-so-lao-dong.pdf, truy cập ngày 24/3/2024.
37. Đặng Văn Cường (2015), “Xây dựng nông thôn mới kinh nghiệm từ quốc tế”, *Tạp chí Kiến thức*, (11), tr.65-67.
38. Nguyễn Xuân Cường (2016), “Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, và xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (890), tr.21-26.
39. Nguyễn Xuân Cường (2017), “Phát huy vai trò của nông dân trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (893), tr.9-16.
40. Tô Xuân Dân, Lê Văn Viện và Đỗ Trọng Hùng (đồng chủ biên) (2013), *Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam: Tầm nhìn mới, tổ chức quản lý mới, bước đi mới*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
41. Hồ Chí Diên (2020), *Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Nguyên*, Luận án Tiến sĩ Nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên.
42. Nguyễn Thị Bích Diệp (2016), “Nợ xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới và một số giải pháp tháo gỡ”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (10), tr.29-31.

43. Bùi Quang Dũng và các cộng sự (2015), “Chương trình xây dựng nông thôn mới: Một cái nhìn từ lịch sử chính sách”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 6 (91), tr.16-25.
44. Hà Thị Thùy Dương (2016), “Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, đường link: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/37485/phat-huy-vai-tro-chu-the-cua-nguoi-dan-trong-xay-dung-nong-thon-moi.aspx>, truy cập ngày 27/8/2023.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam, Tỉnh ủy Bình Phước (1997), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VI (1997-2000)*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Văn kiện Đảng toàn tập: Tập 65 (năm 2006)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
50. Phạm Đi (2016), *Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay (nghiên cứu vùng Duyên hải Nam Trung bộ)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
51. Nguyễn Văn Đồng (2016), “Hậu Giang dẫn đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long về xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (3), tr.7-8.
52. Nguyễn Thị Vân Giang (2016), “Vấn đề thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường thị trấn phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Giáo dục Lý Luận*, (239), tr.25-27.

53. Giang Hà (2020), “Năm 2020: Tây Ninh có thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới”, *Báo Tây Ninh (điện tử)*, đường link: <https://baotayninh.vn/nam-2020-tay-ninh-co-them-10-xa-dat-chuan-nong-thon-moi-a128664.html>, truy cập ngày 06/6/2025.
54. Đào Sơn Hải (2022), “Xây dựng nông thôn mới (2008-2021), Chủ trương, sự chỉ đạo và một số kết quả”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (379), tr.29-36.
55. Đào Sơn Hải (2023), *Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2020*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.
56. Đoàn Thanh Hải (2019), “Chiến lược phát triển kinh tế trang trại chăn nuôi gà trên địa bàn tỉnh Bình Phước”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 24 (706), tr.54-57.
57. Hoàng Văn Hải (2016), “Thúc đẩy tư duy doanh nghiệp cho nông dân: Giải pháp chiến lược để xây dựng nông thôn mới bền vững ở Việt Nam”, *Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, 8 (244), tr.63-66.
58. Dung Hạnh (2019), “Mười năm xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bình Phước: Thành tựu và bài học kinh nghiệm”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, link: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/815736/muoi-nam-xay-dung-nong-thon-moi-o-tinh-binh-phuoc--thanh-tuu-va-bai-hoc-kinh-nhiem.aspx>, truy cập ngày 27/8/2023.
59. Cát Chí Hoa (2009), *Từ nông thôn mới đến đất nước mới (From a rural area to a new country)*, (Nguyễn Thành Lợi, Đỗ Minh Châu dịch), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Lê Thị Cát Hoa (2017), “Công tác tuyên truyền - động lực thúc đẩy xây dựng nông thôn mới ở Đồng Nai”, *Tạp chí Tuyên giáo*, (1), tr.41-44.
61. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- (2017), *70 năm tác phẩm Đòi Sống Mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh - giá trị lý luận và thực tiễn trong phong trào xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
62. Hội đồng Chỉ đạo xuất bản sách xã, phường, thị trấn (2014), *Điểm sáng xây dựng nông thôn mới* (2 tập), Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
63. Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước (2012), *Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 24/12/2012 “về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2020”*.
64. Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước (2019), *Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 “về quy định mức chi hỗ trợ thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*.
65. Hồ Xuân Hùng (2011), “Xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và Nhân dân ta”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, đường link: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/589/xay-dung-nong-thon-moi-la-su-nghiep-cach-mang-lau-dai-cua-dang-va-nhan-dan-ta.aspx>, truy cập ngày 27/8/2023.
66. Vũ Trọng Hùng và Mạc Thúy Quỳnh (2015), “Quan điểm của Đảng về xây dựng nông thôn mới qua các kỳ đại hội (1986 - 2011)”, *Tạp chí Giáo dục Lý luận*, (229), tr.63-65.
67. Nguyễn Tấn Hưng (2009), “Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Bình Phước”, *Tạp chí Cộng sản*, 1 (795), tr.77-80.
68. Cù Ngọc Hương (2006) (dịch), *Lý luận, thực tiễn và các chính sách xây dựng nông thôn mới Trung Quốc*, Trung tâm Phát triển nông thôn - Dự án MISPA, Hà Nội.

69. Hoàng Thị Hương (2021), *Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng nông thôn mới (2008 - 2016)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
70. Lê Thị Mỹ Huyền và Nguyễn Thị Hưng (2014), “Đồng bằng sông Cửu Long chung sức xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (11), tr.86-88.
71. Hồ Ngọc Hy (2020), “Đề nông dân thực sự là chủ thể trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (937), tr.85-89.
72. Nguyễn Linh Khiếu (2017), “Vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, đường link: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/45045/vai-tro-chu-the-cua-nong-dan-trong-xay-dung-nong-thon-moi.aspx>, truy cập ngày 27/8/2023.
73. Lê Quốc Khởi (2017), *Các tỉnh uỷ ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
74. Phạm Đức Kiên và Nguyễn Thị Nguyệt Ánh (2015), *Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hưng Yên - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
75. Trần Nhật Lam (2016), *Một số mô hình, cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
76. Phạm Thị Lan (2016), “Cơ chế tài chính đối với chương trình xây dựng nông thôn mới và những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Tài chính*, (2), tr.83-85.
77. Bảo Lâm (2024), “Đắk Nông xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh”, *Báo Lao động (điện tử)*, đường link: <https://laodong.vn/xahoi/dak-nong-xay-dung-que-huong-ngay-cang-giau-dep-van-minh-1435868.ldo>, truy cập ngày 06/6/2025.

78. Ngô Thị Phương Liên (2016), “Giải quyết những tồn tại và hạn chế trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Tài chính*, (1) tr.86 -87.
79. Ngô Thị Phương Liên (2016), “Xây dựng nông thôn mới kinh nghiệm từ phong trào Saemaul Undong của Hàn Quốc”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (10), tr.47-49.
80. Hải Linh (2019), “Bình Phước trợ sức cho ngành điều”, *Tạp chí Kinh tế Việt Nam - Chuyên đề của Báo Công thương*, (7), tr.16-17.
81. Trần Văn Lộc (2016), “Những kết quả khả quan trong phong trào xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (25), tr.9-10.
82. Nguyễn Danh Lợi (2015), “Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 12 (301), tr.33-37.
83. Nguyễn Thành Lợi (2013), “Xây dựng nông thôn mới của Nhật Bản và một số gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, đường link: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/284-xay-dung-nong-thon-moi-cua-nhat-ban-va-mot-so-goi-y-cho-viet-nam.html>, truy cập ngày 27/8/2023.
84. Hạ Long (2016), “Năm cách làm mới, hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới thực chất, vững chắc ở tỉnh Lâm Đồng”, *Tạp chí Cộng sản*, (119), tr.70-74, 84.
85. Nguyễn Đình Long (2011), “Đánh giá các chính sách hiện hành có liên quan đến chương trình xây dựng nông thôn mới và hướng hoàn thiện”, *Chuyên san Nông thôn mới* (12), tr.7-11.
86. Trương Giang Long và Nguyễn Thành Phong (đồng chủ biên) (2011), *Liên kết “4 nhà” - Giải pháp cơ bản góp phần xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
87. Đào Thanh Lương (2017), *Các tỉnh uỷ ở vùng Đồng bằng sông Hồng lãnh đạo xây dựng nông thôn mới giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ

- chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
88. Dương Văn Lượng (2016), “Chương trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam - kết quả đạt được và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Giáo dục Lý luận*, (240), tr.50-51.
 89. Nguyễn Thị Hồng Mai (2015), “Công tác dân vận trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 11 (300), tr.47-52
 90. Võ Thị Mai và Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2016), “Phát huy vai trò của tổ chức Hội Phụ nữ trong tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Dân vận*, 4 (250), tr.26-28.
 91. Tô Trọng Mạnh (2020), *Thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Chính sách công, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
 92. Đức Minh (2018), “Bình Phước: Xây dựng nền nông nghiệp hiện đại”, *Tạp chí Kinh tế Việt Nam - Chuyên đề của Báo Công thương*, (11), tr.44 - 45.
 93. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 94. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 95. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 96. Lê Phương Minh (2014), “Chính sách huy động nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới của một số nước trên thế giới”, *Tạp chí Quản lý ngân quỹ Quốc gia*, (144), tr.52-54.
 97. Minzi Su (2009), *China's Rural Development Policy: Exploring the "New Socialist Countryside"*, Lynne Rienner Publishers, London.
 98. Lại Xuân Môn (2016), “Phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới thời kỳ hội nhập”, *Tạp chí Cộng sản*, (890), tr.27-32.

99. Nguyễn Quốc Ngữ và Vũ Mạnh Hùng (2016), “Xây dựng nông thôn mới - Năm năm nhìn lại”, *Tạp chí Cộng sản chuyên đề cơ sở*, (112), tr.8-12.
100. Nguyễn Thiện Nhân (2017), “Đảm bảo vai trò chủ thể của giai cấp nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (892), tr.3-13.
101. Nguyễn Thị Nhung (2016), “Đề phát huy tối đa hiệu quả phong trào xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn tiếp theo”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (21), tr.52-54.
102. Vũ Thị Nhung (2015), “Xây dựng nông thôn mới trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay”, *Tạp chí Mặt Trận*, (145), tr.75-78.
103. Đặng Kim Oanh (2022), “Quá trình phát triển tư duy của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn qua 35 năm thực hiện đổi mới (1986 - 2021)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (379), tr.20-28.
104. Lê Văn Phục (2016), “Xây dựng nông thôn mới - kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Giáo dục Lý luận*, (253), tr.88-91.
105. Vũ Văn Phúc (chủ biên) (2012), *Xây dựng nông thôn mới - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
106. Đỗ Thanh Phương (2015), “Vận dụng tư tưởng của V.I.Lênin và Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (3), tr.7-10.
107. Thanh Phương (2023), “*Bình Phước có 41 dân tộc thiểu số sinh sống*”, Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Phước, đường link: <https://binhphuoc.gov.vn/vi/news/thong-tin-bao-cao-thong-ke/binhphuoc-co-41-dan-toc-thieu-so-sinh-song-31904.html>, truy cập ngày 17/12/2023.
108. Mạnh Quân (2020), “*Bà Rịa - Vũng Tàu sau 10 năm xây dựng nông thôn mới*”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động (điện tử)*, đường link: <https://tcnn.vn/news/detail/48731/Ba-Ria---Vung-Tau-sau-10-nam-xay-dung-nong-thon-moi.html>, truy cập ngày 06/6/2025.

109. Lê Đình Sơn (2010), “Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới tại Trung Quốc”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, (3), tr.18-20.
110. Nguyễn Hoài Sơn (2013), “Nông dân trong phát triển nông thôn: Từ phong trào Seamaul Hàn quốc đến chương trình nông thôn mới của Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, 12 (154), tr.36-44.
111. Phan Xuân Sơn và Nguyễn Cảnh (2009), *Xây dựng mô hình nông thôn mới ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
112. Tạp chí Cộng sản (2022), *Chuyên đề Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*, (4).
113. Nguyễn Trọng Thân (2012), “Kinh nghiệm về đầu tư xây dựng nông thôn mới ở một số nước trên thế giới”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán*, 6 (107), tr.61- 64.
114. Lương Trọng Thành, Lê Văn Phong, Bùi Văn Dũng (đồng chủ biên) (2020) *Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền cấp xã trong xây dựng nông thôn mới hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
115. Hoàng Bá Thịnh (2016), “Xây dựng nông thôn mới ở Hàn Quốc và Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 7 (104), tr.3-11.
116. Thủ tướng Chính phủ (1998), Chương trình 135 được thực hiện theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ “*về phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa*”, Hà Nội.
117. Thủ tướng Chính phủ (2004), Chương trình 134 được thực hiện theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ “*về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn*”, Hà Nội.
118. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 “về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới”*.

119. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 “về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”*, Hà Nội.
120. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 “về Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020”*, Hà Nội.
121. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 “về việc sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới”*, Hà Nội.
122. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 “về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”*, Hà Nội.
123. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 “về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020”*, Hà Nội.
124. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 “về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng điều phối nông thôn mới các cấp”*, Hà Nội.
125. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 “về Ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia”*, Hà Nội.
126. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1980-TTg ngày 17/10/2016 “về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”*, Hà Nội.
127. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 8/5/2017 “về ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”*, Hà Nội.

128. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 “về việc phê duyệt Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018-2020”*, Hà Nội.
129. Hà Lương Thuận (2012), “Khoa học công nghệ với xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam và kinh nghiệm một số nước”, *Tạp chí Tuyên Giáo*, (12), tr.74-83.
130. Lê Thủy (2021), “Thành tựu xây dựng nông thôn mới Đồng Nai”, *Trang Thông tin Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai*, đường link: <http://dnrtv.org.vn/tin-tuc-n80587/thanh-tuu-xay-dung-nong-thon-moi-dong-nai.html>, truy cập ngày 06/6/2025.
131. Đào Văn Tiến (2016), “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn - nguồn lực quan trọng tiếp sức xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, 4 (112), tr.13-18.
132. Tỉnh ủy Bình Phước (2008), *Kế hoạch số 53-KH/TU ngày 20/10/2008 “về thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn”*.
133. Tỉnh ủy Bình Phước (2011), *Quyết định số 360-QĐ/TU ngày 15/10/2011 “về phân cấp quản lý cán bộ”*.
134. Tỉnh ủy Bình Phước (2013), *Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 03/7/2013 “về việc tăng cường thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững”*.
135. Tỉnh ủy Bình Phước (2013), *Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 06/12/2013 “về Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020”*.
136. Tỉnh ủy Bình Phước (2014), *Kế hoạch số 188-KH/TU ngày 26/9/2014 “về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X”*.
137. Tỉnh ủy Bình Phước (2015), *Báo cáo số 503-BC/TU ngày 24/8/2015 “về tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”*”.

138. Tỉnh ủy Bình Phước (2017), *Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 17/4/2017 “về việc định hướng tiếp cận, xử lý và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh”*.
139. Tỉnh ủy Bình Phước (2017), *Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/4/2017 “về chuyển đổi, phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017-2020”*.
140. Tỉnh ủy Bình Phước (2018), *Nghị quyết số 999-QĐ/TU ngày 10/4/2018 “về việc ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”*.
141. Tỉnh ủy Bình Phước (2019), *Báo cáo số 380-BC/TU ngày 30/1/2019 “về kết quả thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ năm 2019”*.
142. Tỉnh ủy Bình Phước (2021), *Báo cáo số 114-BC/TU ngày 09/10/2021 “về tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”*.
143. Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Phước (2015), *Địa chí Bình Phước, tập 1*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
144. Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Phước (2015), *Địa chí Bình Phước, tập 2*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
145. Tổng cục thống kê (1998), *Niên giám thống kê 1997*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
146. Tổng Cục Thống kê (2011), *Niên giám thống kê 2010*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

147. Tổng Cục Thống kê (2016), *Niên giám thống kê 2015*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
148. Tổng Cục Thống kê (2021), *Niên giám thống kê 2020*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
149. Tổng Cục Thống kê (2021), *Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2016-2020*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
150. Tổng Cục Thống kê (2022), *Niên giám thống kê 2021*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
151. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám thống kê năm 2022*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
152. Tổng cục Thống kê (2024), *Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người phân theo địa phương*, đường link: <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0312&theme=T%C3%A0i%20kho%E1%BA%A3n%20qu%E1%BB%91c%20gia>, truy cập ngày 03/12/2024.
153. Quốc Trị (2013), “*Những bất cập trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới*”, đường link: <https://nhandan.vn/nhung-bat-cap-trong-quy-hoach-xay-dung-nong-thon-moi-post574299.html>, truy cập ngày 21/12/2023.
154. Lê Thanh Tùng (2016), “*Vốn xã hội trong sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới*”, *Tạp chí Xã hội học*, 2 (134), tr.47-55.
155. UBND tỉnh Bình Phước (2008), *Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 11/8/2008 “về hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007-2010 trên địa bàn tỉnh”*.
156. UBND tỉnh Bình Phước (2009), *Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 23/4/2009 “về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 53-KH/TU ngày 20/10/2008 của Tỉnh ủy đề nghị thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”*.

157. UBND tỉnh Bình Phước (2009), *Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 “về ban hành quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*.
158. UBND tỉnh Bình Phước (2009), *Quyết định số 38/2009/QĐ-UBND ngày 13/9/2009 “về phê duyệt đề án quy hoạch phát triển xã hội hóa trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020”*.
159. UBND tỉnh Bình Phước (2009), *Quyết định số 46/2009/QĐ-UBND ngày 22/10/2009 “về ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích phát triển ngành điều trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*.
160. UBND tỉnh Bình Phước (2009), *Quyết định số 57/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 “về ban hành Quy định khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*.
161. UBND tỉnh Bình Phước (2010), *Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 15/01/2010 “về phê duyệt quy hoạch phát triển ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Phước đến năm 2020”*.
162. UBND tỉnh Bình Phước (2010), *Đề án “Phát triển văn hóa nông thôn tỉnh Bình Phước đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”*, ngày 28/01/2010.
163. UBND tỉnh Bình Phước (2010), *Quyết định 1452/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 “về phê duyệt Đề án quy hoạch cấp điện cho các khu vực dân cư thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Bù Đăng, thị xã Phước Long theo cơ chế Tây Nguyên”*.
164. UBND tỉnh Bình Phước (2010), *Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 09/7/2010 “về phê duyệt tổng thể phát triển sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020”*.

165. UBND tỉnh Bình Phước (2010), *Chỉ thị số 14/2010/CT-UBND ngày 15/9/2010 “về việc tăng cường biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng bán điều non, cầm cố đất, bán đất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*.
166. UBND tỉnh Bình Phước (2010), *Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 28/10/2010 “về thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010-2020”*.
167. UBND tỉnh Bình Phước (2010), *Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 01/11/2010 “về ban hành bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2020”*.
168. UBND tỉnh Bình Phước (2010), *Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 08/11/2010 về “Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015”*.
169. UBND tỉnh Bình Phước (2011), *Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 04/01/2011 “về phê duyệt quy hoạch hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn đến năm 2020”*.
170. UBND tỉnh Bình Phước (2011), *Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 23/5/2011 “về phê duyệt đề cương và dự toán lập quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Phước”*.
171. UBND tỉnh Bình Phước (2011), *Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 về “Chương trình bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015”*.
172. UBND tỉnh Bình Phước (2011), *Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 30/6/2011 “về chính sách miễn tiền sử dụng đất, thuế trước bạ và lệ phí đối với đất xây dựng nhà ở của đồng bào dân tộc thiểu số thuộc Chương trình 134 trên địa bàn tỉnh”*.
173. UBND tỉnh Bình Phước (2011), *Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 07/7/2011 “về thành lập Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước”*.

174. UBND tỉnh Bình Phước (2011), *Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 26/7/2011 “về thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 tỉnh Bình Phước”*.
175. UBND tỉnh Bình Phước (2011), *Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 “về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 tỉnh Bình Phước”*.
176. UBND tỉnh Bình Phước (2012), *Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 04/4/2012 về “Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2015”*.
177. UBND tỉnh Bình Phước (2012), *Chỉ thị số 06/2012/CT-UBND ngày 18/4/2012 “về việc tổ chức phát động phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2020”*.
178. UBND tỉnh Bình Phước (2012), *Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/5/2012 “về ban hành Quy định về tiêu chuẩn và hình thức khen thưởng phong trào thi đua Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015”*.
179. UBND tỉnh Bình Phước (2012), *Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 “về ban hành Quy định chi tiết thực hiện bộ tiêu chí quốc gia “về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước””*.
180. UBND tỉnh Bình Phước (2012), *Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 “về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Phước đến năm 2015 và tầm nhìn đến 2020*.
181. UBND tỉnh Bình Phước (2013), *Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 “về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*.
182. UBND tỉnh Bình Phước (2013), *Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 “về việc ban hành quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách*

nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020”.

183. UBND tỉnh Bình Phước (2013), *Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 “về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn”.*
184. UBND tỉnh Bình Phước (2013), *Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 “về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 tỉnh Bình Phước”.*
185. UBND tỉnh Bình Phước (2013), *Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 08/10/2013 “về ban hành quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục xét và công nhận khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự” trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.*
186. UBND tỉnh Bình Phước (2013), *Quyết định Số 2178/QĐ-UBND ngày 19/11//2013 “về thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước”.*
187. UBND tỉnh Bình Phước (2014), *Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 “về ban hành quy định chi tiết thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.*
188. UBND tỉnh Bình Phước (2014), *Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 “về Quy định về cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020”.*
189. UBND tỉnh Bình Phước (2014), *Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 “về việc hướng dẫn thực hiện các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và hướng dẫn kỹ thuật thi công mặt đường bê tông xi măng theo cơ*

ché đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”.

190. UBND tỉnh Bình Phước (2014), *Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014 “về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020”.*
191. UBND tỉnh Bình Phước (2014), *Quyết định số 2313/QĐ-UBND, ngày 28/10/2014 “về phê duyệt Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh giai đoạn 2013-2020”.*
192. UBND tỉnh Bình Phước (2015), *Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 “về kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010-2020”.*
193. UBND tỉnh Bình Phước (2015), *Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 14/6/2015 “về phát triển kinh tế tập thể 5 năm giai đoạn 2016-2020”.*
194. UBND tỉnh Bình Phước (2015), *Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 11/8/2015 “về phê duyệt Đề án đổi mới, phát triển hình thức tổ chức kinh tế hợp tác, liên kết trong nông nghiệp giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh”.*
195. UBND tỉnh Bình Phước (2015), *Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 “về phê duyệt Chương trình Hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020”.*
196. UBND tỉnh Bình Phước (2015), *Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015, “về ban hành đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh trật tự của lực lượng công an xã giai đoạn 2015-2020”.*
197. UBND tỉnh Bình Phước (2015), *Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 “về ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020”.*

198. UBND tỉnh Bình Phước (2016), *Chương trình số 200/CTr-UBND ngày 11/8/2016 “về phát triển nông nghiệp - nông dân - nông thôn giai đoạn 2016-2020”*.
199. UBND tỉnh Bình Phước (2016), *Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 “về phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020”*.
200. UBND tỉnh Bình Phước (2016), *Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 “về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước”*.
201. UBND tỉnh Bình Phước (2016), *Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 “về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020”*.
202. UBND tỉnh Bình Phước (2017), *Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 21/02/2017 “về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020”*.
203. UBND tỉnh Bình Phước (2017), *Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 “về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020”*.
204. UBND tỉnh Bình Phước (2017), *Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 “về việc ban hành hướng dẫn thực hiện các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và hướng dẫn kỹ thuật thi công mặt đường bê tông xi măng theo cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”*.
205. UBND tỉnh Bình Phước (2018), *Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 “về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*.

206. UBND tỉnh Bình Phước (2018), *Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 “về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn kiểu mẫu thuộc phạm vi địa giới của 1 thôn, ấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2018-2020”*.
207. UBND tỉnh Bình Phước (2019), *Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 “về việc ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020”*.
208. UBND tỉnh Bình Phước (2019), *Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 30/9/2019 “về tổng kết phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2020”*.
209. UBND tỉnh Bình Phước (2019), *Báo cáo số 282/BC-UBND ngày 12/11/2019 “về tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”*.
210. UBND tỉnh Bình Phước (2019), *Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 “về việc Phê duyệt đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2019-2020 và định hướng đến năm 2030”*.
211. UBND tỉnh Bình Phước (2020), *Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 24/3/2020 “về tổng kết, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2021-2025”*.
212. Tỉnh ủy Bình Phước (2021), *Báo cáo số 125-BC/TU ngày 12/11/2021 “về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2022, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”*.
213. UBND tỉnh Bình Phước, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM (2015), *Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 29/7/2015 “về sơ kết*

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 tỉnh Bình Phước”.

214. UBND tỉnh Bình Phước, Liên minh HTX (2017), *Hướng dẫn số 01/HD-LMHTX ngày 12/7/2017 “về thực hiện tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020”.*
215. UBND tỉnh Bình Phước, Sở Công thương (2017), *Công văn số 1118/SCT-KH ngày 25/7/2017 “về việc hướng dẫn đánh giá, thẩm định, công nhận xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới đối với tiêu chí số 4 về điện và tiêu chí số 7 về hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh”.*
216. UBND tỉnh Bình Phước, Sở Giáo dục và Đào tạo (2017), *Công văn số 3440/SGDDT-VP ngày 30/8/2017 “về việc hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 5 và Tiêu chí số 14 về thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới”.*
217. UBND tỉnh Bình Phước, Sở Giao thông Vận tải (2017), *Công văn số 1012/SGTVT-KCHT ngày 24/8/2017 “về việc hướng dẫn chi tiết về lựa chọn kết cấu mặt đường cứng hóa trong đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”.*
218. UBND tỉnh Bình Phước, Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội (2017), *Công văn số 1030/SLĐTBXH-VP ngày 14/7/2017 “về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới”.*
219. UBND tỉnh Bình Phước, Sở Tài nguyên và Môi trường (2017), *Hướng dẫn số 1564/HD-STNMT ngày 18/7/2017 “về đánh giá, thẩm định và công nhận xã hoàn thành Tiêu chí 17 - Môi trường và An toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.*
220. UBND tỉnh Bình Phước, Sở Tư pháp (2017), *Công văn số 244/STP-PBGDPL ngày 20/4/2017 “về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”.*

221. UBND tỉnh Bình Phước, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2017), *Hướng dẫn số 874/HD-SVHTTDL ngày 25/4/2017 “về thực hiện Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa và Tiêu chí số 16 về văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới”*.
222. UBND tỉnh Bình Phước, Sở Xây dựng (2017), *Công văn số 1579/SXD-QH-KT ngày 17/7/2017 “về việc góp ý nội dung Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*.
223. UBND tỉnh Bình Phước, Sở Xây dựng (2017), *Hướng dẫn số 1640/SXD-QLN ngày 25/7/2017 “về đánh giá tiêu chí nhà ở dân cư (Tiêu chí số 9) theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*.
224. UBND tỉnh Bình Phước, Sở Y tế (2017), *Công văn số 1609/SYT-KHTC ngày 27/7/2017 “về việc hướng dẫn cụ thể thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh”*.
225. UBND tỉnh Bình Phước, Văn phòng điều phối xây dựng NTM (2021), *Báo cáo số 37/BC-VPĐP ngày 08/02/2021 “về báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021”*.
226. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2015), *Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH ngày 15/5/2015 “về điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập để thành lập mới huyện Phú Riềng”*.
227. Đỗ Đức Viêm (2014), *Quy hoạch xây dựng nông thôn mới*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
228. Hoàng Công Vũ (2021), *Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2020*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

229. Nguyễn Trường Vũ, Nguyễn Thị Minh Hiền (2018), “Phát triển sản xuất điều bền vững dưới góc nhìn người nông dân: Trường hợp tỉnh Bình Phước”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 21 (697), tr.131 - 134.
230. Wanshan Han (2021), *Obstacles and Countermeasures for the Development of Agricultural Electronic Commerce Under the Construction of New Countryside, Proceedings of the 2021 3rd International Conference on Economic Management and Cultural Industry (ICEMCI 2021)*, Atlantis Press, Netherlands, đường link: <https://www.atlantis-press.com/proceedings/icemci-21/125965987>, truy cập ngày 27/8/2023.
231. Đoàn Ngọc Xuân (2016), “Nâng cao hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Công sản*, (885), tr.45-49.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH PHƯỚC



Nguồn: Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Phước (2015), *Địa chí Bình Phước, tập 1*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.13

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	70%	50%	100%	70%	70%	70%	100%	50%
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100%	100% (50% cứng hóa)	100% cứng hóa	100% (70% cứng hóa)	100% (70% cứng hóa)	100% (50% cứng hóa)	100% cứng hóa	100% (30% cứng hóa)
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	65%	50%	100%	70%	70%	70%	100%	50%

		khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL								
7	Chợ nông thôn	Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Buru điện	8.1. Có điểm phục vụ buru chính viễn thông.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Có Internet đến thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	80%	75%	90%	80%	80%	75%	90%	70%

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của tỉnh	1,4 lần	1,2 lần	1,5 lần	1,4 lần	1,4 lần	1,3 lần	1,5 lần	1,3 lần
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	< 6%	10%	3%	5%	5%	7%	3%	7%

16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	85%	70%	90%	85%	85%	85%	90%	75%
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

B. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI: có 75% số xã trong huyện đạt nông thôn mới

C. TỈNH NÔNG THÔN MỚI: có 80% số huyện trong tỉnh đạt nông thôn mới.

Nguồn: Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới*

Phụ lục 3

NỘI DUNG SỬA ĐỔI 05 TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ)

A. XÃ NÔNG THÔN MỚI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
					Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
7	Chợ nông thôn	Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người)	Năm 2012	18	13	20	13	16	16	24	20
			Đến năm 2015	26	18	29	18	23	23	34	29
			Đến năm 2020	44	35	49	35	40	40	58	49
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động		≥90%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
15	Y tế	15.1 Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế		≥70%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

Nguồn: Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 về việc sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.*

Phụ lục 4
BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 01/11/2010
của UBND tỉnh Bình Phước)*

A. XÃ NÔNG THÔN MỚI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung theo QĐ 491	Tiêu chí áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước
I. QUY HOẠCH				
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	<p>1.1 Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ</p> <p>1.2 Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới</p> <p>1.3 Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp</p>	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				
2	Giao thông	<p>2.1 Tỷ lệ ki lô mét đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải</p> <p>2.2 Tỷ lệ ki lô mét đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải</p> <p>2.3 Tỷ lệ ki lô mét đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.</p> <p>2.4 Tỷ lệ ki lô mét đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện</p>	100 %	100 %
			70 %	50 %
			100 %	100 % cứng hóa
			65 %	100 %

3	Thủy lợi	3.1 Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt	Đạt
		3.2 Tỷ lệ ki lô mét trên nương do xã quản lý được kiên cố hóa	65 %	85 %
4	Điện	4.1 Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Đạt
		4.2 Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	98 %	99 %
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	80 %	100 %
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1 Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	Đạt	Đạt
		6.2 Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	100 %	100 %
7	Chợ nông thôn	Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	Đạt	Đạt
8	Bưu điện	8.1 Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt	Đạt
		8.2 Có Internet đến thôn	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1 Nhà tạm, dột nát	Không	Không
		9.2 Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	80 %	90 %
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT				
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của tỉnh	1,4 lần	1,5 lần
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	< 6 %	3 %
12	Cơ cấu lao động	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	< 30 %	20 %
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có	Có

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				
14	Giáo dục	14.1 Phổ cập giáo dục trung học	Đạt	Đạt
		14.2 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	85 %	90 %
		14.3 Tỷ lệ lao động qua đào tạo	> 35 %	> 40 %
15	Y tế	15.1 Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế	30 %	40 %
		15.2 Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Xã có từ 70 % số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	Đạt	Đạt
17	Môi trường	17.1 Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	85 %	90 %
		17.2 Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt	Đạt
		17.3 Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	Đạt
		17.4 Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt
		17.5 Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	Đạt
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1 Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt
		18.2 Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt
		18.3 Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt	Đạt
		18.4 Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt	Đạt
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt	Đạt

B. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI: Có 75 % số xã trong huyện đạt nông thôn mới.

C. TỈNH NÔNG THÔN MỚI: Có 80 % số huyện trong tỉnh đạt nông thôn mới.

(Nguồn: UBND tỉnh Bình Phước (2010), *Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 01/11/2010 về ban hành bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2020*)

Phụ lục 5
BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2010-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. XÃ NÔNG THÔN MỚI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ	Tiêu chí áp dụng đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên theo Công văn số 558/TTg-ĐP ngày 20/4/2009 và số 2089/TTg-ĐP ngày 03/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ	Tiêu chí áp dụng đối với các xã còn lại trên địa bàn tỉnh
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1/ Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2/ Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới			
		1.3/ Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp			

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1/ Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải	100 %	100%	100 %
		2.2/ Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải	70 %	70%	50 %
		2.3/ Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100 %	100% (50% cứng hóa)	100 % cứng hóa
		2.4/ Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	65 %	70%	100 %
3	Thủy lợi	3.1/ Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2/ Tỷ lệ km trên nương do xã quản lý được kiên cố hóa	65 %	45%	85 %
4	Điện	4.1/ Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2/ Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	98 %	98%	99 %
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	80 %	70%	100 %

6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.2/ Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3/ Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	100 %	100%	100 %
7	Chợ nông thôn	Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
8	Bưu điện	8.1/ Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2/ Có Internet đến thôn	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1/ Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không
		9.2/ Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	80 %	75%	90 %

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người)	Năm 2012	18	16
			Đến năm 2015	26	23
			Đến năm 2020	44	40
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	< 6 %	7%	3 %
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động	>=90 %	Đạt	Đạt
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có	Có	Có

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục	14.1/ Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2/ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	85 %	70%	90 %
		14.3/ Tỷ lệ lao động qua đào tạo	> 35 %	>20	> 40 %
15	Y tế	15.1/ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	>=70%	Đạt	Đạt
		15.2/ Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường	17.1/ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	85 %	85%	90 %
		17.2/ Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt	Đạt	Đạt
		17.3/ Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4/ Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5/ Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ					
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1/ Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2/ Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3/ Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4/ Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt	Đạt	Đạt

B. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI: có 75 % số xã trong huyện đạt nông thôn mới

C. TỈNH NÔNG THÔN MỚI: có 80 % số huyện trong tỉnh đạt nông thôn mới.

Nguồn: UBND tỉnh Bình Phước (2013), *Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước*

Phụ lục 6

BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020*(Ban hành kèm Quyết định số 1980-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)***I. QUY HOẠCH**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hong	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã [1] được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hong	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính kết nối của hệ thống giao thông trên địa bàn							

	<p>tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm</p>	
	<p>2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm</p>	
	<p>2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa</p>	
	<p>2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm</p>	

3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng đảm bảo mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu và hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa phát triển bền vững							
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥98%	≥95%	≥99%	≥98%	≥98%	≥98%	≥99%	≥98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥80%	≥70%	100%	≥80%	≥80%	≥70%	100%	≥70%

6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định]								
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							

8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của các tổ chức và cộng đồng từng xã							
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet								
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn								
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành								
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 80\%$	$\geq 75\%$	$\geq 90\%$	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$	$\geq 75\%$	$\geq 90\%$	$\geq 70\%$

19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

[1] Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

[2] Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

[3] Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

Nguồn: Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1980-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020*

Phụ lục 7
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
GIẢI ĐOẠN 2016-2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của
 UBND tỉnh Bình Phước)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Xã Khu vực I	Xã Khu vực II	Xã Khu vực III
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ đạt theo từng nhóm xã	100%	100%	100%
		2.2. Đường trục thôn, ấp, sóc và đường liên thôn, sóc, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		100%	≥85%	≥70%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa. Trong đó, cứng hóa đạt tỷ lệ theo từng nhóm xã		100%	≥75%	≥50%
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm		100%	≥85%	≥70%

3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1/ Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2/ Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$
		4.3/ Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính trên tổng km đường nhựa, đường BTXM của xã)	Tỷ lệ đạt theo từng nhóm xã	$\geq 10\%$	$\geq 7\%$	$\geq 5\%$
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	$\geq 80\%$	100%	$\geq 85\%$	$\geq 70\%$
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, sóc, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%	100%

7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1/ Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥ 80%	≥ 90%	≥ 82,5%	≥ 75%
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥45	Năm 2016: ≥39 Năm 2017: ≥44 Năm 2018: ≥49 Năm 2019: ≥54 Năm 2020: ≥59	Năm 2016: ≥33,0 Năm 2017: ≥37,5 Năm 2018: ≥42,0 Năm 2019: ≥46,0 Năm 2020: ≥50,0	Năm 2016: ≥27 Năm 2017: ≥31 Năm 2018: ≥35 Năm 2019: ≥38 Năm 2020: ≥41.
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016- 2020	Đạt theo từng nhóm xã (%), theo từng năm	Năm 2016: ≤ 3,0 Năm 2017: ≤2,5 Năm 2018: ≤2,0 Năm 2019: ≤ 1,5 Năm 2020: ≤1,0	Năm 2016: ≤ 10 Năm 2017: ≤ 8 Năm 2018: ≤ 6 Năm 2019: ≤ 5 Năm 2020: ≤ 4	Năm 2016: ≤15 Năm 2017: ≤12 Năm 2018: ≤10 Năm 2019: ≤ 8 Năm 2020: ≤ 7

12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90 %	≥90%	≥90%	≥90%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2/ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	≥ 85%	≥90%	≥ 80%	≥ 70%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥40%	≥45	≥35%	≥25%
15	Y tế	15.1/ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%	Năm 2016: > 75% Năm 2017: > 78% Năm 2018: > 82,2% Năm 2019: > 86,2% Năm 2020: > 90%		
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤21,8%	≤ 16%	≤22,85%	≤31,4%

16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, sóc, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	> 70%	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥95% (≥60% nước sạch)	≥ 98% (≥65% nước sạch)	≥ 96,5% (≥57,5% nước sạch)	≥ 95% (≥50% nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch, đảm bảo giá trị văn hóa, truyền thống của từng dân tộc, điều kiện thực tế xã, cụm xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 85%	≥ 90%	≥ 80%	≥70%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥70%	≥ 80%	≥ 70%	≥ 60%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%	100%

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	An ninh và Quốc phòng	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các điều 93, 95, 96; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các điều 104, 111, 112, 113, 114, 133, 134, 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

Ghi chú:

- Xã khu vực I, II, III theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc (Chính Phủ); Xã Khu vực III bao gồm những xã theo quy định của Ủy ban Dân tộc và những xã được hưởng chính sách theo như Tây Nguyên.
- Mục 1.1 - Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn;
- Mục 3.1 - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động là diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu nước kịp thời, đảm bảo cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường (ví dụ: cây cao su, điều không cần tưới tiêu chủ động thì vẫn phát triển bình thường)
- Mục 6.2 - Điềm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.
- Mục 17.6 - Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

Nguồn: UBND tỉnh Bình Phước (2017), *Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020.*

Phụ lục 8**BỘ TIÊU CHÍ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GIAI ĐOẠN 2018-2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 08/8/2018
của UBND tỉnh Bình Phước)*

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt
I. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn, ấp, sóc và đường liên thôn, sóc, ấp được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%
		1.2. Đường ngõ, xóm sạch và cứng hóa.	100%
		1.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	$\geq 90\%$
2	Điện	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính trên tổng km đường nhựa, đường BTXM của xã).	$\geq 55\%$.
3	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	100%
4	Cơ sở vật chất văn hóa	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả.	100%
II. PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN			
5	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Cao gấp 1,2 lần trở lên so với mức đạt tại Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017

6	Phát triển sản xuất, xúc tiến thương mại, ngành nghề nông thôn	6.1. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đạt
		6.2. Thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực của xã.	Đạt
		6.3. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.	Đạt
		6.4. Có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Hoặc mô hình “Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm - OCOP”	Đạt
		6.5. Có hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng.	Đạt
		6.6. Hộ sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã ký cam kết và thực hiện đúng cam kết: không lạm dụng hóa chất hoặc sử dụng chất cấm trong sản xuất; không có hộ sản xuất, kinh doanh các mặt hàng vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước	Đạt
7	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (<i>trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo</i>)	Giảm từ 0,5 lần trở xuống so với mức đạt tại Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017
III. GIÁO DỤC - Y TẾ - VĂN HÓA			
8	Giáo dục và Đào tạo	8.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở mức độ 3	Đạt
		8.2. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 70%
		8.3. 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế chính sách của nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp.	Đạt

9	Y tế	9.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	$\geq 90\%$
		9.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$< 20\%$
		9.3. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch, không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người	Đạt
10	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, ấp đạt tiêu chuẩn thôn, ấp văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	$\geq 90\%$
IV	CẢNH QUAN - MÔI TRƯỜNG		
11	Môi trường và an toàn thực phẩm	11.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	100% hợp vệ sinh ($\geq 70\%$ nước sạch)
		11.2. Có ít nhất một mô hình phân loại rác thải tại nguồn; rác thải phải được thu gom, giải quyết triệt để.	Đạt
		11.3. Thực hiện hiệu quả hoạt động bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.	
		11.4. Các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi, trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	
		11.5. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 90\%$
		11.6. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn.	Đạt
V.	AN NINH TRẬT TỰ - HÀNH CHÍNH CÔNG		
12	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	12.1. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định.	Đạt
		12.2. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.	Đạt
		12.3. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã.	$\geq 90\%$

13	Quốc phòng và An ninh	13.1. Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng.	Đạt
		13.2. An ninh, trật tự xã hội được giữ vững; xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự.	Đạt
VI. KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU			
14	Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu	Có ít nhất một Khu dân cư Nông thôn mới kiểu mẫu phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa, xã hội đặc thù của địa phương và nhu cầu của cộng đồng dân cư trên địa bàn xã được UBND cấp huyện công nhận (Có Quyết định ban hành riêng)	Đạt

Ghi chú:

1. Tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn NTM nâng cao của tỉnh để các xã đạt chuẩn NTM làm cơ sở để tiếp tục giữ vững, duy trì và nâng cao các tiêu chí đã đạt nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững.

2. Tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn NTM nâng cao của tỉnh chỉ xác định những tiêu chí, chỉ tiêu mới hoặc yêu cầu đạt ở mức độ cao hơn trong Bộ tiêu chí xã NTM theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020. Do đó, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, ngoài việc đạt được các tiêu chí, chỉ tiêu này, phải đảm bảo duy trì đạt các tiêu chí và chỉ tiêu khi được công nhận xã đạt chuẩn NTM.

Nguồn: UBND tỉnh Bình Phước (2018), *Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước*

Phụ lục 9
BỘ TIÊU CHÍ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN KIỂU MẪU THUỘC
PHẠM VI ĐỊA GIỚI CỦA 01 THÔN, ÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2018-2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 13/11/2018
của UBND tỉnh Bình Phước)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn, liên thôn	
		- Tỷ lệ km đường được cứng hóa đạt chuẩn tối thiểu cấp C (nền đường rộng tối thiểu 3m; mặt đường rộng tối thiểu 2m)	100%
		- Có bố trí đầy đủ biển báo hiệu đường bộ theo đúng quy chuẩn hiện hành	Đạt
		- Tỷ lệ km đường có mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	100%
		- Tỷ lệ đường có cây xanh, cây bóng mát hoặc cây có hoa hai bên đường	≥ 80%
		1.2. Đường ngõ, xóm	
		- Tỷ lệ km đường được cứng hóa đạt chuẩn tối thiểu cấp D (nền đường rộng tối thiểu 2m; mặt đường rộng tối thiểu 1,5m)	≥ 90%
2	Điện	2.1. Hệ thống điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện (Trạm biến áp, lưới điện hạ áp, công tơ, đường dây vào hộ gia đình đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, điện áp ổn định trong giới hạn cho phép)	Đạt
		2.2. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn	100%
		2.3. Tỷ lệ km đường trục chính của thôn, xóm có hệ thống điện chiếu sáng	≥ 70%
		3.1. Vườn, rẫy	
3	Vườn, rẫy, nhà ở hộ gia đình	- Vườn, rẫy được chỉnh trang phù hợp, sạch sẽ, thông thoáng	≥ 80%
		- Đất vườn, rẫy được canh tác các loại cây trồng thích hợp, hiệu quả, cho sản phẩm hàng hóa, có thu nhập; có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất; bố trí cảnh quan đẹp, hài hòa	≥ 80%
		- Vệ sinh môi trường sạch đẹp; sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Đạt

		3.2. Nhà ở và công trình phụ trợ	
		- Tỷ lệ nhà ở dân cư đảm bảo “03 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng)	100%
		- Diện tích ở đạt tối thiểu từ 10m ² / người trở lên (diện tích tối thiểu một căn nhà từ 24m ² trở lên; đối với hộ đơn thân diện tích tối thiểu một căn nhà từ 18m ² trở lên)	Đạt
		- Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên	Đạt
		- Các công trình phụ trợ (bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi...) phải bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt	Đạt
		- Kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc, vùng miền	Đạt
		3.3. Hàng rào, cổng ngõ	
		Tỷ lệ hộ có hàng rào (hàng rào bằng cây xanh, trồng hoa hoặc được xây dựng bằng các loại vật liệu khác); cổng ngõ được xây dựng, sửa sang đẹp, hài hòa với phong cảnh của làng quê	≥ 90%
4	Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn	4.1. Nhà văn hóa thôn, ấp	
		- Nhà văn hóa thôn, ấp đảm bảo đủ chỗ cho nhu cầu hội họp, sinh hoạt của thôn (tối thiểu 100 chỗ ngồi); có đủ bàn ghế và trang thiết bị khác phục vụ sinh hoạt, hội họp	Đạt
		- Khuôn viên nhà văn hóa có trồng hoa, cây cảnh, sạch đẹp	Đạt
		- Có công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn	Đạt
		- Thu hút người dân tham gia các hoạt động thường xuyên tại Nhà văn hóa thôn, ấp	≥ 20%
		- Hệ thống loa truyền thanh đảm bảo chuyển tải được thông tin hàng ngày đến các hộ gia đình trong thôn	Đạt
		4.2. Khu thể thao thôn	
		- Có Khu thể thao hoặc sân bóng chuyền, bóng đá, cầu lông... phục vụ nhu cầu thể thao của nhân dân	Đạt
		- Có một số dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương	Đạt
		- Thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên	≥ 20%
5	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm của Khu dân cư cao hơn từ 20% trở lên so với thu nhập bình quân đầu người/năm của xã	Đạt

6	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (Không tính hộ nghèo Bảo trợ xã hội, hộ nghèo do bệnh hiểm nghèo, hộ nghèo do tai nạn rủi ro bất khả kháng) còn dưới 1%	Đạt
7	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	7.1. Văn hóa	Đạt
		- Thôn, ấp được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn, ấp Văn hóa” liên tục tối thiểu 3 năm	Đạt
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa	≥ 90%
		- Tỷ lệ người dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương; hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	100%
		- Người dân ứng xử văn hóa, văn minh lịch sự; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc	Đạt
		7.2. Giáo dục	Đạt
		- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình Tiểu học vào học lớp 6 THCS	100%
		- Không có học sinh bỏ học, không có học sinh hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật	Đạt
		7.3. Y tế	Đạt
		- Không phát sinh đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm xét công nhận	Đạt
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	≥ 90%		
8	Vệ sinh môi trường	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	100% (80% nước sạch)
		8.2. Đường làng, ngõ xóm xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động sản xuất, chăn nuôi làm ô nhiễm môi trường.	Đạt
		8.3. Có hệ thống mương thoát nước thải chung của khu dân cư đảm bảo vệ sinh hoặc hộ xử lý tự thấm, không gây ô nhiễm môi trường	Đạt
		8.4. Có dịch vụ vệ sinh môi trường và 100% hộ gia đình tham gia dịch vụ vệ sinh môi trường	Đạt
		8.5. 100% hộ gia đình có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường khu dân cư, không vứt rác bừa bãi	Đạt
		8.6. Định kỳ 01 lần/quý tổ chức làm vệ sinh chung đường làng, ngõ xóm, nhà văn hóa, khu thể thao thôn, phát dọn hàng rào, cây xanh ven đường	Có

9	Hệ thống chính trị, An ninh, trật tự xã hội	9.1. Chi bộ thôn, ấp đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh	Đạt
		9.2. Có đủ các tổ chức đoàn thể - chính trị xã hội ở thôn, ấp và các tổ chức này hoạt động có hiệu quả	Đạt
		9.3. Thôn, ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” liên tục từ 03 năm trở lên theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự	Đạt
		9.4. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và các hành vi vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm liên tục so với năm trước; không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trong năm xét công nhận	Đạt
10	Ý thức công dân	10.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm pháp luật, quy ước, hương ước của địa phương; không có cá nhân bị phê bình, cảnh cáo trước nhân dân	100%
		10.2. Tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động cộng đồng do địa phương, đoàn thể phát động	≥ 80%
		10.3. Đóng góp các loại quỹ đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian	100%

Nguồn: UBND tỉnh Bình Phước (2018), *Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn kiểu mẫu thuộc phạm vi địa giới của 1 thôn, ấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2018-2020*

Phụ lục 10
NGUỒN VỐN ĐƯỢC HUY ĐỘNG TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2015
VÀ GIAI ĐOẠN 2016-2020

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Trong đó		Tăng thêm
		Giai đoạn 2011 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2020	
1	Ngân sách Trung ương	247.246	557.500	225,5%
2	Ngân sách địa phương	272.936	3.178.047	1.164,4%
3	Vốn lồng ghép	333.931	1.950.196	584%
4	Vốn tín dụng	4.542.951	56.371.700	1.240,9%
5	Nhân dân đóng góp	220.998	459.437	207,9%
6	Doanh nghiệp đóng góp	231.804	156.316	67,4%
Tổng cộng		5.849.866	62.670.196	1.071,3%

Nguồn: UBND tỉnh Bình Phước, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM (2015), Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 29/7/2015 về sơ kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 tỉnh Bình Phước, tr.4 và UBND tỉnh Bình Phước (2020), Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 24/3/2020 về tổng kết, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2021-2025, tr.9-10

Phụ lục 11
SO SÁNH SỐ LƯỢNG CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẠT CÁC
TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2015 VÀ 2016-2020

Đơn vị tính: Xã

TT	Tiêu chí	Trong đó	
		Giai đoạn 2011 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2020
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch (Quy hoạch)	92/92	90/90
2	Giao thông	03/92	62/90
3	Thủy lợi	71/92	90/90
4	Điện	47/92	82/90
5	Trường học	03/92	61/90
6	Cơ sở vật chất văn hóa	20/92	71/90
7	Chợ nông thôn (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn)	35/92	86/90
8	Bru điện (Thông tin và truyền thông)	92/92	90/90
9	Nhà ở dân cư	24/92	70/90
10	Thu nhập	42/92	70/90
11	Hộ nghèo	60/92	78/90
12	Tỉ lệ lao động có việc làm thường xuyên (Lao động có việc làm)	60/92	89/90
13	Hình thức tổ chức sản xuất (Tổ chức sản xuất)	35/92	82/90
14	Giáo dục (Giáo dục và đào tạo)	74/92	87/90
15	Y tế	70/92	86/90
16	Văn hóa	44/92	87/90
17	Môi trường (Môi trường và an toàn thực phẩm)	42/92	79/90
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh (Hệ chính trị và tiếp cận pháp luật)	68/92	89/90
19	An ninh, trật tự xã hội (An ninh và Quốc phòng)	76/92	90/90

Nguồn: UBND tỉnh Bình Phước, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM (2015), Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 29/7/2015 về sơ kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 tỉnh Bình Phước và UBND tỉnh Bình Phước, Văn phòng điều phối xây dựng NTM (2021), Báo cáo số 37/BC-VPĐP ngày 08/02/2021 về báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

Phụ lục 12

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**



Kênh mương nội đồng ở xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh
Nguồn: Báo Bình Phước online



Đường bê tông nông thôn tại thôn 1, xã Long Tân,
huyện Phú Riềng
Nguồn: Nghiên cứu sinh



Khuôn viên Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến,
xã Bù Nho, huyện Phú Riềng
Nguồn: Nghiên cứu sinh



Nhà văn hóa ấp Bù Xăng, xã Thuận Phú,
huyện Đồng Phú
Nguồn: Báo Bình Phước online



Trao bò giống cho các hộ nghèo tại xã Long Tân,
huyện Phú Riềng
Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Phước



Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh và
Vietcombank Bình Phước trao quyết định bàn giao
nhà đại đoàn kết cho 5 hộ dân ở sóc Ông La, thôn 10,
xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng
Nguồn: Báo Bình Phước online



Lãnh đạo tỉnh Bình Phước thăm mô hình trồng rau công nghệ cao của HTX Nguyên Khang Garden, huyện Phú Riềng
Nguồn: Facebook HTX Nguyên Khang Garden



Thu hoạch điều ở Bình Phước
Nguồn: Báo Bình Phước online



Sản phẩm hạt điều của Công ty cổ phần Hà My đạt tiêu chuẩn OCOP 5 sao
 Nguồn: Chuyên trang của Tạp chí Làng nghề Việt Nam



Khai giảng lớp dạy nghề cho lao động nông thôn
 Nguồn: Cổng thông tin điện tử Hội Nông dân tỉnh Bình Phước



Anh nông dân Phạm Sáng với chiếc máy trồng mì, năm 2013
Nguồn: Báo Bình Phước online



Bộ trưởng Bộ Nông, Lâm và Ngư nghiệp Campuchia
thăm vườn ươm điều của Trung tâm Dạy nghề và
Hỗ trợ Nông dân Tỉnh
Nguồn: Cổng thông tin điện tử Hội Nông dân tỉnh Bình Phước



Hội chợ trâu ở huyện Hớn Quản
 Nguồn: Báo Bình Phước online



Cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng Bù Đốp tuyên truyền, vận động công nhân Trung đoàn 717, Binh đoàn 16 không vi phạm pháp luật, chủ động phối hợp với đồn biên phòng tấn công, trấn áp tội phạm, bảo vệ an ninh biên giới
 Nguồn: Báo Bình Phước online